

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH HÀ NAM

KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH
HÀ NAM
PHIÊN BẢN 1.0

Hà Nam, năm 2017

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH HÀ NAM

-----***-----

KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH

HÀ NAM

PHIÊN BẢN 1.0

Đơn vị tư vấn

Trung tâm Tư vấn nghiệp vụ và hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư CNTT
Giám đốc

Sở Thông tin và Truyền thông
Tỉnh Hà Nam

Đào Hải Anh

Hà Nam, năm 2017

MỤC LỤC

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH HÀ NAM	12
4.1. Tính sự cần thiết.....	12
4.2. Căn cứ pháp lý.....	12
II. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG.....	13
2.1. Mục đích xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam	13
2.1.1. Mục đích chung	13
2.1.2. Mục đích cụ thể.....	14
2.2. Phạm vi áp dụng.....	14
III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TẠI TỈNH HÀ NAM	15
1. Kênh truy cập dịch vụ hành chính công của tỉnh Hà Nam.....	15
2. Dịch vụ Cổng.....	15
3. Dịch vụ công trực tuyến.....	24
4. Ứng dụng và cơ sở dữ liệu	139
a) Ứng dụng cấp tỉnh	139
b) Ứng dụng nội bộ.....	146
c) Cơ sở dữ liệu đang sử dụng trong tỉnh.	152
d) Ứng dụng cấp quốc gia.....	162
e) Ứng dụng tổng hợp, báo cáo.....	169
5. Dịch vụ chia sẻ và tích hợp	169
6. Hạ tầng kỹ thuật.....	169
a) Máy tính và mạng LAN.....	169
b) Trung tâm tích hợp dữ liệu	169
c) Mạng WAN, mạng truyền số liệu.....	170
d) Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.....	170
7. Tổ chức, nhân lực, đào tạo.....	171

8. Xây dựng môi trường pháp lý, chính sách về ứng dụng CNTT.....	171
9. Phân tích những điểm tồn tại trong việc ứng dụng công tin nghệ thông tại tỉnh Hà Nam.....	173
IV. ĐỊNH HƯỚNG KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH HÀ NAM	175
4.1. Định hướng phát triển kinh tế xã hội của Quốc gia	175
4.1.1. Về kinh tế.....	175
4.1.2. Về xã hội.....	177
4.2. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh Hà Nam	180
4.2.1. Quan điểm phát triển theo hướng bền vững.	180
4.2.2. Mục tiêu phát triển.....	181
4.2.3. Giải pháp chủ yếu.	182
4.2.4. Ứng dụng CNTT trong việc thực hiện những mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.	191
4.3. Tầm nhìn, định hướng phát triển chính quyền điện tử trong phát triển của tỉnh Hà Nam.....	191
4.3.1. Phù hợp với tầm nhìn định hướng của quốc gia về chính phủ điện tử. ...	191
4.3.2. Tầm nhìn định hướng của phát triển chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam.	193
4.4. Lợi ích trong việc triển khai Chính quyền điện tử.....	198
4.5. Các nguyên tắc xây dựng Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam	200
V. MÔ HÌNH LIÊN THÔNG NGHIỆP VỤ, THÔNG TIN TỈNH HÀ NAM....	202
5.1. Sơ đồ tổ chức mức tổng quan Chính quyền tỉnh Hà Nam.....	202
5.1.1. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong cơ quan tại tỉnh Hà Nam.....	203
5.1.2. Sơ đồ mối quan hệ nghiệp vụ các cấp chính quyền tỉnh Hà Nam.....	213
5.1.3. Căn cứ pháp lý lựa chọn TTHC liên thông tỉnh Hà Nam.....	216
5.1.4 Tiêu chí lựa chọn TTHC liên thông ưu tiên triển khai trong Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam.....	217
5.2 Mô hình liên thông nghiệp vụ giữa các cơ quan.....	218

5.2.1 Phân tích mô hình liên thông nghiệp vụ.....	278
5.2.2 Mối quan hệ giữa các cơ quan trong việc xử lý quy trình thủ tục hành chính	284
5.2.3 Mối quan hệ về dịch vụ giữa các cơ quan	289
5.2.4 Giải pháp định hướng tin học hóa mô hình nghiệp vụ liên thông	294
5.3 Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh Hà Nam.....	326
VI. KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH HÀ NAM.....	332
6.1. Sơ đồ tổng thể Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam	332
6.1.1. Người sử dụng	332
6.1.2. Kênh truy cập.....	333
6.1.3. Dịch vụ cổng thông tin điện tử	333
6.1.4. Dịch vụ công trực tuyến:.....	335
6.1.5. Ứng dụng và cơ sở dữ liệu.....	335
6.1.6. Các dịch vụ chia sẻ và tích hợp	336
6.1.7. Hạ tầng kỹ thuật	336
6.1.8. Quản lý chi đạo	336
6.1.9. Mối quan hệ với các thành phần liên quan trong Khung kiến trúc CPĐT của Việt Nam.....	337
6.2. Nền tảng triển khai Chính quyền điện tử cấp tỉnh (LGSP)	339
6.2.1. Sự cần thiết phải phát triển LGSP	339
6.2.2. Các thành phần thuộc LGSP của tỉnh Hà Nam.....	347
6.2.3. Minh họa mô hình trao đổi thông tin qua LGSP	371
6.2.4. Mô tả sơ bộ phương thức kết nối ra bên ngoài	382
6.3. Các thành phần chi tiết của chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam	384
6.3.1. Người sử dụng	384
6.3.2. Kênh truy cập.....	385
6.3.3. Dịch vụ cổng.....	385
6.3.4. Dịch vụ công trực tuyến.....	387

6.3.5. Ứng dụng và Cơ sở dữ liệu.....	431
6.3.6. Dịch vụ chia sẻ và tích hợp.....	468
6.3.7. Hạ tầng kỹ thuật.....	472
6.3.8. Chỉ đạo, tổ chức, chính sách.....	482
6.4. Các yêu cầu về kỹ thuật và nghiệp vụ đối với các thành phần trong Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam	484
6.4.1. Các yêu cầu về nghiệp vụ	485
6.4.2. Các yêu cầu về kỹ thuật.....	486
6.5. Các yêu cầu đối với các thành phần kiến trúc ở mức logic của kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam và đề xuất giải pháp triển khai	490
6.6. Nguyên tắc và minh họa trong việc triển khai các ứng dụng chính quyền điện tử trên nền tảng chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.	494
6.6.1. Các nguyên tắc cần tuân thủ trong kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam	494
6.6.2. Minh họa việc khai các ứng dụng chính quyền điện tử trên nền tảng chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam	497
6.7. Các tiêu chuẩn CNTT áp dụng cho Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam	501
6.7.1. Tuân thủ các văn bản hướng dẫn về tiêu chuẩn, quy chuẩn	501
6.7.2. Các tiêu chuẩn áp dụng trong LGSP.....	502
6.8. Lộ trình triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam	506
6.8.1. Phân tích khoảng cách khi triển khai Kiến trúc Hà Nam so với hiện tại, đề xuất dự án.....	506
6.8.2. Kinh phí triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.....	513
6.8.3. Sơ bộ hiệu quả việc triển khai chính phủ điện tử dựa trên kiến trúc	514
VII. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TẠI TỈNH HÀ NAM.	515
7.1. Danh mục các văn bản do nhà nước ban hành để triển khai kiến trúc chính quyền điện tử cấp Tỉnh.	515
7.2. Mô tả sơ bộ về tổ chức quản lý vận hành kiến trúc.	516

7.3. Trách nhiệm của Sở thông tin và truyền thông.....	517
7.4. Trách nhiệm của các đơn vị khác trong tỉnh Hà Nam.....	518
7.4.1. Sở Nội vụ.....	518
7.4.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.....	518
7.4.3. Sở Tài Chính.....	519
7.4.4. Sở Khoa học và Công nghệ.....	519
7.4.5. Sở Xây dựng, Sở Tài Nguyên và Môi trường.....	519
7.4.6. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội.....	519
7.4.7. Các sở, ban, quận/huyện, xã/phường nói chung trong Tỉnh.....	519
7.4.8. Các đơn vị khác.....	520

MỤC LỤC HÌNH

Hình 1: kiến trúc ứng dụng “Giải pháp chính phủ điện tử của VNPT”	140
Hình 2: Sơ đồ tổ chức tổng thể Chính quyền tỉnh Hà Nam.....	202
Hình 3: Sơ đồ mối quan hệ nghiệp vụ trong tỉnh Hà Nam	213
Hình 4: Sơ đồ mối quan hệ nghiệp vụ giữa các Sở/Ban/Ngành trong tỉnh	214
Hình 5: Sơ đồ mối quan hệ nghiệp vụ của các cơ quan cấp TP/Huyện.....	215
Hình 6: Sơ đồ mối quan hệ nghiệp vụ của cấp Xã/Phường.....	216
Hình 7: Quy trình nghiệp vụ hiện tại thủ tục Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.....	281
Hình 8: Quy trình nghiệp vụ tương lai của thủ tục Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	282
Hình 9: Các bước xử lý quy trình 1 thủ tục hành chính	313
Hình 10: Sơ đồ tổng thể kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam	332
Hình 11: Mô hình cung cấp dịch vụ Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam trên nền tảng LGSP	347
Hình 12: Kiến trúc tham chiếu cho các giải pháp SOA.....	351
Hình 13: Sự tương tác điển hình giữa các phân lớp trong kiến trúc tham chiếu SOA.....	355
Hình 14: Danh mục dịch vụ dùng chung SOA.....	358
Hình 15: Sự tương đồng giữa các phân nhóm dịch vụ và các phân lớp kiến trúc trong kiến trúc tham chiếu SOA	363
Hình 16: Các thành phần chính của LGSP Hà Nam theo Kiến trúc tham chiếu SOA.....	364
Hình 17: Mô tả chung các bước thực hiện quy trình xử lý.....	376
Hình 18: Mô hình BPMN quy trình xử lý hiện tại	377
Hình 19: Mô hình thực hiện thủ tục Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.....	378
Hình 20: Minh họa luồng thông tin sẽ đi qua các thành phần của LGSP.....	379
Hình 21: Mô tả sơ bộ phương án kết nối giữa LGSP Hà Nam với NGSP và các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh Hà Nam.....	383
Hình 22: Mô hình nghiệp vụ của CQĐT cấp tỉnh	388
Hình 23: Mô hình nghiệp vụ thanh toán trực tuyến của dịch vụ công mức 4	431
Hình 24: Mô hình dữ liệu mức khái niệm của tỉnh Hà Nam	461

Hình 25: Tổng quan cơ sở dữ liệu Hà Nam.....	462
Hình 26: Quản lý vòng đời dữ liệu.....	463
Hình 27: Mô hình tổng thể lưu dữ liệu vào Kho dữ liệu.....	466
Hình 28 : Mô hình mạng tổng thể Hà Nam.....	472
Hình 29: Mô hình mạng điển hình một cơ quan.....	474
Hình 30 : Mô hình nhà trạm cơ bản.....	475
Hình 31: Mô hình tổng quan triển khai trung tâm dữ liệu Hà Nam.....	477
Hình 32: Cơ cấu tổ chức, chỉ đạo, chính sách Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam.....	483
Hình 33: Minh họa việc khai các ứng dụng chính quyền điện tử trên nền tảng chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.....	497
Hình 34: Quy trình tổ chức quản lý, vận hành kiến trúc Chính quyền điện tử Tỉnh Hà Nam.....	516

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Bảng hiện trạng công thông tin điện tử tỉnh Hà Nam	17
Bảng 2: Dịch vụ công mức độ 3	24
Bảng 3: 13 dịch vụ công mức độ 4	136
Bảng 4: Tình hình xử lý hồ sơ qua trang motcua.hanam.gov.vn.....	141
Bảng 5: Bảng tổng hợp các phần mềm và ứng dụng đang triển khai tại tỉnh Hà Nam	147
Bảng 6: Bảng tổng hợp các cơ sở dữ liệu đang triển khai tại tỉnh Hà Nam	152
Bảng 7: Hệ thống triển khai từ trung ương xuống địa phương	162
Bảng 8: Bảng cơ cấu tổ chức các cơ quan tại Hà Nam	203
Bảng 9: Danh sách thủ tục hành chính ưu tiên triển khai trong Kiến trúc CQĐT Hà Nam phiên bản 1.0	218
Bảng 10: Danh sách dịch vụ công tỉnh Hà Nam thỏa mãn Quyết định 1819/QĐ-TTG.....	275
Bảng 11: Quy trình thủ tục Thủ tục Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.....	279
Bảng 12: Bảng Mối quan hệ giữa các cơ quan trong việc xử lý các quy trình thủ tục hành chính	284
Bảng 13: Mối quan hệ trong việc cung cấp, khai thác các dịch vụ	290
Bảng 14: Bảng tổng hợp các thông tin chính trao đổi trong mỗi TTHC.....	295
Bảng 15: Bảng yêu cầu tin học hóa và trao đổi thông tin của mỗi thủ tục hành chính	297
Bảng 16: Các quy trình dùng chung	314
Bảng 17: Bảng tần suất trao đổi của các thông tin chính trong các thủ tục hành chính đại diện	326
Bảng 18: Danh mục CSDL dùng chung của tỉnh	330
Bảng 19: Mối quan hệ giữa các thành phần trong Kiến trúc CQĐT Hà nam và Khung kiến trúc CPĐT của Việt Nam.....	337
Bảng 20: Danh sách các thủ tục hành chính liên thông, tích hợp về quy trình, dữ liệu	342
Bảng 21: Bảng Ánh xạ đáp ứng của Kiến trúc tham chiếu SOA đối với kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh.....	356
Bảng 22: Bảng ánh xạ các thành phần trong LGSP đề xuất của Tỉnh Hà Nam đáp ứng 10 thành phần tiêu biểu theo hướng dẫn tại Công văn số 1178/BTTTT-THH.....	366
Bảng 23: Quy trình hiện tại thực hiện Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh...372	

Bảng 24: Bảng dịch vụ công trực tuyến	388
Bảng 25: Bảng dịch vụ công trực tuyến 3,4 sẽ triển khai trong tương lai phân chia theo nhóm	437
Bảng 26: Ứng dụng nghiệp vụ Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam	441
Bảng 27: Ứng dụng Hỗ trợ chính quyền Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam.....	447
Bảng 28: Ứng dụng kỹ thuật dùng chung Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam	451
Bảng 29: Ảnh xạ với thành phần Ứng dụng và CSDL theo công văn số 1178/BTTTT-THH	459
Bảng 30: Danh sách CSDL dùng chung đề xuất cho tỉnh Hà Nam.....	467
Bảng 31: Danh mục các dịch vụ chia sẻ và tích hợp.....	468
Bảng 32: Danh sách các dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin và dữ liệu các nhóm TTHC có thủ tục liên thông và các ứng dụng có kết nối đến LGSP:	469
Bảng 33: Các yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với các thành phần trong kiến trúc.....	487
Bảng 34: Các yêu cầu đối với các thành phần kiến trúc ở mức logic và đề xuất giải pháp triển khai	490
Bảng 35: Danh sách các tiêu chuẩn khuyến nghị áp dụng trong LGSP	502
Bảng 36: Danh mục công việc triển khai kiến trúc	508
Bảng 37: Vai trò của các cơ quan tham gia triển khai Kiến trúc.....	511
Bảng 38: Kinh phí triển khai kiến trúc CQĐT Hà Nam.....	513

Lời mở đầu

Báo cáo này được xây dựng bởi Trung tâm Tư vấn nghiệp vụ và hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư công nghệ thông tin. Các kết quả nêu trong báo cáo chưa được công bố tại bất kỳ một báo cáo nào khác do đơn vị khác làm. Các trích dẫn và ví dụ đưa ra đảm bảo tính chính xác, trung thực.

Bất kỳ sự trích dẫn, sao chép nội dung toàn bộ hoặc một phần của báo cáo này dưới mọi hình thức là đều bị nghiêm cấm nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Trung tâm Tư vấn nghiệp vụ và hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư công nghệ thông tin.

TỪ VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Từ và thuật ngữ viết tắt	Giải thích
CNTT	Công Nghệ Thông Tin
CSDL	Cơ Sở Dữ Liệu
CQĐT	Chính quyền điện tử
CQNN	Cơ quan nhà nước
HTTT	Hệ thống thông tin
TW	Trung ương
ĐP	Địa phương
UDCNTT	Ứng dụng công nghệ thông tin
LGSP (Local Government Service Platform)	Nền tảng tính hợp chia sẻ cấp tỉnh
NGSP (National Government Service Platform)	Hệ thống kết nối, liên thông các HTTT ở Trung ương, địa phương
EAMS (Enterprise Architecture Management System)	Hệ thống thông tin quản lý kiến trúc chính quyền điện tử

I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH HÀ NAM

1.1. Tính sự cần thiết.

Hiện nay việc cải cách thủ tục hành chính là một yêu cầu rất cấp thiết trong việc đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước và của tỉnh Hà Nam. Tin học hoá hoạt động của các cơ quan nhà nước là bộ phận hữu cơ quan trọng của cải cách nền hành chính quốc gia, là nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan nhằm tăng cường năng lực quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, đó chính là kết luận của Ban Chấp hành Trung ương tại Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Việc yêu cầu xây dựng Chính quyền điện tử đã được Chính phủ yêu cầu trong Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của chính phủ về chính phủ điện tử và Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020.

Việc xây dựng và tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử sẽ giúp cho các cơ quan nhà nước ở tỉnh Hà Nam tăng cường khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin của các hệ thống thông tin triển khai tại tỉnh Hà Nam, đảm bảo việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai của tại tỉnh Hà Nam. Nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế tại địa phương.

1.2. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của chính phủ về chính phủ điện tử.

- Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020.

- Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/04/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Văn bản số 2384/BTTTT-THH ngày 28/07/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn mẫu Đề cương Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ, mẫu Đề cương Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

- Công văn số 1590/UBND-GTXD ngày 31/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam;

- Quyết định 1295/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề cương và dự toán chi tiết Đề án Xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Đề án xây dựng Khung Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam;

- Quyết định số 46/QĐ-STTTT ngày 16/9/2016 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Hà Nam Về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát “Xây dựng Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam”;

- Căn cứ hợp đồng Tư vấn Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam số 1112016/HĐTVKT/CQĐT-HANAM ngày 01/11/2016 giữa Sở Thông tin Truyền thông tỉnh Hà Nam và Trung tâm Tư vấn nghiệp vụ và Hỗ trợ đánh giá hiệu quả đầu tư công nghệ thông tin.

II. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

2.1. Mục đích xây dựng kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam

2.1.1. Mục đích chung

Việc xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam giúp lãnh đạo tỉnh có cơ sở đưa ra các quyết định đầu tư triển khai CQĐT kịp thời, chính xác; nâng cao hiệu quả, chất lượng các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Đặc biệt, khi việc triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước tại tỉnh Hà Nam ngày càng được phát triển cả về chiều sâu và chiều rộng, kiến trúc Chính quyền điện tử sẽ giúp đạt được những mục tiêu sau:

- Tăng cường khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin;

- Tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư; đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai của cơ quan nhà nước tại tỉnh Hà Nam;

- Nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế tại tỉnh Hà Nam;

- Tạo cơ sở xác định các thành phần, hệ thống CNTT cần xây dựng và lộ trình, trách nhiệm triển khai Chính phủ điện tử tại Việt Nam.

Xây dựng chính quyền điện tử Hà Nam làm cơ sở cho việc triển khai các hoạt động công nghệ thông tin trong tại tỉnh Hà Nam theo nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của chính phủ về chính phủ điện tử và quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020.

2.1.2. Mục đích cụ thể

- Xác định các thành phần và mối quan hệ giữa các thành phần của kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.
- Xác định Lộ trình và kế hoạch tổng quát trong việc triển khai kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.

2.2. Phạm vi áp dụng

- Tài liệu này áp dụng cho các CQNN trong tỉnh Hà Nam, các cơ quan khác có thể tham khảo để triển khai ứng dụng CNTT của mình. Tài liệu làm rõ các thành phần trong CQĐT theo hướng kiến trúc được áp dụng khi triển khai các dự án ứng dụng CNTT trong các CQNN trên địa bàn Tỉnh Hà Nam. Các tổ chức khác có thể tham khảo áp dụng để bảo đảm kết nối, liên thông, triển khai đồng bộ với hệ thống thông tin của CQNN.

- Tài liệu còn làm cơ sở để Tỉnh Hà Nam đưa ra yêu cầu, đánh giá các đề xuất giải pháp chính quyền điện tử, lựa chọn các nhà cung cấp dịch vụ cung cấp giải pháp chính quyền điện tử cho Tỉnh.

III. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TẠI TỈNH HÀ NAM

1. Kênh truy cập dịch vụ hành chính công của tỉnh Hà Nam

Kênh truy cập dịch vụ hành chính công của tỉnh Hà Nam là Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và Trang Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến.

Tỉnh Hà Nam đã tiến hành triển khai hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến cho tất cả các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp huyện trở lên (<http://motcua.hanam.gov.vn>), cho phép tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân theo quy trình; công bố trực tuyến kết quả xử lý hồ sơ của cán bộ, công chức.

Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh đã kết nối trực tuyến lên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ để công khai tiến độ giải quyết hồ sơ của tổ chức, cá nhân. Kết quả cụ thể công bố tại địa chỉ:

<http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/congdan/congkhai tiendogiai quyethoso?categoryId=100003392>.

Tại mỗi cơ quan có bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

2. Dịch vụ Cổng

Cổng thông tin điện tử là thành phần đảm bảo cho người sử dụng có thể truy cập đến các thông tin trực tuyến và cũng là giao diện giữa người sử dụng với các dịch vụ Chính phủ điện tử. Cổng thông tin điện tử cung cấp chức năng liên quan trực tiếp đến việc quản lý người sử dụng dịch vụ (cả nội bộ và bên ngoài), quản lý nghiệp vụ tương tác với người sử dụng. Thành phần này đảm bảo sự thống nhất quản lý về truy cập đến cả người sử dụng dịch vụ và các ứng dụng dịch vụ thông qua các kênh truy cập khác nhau. Hiện nay tại Cổng thông tin điện tử của tỉnh Hà Nam là hanam.gov.vn có những dịch vụ cơ bản sau:

a) Quản trị nội dung

+ Thành phần tạo nội dung: Thực hiện chức năng tạo nội dung.

+ Thành phần soạn thảo: Thực hiện chức năng điều chỉnh thông điệp nội dung và cách thức phân phối, gồm cả việc biên dịch và định vị.

+ Xuất bản: Thực hiện chức năng phát hành nội dung để sử dụng.

+ Quản trị: Thực hiện chức năng quản lý cấp phép truy cập đến các thư mục, tệp tin, thường được thực hiện bằng cách gán quyền truy cập cho nhóm người dùng hoặc vai trò của người dùng.

b) Truy tìm, truy vấn

Hiện các Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Nam đều có chức năng tìm kiếm và truy vấn, đặc biệt là Chuyên trang thủ tục hành chính có chức năng tra cứu các thủ tục hành chính một cách nhanh chóng, thuận tiện.

c) Chuyên mục Hỏi – Đáp

Người dân và doanh nghiệp đặt câu hỏi

Cơ quan chức năng trả lời.

Kiến trúc Chính quyền điện tử Tỉnh Hà Nam

Bảng 1: Bảng hiện trạng cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Nam

Công thông tin	Quản trị nội dung							Quản lý biểu mẫu điện tử	Quản lý đăng nhập một lần	Kết nối đến website các đơn vị khác trong tỉnh	Kết nối với motcua.hanam.gov.vn	Kết nối với hanam.dpi.gov.vn/	Kết nối với hệ thống email: mail.hanam.gov.vn
	Giới thiệu thông tin	Thủ tục hành chính			Hỏi đáp công dân	Tin tức	Văn bản pháp luật						
		Có	Kết nối với CSDL quốc gia về thủ tục hành chính	Không kết nối với CSDL quốc gia									
http://hanam.gov.vn	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
http://motcua.hanam.gov.vn	x	x	x	x			x	x					
http://hanam.gov.vn/vi-vn/vpubnd	x		x	x	x	x							
http://hanam.gov.vn/vi-vn/stc	x	x	x	x	x	x	x		x		x		
http://hanam.gov.vn/vi-vn/skhd	x	x	x	x	x	x			x				

Công thông tin	Quản trị nội dung						Quản lý biểu mẫu điện tử	Quản lý đăng nhập một lần	Kết nối đến website các đơn vị khác trong tỉnh	Kết nối với motcua.hanam.gov.vn	Kết nối với hanam.dpi.gov.vn/	Kết nối với hệ thống email: mail.hanam.gov.vn	
	Giới thiệu thông tin	Thủ tục hành chính			Hỏi đáp công dân	Tin tức							Văn bản pháp luật
		Có	Kết nối với CSDL quốc gia về thủ tục hành chính	Không kết nối với CSDL quốc gia									
http://hanam.gov.vn/vi-vn/sgddt/Pages/Default.aspx	x	x	x	x	x	x	x	x			x		
http://hanam.gov.vn/vi-vn/sgddt	x	?	x	x	x	x			x				
http://hanam.gov.vn/vi-vn/svhttdl	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x		
http://hanam.gov.vn/vi-vn/sct	x	x	x	x	x	x	x		x		x		

Công thông tin	Quản trị nội dung						Quản lý biểu mẫu điện tử	Quản lý đăng nhập một lần	Kết nối đến website các đơn vị khác trong tỉnh	Kết nối với motcua.hanam.gov.vn	Kết nối với hanam.dpi.gov.vn/vn/	Kết nối với hệ thống email: mail.hanam.gov.vn	
	Giới thiệu thông tin	Thủ tục hành chính			Hỏi đáp công dân	Tin tức							Văn bản pháp luật
		Có	Kết nối với CSDL quốc gia về thủ tục hành chính	Không kết nối với CSDL quốc gia									
http://hanam.gov.vn/vi-vn/sgtvt	x	?	x	x	x	x			x				
http://hanam.gov.vn/vi-vn/sgtvt	x	x	x	x	x	x	x		x				
http://hanam.gov.vn/vi-vn/skhn	x	x	x	x	x	x	x		x				
http://hanam.gov.vn/vi-vn/stc/Pages/Default.aspx	x	x	x	x	x	x	x		x			x	
http://hanam.gov.vn/vi-vn/sgtvt	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x		

Công thông tin	Quản trị nội dung						Quản lý biểu mẫu điện tử	Quản lý đăng nhập một lần	Kết nối đến website các đơn vị khác trong tỉnh	Kết nối với motcua.hanam.gov.vn	Kết nối với hanam.dpi.gov.vn/	Kết nối với hệ thống email: mail.hanam.gov.vn	
	Giới thiệu thông tin	Thủ tục hành chính			Hỏi đáp công dân	Tin tức							Văn bản pháp luật
		Có	Kết nối với CSDL quốc gia về thủ tục hành chính	Không kết nối với CSDL quốc gia									
vn/stnmt													
http://hanam.gov.vn/vi-vn/stp	x	x	x	x	x	x	x	x				x	
http://hanam.gov.vn/vi-vn/sxd	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	
http://hanam.gov.vn/vi-vn/sxd/Pages/Default.aspx	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x	
http://hanam.gov.vn/vi-vn/syt	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	

Công thông tin	Quản trị nội dung						Quản lý biểu mẫu điện tử	Quản lý đăng nhập một lần	Kết nối đến website các đơn vị khác trong tỉnh	Kết nối với motcua.hanam.gov.vn	Kết nối với hanam.dpi.gov.vn/	Kết nối với hệ thống email: mail.hanam.gov.vn	
	Giới thiệu thông tin	Thủ tục hành chính			Hỏi đáp công dân	Tin tức							Văn bản pháp luật
		Có	Kết nối với CSDL quốc gia về thủ tục hành chính	Không kết nối với CSDL quốc gia									
http://hanam.gov.vn/vi-vn/sldtbxh	X	X	X		X	X	X		X			X	
http://hanam.gov.vn/vi-vn/snnptnt	X	X	X		X	X	X		X				
http://hanam.gov.vn/vi-vn/stttt	X	X	X		X	X	X		X				
http://hanam.gov.vn/vi-vn/thanhtra	X				X	X	X		X				
http://hanam.gov.vn/vi-vn/snnptnt	X	X	X		X	X	X		X				

Công thông tin	Quản trị nội dung						Quản lý biểu mẫu điện tử	Quản lý đăng nhập một lần	Kết nối đến website các đơn vị khác trong tỉnh	Kết nối với motcua.hanam.gov.vn	Kết nối với hanam.dpi.gov.vn/	Kết nối với hệ thống email: mail.hanam.gov.vn	
	Giới thiệu thông tin	Thủ tục hành chính			Hỏi đáp công dân	Tin tức							Văn bản pháp luật
		Có	Kết nối với CSDL quốc gia về thủ tục hành chính	Không kết nối với CSDL quốc gia									
vn/phuly/Pages/Default.aspx													
http://hanam.gov.vn/vi-vn/thanhliem	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
http://hanam.gov.vn/vi-vn/lynhan	x				x	x	x		x				
http://hanam.gov.vn/vi-vn/kimbang	x	x	x		x	x	x	x	x				
http://hanam.gov.vn/vi-	x	x		x	x	x	x			x			

Công thông tin	Quản trị nội dung						Quản lý biểu mẫu điện tử	Quản lý đăng nhập một lần	Kết nối đến website các đơn vị khác trong tỉnh	Kết nối với motcua.hanam.gov.vn	Kết nối với hanam.dpi.gov.vn/	Kết nối với hệ thống email: mail.hanam.gov.vn	
	Giới thiệu thông tin	Thủ tục hành chính			Hỏi đáp công dân	Tin tức							Văn bản pháp luật
		Có	Kết nối với CSDL quốc gia về thủ tục hành chính	Không kết nối với CSDL quốc gia									
vn/duytien													
http://hanam.gov.vn/vi-vn/binhluc	x	x		x	x	x	x		x				
http://hanam.gov.vn/vi-vn/bqlckcn	x	x	x	x	x	x	x		x				
http://hanam.gov.vn/vi-vn/congan/Pages/Default.aspx	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	

3. Dịch vụ công trực tuyến

Hiện tại tính đến thời điểm 8/2016 tỉnh Hà Nam đã cung cấp 1.921 dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 277 dịch vụ công mức độ 2, 1631 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 13 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Bảng 2: Dịch vụ công mức độ 3

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
Sở Thông tin và Truyền thông				
1	Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam hợp báo	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam đăng tin, bài phát biểu trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam phát hành thông cáo báo chí	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Cấp giấy phép bưu chính nội tỉnh	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính nội tỉnh	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Cấp lại giấy phép bưu chính nội tỉnh hết hạn	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Cấp lại giấy phép bưu chính nội tỉnh khi mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
13	Thông báo thời gian chính thức cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Thông báo thay đổi trụ sở chính nhưng vẫn trong cùng một tỉnh, thành phố, văn phòng giao dịch, địa chỉ cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Thông báo thời gian chính thức cung cấp trò chơi điện tử trên mạng	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Thông báo thời gian chính thức bắt đầu cung cấp trò chơi G2, G3, G4 trên mạng cho công cộng	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Thông báo thay đổi tên miền trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động), thể loại trò chơi (G2, G3, G4)	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Thông báo thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền	Bưu chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh			
23	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Bru chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Bru chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Bru chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Bru chính	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Cấp giấy phép hoạt động in	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Cấp lại giấy phép hoạt động in.	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Đăng ký hoạt động cơ sở in	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Cấp giấy phép chế bản, in, gia công sau in cho nước ngoài	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm.	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Cấp giấy xác nhận đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Xác nhận chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Xuất bản	Sở TTTT	http://motcua.hanam.gov.vn
Sở Khoa học và Công Nghệ				
1	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức,	Lĩnh vực khác (Sở	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Khoa học Công nghệ).		
2	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Lĩnh vực khác (Sở Khoa học Công nghệ).	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Lĩnh vực khác (Sở Khoa học Công nghệ).	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Đăng ký đề xuất nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ	Hoạt động khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Đăng ký tuyển chọn đề tài, dự án cấp cơ sở	Hoạt động khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Hoạt động khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	Hoạt động khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Thủ tục Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	Hoạt động khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-	Năng lượng nguyên	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	quang chẩn đoán trong y tế)	tử, an toàn bức xạ hạt nhân		
11	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (đối với thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sửa đổi, bổ sung hợp đồng chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức khoa học và công nghệ	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
20	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập, cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính (dẫn đến thay đổi cơ quan cấp giấy chứng nhận) của tổ chức khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị mất.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận của tổ chức khoa học và công nghệ bị rách, nát.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KH-CN	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	và công nghệ.			
31	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận hoạt động bị mất.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ trong trường hợp Giấy chứng nhận hoạt động bị rách, nát.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	Quản lý khoa học và công nghệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Sở hữu trí tuệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước	Sở hữu trí tuệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển	Sở hữu trí tuệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			
40	Đăng ký chủ trì thực hiện dự án do Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ	Sở hữu trí tuệ	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
45	Kiểm tra chất lượng hàng hoá nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu:	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	Sở KHCN	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
Sở Nội Vụ				
1	Thủ tục Tiếp nhận, chuyển, điều động.	Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Thủ tục thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao	Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Thủ tục Thành lập hội	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Thủ tục Chia tách, hợp nhất, sáp nhập hội	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Thủ tục Giải thể hội	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Đổi tên tổ chức hội	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội.	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Thủ tục Phê duyệt điều lệ hội	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Thủ tục Thành lập pháp nhân trực thuộc	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Thủ tục Đặt văn phòng đại diện	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Thành lập tổ chức Quỹ xã hội, quỹ từ thiện	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Sáp nhập, hợp nhất, chia tách Quỹ	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Đổi tên quỹ	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Thủ tục Quỹ tự giải thể	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Quỹ xin hoạt động trở lại	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Thủ tục thành lập và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của quỹ	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Thủ tục thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Thủ tục Thẩm định đề án thành lập tổ chức hành chính Nhà nước	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Thẩm định đề án tổ chức lại tổ chức hành chính Nhà nước	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
20	Thẩm định đề án giải thể tổ chức hành chính Nhà nước.	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Thủ tục thẩm định đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Thủ tục thẩm định đề án tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Thủ tục cử đi đào tạo sau đại học	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Thủ tục hỗ trợ kinh phí sau đại học	Tổ chức biên chế	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Thủ tục cấp, đổi hiện vật khen thưởng bị hư hỏng, thất lạc.	Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Hiệp y để ngành dọc Trung ương Khen thưởng theo thẩm quyền và đề nghị khen cao.	Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Khen thưởng các phong trào thi đua theo đợt hoặc chuyên đề của tỉnh.	Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài	Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được	Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Khen thưởng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài.	Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Khen thưởng theo thủ tục đơn giản (tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất)	Thi đua khen thưởng	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Công nhận tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động ở trong tỉnh.	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Chấp thuận việc thành lập, chia tách, sát nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức tôn giáo cơ sở; thành lập giáo họ mới, nâng giáo họ lên giáo xứ.	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Chấp thuận việc mở lớp bồi dưỡng những người chuyên hoạt	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	động tôn giáo.			
35	Chấp thuận đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành vi phạm pháp luật về tôn giáo đã bị Chủ tịch UBND tỉnh xử lý vi phạm hành chính hoặc đã bị xử lý về hình sự.	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký của tổ chức tôn giáo (hoặc đối với hoạt động tôn giáo đã đăng ký nhưng có sự tham gia của tín đồ, chức sắc tôn giáo nhiều huyện, hoặc ngoài TP thuộc tỉnh).	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Chấp thuận hội nghị, đại hội của các tôn giáo mà không phải là hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo; hội nghị, đại hội cấp Trung ương hoặc toàn đạo tổ chức tại địa bàn tỉnh	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Chấp thuận các cuộc lễ của tổ chức tôn giáo diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo (có sự tham gia của tín đồ đến từ nhiều huyện, thành phố trong tỉnh hoặc tỉnh khác đến dự lễ).	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Chấp thuận việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tôn giáo.	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Cấp đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức tôn giáo có phạm vi hoạt động trong tỉnh.	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Tiếp nhận đăng ký Hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động ở nhiều huyện, thành phố thuộc tỉnh.	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Tiếp nhận đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức sắc, nhà tu hành tôn giáo.	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Tiếp nhận thông báo tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo có phạm vi trong tỉnh.	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Cấp đăng ký cho dòng tu, tu viện và các tổ chức tu hành tập thể	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	khác có phạm vi hoạt động ở nhiều huyện, thành phố trong tỉnh			
45	Tiếp nhận thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc trong tôn giáo.	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Đăng ký hiến chương, điều lệ sửa đổi của tổ chức tôn giáo quy định tại Điều 29 Nghị định số 92/2012/NĐ-CP	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Chấp thuận sinh hoạt tôn giáo của người nước ngoài tại cơ sở tôn giáo hợp pháp trên địa bàn tỉnh.	Tôn giáo	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ	Chi cục Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc	Chi cục Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
50	Thủ tục cấp bản sao, chứng thực lưu trữ	Chi cục Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ	http://motcua.hanam.gov.vn
Sở Tài Chính				
1	Thủ tục hành chính điều chuyển tài sản Nhà nước	Quản lý Giá - Công sản	Sở Tài chính	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Thủ tục hành chính thanh lý tài sản Nhà nước	Quản lý Giá - Công sản	Sở Tài chính	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn Nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Tài chính Đầu tư	Sở Tài chính	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Thủ tục hành chính cấp phát, thanh quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí đối với các đơn vị quản lý thủy nông thuộc diện đặt hàng	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	http://motcua.hanam.gov.vn
Ban Quản lý các Khu Công Nghiệp				
1	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	đăng ký đầu tư) đối với dự án trong khu công nghiệp			
2	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) đối với dự án trong khu công nghiệp	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) trong khu công nghiệp.	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Thủ tục Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư).	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án trong KCN	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong khu công nghiệp theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Thủ tục Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Thủ tục Giãn tiến độ đầu tư đối với dự án trong khu công nghiệp	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
12	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Thủ tục Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý KCN.	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Thủ tục Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý khu công nghiệp	Quản lý Đầu tư	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Thủ tục xác nhận Đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường đối với dự án trong khu công nghiệp (dự án phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền xác nhận của UBND cấp huyện)	Quản lý Môi trường	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Thủ tục xác nhận Đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường đối với dự án trong KCN (đối với phương án sản xuất kinh doanh dịch vụ thuộc thẩm quyền xác nhận của UBND cấp huyện)	Quản lý Môi trường	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Thủ tục xác nhận Đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản đối với dự án trong KCN (đối với dự án thuộc thẩm quyền xác nhận của UBND cấp huyện)	Quản lý Môi trường	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Thủ tục Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết KCN đã được phê duyệt (nhưng không làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất):	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với doanh nghiệp trong KCN.	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Thủ tục đăng ký nội quy lao động đối với các doanh nghiệp	Quản lý Doanh	Ban quản lý	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	trong khu công nghiệp:	ngành	các KCN	
23	Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại khu công nghiệp	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại khu công nghiệp	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại khu công nghiệp	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại khu công nghiệp	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai của thương nhân đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại KCN.	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG/LNG/CNG vào phương tiện vận tải tại khu công nghiệp.	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho trạm cấp LPG/LNG/CNG.	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại khu công nghiệp.	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm rượu tại khu công nghiệp	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu tại khu công nghiệp.	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của thương nhân đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại KCN.	Quản lý Thương mại	Ban quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
Sở Tư Pháp				
1	Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Giải quyết khiếu nại lần đầu trong lĩnh vực Bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Trả lại tài sản trong hoạt động thi hành án dân sự	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Chi trả tiền bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Giải quyết khiếu nại lần đầu trong lĩnh vực Bồi thường nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Đề nghị cấp lại thẻ công chứng viên	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt).	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
14	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập.	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
28	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng công chứng (trường hợp Văn phòng công chứng bị thu hồi quyết định cho phép thành lập)	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Hợp nhất Văn phòng công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Sáp nhập Văn phòng công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Thành lập Hội công chứng viên	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Tạm đình chỉ hành nghề công chứng	Công chứng	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Đăng ký danh sách đấu giá viên, thay đổi, bổ sung danh sách đấu giá viên	Đấu giá	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất.	Giám định tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Cấp phép thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng	Giám định tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	giám định tư pháp			
44	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng	Giám định tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
45	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp (Trường hợp Văn phòng giám định tư pháp tự chấm dứt hoạt động:)	Giám định tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp (Trường hợp Văn phòng giám định tư pháp chấm dứt hoạt động do bị thu hồi Giấy đăng ký hoạt động)	Giám định tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
50	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
51	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
52	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
53	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
54	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Lý lịch tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
55	Yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp của cơ quan, tổ chức và cơ quan tiến hành tố tụng	Lý lịch tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
56	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội	Lý lịch tư pháp	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
57	Chuyển đổi Văn phòng Luật sư thành công ty luật.	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
58	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
59	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
60	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty Luật hợp danh.	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
61	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
62	Phê chuẩn kết quả Đại hội Luật sư.	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
63	Giải thể Đoàn luật sư.	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
64	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
65	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
66	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
67	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
68	Đăng ký hoạt động của chi nhánh công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
69	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
70	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
71	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
72	Hợp nhất công ty Luật	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
73	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
74	Đăng ký hoạt động của công ty Luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
75	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.	Luật sư	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
76	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
77	Ghi chú việc nuôi con nuôi đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
78	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
79	Công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh.	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
80	Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh.	Phổ biến giáo dục pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
81	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
82	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
83	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
84	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
85	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
86	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
87	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
88	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
89	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
90	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
91	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
92	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
93	Thông báo có quốc tịch nước ngoài	Quốc tịch	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
94	Nhập quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
95	Trở lại quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
96	Thôi quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
97	Yêu cầu/đề nghị Trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
98	Thủ tục công nhận và cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý.	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
99	Thủ tục Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý.	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
100	Thủ tục thu hồi thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý.	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
101	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
102	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
103	Thủ tục thay đổi giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật.	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
104	Thủ tục thu hồi giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật.	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
105	Đề nghị thanh toán chi phí thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý.	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
106	Khiếu nại về từ chối thụ lý vụ việc trợ giúp pháp lý; không thực hiện trợ giúp pháp lý; thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.	Trợ giúp pháp lý	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
107	Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
108	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
109	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài.	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
110	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài.	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
111	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
112	Chấm dứt hoạt động chi nhánh của Trung tâm Trọng tài.	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
113	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
114	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
115	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Bồi thường nhà nước	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
116	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
117	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức	Trọng tài Thương	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	mại		
118	Thông báo thay đổi Trường Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi một tỉnh	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
119	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
120	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
121	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trường Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
122	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên	Trọng tài Thương mại	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
123	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
124	Đăng ký hoạt động cho Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
125	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, Chi nhánh	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
126	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
127	Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
128	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật (Trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản)	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
129	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật (Trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động)	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
130	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	luật, Chi nhánh			
131	Cấp thẻ Tư vấn viên pháp luật	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
132	Cấp lại thẻ Tư vấn viên pháp luật	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
133	Thu hồi thẻ Tư vấn viên pháp luật	Tư vấn Pháp luật	Sở Tư Pháp	http://motcua.hanam.gov.vn
Sở Giao Thông Vận Tải				
1	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Đổi, cấp lại đăng ký, biển số và cấp đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	hành khách bằng xe buýt			
13	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Thủ tục cấp giấy phép xe tập lái.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Cấp mới Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải).	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Thủ tục Gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Thủ tục cấp đăng ký xe máy chuyên dùng lần đầu.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Thủ tục sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	một tỉnh.			
28	Thủ tục sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh chuyển đến.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Thủ tục Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Thủ tục đăng ký khai thác, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe vận tải khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Thủ tục cấp lại giấy phép do Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác và chấp thuận biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường tỉnh đang khai thác.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	nối vào quốc lộ, đường tỉnh.			
40	Cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Thẩm định hồ sơ đầu nối tạm có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Chấp thuận đầu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh đang khai thác.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Cấp phép sử dụng tạm thời 1 phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông trên hệ thống đường tỉnh (trừ đoạn tuyến nằm trong phạm vi đô thị).	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
45	Gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời 1 phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông trên hệ thống đường tỉnh (trừ đoạn tuyến nằm trong phạm vi đô thị).	Đường bộ	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
50	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
51	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
52	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa, bến khách ngang sông.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
53	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
54	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
55	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
56	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
57	Thẩm định hồ sơ đối với việc xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
58	Thủ tục cho ý kiến bằng văn bản đối với việc xây dựng công trình (trừ các công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng) trên đường thủy nội địa địa phương.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
59	Thủ tục chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với việc thi công các công trình trên đường thủy nội địa địa phương.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
60	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với việc thi công các công trình trên đường thủy nội địa địa phương.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
61	Thủ tục công bố hạn chế giao thông đối với trường hợp bảo	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương.			
62	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương trong trường hợp thi công công trình và tổ chức hoạt động thể thao, lễ hội, diễn tập.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
63	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
64	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
65	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
66	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
67	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
68	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
69	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
70	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
71	Xoá đăng ký phương tiện thủy nội địa.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
72	Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	tuyên cổ định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam.			
73	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ trong phạm vi địa phương.	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
74	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn .	Đường thủy nội địa	Sở GTVT	http://motcua.hanam.gov.vn
Sở Y Tế				
1	Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có qui chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba)	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm chưa có qui chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất)	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm có qui chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất)	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
7	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Cấp giấy xác nhận bản công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật sản xuất trong nước	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Cấp chứng chỉ hành nghề dược	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược do mất, hư hỏng hoặc rách nát, Chứng chỉ hành nghề hết hiệu lực (đối với Chứng chỉ đã cấp có thời hạn 5 năm), thay đổi thông tin của cá nhân đăng ký hành nghề dược	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Cấp bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc:	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc(đối với Giấy chứng nhận có thời hạn)	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	mất, hư hỏng, rách nát, thay đổi người quản lý chuyên môn về dược; thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc			
19	Cấp mới Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” (GPP)	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc” (GDP)	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền.	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Công bố, công bố lại sản phẩm mỹ phẩm.	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Cấp thẻ Người giới thiệu thuốc	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Đăng ký Hội thảo, giới thiệu thuốc cho cán bộ y tế	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Quảng cáo, tổ chức hội thảo, sự kiện giới thiệu mỹ phẩm	Dược- Mỹ phẩm	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ được sinh ra tại nhà hoặc tại nơi khác mà không phải là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Dân số kế hoạch hoá gia đình	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	Dân số kế hoạch hoá gia đình	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Dân số kế hoạch hoá gia đình	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Công nhận cơ sở đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
30	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 18 tuổi trở lên	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người chưa đủ 16 tuổi	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Khám GDYK đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Khám GDYK đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học và con đẻ của họ đã được công nhận và đang hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trước ngày 01 tháng 9 năm 2012	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Khám GDYK đối với Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP.	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Cấp giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Giám định để thực hiện chế độ hưu trí trước tuổi quy định đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
40	Giám định để thực hiện chế độ tử tuất cho thân nhân của người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hưởng trợ cấp tuất hàng tháng	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Giám định tai nạn lao động tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Giám định bệnh nghề nghiệp tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Giám định tổng hợp đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Giám định khiếu nại của người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
45	Giám định để hưởng trợ cấp mất sức lao động đối với người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng theo Nghị định số 60/NĐ-CP ngày 01/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ)	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh thực hiện	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
50	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện	Giám định y khoa	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
51	Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
52	Thành lập và cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế, và thuộc bệnh viện trực thuộc Sở Y tế, ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học y, được tư thực trên địa bàn quản lý	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
53	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
54	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
55	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
56	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
57	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
58	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
59	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
60	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
61	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
62	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
63	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn (Áp dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở y tế và bệnh viện tư nhân, bệnh viện trực thuộc các bộ, ngành khác đã được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động)	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
64	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
65	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
66	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
67	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
68	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
69	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp .	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
70	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
71	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
72	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
73	Đăng ký hành nghề đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hoạt động khi có thay đổi về nhân sự.	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
74	Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
75	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
76	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
77	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
78	Đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
79	Đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
80	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện việc khám sức khỏe	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
81	Cấp giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
82	Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
83	Cấp giấy khám sức khỏe cho người người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
84	Khám sức khỏe định kỳ	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
85	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
86	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
87	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình trước ngày 01/01/2016	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
88	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
89	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
90	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
91	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
92	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
93	Cấp bổ sung lòng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ đối với trạm y tế cấp xã	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
94	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình khi thay đổi địa điểm	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
95	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
96	Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
97	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
98	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh			
99	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
100	Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
101	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
102	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
103	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
104	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
105	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
106	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
107	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
108	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	với cơ sở dịch vụ làm răng giả			
109	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
110	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
111	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
112	Cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
113	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
114	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
115	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
116	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn	Khám, chữa bệnh	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn
117	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc đối với các cơ sở khám, chữa bệnh (đơn vị) công lập địa phương trực thuộc UBND tỉnh/ thành phố	Tài chính	Sở Y tế	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
Sở Công Thương				
1	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm	Lĩnh vực quản lý An toàn thực phẩm	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)	Lĩnh vực quản lý An toàn thực phẩm	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung Quảng cáo thực phẩm	Lĩnh vực quản lý An toàn thực phẩm	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Thủ tục kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	Lĩnh vực quản lý An toàn thực phẩm	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)	Lĩnh vực bán buôn sản phẩm rượu	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)	Lĩnh vực bán buôn sản phẩm rượu	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)	Lĩnh vực bán buôn sản phẩm rượu	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Lĩnh vực bán buôn sản phẩm rượu	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu do hết thời hạn hiệu lực	Lĩnh vực bán buôn sản phẩm rượu	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Thủ tục cấp giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương	Lĩnh vực quản lý điện – năng lượng	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng	Lĩnh vực quản lý	Sở Công	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương	điện – năng lượng	thương	
12	Thủ tục cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương	Lĩnh vực quản lý điện – năng lượng	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35kV, đăng ký kinh doanh tại địa phương	Lĩnh vực quản lý điện – năng lượng	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Thủ tục cấp mới thẻ an toàn điện.	Lĩnh vực quản lý điện – năng lượng	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Thủ tục cấp lại thẻ an toàn điện	Lĩnh vực quản lý điện – năng lượng	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện	Lĩnh vực quản lý điện – năng lượng	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Thủ tục Xác nhận biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.	Lĩnh vực hóa chất	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.	Lĩnh vực hóa chất	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.	Lĩnh vực hóa chất	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp.	Lĩnh vực hóa chất	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất;	Lĩnh vực hóa chất	Sở Công	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	kinh doanh; sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp		thương	
22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất; kinh doanh; sản xuất đồng thời kinh doanh hoá chất thuộc Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp	Lĩnh vực hóa chất	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Cấp Giấy xác nhận khai báo hoá chất sản xuất.	Lĩnh vực hóa chất	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hóa chất.	Lĩnh vực hóa chất	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Thủ tục Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Thủ tục Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Thủ tục Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp bán hàng đa cấp	Lĩnh vực quản lý bán hàng đa cấp	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	Lĩnh vực Thuốc lá	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	Lĩnh vực Thuốc lá	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	Lĩnh vực Thuốc lá	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
32	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện .	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Thủ tục Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại:	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Thủ tục Thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại:	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Thủ tục Đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại:	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại (Tên TTHC: Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại.)	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại (Tên TTHC: Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại).	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
40	Thủ tục xác nhận Bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh cửa hàng bán LPG chai	Lĩnh vực thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).	Sở Công thương	http://motcua.hanam.gov.vn
Sở Kế hoạch và Đầu tư				
1	Thủ tục Thẩm định và Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Thủ tục Thẩm định và Phê duyệt Hồ sơ mời quan tâm, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn.	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Thủ tục Thẩm định và Phê duyệt Hồ sơ mời sơ tuyển, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp.	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Thủ tục Thẩm định và Phê duyệt Hồ sơ mời sơ tuyển, Hồ sơ mời thầu, Hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa.	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Thủ tục Thẩm định và Phê duyệt kết quả đánh giá Hồ sơ dự sơ tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Thủ tục Thẩm định và Phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Thủ tục Thẩm định và Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Thủ tục Phê duyệt danh sách ngắn	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Thủ tục Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu.	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Thủ tục Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
12	Thủ tục Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Thủ tục Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Thủ tục Làm rõ hồ sơ dự thầu.	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Thủ tục Mở thầu	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Thủ tục Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ.	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Thủ tục Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn.	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Thủ tục Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Thủ tục Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình đấu thầu	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất cần lựa chọn nhà đầu tư (chỉ áp dụng đối với cấp tỉnh)	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
28	Làm rõ hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn Nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn Nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn Nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn Nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn Nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Đầu tư vào nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN).	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
42	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án.	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản.	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản.	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
45	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản.	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
50	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	Cơ quan chủ quản.	chính thức (oda)		
51	Thủ tục xác nhận chuyên gia	Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda)	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
52	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án nhóm A,B,C do Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh lập	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
53	Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
54	Phê duyệt chủ trương sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
55	Công bố dự án	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
56	Chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
57	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án của Nhà đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
58	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
59	Phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
60	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
61	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
62	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
63	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đấu thầu	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
64	Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
65	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	cổ phần, công ty hợp danh)	ng nghiệp		
66	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
67	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
68	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
69	Thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
70	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
71	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
72	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
73	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
74	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
		động của doanh nghiệp		
75	Bán doanh nghiệp tư nhân	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
76	Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
77	Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
78	Hợp nhất doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
79	Sáp nhập doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
80	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
81	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
82	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
83	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
84	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
85	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
86	Giải thể doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
87	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
88	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
89	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
90	Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	Sở KHĐT	http://motcua.hanam.gov.vn
Sở Tài Nguyên và Môi Trường				
1	Cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	Đo đạc và bản đồ	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
2	Cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	Đo đạc và bản đồ	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi	Đăng ký cấp giấy	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	chứng nhận sử dụng đất		
11	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoáng sản - Địa chất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Khoáng sản - Địa chất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Khoáng sản - Địa chất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Cấp phép khai thác khoáng sản	Khoáng sản - Địa chất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	Khoáng sản - Địa chất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Khoáng sản - Địa chất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
21	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản - Địa chất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản - Địa chất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản - Địa chất	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Cấp phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	Khí tượng thủy văn	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động của công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng	Khí tượng thủy văn	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu	Môi trường	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	Môi trường	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược (ĐMC)	Môi trường	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Xác nhận Đề án Bảo vệ môi trường đơn giản	Môi trường	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Thẩm định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Môi trường	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (đối với trường hợp không đăng ký tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH).	Môi trường	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (đối với trường hợp đăng ký tự tái sử dụng, tái chế, sơ chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH).	Môi trường	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại (đối với trường hợp có thay đổi tên chủ nguồn thải hoặc địa chỉ, số lượng cơ sở phát sinh CTNH)	Môi trường	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
35	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	Đất đai	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức.	Đất đai	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với các trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đất đai	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	Đất đai	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.	Đất đai	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước	Tài nguyên nước	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	dưới đất			
43	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất	Tài nguyên nước	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
45	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Sở TNMT	http://motcua.hanam.gov.vn
Sở Xây Dựng				
1	Chuyển nhượng toàn bộ dự án khu đô thị, khu nhà ở	Kinh doanh bất động sản	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại theo hình thức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư	Nhà ở	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại theo hình thức chỉ định chủ đầu tư (trường hợp một khu đất chỉ có một nhà đầu tư đăng ký)	Nhà ở	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại theo hình thức chỉ định đầu tư (trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật đất đai, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở)	Nhà ở	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Thủ tục chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn ngân sách trung ương (trừ trường hợp dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư)	Nhà ở	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Thủ tục chấp thuận bổ sung nội dung dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn ngân sách trung ương trừ dự án phát triển nhà ở do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư	Nhà ở	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Thủ tục chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước có số lượng nhà ở từ 500 đến dưới 2.500 căn (trường hợp không phải đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án)	Nhà ở	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
8	Thủ tục chấp thuận bổ sung nội dung dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước có số lượng nhà ở từ 500 đến dưới 2.500 căn	Nhà ở	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước có mức vốn từ 30 tỷ đồng trở lên (không tính tiền sử dụng đất) trừ trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở bằng nguồn vốn ngân sách trung ương	Nhà ở	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
10	- Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; - Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.	Nhà ở	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Thủ tục thuê, thuê mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	Nhà ở	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Thông báo địa điểm xây dựng	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Cấp chứng chỉ quy hoạch xây dựng	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Thỏa thuận kiến trúc quy hoạch	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch phân khu	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
18	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng vùng	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Thẩm định đồ án quy hoạch chung	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Thẩm định đồ án quy hoạch phân khu	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Cấp giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo, tín ngưỡng	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Cấp giấy phép xây dựng công trình tượng đài, tranh hoành tráng	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Cấp giấy phép xây dựng công trình quảng cáo	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Cấp giấy phép xây dựng theo giai đoạn	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
31	Cấp giấy phép xây dựng cho dự án	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Gia hạn giấy phép xây dựng	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Cấp lại giấy phép xây dựng	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Cấp giấy phép xây dựng tạm	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Cấp giấy phép di dời công trình	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Thẩm định cấp giấy phép quy hoạch	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Cấp Chứng chỉ hành nghề kỹ sư, kiến trúc sư hoạt động xây dựng	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Cấp lại hoặc bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề kỹ sư, kiến trúc sư, giám sát thi công xây dựng công trình	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Cấp Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1 (cấp thẳng không qua hạng 2) và chứng chỉ hạng 2	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Cấp Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 2 lên hạng 1	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Cấp lại Chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
45	Cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức nhận thầu các gói thầu thuộc dự án nhóm B, C	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Cấp giấy phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là cá nhân thực hiện các công việc tư vấn đầu tư xây dựng	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Lấy ý kiến về thiết kế cơ sở các dự án nhóm B, C sử dụng mọi nguồn vốn	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Điều chỉnh giấy phép thầu	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Thẩm định thiết kế công trình xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
50	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng (Các công trình thuộc đối tượng quy định tại Khoản I Điều 21 Nghị định số 15/2013/NĐ-CP)	Xây dựng	Sở XD	http://motcua.hanam.gov.vn
Sở Giáo dục và Đào tạo				
1	Thành lập, cho phép thành lập trường Trung học phổ thông	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Cho phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Giải thể trường trung học phổ thông	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Thành lập trường trung cấp chuyên nghiệp	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Cho phép trường trung cấp chuyên nghiệp hoạt động	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Sáp nhập, chia tách trường trung cấp chuyên nghiệp	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
			tạo	
8	Giải thể trường trung cấp chuyên nghiệp	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Sáp nhập, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Sáp nhập, chia tách trung tâm ngoại ngữ, tin học	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Cấp phép tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp huyện	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Liên kết đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Mở ngành đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp đối với các cơ sở đào tạo trực thuộc tỉnh	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
			tạo	
21	Công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Công nhận trường trung học phổ thông đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Công nhận trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn Quốc gia	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Cho phép hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông chuyên	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường tiểu học	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường trung học: (Bao gồm trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên)	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dịch vụ tư vấn du học	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
33	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị trường đại học tư thực	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị trường đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thực	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học phổ thông	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Thủ tục miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Cho phép hoạt động trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Tổ chức lại, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Cấp bảo sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
45	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
46	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	Quy chế thi - tuyển sinh	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Quy chế thi - tuyển sinh	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam	Quy chế thi - tuyển sinh	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
50	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia	Quy chế thi - tuyển sinh	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
51	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia	Quy chế thi - tuyển sinh	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
52	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	Quy chế thi - tuyển sinh	Sở GD đào tạo	http://motcua.hanam.gov.vn
Sở Lao động thương binh và Xã hội				
1	Thông báo việc tổ chức làm thêm từ 200 giờ đến 300 giờ trong một năm.	An toàn lao động	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Gửi báo cáo tổng hợp tình hình tai nạn lao động.	An toàn lao động	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Đăng ký công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa	An toàn lao động	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động	An toàn lao động	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Báo cáo công tác An toàn, vệ sinh lao động	An toàn lao động	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Thông báo về việc tuyển dụng lần đầu người dưới 15 tuổi vào	An toàn lao động	Sở	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	làm việc		LĐTBXH	
7	Khai báo các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	An toàn lao động	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Thẩm định chương trình huấn luyện chi tiết về an toàn lao động, vệ sinh lao động của Cơ sở	An toàn lao động	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Cấp lại và điều chỉnh giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh lao động từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Gia hạn Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh lao động từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Bảo trợ xã hội	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Cấp, cấp lại và điều chỉnh giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi	Bảo trợ xã hội	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động	Cho thuê lại lao động	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Báo cáo về tình hình cho thuê lại lao động	Cho thuê lại lao động	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
19	Báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động	Cho thuê lại lao động	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với Trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ sơ cấp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	Giáo dục nghề nghiệp	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày	Quản lý lao động ngoài nước	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Đăng ký hợp đồng cá nhân cho lao động đi làm việc tại Đài Loan	Quản lý lao động ngoài nước	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm pu chia.	Lao động - Tiền lương	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Lao động - Tiền lương	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng đối với viên chức quản lý Công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu.	Lao động - Tiền lương	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Xếp hạng công ty TNHH Một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (từ hạng III cho đến hạng Tổng công ty và tương đương).	Lao động - Tiền lương	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp (đối với	Lao động - Tiền	Sở	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	lương	LĐTBXH	
30	Phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư tại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu	Lao động - Tiền lương	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Giải quyết chế độ đối với Thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động	Người có công	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Giải quyết chế độ mai táng phí, trợ cấp 1 lần đối với người có công với cách mạng từ trần	Người có công	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần	Người có công	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong các trường hợp	Người có công	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	Người có công	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ đi lấy chồng hoặc vợ khác	Người có công	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Thủ tục giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	Người có công	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	Người có công	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Giám định vết thương còn sót	Người có công	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	Người có công	Sở LĐTBXH	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
41	Giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Giải quyết chế độ ưu đãi con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
45	Thủ tục giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ Người có công	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Thủ tục di chuyển hồ sơ Người có công với cách mạng	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
50	Giám định vết thương tái phát	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
51	Thủ tục thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
52	Thủ tục mua Bảo hiểm y tế đối với Người có công và thân nhân	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
53	Cấp Bằng “Tổ Quốc ghi công” đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01/01/1995 nhưng chưa được cấp Bằng	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
54	Thủ tục xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
55	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
56	Trợ cấp 1 lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
57	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
58	Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
59	Lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp dụng cụ chỉnh hình	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
60	Thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	Người có công	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
61	Xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổ chức cán bộ	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
62	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn
63	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở LĐT BXH	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
64	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
65	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
66	Đề nghị chấm dứt hoạt động cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
67	Chế độ thăm gặp thân nhân đối với học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
68	Thủ tục nghỉ chịu tang của học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
69	Thủ tục trợ cấp 1 phần hoặc toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh đối với học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thuộc diện nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách không có thẻ BHYT	Phòng chống tệ nạn xã hội	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
70	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
71	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
72	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
73	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
74	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Chuyển đi)	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
75	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Chuyển đến)	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
76	Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
77	Hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
78	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
79	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
80	Các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về địa điểm theo quy định	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
81	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
82	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
83	Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
84	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
85	Báo cáo nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn
86	Báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý).	Việc Làm	Sở LĐTBOXH	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
1	Đăng ký công bố hợp quy	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Cấp giấy chứng nhận tập huấn an toàn về hóa chất bảo vệ thực vật.	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật.	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương.	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Cấp giấy thông báo tiếp nhận công bố hợp quy hàng hoá thức ăn chăn nuôi	Chăn nuôi và Thú y	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Cấp giấy thông báo kết quả kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu	Thủy sản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Thủ tục nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư, gói thầu của đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ.	Chăn nuôi và Thú y	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Thủ tục nghiệm thu dự án hoàn thành đối với dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12	Chăn nuôi và Thú y	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	năm 2013 của Chính phủ.			
13	Thủ tục đăng ký bè cá	Thủy sản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức thuộc tỉnh	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng phòng hộ do Nhà nước đầu tư của các tổ chức thuộc tỉnh	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Thanh lý rừng trồng không có khả năng thành rừng đối với rừng trồng thuộc địa phương quản lý.	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Đăng ký trại nuôi sinh sản, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Đăng ký Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại các Phụ lục II và III của Công ước CITES	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Đăng ký Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, các loài động vật, thực vật hoang dã thông thường	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
23	Giao nộp gấu cho nhà nước	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Công nhận cây trội (cây mẹ)	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới tại tỉnh	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Công nhận rừng giống chuyển hoá	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.	Kiểm lâm	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Báo cáo kê khai công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung	Nước sạch	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Công nhận nghề truyền thống	Phát triển nông thôn	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Công nhận làng nghề	Phát triển nông thôn	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Công nhận làng nghề truyền thống	Phát triển nông thôn	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Di dân trong vùng dự án	Phát triển nông thôn	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống	Phát triển nông thôn	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
36	Phê duyệt chủ trương xây dựng cánh đồng lớn.	Phát triển nông thôn	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Phê duyệt Dự án hoặc Phương án cánh đồng lớn (áp dụng cho phê duyệt lần đầu và điều chỉnh, bổ xung, kéo dài thời gian thực hiện Dự án hoặc phương án cánh đồng lớn).	Phát triển nông thôn	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Đình chỉ hiệu lực công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản đủ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Xin hoãn kiểm tra định kỳ điều kiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Đăng ký lần đầu xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Đăng ký lại xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
		thủy sản		
45	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp & PTNT cấp phép vận chuyển trên đê	Quản lý đê điều và PCLB	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp & PTNT cấp phép xây dựng công trình trong hành lang bảo vệ đê điều	Quản lý đê điều và PCLB	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được quy định tại khoản 1, 2, 6, 7, 8, 10 Điều 1 Quyết định 55/2004/QĐ-BNN ngày 01/11/2004	Thủy lợi	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Thủy lợi	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
50	Cấp giấy phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Thủy lợi	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
51	Cấp giấy phép cho các hoạt động giao thông vận tải của xe cơ giới trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Thủy lợi	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
52	Cấp giấy phép cho hoạt động nổ mìn và các hoạt động gây nổ không gây tác hại khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Thủy lợi	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
53	Cấp giấy phép cho hoạt động trồng cây lâu năm thuộc loại rễ ăn sâu trên 1m trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi	Thủy lợi	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
54	Gia hạn sử dụng, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	Thủy lợi	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
55	Cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi	Thủy lợi	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
56	Thẩm định các công trình nạo vét kênh mương thực hiện kế hoạch làm thủy lợi Đông Xuân hàng năm	Thủy lợi	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
57	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện về chuyên môn giống cây trồng phục vụ cho sản xuất kinh doanh	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
58	Công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
59	Cấp lại Giấy chứng nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đối với giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
60	Chỉ định Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng an toàn, giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
61	Chỉ định lại, mở rộng phạm vi chỉ định Tổ chức chứng nhận sản phẩm cây trồng an toàn, lĩnh vực giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
62	Cấp chứng chỉ hành nghề thú y.	Chăn nuôi và Thú y	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
63	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y.	Chăn nuôi và Thú y	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
64	Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.	Chăn nuôi và Thú y	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
65	Cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ	Chăn nuôi và Thú y	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	động vật nhỏ lẻ; kho lạnh bảo quản động vật tươi sống, sơ chế, chế biến bảo quản sản phẩm động vật; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; khu cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, cơ sở thu gom động vật, sản phẩm động vật; cơ sở xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh động vật.			
66	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y, thú y thủy sản.	Chăn nuôi và Thú y	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
67	Mở thầu xây dựng cơ bản	Xây dựng cơ bản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
68	Thẩm định dự án xây dựng cơ bản	Xây dựng cơ bản	Sở NNPTNT	http://motcua.hanam.gov.vn
Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch				
1	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	Biểu diễn nghệ thuật	Sở VH TTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	Biểu diễn nghệ thuật	Sở VH TTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Biểu diễn nghệ thuật	Sở VH TTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Cấp nhân kiểm soát bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	Biểu diễn nghệ thuật	Sở VH TTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	Biểu diễn nghệ thuật	Sở VH TTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Biểu diễn nghệ thuật	Sở VH TTDL	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
7	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	Biểu diễn nghệ thuật	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hóa	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Di sản văn hóa	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Di sản văn hóa	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hóa	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Di sản văn hóa	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	Di sản văn hóa	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	Di sản văn hóa	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	Di sản văn hóa	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Gia đình	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
19	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Gia đình	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Gia đình	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Gia đình	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
25	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Gia đình	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác	Kinh doanh khách sạn	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng đạt tiêu chuẩn kinh doanh lưu trú du lịch cho biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, bãi cắm trại du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê, cơ sở lưu trú du lịch khác	Kinh doanh khách sạn	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
30	Thủ tục xếp hạng cơ sở lưu trú: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch.	Kinh doanh khách sạn	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Thủ tục thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú: hạng 1 sao, 2 sao cho khách sạn, làng du lịch.	Kinh doanh khách sạn	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Thủ tục xếp hạng 3 sao, 4 sao, 5 sao cho khách sạn, làng du lịch	Kinh doanh khách sạn	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Thủ tục thẩm định lại, xếp hạng lại hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 3 sao, 4 sao, 5 sao cho khách sạn, làng du lịch.	Kinh doanh khách sạn	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Cấp biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm du lịch	Kinh doanh khách sạn	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Thủ tục cấp lại biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm du lịch.	Kinh doanh khách sạn	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
36	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam	Kinh doanh lữ hành	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Thủ tục cấp gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam:	Kinh doanh lữ hành	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam	Kinh doanh lữ hành	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam	Kinh doanh lữ hành	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế	Kinh doanh lữ hành	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch	Kinh doanh lữ hành	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Thủ tục cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên du lịch	Kinh doanh lữ hành	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
43	Thủ tục cấp giấy xác nhận xe ô tô đạt tiêu chuẩn vận chuyển khách du lịch	Kinh doanh lữ hành	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	Mỹ thuật nhiếp ảnh triển lãm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
45	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Mỹ thuật nhiếp ảnh triển lãm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh	Mỹ thuật nhiếp ảnh triển lãm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
47	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh	Mỹ thuật nhiếp ảnh triển lãm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Mỹ thuật nhiếp ảnh triển lãm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Mỹ thuật nhiếp ảnh triển lãm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
50	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Mỹ thuật nhiếp ảnh triển lãm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
51	Thủ tục tiếp nhận thông báo đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Mỹ thuật nhiếp ảnh triển lãm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
52	Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
53	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Thể dục thể thao	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
54	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động quyền anh	Thể dục thể thao	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
55	Đăng cai tổ chức Giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thể dục thể thao	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
56	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh hoạt động thể thao tổ chức hoạt động Lân Sư Rồng	Thể dục thể thao	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
57	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	Thư viện	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
58	Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke	Văn hóa cơ sở	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
59	Cấp giấy phép kinh doanh Vũ trường	Văn hóa cơ sở	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
60	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn	Văn hóa cơ sở	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
61	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa cơ sở	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
62	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa cơ sở	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
63	Cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	Xuất nhập khẩu văn hoá phẩm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
64	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	Xuất nhập khẩu văn hoá phẩm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
65	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu	Xuất nhập khẩu văn hoá phẩm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
66	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	Xuất nhập khẩu văn hoá phẩm	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
67	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	Điện ảnh	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
68	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	Điện ảnh	Sở VHTTDL	http://motcua.hanam.gov.vn
Thanh tra tỉnh				
1	Thủ tục tiếp công dân	Khiếu nại và tố cáo	Thanh tra	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Thủ tục xử lý đơn thư	Khiếu nại và tố cáo	Thanh tra	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	Khiếu nại và tố cáo	Thanh tra	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	Khiếu nại và tố cáo	Thanh tra	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Thủ tục giải quyết tố cáo	Khiếu nại và tố cáo	Thanh tra	http://motcua.hanam.gov.vn
Văn phòng UBND tỉnh				
1	Cấp hộ chiếu công vụ	Ngoại vụ	VP UBND tỉnh	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	Ngoại vụ	VP UBND tỉnh	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Sửa đổi, bồi sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	Ngoại vụ	VP UBND tỉnh	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Xin phép Tổ chức Hội nghị, Hội thảo quốc tế của cơ quan, tổ	Ngoại vụ	VP UBND	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	chức nước ngoài.		tỉnh	
5	Phê duyệt tiếp nhận viên trợ phi Chính phủ nước ngoài.	Ngoại vụ	VP UBND tỉnh	http://motcua.hanam.gov.vn
UBND Huyện				
1	Thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
3	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Thủ tục trả lại tài sản trong hoạt động quản lý hành chính.	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Thủ tục chi trả tiền bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính.	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu trong lĩnh vực Bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính.	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai trong lĩnh vực Bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính.	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự.	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Thủ tục chuyển giao quyết định giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự.	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Thủ tục trả lại tài sản trong hoạt động thi hành án dân sự	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Thủ tục chi trả tiền bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự.	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
12	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu trong lĩnh vực Bồi thường nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự.	Bồi thường nhà nước	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
14	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
15	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
16	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
17	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
19	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
20	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá khi hết thời hạn hiệu lực	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
21	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
22	Cấp bổ sung, sửa Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
23	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	Công Thương	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
24	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc`	Chứng thực	UBND TP -	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
			Huyện	
25	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
26	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
27	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
28	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
29	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
30	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
31	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
32	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
33	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
34	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
35	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động	Chứng thực	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	sản		Huyện	
36	Đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai lần đầu	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
37	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
38	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp là nhà ở hình thành trong tương lai trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
39	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của cơ quan đăng ký đối với nhà ở hình thành trong tương lai	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
40	Xóa đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
41	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
42	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
43	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất đồng thời là người sử dụng đất	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
44	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất trong trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
45	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
46	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	Giao dịch đảm bảo	UBND TP -	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
			Huyện	
47	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp đã đăng ký thế chấp	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
48	Sửa chữa sai sót nội dung đăng ký thế chấp do lỗi của người thực hiện đăng ký	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
49	Thành lập nhà trường, nhà trẻ	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
50	Cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường, nhà trẻ	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
51	Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
52	Giải thể hoạt động nhà trường, nhà trẻ	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
53	Thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
54	Cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
55	Sáp nhập, chia tách trường tiểu học	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
56	Giải thể trường tiểu học	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
57	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
58	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
59	Thành lập, cho phép thành lập trường Trung học cơ sở	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP -	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
			Huyện	
60	Cho phép hoạt động giáo dục trường trung học cơ sở	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
61	Sáp nhập, chia tách Trường trung học cơ sở	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
62	Giải thể trường trung học cơ sở	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
63	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
64	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
65	Thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
66	Cho phép hoạt động giáo dục đối với nhà trường, nhà trẻ tư thục	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
67	Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ tư thục	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
68	Giải thể hoạt động nhà trường, nhà trẻ tư thục	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
69	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc THCS	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
70	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc THCS	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
71	Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
72	Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP -	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
			Huyện	
73	Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ dân lập	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
74	Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
75	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
76	Công nhận trường Tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
77	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
78	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
79	Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp cơ sở	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
80	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp Trung học cơ sở	Giáo dục và Đào tạo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
81	Xóa đăng ký thế chấp.	Giao dịch đảm bảo	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
82	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Giao Thông	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
83	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Giao Thông	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
84	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Giao Thông	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
85	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi	Giao Thông	UBND TP -	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	tên, tính năng kỹ thuật		Huyện	
86	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Giao Thông	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
87	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Giao Thông	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
88	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Giao Thông	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
89	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Giao Thông	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
90	Xóa đăng ký phương tiện	Giao Thông	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
91	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Hòa giải cơ sở	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
92	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
93	Đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài về cư trú tại Việt Nam	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
94	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
95	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài ở nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
96	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn đã được giải quyết ở nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
97	Đăng ký Giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
98	Đăng ký Giám hộ đương nhiên có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
99	Đăng ký chấm dứt, thay đổi giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
100	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
101	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người đủ 14 tuổi trở lên	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
102	Đăng ký bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
103	Xác định lại dân tộc	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
104	Ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; thay đổi hộ tịch; khai tử đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
105	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
106	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
107	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
108	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
			Huyện	
109	Đăng ký hộ kinh doanh	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
110	Thay đổi nội dung Đăng ký hộ kinh doanh	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
111	Chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
112	Tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
113	Đăng ký Hợp tác xã	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
114	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
115	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
116	Đăng ký khi hợp tác xã chia	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
117	Đăng ký khi hợp tác xã tách	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
118	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
119	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
120	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP -	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
			Huyện	
121	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
122	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
123	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
124	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
125	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
126	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
127	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
128	Tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
129	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
130	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
131	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
132	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
133	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
134	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
135	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
136	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
137	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
138	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
139	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
140	Phê duyệt danh sách ngắn	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
141	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
142	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
143	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
144	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
145	Làm rõ hồ sơ dự thầu	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
146	Mở thầu	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
147	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
148	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
149	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
150	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình đấu thầu	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
151	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
152	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
153	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
154	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
155	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
156	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
157	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
158	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
159	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
160	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
161	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
162	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
163	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
164	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
165	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch và đầu tư	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
166	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
167	Thủ tục điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
168	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thành phố	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
169	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các huyện, thành phố	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
170	Hỗ trợ mai táng phí cho đối tượng bảo trợ (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
171	Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do lý do bất khả kháng khác mà không còn	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	người thân thích chăm sóc			
172	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
173	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp là trẻ em có cả cha, mẹ bị chết, mất tích mà không có người thân thích chăm sóc nuôi dưỡng hoặc người thân thích không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
174	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần được bảo vệ khẩn cấp (gồm: Nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động; trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian đưa về nơi cư trú hoặc đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà ở xã hội; đối tượng cần bảo vệ khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
175	Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
176	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật đối với các cơ sở do tổ chức cá nhân trong nước thành lập	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
177	Cấp lại giấy phép do bị mất, hư hỏng; điều chỉnh giấy phép khi cơ sở chăm sóc người khuyết tật thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở chính, người đứng đầu, phạm vi, nội dung dịch vụ đối với cơ sở do tổ chức cá nhân trong nước thành lập.	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
178	Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động chăm sóc người cao tuổi do Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
179	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội vào cơ sở bảo trợ xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	huyện			
180	Thực hiện trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
181	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
182	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
183	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người khuyết tật đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi chưa được hưởng trợ cấp xã hội	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
184	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người khuyết tật đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi đang hưởng trợ cấp xã hội	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
185	Điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với người khuyết tật	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
186	Thực hiện trợ cấp xã hội khi người khuyết tật thay đổi nơi cư trú	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
187	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với người khuyết tật	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
188	Tiếp nhận người khuyết tật đặc biệt nặng vào nuôi dưỡng, chăm sóc trong cơ sở bảo trợ xã hội	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
189	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sỹ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sỹ	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
190	Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sỹ	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
191	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện dụng cụ trợ giúp	Lao động thương	UBND TP -	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	chính hình; đi điều trị phục hồi chức năng	binh và xã hội	Huyện	
192	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
193	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
194	Thủ tục “Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện”	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
195	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ vay vốn từ quỹ cho vay giải quyết việc làm đối với dự án có mức vốn vay dưới 100 triệu đồng	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
196	Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp đến cơ quan QLNN về lao động cấp huyện	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
197	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	Lao động thương binh và xã hội	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
198	Đăng ký nuôi mới gia cầm từ 500 con đến 3.000 con	Nông nghiệp	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
199	Kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh	Nông nghiệp	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
200	Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh	Nông nghiệp	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
201	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	Nông nghiệp	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
202	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	Nông nghiệp	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
203	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	Nông nghiệp	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
204	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	Nông nghiệp	UBND TP -	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
			Huyện	
205	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	Nông nghiệp	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
206	Đăng ký cho hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
207	Đăng ký cho dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong một huyện, thành phố	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
208	Thông báo chuyển chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
209	Đăng ký chuyển chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
210	Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hàng năm có sự tham gia của tín đồ trong huyện, thành phố	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
211	Chấp thuận tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
212	Chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, thành phố	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
213	Chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
214	Chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
215	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND các huyện, thành phố về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
216	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND các huyện, thành phố về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
217	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND các huyện, thành phố về thành tích đột xuất	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
218	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND các huyện, thành phố về khen thưởng đối ngoại	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
219	Tặng Danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
220	Tặng Danh hiệu Lao động tiên tiến	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
221	Tặng Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
222	Tặng Danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hoá	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
223	Công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
224	Thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
225	Phê duyệt điều lệ Hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
226	Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
227	Đổi tên hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
228	Tự giải thể hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
229	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn	Nội Vụ	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
230	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
231	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	Phổ biến giáo dục pháp luật	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
232	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền của UBND các huyện, thành phố.	Tài chính	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
233	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán chi phí quản lý dự án đầu tư	Tài chính	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
234	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
235	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
236	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
237	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
238	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
239	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
240	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	dụng trong các dự án phát triển nhà ở			
241	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
242	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
243	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
244	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
245	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
246	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận			
247	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
248	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
249	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
250	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
251	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
252	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
253	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
254	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
255	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
256	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của	Tài nguyên và môi trường	UBND TP -	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	trường	Huyện	
257	Đăng ký, xoá đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất đã thế chấp và xử lý quyền sử dụng đất đã thế chấp, để thu hồi nợ.	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
258	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký.	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
259	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
260	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
261	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với các trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
262	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
263	Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
264	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện, thành phố (cấp huyện)	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
265	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
		trường	Huyện	
266	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
267	Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường làng nghề	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
268	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
269	Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh.	Tài nguyên và môi trường	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
270	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	Thanh tra	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
271	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	Thanh tra	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
272	Giải quyết tố cáo	Thanh tra	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
273	Tiếp công dân	Thanh tra	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
274	Xử lý đơn	Thanh tra	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
275	Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
276	Thủ tục công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
277	Thủ tục công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
278	Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn	Văn hóa	UBND TP -	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	mới”		Huyện	
279	Thủ tục công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
280	Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
281	Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
282	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
283	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình(thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
284	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
285	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
286	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
287	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
288	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban	Văn hóa	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
	nhân dân cấp huyện)			
289	Thủ tục thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
290	Thủ tục thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
291	Thủ tục thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
292	Thủ tục thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
293	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
294	Thủ tục cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
295	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
296	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
297	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

STT	TÊN THỦ TỤC MỨC ĐỘ 3	LĨNH VỰC	Đơn vị	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
298	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
299	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
300	Thủ tục phê duyệt danh sách hộ gia đình có công được hỗ trợ về nhà ở	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
301	Thủ tục phê duyệt phá dỡ nhà ở (riêng lẻ hoặc nhà ở để thu hồi đất) Trình tự thực hiện:	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
302	Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch xây dựng cho dự án đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
303	Thủ tục thẩm định Đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình	Xây dựng	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
304	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Thông tin tuyên truyền	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn
305	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	Thông tin tuyên truyền	UBND TP - Huyện	http://motcua.hanam.gov.vn

Bảng 3: 13 dịch vụ công mức độ 4

TT	Mức độ 4	Lĩnh vực	Đơn vị cung cấp TTHC	Địa chỉ đăng tải dịch vụ
1	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý Đầu tư	Ban Quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
2	Thủ tục Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư trong KCN	Quản lý Đầu tư	Ban Quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn

3	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong khu công nghiệp	Quản lý Đầu tư	Ban Quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
4	Thủ tục Cung cấp thông tin về dự án đầu tư trong khu công nghiệp	Quản lý Đầu tư	Ban Quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
5	Thủ tục cấp chứng chỉ quy hoạch của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
6	Gia hạn Giấy phép xây dựng đối với doanh nghiệp trong KCN	Quản lý Quy hoạch và xây dựng	Ban Quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
7	Thủ tục chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại khu công nghiệp	Quản lý Thương mại	Ban Quản lý các KCN	http://motcua.hanam.gov.vn
8	Cấp giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	http://motcua.hanam.gov.vn
9	Cấp lại giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	http://motcua.hanam.gov.vn
10	Điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng	Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	http://motcua.hanam.gov.vn
11	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản	Tài chính Đầu tư	Sở Tài chính	http://motcua.hanam.gov.vn
12	Thủ tục hành chính cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách bao gồm đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước, các đơn vị khác có quan hệ với các cấp ngân sách tỉnh, huyện, xã	Tổng hợp Ngân sách	Sở Tài chính	http://motcua.hanam.gov.vn
13	Cho phép tổ chức họp báo (trong nước)	Báo chí	Sở Thông tin và Truyền thông	http://motcua.hanam.gov.vn

Các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Hà Nam được tích hợp vào Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang một cửa điện tử và dịch công trực tuyến của tỉnh nên việc sử dụng các dịch vụ công là dễ dàng và rõ ràng cho người dân và doanh nghiệp.

Kiến trúc Chính quyền điện tử Tỉnh Hà Nam

4. Ứng dụng và cơ sở dữ liệu

a) Ứng dụng cấp tỉnh

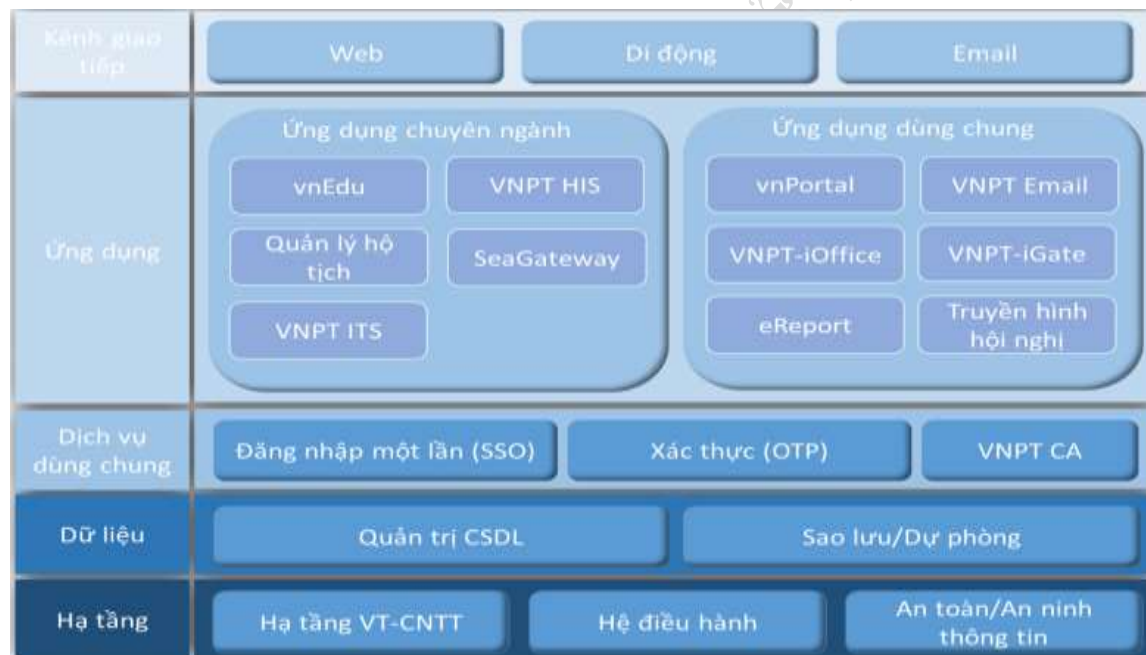
Hệ thống thư điện tử của tỉnh với tên miền <http://hanam.gov.vn>, đã được triển khai từ tỉnh đến huyện và xã. Đã cung cấp 3.580 địa chỉ thư điện tử cho các cơ quan, tổ chức, cho cán bộ, công chức các cơ quan nhà nước, các cơ quan, đơn vị thuộc khối đảng, khối đoàn thể trong tỉnh. Tỷ lệ cán bộ, công chức trên toàn địa phương (UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn và UBND các quận, huyện và tương đương) được cấp hộp thư điện tử chính thức: 100%. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng email trong công việc đạt 85%. Tỷ lệ trao đổi văn bản qua phần mềm quản lý văn bản, thư điện tử giữa các cơ quan trong tỉnh, thành phố: 80%. Tỷ lệ trao đổi văn bản qua thư điện tử với các cơ quan bên ngoài tỉnh, thành phố: 80%

Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng: Hệ thống này được UBND tỉnh triển khai đồng bộ trên toàn tỉnh. Hiện phần mềm này đã được triển khai tại 25 cơ quan (19 cơ quan chuyên môn và 6 UBND huyện, thành phố). 100% các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hà Nam từ cấp huyện trở lên đã thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành. Việc kết nối, liên thông văn bản điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, cấp huyện chưa triển khai đến cấp xã.

- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến trong nội bộ UBND tỉnh, thành phố: 80%
- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến giữa các cơ quan trong tỉnh, thành phố (tính trung bình trên toàn địa phương): 80%
- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến giữa UBND tỉnh, thành phố với cơ quan bên ngoài địa phương: 50%
- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến trong nội bộ mỗi cơ quan (tính trung bình trên toàn tỉnh, thành phố): 50%
- Tỷ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến với các cơ quan bên ngoài tỉnh, thành phố (tính trung bình trên toàn địa phương): 50%

Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được VNPT triển khai ở 26 cơ quan cho phép tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân theo quy trình; công bố trực tuyến kết quả xử lý hồ sơ của cán bộ, công chức. Ngoài ra, hệ thống có thể kết nối trực tuyến đến cổng thông tin điện tử quốc gia để cập nhật tiến trình xử lý hồ sơ của tỉnh Hà Nam một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Qua nghiên cứu, đơn vị tư vấn nhận thấy đây là một thành phần nhỏ (VNPT-iGate) thuộc kiến trúc ứng dụng “Giải pháp chính phủ điện tử của VNPT” phục vụ nghiệp vụ tại bộ phận một cửa điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, cụ thể như sau:



Hình 1: kiến trúc ứng dụng “Giải pháp chính phủ điện tử của VNPT”

Theo kiến trúc ứng dụng của VNPT bên trên, thì ứng dụng VNPT-iGate thuộc nhóm ứng dụng dùng chung của Tỉnh. Qua nghiên cứu hiện trạng, VNPT-iGate hiện đang được triển khai ở phạm vi toàn tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg, triển khai tập trung, theo mô hình MVC (3 lớp), trên cùng một cơ sở dữ liệu, hiện chưa kết kết với các ứng dụng, hệ thống khác trong Tỉnh.

Theo kết quả khảo sát, một số cơ quan chưa công bố đủ 50-70% dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 4 trên trang <http://motcua.hanam.gov.vn>. Tổng số hồ sơ đăng ký qua trang motcua.hanam.gov.vn năm 2016 là 6087 hồ sơ và số hồ sơ giải quyết là 4885 hồ sơ chiếm 80% số hồ sơ đăng ký. Trong số hồ sơ giải quyết thì có 79,8% hồ sơ được giải quyết trước hạn, 9% hồ sơ được giải quyết đúng hạn và 11,2% hồ sơ giải quyết trễ hạn.

Hiện trạng số lượng hồ sơ xử lý qua trang <http://motcua.hanam.gov.vn> từ ngày 1/1- 07/03 năm 2017.

Bảng 4: Tình hình xử lý hồ sơ qua trang motcua.hanam.gov.vn

TÊN LĨNH VỰC	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI								TÌNH HÌNH XỬ LÝ				GHI CHÚ	
	TỔNG SỐ		SỐ HỒ SƠ TIẾP NHẬN SỐ THỦ TỤC ĐÃ THỰC HIỆN						TIẾP NHẬN		GIẢI QUYẾT	CHƯA GIẢI QUYẾT		TỶ LỆ ĐÚNG HẠN
			MỨC ĐỘ 2		MỨC ĐỘ 3		MỨC ĐỘ 4							
	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	MCĐT	TRỰC TUYẾN				
Kế hoạch và Đầu tư	95	59	0	0	95	59	0	0	95	0	91	4	100	
Hộ tịch	37	17	0	0	37	17	0	0	37	0	32	5	100	
Quản lý Đầu tư	11	26	2	6	9	16	0	4	11	0	11	0	100	
Quản lý Môi trường	1	6	1	3	0	3	0	0	1	0	0	3	0	

TÊN LĨNH VỰC	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI								TÌNH HÌNH XỬ LÝ					GHI CHÚ
	TỔNG SỐ		SỐ HỒ SƠ TIẾP NHẬN SỐ THỦ TỤC ĐÃ THỰC HIỆN						TIẾP NHẬN		GIẢI QUYẾT	CHƯA GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ ĐÚNG HẸN	
			MỨC ĐỘ 2		MỨC ĐỘ 3		MỨC ĐỘ 4							
	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	MCĐT	TRỰC TUYẾN				
Quản lý Doanh nghiệp	62	6	57	5	5	1	0	0	62	0	63	0	100	
Quản lý Thương mại	2	18	2	5	0	12	0	1	2	0	2	0	100	
Quản lý Quy hoạch và xây dựng	9	6	8	2	0	2	1	2	9	0	9	0	100	
Chứng thực	22	12	22	11	0	1	0	0	22	0	22	0	77.3	
Tài nguyên và Môi trường	1	36	0	28	1	8	0	0	1	0	2	0	100	
Giáo dục và Đào tạo	12	32	0	0	12	32	0	0	12	0	12	0	100	
Quy chế thi - tuyển sinh	7	6	0	0	7	6	0	0	7	0	7	0	100	
Hệ thống văn bản, chứng chỉ	24	3	0	0	24	3	0	0	24	0	24	0	100	
Đường bộ	99	53	0	0	99	53	0	0	99	0	10	205	100	
Đường thủy nội địa	6	31	0	1	6	30	0	0	6	0	3	4	100	

TÊN LĨNH VỰC	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI								TÌNH HÌNH XỬ LÝ					GHI CHÚ
	TỔNG SỐ		SỐ HỒ SƠ TIẾP NHẬN SỐ THỦ TỤC ĐÃ THỰC HIỆN						TIẾP NHẬN		GIẢI QUYẾT	CHƯA GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ ĐÚNG HẸN	
			MỨC ĐỘ 2		MỨC ĐỘ 3		MỨC ĐỘ 4							
	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	MCĐT	TRỰC TUYẾN				
Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân	1	7	0	0	1	7	0	0	1	0	1	0	100	
Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản	15	8	0	0	15	8	0	0	15	0	22	0	100	
Chăn nuôi và Thú y	21	8	0	0	21	8	0	0	21	0	16	5	100	
Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	6	13	0	0	6	13	0	0	6	0	6	1	100	
Thi đua khen thưởng	13	7	0	0	13	7	0	0	13	0	0	18	0	
Chi cục Văn thư lưu trữ	1	3	0	0	1	3	0	0	1	0	0	1	0	
Tổ chức biên chế	2	22	0	0	2	22	0	0	2	0	0	3	0	
Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước	7	2	0	0	7	2	0	0	7	0	0	11	0	

TÊN LĨNH VỰC	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI								TÌNH HÌNH XỬ LÝ					GHI CHÚ
	TỔNG SỐ		SỐ HỒ SƠ TIẾP NHẬN SỐ THỦ TỤC ĐÃ THỰC HIỆN						TIẾP NHẬN		GIẢI QUYẾT	CHƯA GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ ĐÚNG HẸN	
			MỨC ĐỘ 2		MỨC ĐỘ 3		MỨC ĐỘ 4							
	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	MCĐT	TRỰC TUYẾN				
Đất đai	4	6	0	0	4	6	0	0	4	0	0	43	0	
Môi trường	8	9	0	0	8	9	0	0	8	0	0	95	0	
Lý lịch tư pháp	376	3	0	0	376	3	0	0	376	0	370	104	100	
Xuất bản	31	15	0	0	31	15	0	0	31	0	5	27	100	
Buru chính	4	6	0	0	4	6	0	0	2	2	1	3	100	
Công nghệ thông tin, Điện tử	2	8	0	0	2	8	0	0	2	0	0	2	0	
Kinh doanh lữ hành	1	10	1	2	0	8	0	0	1	0	0	1	0	
Kinh doanh khách sạn	6	8	0	0	6	8	0	0	6	0	0	6	0	
Văn hóa cơ sở	30	9	2	4	28	5	0	0	30	0	1	29	0	

TÊN LĨNH VỰC	TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI								TÌNH HÌNH XỬ LÝ					GHI CHÚ
	TỔNG SỐ		SỐ HỒ SƠ TIẾP NHẬN SỐ THỦ TỤC ĐÃ THỰC HIỆN						TIẾP NHẬN		GIẢI QUYẾT	CHƯA GIẢI QUYẾT	TỶ LỆ ĐÚNG HẸN	
			MỨC ĐỘ 2		MỨC ĐỘ 3		MỨC ĐỘ 4							
	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	HSTN	TTHC	MCĐT	TRỰC TUYẾN				
Biểu diễn nghệ thuật	7	7	0	0	7	7	0	0	7	0	0	7	0	
Hoạt Động Xây Dựng	27	6	0	0	27	6	0	0	27	0	3	24	100	
Xây dựng	1	2	1	0	0	2	0	0	0	1	1	0	100	
Lĩnh vực Quy hoạch	23	3	0	0	23	3	0	0	23	0	0	23	0	
Cấp giấy phép xây dựng	12	2	0	0	12	2	0	0	12	0	0	12	0	
Khám, chữa bệnh	14	66	0	0	14	66	0	0	14	0	0	15	0	
Dược- Mỹ phẩm	6	13	0	0	6	13	0	0	6	0	6	2	100	

- Trang văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Hà Nam được cập nhật thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh.

- Niên giám thống kê điện tử và báo cáo các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu cung cấp thông tin hỗ trợ cho các hoạt động xã hội, kinh tế, thương mại và đầu tư trong và ngoài tỉnh.

- Các hệ thống: Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh liên thông, Cấp phép xây dựng, Cấp giấy chứng nhận đầu tư vào các khu công nghiệp, Giải quyết khiếu nại, tố cáo, Cấp phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện được xây dựng bằng các công nghệ tiên tiến phù hợp với đặc điểm quản lý. Tuy nhiên, kết quả giao dịch rất ít, cá biệt có hệ thống chỉ có thông tin nhập thử, chưa thực hiện giao dịch thật.

b) Ứng dụng nội bộ

Ứng dụng quản lý nhân sự: ứng dụng này được triển khai duy nhất tại sở Nội vụ. Phần mềm này có tên là Quản lý cán bộ công chức, viên chức do Trung tâm công nghệ thông tin, bộ Công an cung cấp. Phần mềm này có tính năng quản lý cán bộ công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Ứng dụng quản lý khoa học công nghệ: ứng dụng này được triển khai tại Sở Khoa học và Công nghệ. Ứng dụng này có tên là Phần mềm quản lý các dự án, đề tài khoa học.

Sở Giáo dục và đào tạo: hiện Sở giáo dục và đào tạo đang sử dụng một số phần mềm Quản lý cán bộ, Hệ thống báo cáo trực tuyến EOS, Quản lý hồ sơ thi tốt nghiệp trung học phổ thông.

Sở Thông tin và Truyền thông: hiện Sở đang sử dụng phần mềm Phần mềm nhắc việc, Báo cáo nhanh về bưu chính viễn thông, phần mềm Quản lý tần số, phần mềm Quản lý giờ phát mở cửa các điểm bưu điện văn hóa xã; phần mềm FPT (phần mềm chia sẻ và lưu trữ dữ liệu trong mạng LAN và Internet)...

Bảng 5: Bảng tổng hợp các phần mềm và ứng dụng đang triển khai tại tỉnh Hà Nam

TT	Tên phần mềm ứng dụng	Tên cơ sở dữ liệu sử dụng	Chức năng của phần mềm/ứng dụng	Số lượng thủ tục hành chính sử dụng	Số lượng đơn vị sử dụng	Đơn vị quản lý	Đơn vị triển khai (Sở/Tỉnh/Bộ)
1	Hệ thống thư điện tử	Lotus Domino	Cho phép nhận, soạn thảo, lưu tạm và gửi thư điện tử thường, gửi thư điện tử đính kèm tệp. Cho phép quản lý lịch làm việc cá nhân Cho phép quản lý sổ địa chỉ Cho phép tạo sổ tay để ghi chép, ghi nhớ các thông tin Cung cấp công cụ tìm kiếm thư điện tử...		Toàn tỉnh	Sở TTTT	Tỉnh
2	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng	Lotus Domino	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý VB đến - Quản lý VB đi - Quản lý VB nội bộ - Quản lý hồ sơ công việc - Liên thôngg VB các cấp - Báo cáo thống kê 		25	Sở TTTT	Tỉnh
3	Hệ thống một cửa	SQL	Tra cứu các thủ tục hành chính, tra	1921	25	Sở	Tỉnh

TT	Tên phần mềm ứng dụng	Tên cơ sở dữ liệu sử dụng	Chức năng của phần mềm/ứng dụng	Số lượng thủ tục hành chính sử dụng	Số lượng đơn vị sử dụng	Đơn vị quản lý	Đơn vị triển khai (Sở/Tỉnh/Bộ)
	điện tử và dịch vụ công trực tuyến		cứu hồ sơ và nộp hồ sơ trực tuyến			TTTT	
4	Hệ thống Quản lý các đối tượng người có công của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Access	Lưu trữ, tra cứu thông tin		1	Sở LĐTĐ XH	Sở LĐTĐBXH
5	Hệ thống thông tin Địa lý (GIS)	SQL	Trợ giúp các cơ quan, các nhà quản lý, các doanh nghiệp, các cá nhân... đánh giá được hiện trạng của các quá trình, các thực thể tự nhiên, kinh tế - xã hội thông qua các chức năng thu thập, quản lý, truy vấn, phân tích và tích hợp các thông tin được gắn với một nền hình học (bản đồ) nhất quán trên cơ sở toạ độ của các dữ liệu đầu vào.		1	Sở TNMT	Bộ TNMT

TT	Tên phần mềm ứng dụng	Tên cơ sở dữ liệu sử dụng	Chức năng của phần mềm/ứng dụng	Số lượng thủ tục hành chính sử dụng	Số lượng đơn vị sử dụng	Đơn vị quản lý	Đơn vị triển khai (Sở/Tỉnh/Bộ)
6	Quản lý hồ sơ thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Access	Quản lý toàn bộ hồ sơ thi tốt nghiệp THPT		1	Sở GD&ĐT	Bộ GD&ĐT
7	Quản lý viện phí của Bệnh viện Đa khoa tỉnh						
8	Ứng dụng kế toán tài chính	SQL	Phần mềm trợ giúp kế toán: Quản lý chứng từ, hạch toán kế toán, lập sổ tổng hợp...vv		25	Cơ sở	Sở Tài Chính
9	Ứng dụng quản lý tài sản	SQL	Quản lý tài sản tại đơn vị		25	Cơ sở	Sở Tài Chính
10	Hệ thống báo cáo trực tuyến EOS	SQL	Tổng hợp thông tin của các đơn vị trực thuộc		1	Sở GD&ĐT	Sở GD&ĐT
11	Phần mềm Thông				Cấp xã,	Thanh	Tỉnh

TT	Tên phần mềm ứng dụng	Tên cơ sở dữ liệu sử dụng	Chức năng của phần mềm/ứng dụng	Số lượng thủ tục hành chính sử dụng	Số lượng đơn vị sử dụng	Đơn vị quản lý	Đơn vị triển khai (Sở/Tỉnh/Bộ)
	tin Khiếu nại tố cáo				phường, thị trấn, UBND huyện TP, Các Sở, Ban, Ngành	Tra tỉnh	
12	Phần mềm chuyên ngành ETA		Dự toán công trình		1	Sở Xây dựng	Sở
13	FTP (Phần mềm chia sẻ và lưu trữ file trên mạng LAN và internet)		Lưu trữ, chia sẻ file		2	Sở TTTT	Sở
14	Phần mềm nhắc việc	SQL	Tự động nhắc việc		1	Sở TTTT	Sở TTTT
15	Báo cáo nhanh về	SQL	Trợ giúp làm báo cáo		1	Sở	Sở TTTT

TT	Tên phần mềm ứng dụng	Tên cơ sở dữ liệu sử dụng	Chức năng của phần mềm/ứng dụng	Số lượng thủ tục hành chính sử dụng	Số lượng đơn vị sử dụng	Đơn vị quản lý	Đơn vị triển khai (Sở/Tỉnh/Bộ)
	bưu chính viễn thông					TTTT	
16	Quản lý tần số	SQL	Quản lý tần số trên địa bàn		1	Sở TTTT	Sở TTTT
17	Quản lý giờ phát mở cửa các điểm bưu điện văn hóa xã	SQL	Quản lý giờ phát mở cửa các điểm bưu điện văn hóa xã		1	Sở TTTT	Sở TTTT
18	Hỗ trợ doanh nghiệp (PCI)	SQL	Cung cấp thông tin doanh nghiệp để quảng bá		Toàn tỉnh	Sở TTTT	Tỉnh

c) Cơ sở dữ liệu đang sử dụng trong tỉnh.

Bảng 6: Bảng tổng hợp các cơ sở dữ liệu đang triển khai tại tỉnh Hà Nam

TT	Tên phần mềm	CSDL	Đơn vị sử dụng	TTHC	Chức năng chính	Các trường CSDL thông tin chính	Nơi đặt vật lý
1	PM Quản lý Văn bản và điều hành	CSDL – Quản lý văn bản	- 20 đơn vị - 6/6 huyện, thị xã, thành phố	Không có	- Quản lý VB đến - Quản lý VB đi - Quản lý VB nội bộ - Quản lý hồ sơ công việc - Liên thông VB các cấp - Báo cáo thống kê	UserID; VanBanID; NoinhanID; ...	PM được đặt tại các đơn vị
2	Phần mềm Hệ thống Quản lý Lý lịch tư pháp dùng chung	Lý lịch tư pháp	Sở Tư pháp	TTHC của Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam	Quản lý dữ liệu án tích, bản án, quyết định thi hành án, thông tin khai tử, thông tin cấp phiếu lý lịch tư pháp...		Bộ Tư pháp
3	Phần mềm CSDL quốc gia về Văn bản quy phạm	Văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp	Không	Cập nhật VBQPPL như: Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị lên CSDL quốc gia		Bộ Tư pháp

TT	Tên phần mềm	CSDL	Đơn vị sử dụng	TTHC	Chức năng chính	Các trường CSDL thông tin chính	Nơi đặt vật lý
	pháp luật						
4	Phần mềm Hệ thống thông tin quản lý Hộ tịch	Hộ tịch	Sở Tư pháp, phòng Tư pháp cấp huyện, Cán bộ Tư pháp hộ tịch cấp xã.	TTHC của phòng Tư pháp cấp huyện, TTHC hộ tịch cấp xã.	Đăng ký, quản lý khai sinh điện tử, cấp mã số định danh cá nhân; đăng ký, quản lý kết hôn; khai tử; đăng ký giám hộ; tình trạng hôn nhân; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi.		Bộ Tư pháp
5	Phần mềm công cụ quản lý Hồ sơ quốc tịch cho Sở Tư pháp		Sở Tư pháp	TTHC của Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam	Thông báo có quốc tịch nước ngoài; Nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch		Bộ Tư pháp
6	Hệ thống thông tin quản lý khiếu nại, tố cáo		Các sở, thành phố, huyện thị, các xã, phường thuộc tỉnh	- Thủ tục tiếp công dân - Các mẫu đơn, tờ khai ban hành kèm theo Thông tư số 06/2013/TT-TTCP	Nhập đơn thư, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng và chống tham nhũng	- Hỏi đáp - Lịch tiếp dân - Kết quả giải quyết khiếu nại tố	Trung tâm THDL tỉnh

TT	Tên phần mềm	CSDL	Đơn vị sử dụng	TTHC	Chức năng chính	Các trường CSDL thông tin chính	Nơi đặt vật lý
				ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ - Các mẫu đơn, tờ khai Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ - Thủ tục giải quyết khiếu nại (lần 2) - Thủ tục giải quyết khiếu nại (lần đầu) - Thủ tục giải quyết tố cáo		cáo - Thủ tục hành chính	
7	Phần mềm báo cáo và chỉ đạo hoạt động thanh tra ngành GTVT		Sở GTVT	Không	- Nhập liệu báo cáo định kỳ. - Nhận thông tin chỉ đạo điều hành từ thanh tra bộ	- Thanh tra chuyên ngành. - Thanh tra theo đoàn	Thanh tra Bộ GTVT

TT	Tên phần mềm	CSDL	Đơn vị sử dụng	TTHC	Chức năng chính	Các trường CSDL thông tin chính	Nơi đặt vật lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị GSHT - Văn bản chỉ đạo điều hành 	
8	Phần mềm Quản lý GPLX		Sở GTVT	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông Vận tải cấp - Thủ tục cấp lại Giấy phép lái xe do ngành Giao thông Vận tải cấp bị quá hạn, bị mất - Thủ tục đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp - Thủ tục đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp 	Quản lý cấp, đổi GPLX	<ul style="list-style-type: none"> - Quản Lý đào tạo Sát hạch cấp GPLX - Quản lý in GPLX - Mã hóa truyền tin. - Quản lý danh mục. - Quản lý hệ thống 	Tổng Cục ĐBVN

TT	Tên phần mềm	CSDL	Đơn vị sử dụng	TTHC	Chức năng chính	Các trường CSDL thông tin chính	Nơi đặt vật lý
				- Thủ tục đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài.			
9	Hệ thống xử lý và khai thác dữ liệu từ giám sát hành trình		Sở GTVT	Không	Cập nhật, theo dõi hoạt động xe tham gia hoạt động vận tải		Tổng Cục ĐBVN
10	Hệ thống tin giao thông vận tải lĩnh vực đường bộ		Sở GTVT	Không	Quản lý các hoạt động vận tải thuộc lĩnh vực đường bộ		Tổng Cục ĐBVN
11	Hệ thống cấp chứng chỉ xây dựng trực tuyến toàn quốc	CSDL cấp chứng chỉ xây dựng	Bộ Xây dựng, các Sở Xây dựng trong cả nước	- Cấp/cấp lại/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây	Cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng trực tuyến toàn quốc cho cá nhân, tổ chức	- Gửi hồ sơ trực tuyến, trực tiếp - Phân Công thụ lý - Xếp lịch thi - Cập nhật kết quả thi	Bộ Xây dựng

TT	Tên phần mềm	CSDL	Đơn vị sử dụng	TTHC	Chức năng chính	Các trường CSDL thông tin chính	Nơi đặt vật lý
				dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng; tổ chức kiểm định xây dựng; tổ chức quản lý, thẩm tra chi phí đầu tư xây dựng. - Cấp/ cấp lại (trường hợp CCHN hết hạn sử dụng)/cấp chuyển đổi/điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng		- Cấp số chứng chỉ từ Bộ Xây dựng - In chứng chỉ - Trả kết quả	

TT	Tên phần mềm	CSDL	Đơn vị sử dụng	TTHC	Chức năng chính	Các trường CSDL thông tin chính	Nơi đặt vật lý
				II, hạng III đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá xây dựng. - Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (<i>Trường hợp CCHN rách nát/thất lạc</i>) đối với cá nhân hoạt động xây dựng trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình;			

TT	Tên phần mềm	CSDL	Đơn vị sử dụng	TTHC	Chức năng chính	Các trường CSDL thông tin chính	Nơi đặt vật lý
					Giám sát thi công xây dựng; Kiểm định xây dựng; Định giá XD.		
12	Hệ thống quản lý giáo dục trực tuyến	SQL	Toàn ngành	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin công khai của các đơn vị. - Kết quả học tập: Quản lý điểm, nhận xét đánh giá học sinh. (học sinh, phụ huynh có thể tra cứu) - Hệ thống biểu báo cáo trực tuyến 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tin công khai. - Điểm. - Sổ nhận xét đánh giá. - Hệ thống biểu mẫu - Báo cáo. 	Server thuê + Bộ GD&ĐT
13	EQMS	SQL	Toàn ngành	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Mức chất lượng tối thiểu cấp Tiểu học 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống biểu mẫu 	Bộ GD&ĐT
14	Hệ thống thống kê Phổ	SQL	Toàn ngành	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi phổ cập giáo dục xóa mù chữ 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống biểu mẫu- 	Bộ GD&ĐT

TT	Tên phần mềm	CSDL	Đơn vị sử dụng	TTHC	Chức năng chính	Các trường CSDL thông tin chính	Nơi đặt vật lý
	cập GD XMC					Báo cáo.	T
15	Hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục	SQL	Toàn ngành	Không	- Kiểm định chất lượng giáo dục	- Hệ thống biểu mẫu - Báo cáo.	Bộ GD&ĐT
16	Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến	SQL	- 20 đơn vị trong tỉnh - 6/6 huyện, thành phố	1921 thủ tục	Tra cứu các thủ tục hành chính, tra cứu hồ sơ và nộp hồ sơ trực tuyến	- Bộ thủ tục hành chính - Tra cứu hồ sơ - Nộp hồ sơ qua mạng - Thống kê	VNPT Hà Nam
17	Hệ thống thông tin Quản lý ngân	Oracle	Toàn quốc	Không	Quản lý ngân sách và kho bạc		Bộ Tài chính

TT	Tên phần mềm	CSDL	Đơn vị sử dụng	TTHC	Chức năng chính	Các trường CSDL thông tin chính	Nơi đặt vật lý
	sách và kho bạc						
18	Quản lý mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách		Toàn quốc	Không	Quản lý mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách		Bộ Tài chính
19	Phần mềm quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT		12 bệnh viện trong tỉnh		Quản lý hồ sơ bệnh nhân và bảo hiểm y tế		Bộ y tế

d) Ứng dụng cấp quốc gia.

Hiện nay theo kinh nghiệm của đơn vị tư vấn có rất nhiều Hệ thống thông tin được triển khai đồng bộ tư trung ương xuống địa phương bao gồm những hệ thống sau:

Bảng 7: Hệ thống triển khai từ trung ương xuống địa phương

STT	Tên các hệ thống thông tin	Đơn vị triển khai	Chức năng	Địa chỉ truy cập hệ thống	Tên CSDL
I	Bộ Công An				
1	CSDL đăng ký xe	Cục Cảnh sát giao thông	Thông tin về chủ sở hữu phương tiện, loại phương tiện (cả xe mô tô và xe ô tô)	Địa chỉ riêng của ngành công an	
2	Hệ thống cấp, quản lý CMTND			Địa chỉ riêng của ngành công an	
3	Hệ thống quản lý tai nạn giao thông đường bộ	Cục Cảnh sát giao thông	Thông tin về vụ việc tai nạn xảy ra (thời gian, địa điểm, nguyên nhân,...)	Địa chỉ riêng của ngành công an	
II	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				
4	CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	- Quản lý việc cấp, điều chỉnh đăng ký doanh nghiệp. - Quản lý, báo cáo tình hình đăng ký doanh nghiệp	http://dangkykinhdoanh.gov.vn	
5	CSDL quốc gia về Thống kê tổng hợp về dân số				
5	Hệ thống thông tin quản lý đầu tư nước ngoài	Cục Đầu tư nước ngoài	Quản lý việc cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu	http://dautunuoctngoai.gov.vn	

STT	Tên các hệ thống thông tin	Đơn vị triển khai	Chức năng	Địa chỉ truy cập hệ thống	Tên CSDL
			tu		
6	HTTT theo dõi, giám sát và đánh giá các dự án đầu tư sử dụng vốn của Nhà nước	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	- Quản lý đầu tư công (Phòng Tổng hợp) - Tổng hợp, báo cáo giám sát đánh giá đầu tư công (Phòng Thẩm định)	https://dautucong.mpi.gov.vn	
7	Hệ thống mạng đấu thầu mua sắm quốc gia	Báo đấu thầu		http://muasamcong.mpi.gov.vn/	
III	Bộ Tư pháp				
8	HTTT lý lịch tư pháp				
9	CSLDQG về văn bản pháp luật				
10	CSDLQG về thủ tục hành chính				
11	Hệ thống đăng ký trực tuyến quốc gia về giao dịch bảo đảm				
IV	Bộ Tài nguyên và Môi trường				
V	Bộ Giao Thông Vận tải				
12	Quản lý giấy phép lái xe				
13	Quản lý cấp phù hiệu, biển hiệu				

STT	Tên các hệ thống thông tin	Đơn vị triển khai	Chức năng	Địa chỉ truy cập hệ thống	Tên CSDL
VI	Bộ Nội Vụ				
VII	Bộ Tài chính				
14	Hệ thống quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS)	Cục Tin học và Thống kê Tài Chính		https://app.tabmis.btc	
15	Hệ thống quản lý kiểm soát thanh toán vốn đầu tư				
16	Hệ thống thông quan điện tử (VNACCS/VCIS)	Cục CNTT & Thống kê Hải quan – Tổng Cục Hải quan	Hệ thống quản lý thông tin tờ khai Hải quan	http://10.224.128.110	
17	Hệ thống thuế tích hợp TMS	Cục CNTT – Tổng cục Thuế			
18	Hệ thống thuế thu nhập cá nhân PIT	Cục CNTT – Tổng cục Thuế			
19	Phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước	Cục Quản lý Công sản	Quản lý tài sản công trên 500 triệu	http://dkts.mof.gov.vn	
20	Hệ thống thanh toán điện tử liên kho bạc trong điều kiện vận hành TABMIS	Cục Tin học và Thống kê Tài Chính			
21	Hệ thống khai thuế qua mạng (HTKK)	Cục CNTT – Tổng cục Thuế	Nộp tờ khai kê khai thuế	http://kekhaithue.gdt.gov.vn/	
22	Ứng dụng nộp thuế điện tử	Cục CNTT – Tổng	Hướng dẫn, hỗ trợ người nộp		

STT	Tên các hệ thống thông tin	Đơn vị triển khai	Chức năng	Địa chỉ truy cập hệ thống	Tên CSDL
	(iHTKK)	cục Thuế	thuế tạo tờ khai và kê khai thuế		
23	Hệ thống Kế toán thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Cục CNTT & Thống kê Hải quan – Tổng Cục Hải quan	Tính thuế, báo cáo thuế, và B/c số thu nộp ngân sách..v.v..	http://10.224.128.110:8081	
24	Hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu giá tính thuế	Cục CNTT & Thống kê Hải quan – Tổng Cục Hải quan	Quản lý về giá và thuế tất cả các mặt hàng	http://10.224.128.110	
25	Hệ thống thông kê thuế, kim ngạch theo mặt hàng	Cục CNTT & Thống kê Hải quan – Tổng Cục Hải quan	Thống kê kim ngạch xuất nhập khẩu	http://10.224.128.153	
26	Chương trình quản lý ngân sách nhà nước	Cục Tin học và Thống kê Tài Chính	Quản lý ngân sách đầu tư		
27	Hệ thống quản lý giá thị trường hàng hóa dịch vụ	Cục Quản lý giá	Quản lý giá	http://qlg.btc	
28	Phần mềm cấp mã số cho các đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước	Cục Tin học và Thống kê Tài Chính	Cấp mã số trực tuyến	http://qhns.btc	
VIII	Ngân hàng nhà nước				

STT	Tên các hệ thống thông tin	Đơn vị triển khai	Chức năng	Địa chỉ truy cập hệ thống	Tên CSDL
29	Kế toán giao dịch	Cục Công nghệ tin học	Thực hiện các nghiệp vụ kế toán giao dịch		
30	Quản lý phát hành và kho quỹ tập trung	Cục Công nghệ tin học	Thực hiện các nghiệp vụ kho quỹ		
31	Báo cáo thống kê	Cục Công nghệ tin học	Thực hiện quản lý TCTD và QTDND		
32	Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp	Văn phòng	Thực hiện nghiệp vụ quản lý văn bản nội bộ của Ngành		
33	Thanh toán điện tử liên ngân hàng	Cục Công nghệ tin học	Thực hiện nghiệp vụ quản lý tài sản của Ngành		
34	Quản lý tài sản cố định, công cụ lao động và văn phòng phẩm tập trung	Cục Công nghệ tin học	Thực hiện nghiệp vụ thanh toán chuyển tiền liên ngân hàng trên toàn quốc		
35	Thanh toán bù trừ trên địa bàn	Cục Công nghệ tin học	Thực hiện nghiệp vụ thanh toán bù trừ trên địa bàn		
IX	Bộ Lao động thương binh và xã hội				
36	Phần mềm quản lý tài chính trợ cấp ưu đãi người có công				
37	CSDL về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, người Việt Nam làm việc tại nước ngoài				

STT	Tên các hệ thống thông tin	Đơn vị triển khai	Chức năng	Địa chỉ truy cập hệ thống	Tên CSDL
	ngoài				
38	CSDL hộ nghèo, cận nghèo				
39	CSDL về an sinh xã hội				
X	Bộ Xây dựng				
XI	Bảo hiểm xã hội Việt Nam				
40	CSDL về Bảo hiểm				
41	Phần mềm giao dịch BHXH điện tử				
42	Phần mềm quản lý các hoạt động nghiệp vụ BHXH				
XII	Văn phòng Chính phủ				
43	Hệ thống thông tin theo dõi tình hình thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Cổng Thông tin Chính phủ			
XIII	Bộ Công Thương				
XIV	Bộ Y Tế				
44	Medisoft 2003				
45	Hệ thống quản lý bệnh truyền nhiễm theo Thông tư 48	Cục Y tế Dự phòng	Quản lý trực tuyến danh sách ca bệnh truyền nhiễm		
46	Hệ thống quản lý bệnh truyền nhiễm theo Thông tư	Cục Y tế Dự phòng	Quản lý trực tuyến danh sách ca bệnh truyền nhiễm		

STT	Tên các hệ thống thông tin	Đơn vị triển khai	Chức năng	Địa chỉ truy cập hệ thống	Tên CSDL
	54				
47	Hệ thống quản lý vaccin và báo cáo tiêm chủng mở rộng	Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương (chương trình TCMR)	Quản lý trực tuyến chương trình TCMR		
48	Hệ thống quản lý tai nạn thương tích	Cục Y tế Dự phòng	Quản lý danh sách ca tử vong do tai nạn thương tích		
49	Hệ thống quản lý số liệu người nhiễm HIV và tử vong do AIDS; Hệ thống quản lý thông tin chăm sóc, điều trị người nhiễm HIV/AIDS	Cục Phòng chống HIV/AIDS	HIV.INFO 3,0 quản lý HIV mới phát hiện và tử vong		
XV	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn				
50	Hệ thống quản lý dữ liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn	Trung tâm Tin học và Thống kê	Báo cáo thống kê sản lượng trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm sản theo tháng quý năm	http://thongke.mard.gov.vn	

Những hệ thống này được kết nối đến các hệ thống của các Bộ chủ quản. Những dữ liệu lưu trữ trong các hệ thống này là rất quan trọng không những với quốc gia và với cả tỉnh Hà Nam. Khi triển khai Kiến trúc, tỉnh Hà Nam nên chú trọng kết nối CQĐT tỉnh Hà Nam với các Hệ thống triển khai từ trung ương xuống địa phương để có thể lấy được những dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, chỉ đạo của tỉnh.

e) Ứng dụng tổng hợp, báo cáo.

- Niên giám thống kê điện tử và báo cáo các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu cung cấp thông tin hỗ trợ cho các hoạt động xã hội, kinh tế, thương mại và đầu tư trong và ngoài tỉnh.

- Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến <http://motcua.hanam.gov.vn> là có ứng dụng về tổng hợp và báo cáo về số lượng hồ sơ sử dụng dịch vụ hành chính công; số lượng hồ sơ nhận; số lượng hồ sơ đã giải quyết.

5. Dịch vụ chia sẻ và tích hợp

Hiện tại tỉnh Hà Nam đã có hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống Email, hệ thống một cửa điện tử và nhiều CSDL, hệ thống của các ban ngành... nhưng hiện các hệ thống này chưa được tích hợp với nhau nên cần xây dựng một nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung cấp tỉnh (LGSP). Thành phần này đóng vai trò là nền tảng CNTT liên quan cho các sở, ban, ngành, huyện và các cơ quan nhà nước trực thuộc tỉnh. Với nền tảng này, thông tin nghiệp vụ có thể được trao đổi theo chiều ngang và chiều dọc giữa các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh. Thành phần này cũng hoạt động như một cổng nghiệp vụ, cùng với các dịch vụ cấp tỉnh để trao đổi thông tin với các Bộ, tỉnh khác hoặc với các cơ quan Đảng, hay các hệ thống thông tin của doanh nghiệp, tổ chức khi cần thiết.

6. Hạ tầng kỹ thuật

a) Máy tính và mạng LAN

- 100% các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố đều có mạng LAN kết nối Internet. Tỷ lệ máy tính trên cán bộ công chức là 70%. Các cơ quan không được trang bị tường lửa để bảo vệ nên có nguy cơ mất an toàn về dữ liệu.

- Năm 2014 và 2015, chỉ số mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT - truyền thông (ICT index) do Bộ Thông tin và Truyền thông và Hội Tin học Việt Nam đánh giá: Hạ tầng kỹ thuật CNTT của Hà Nam xếp thứ 50/63 tỉnh (năm 2014), thành phố trong cả nước. Lý do chỉ số hạ tầng kỹ thuật thấp là phần lớn máy tính và thiết bị khác tại các cơ quan được trang bị từ năm 2004 (Đề án 112), đến nay đã hết khấu hao, tốc độ truy cập chậm, thường xuyên phải sửa chữa, ảnh hưởng đến việc triển khai một số ứng dụng hoạt động trên mạng.

b) Trung tâm tích hợp dữ liệu

Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được trang bị 13 máy chủ và một số thiết bị phụ trợ.

Các hệ thống thông tin đang được cài đặt tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu gồm: Thư điện tử; Trang Văn bản quy phạm pháp luật; Trang niên giám thống

kê tỉnh Hà Nam; Công báo điện tử tỉnh Hà Nam; Chuyên trang kiểm soát thủ tục hành chính; Chuyên mục Xúc tiến đầu tư; Hệ thống thông tin quản lý khiếu nại, tố cáo; Cổng Thông tin hành chính công tỉnh Hà Nam; Trang thông tin điện tử nâng cao năng lực quản lý cụm công nghiệp; Hệ thống thông tin cấp phép xây dựng; Hệ thống báo cáo nhanh; Quản lý cấp phép; Chuyên mục nâng cao chỉ số PCI; Quản lý giấy phép sử dụng tần số; Hệ thống quản lý kết quả thanh tra lĩnh vực thông tin và truyền thông. Trang thông tin điện tử Thành đoàn Phủ Lý; Trang thông tin điện tử Trường Chính trị tỉnh Hà Nam; Trang thông tin điện tử Liên minh Hợp tác xã; Trang thông tin điện tử Hội Chữ thập đỏ tỉnh Hà Nam; Trang thông tin điện tử Khí tượng thủy văn; Trang thông tin điện tử Hội Nông dân tỉnh Hà Nam; Trang thông tin điện tử Thư viện tỉnh Hà Nam...

Các máy chủ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu có cấu hình thấp, chỉ đảm bảo để cài đặt một số hệ thống thông tin riêng lẻ, chưa đảm bảo cài đặt, triển khai hệ thống thông tin theo mô hình tập trung. Trong khi đó, yêu cầu đặt ra trong thời gian tới triển khai phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đến cấp xã theo mô hình tập trung; nâng cấp thư điện tử đảm bảo cung cấp hòm thư điện tử cho cán bộ, công chức cấp xã; chuyển đổi Cổng Thông tin điện tử về Trung tâm tích hợp dữ liệu (hiện nay đang được cài đặt tại máy chủ thuê); chuyển đổi hệ thống Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến (hiện nay đang được cài đặt tại máy chủ thuê). Vì vậy, để đảm bảo triển khai có hiệu quả các ứng dụng trên, rất cần thiết phải trang bị, bổ sung một số máy chủ mạnh, có cấu hình cao.

Bên cạnh đó, một số thiết bị: Hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chống sét; điều hoà nhiệt độ; tường lửa... đã hết khấu hao, không còn đảm bảo hoạt động đúng chức năng cần thiết. Vì vậy, để đảm bảo an toàn cho Trung tâm tích hợp dữ liệu, cần phải trang bị các thiết bị phụ trợ.

Với hệ thống hiện tại, Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu lưu trữ, chưa đáp ứng về cả số lượng, chất lượng và giải pháp công nghệ; không có khả năng bảo mật để chống lại các nguy cơ xâm nhập từ bên ngoài vào hệ thống, không có khả năng phòng chống phá hoại làm ngừng hoạt động và mất dữ liệu.

c) Mạng WAN, mạng truyền số liệu

100% cơ quan kết nối mạng chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước để kết nối mạng WAN giữa các cơ quan.

Mạng số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước: có 100% đơn vị có kết nối đến mạng số liệu chuyên dùng (19 cơ quan chuyên môn và 06 UBND huyện, thành phố).

d) Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

Nhìn chung, hiện tại tỉnh Hà Nam chưa có giải pháp chung cho đảm bảo an toàn an ninh thông tin mà chỉ có giải pháp riêng lẻ của từng cơ quan, đơn vị trong việc thiết lập hạ tầng phần cứng và phần mềm bảo mật.

Tổng số mạng LAN được bảo vệ bởi hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện và phòng, chống truy cập trái phép: 25.

Tổng số mạng LAN đã có hệ thống an toàn dữ liệu (tủ/băng đĩa/SAN/NAS): 25

Hệ thống thư điện tử có được trạng bị phần mềm quét virus và lọc thư rác.

Trung tâm tích hợp dữ liệu không có khả năng bảo mật để chống lại các nguy cơ xâm nhập từ bên ngoài vào hệ thống, không có khả năng phòng chống phá hoại làm ngừng hoạt động và mất dữ liệu.

Đa số các cơ quan đã chú trọng đến công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin bằng cách cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền, trang bị hệ thống tường lửa - Firewall... Với 71,5% máy tính được trang bị công cụ bảo đảm an toàn (thấp hơn so với trung bình cả nước - 73,5%).

7. Tổ chức, nhân lực, đào tạo

Tỷ lệ cán bộ, công chức có thể sử dụng máy tính trong công việc là 98%. Tại mỗi cơ quan có 01 cán bộ chuyên trách về CNTT (quản trị mạng).

Tổng số cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin là 38 người, số cán bộ tại các cơ quan chuyên môn là 32 người, trung bình mỗi cơ quan có gần 2 cán bộ chuyên trách về CNTT.

Số cán bộ chuyên trách tại UBND các huyện, thành phố là 06 người, trung bình mỗi huyện có 1 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc tại các cơ quan chuyên môn là 98% và tại UBND các huyện, thành phố là 95%.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: trong năm 2015, tỉnh đã mở 29 lớp với 3.267 lượt cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với tổng kinh phí 2.095.800.000 đồng.

8. Xây dựng môi trường pháp lý, chính sách về ứng dụng CNTT

UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ các văn bản tạo môi trường pháp lý cho ứng dụng và phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

Chỉ thị số 07/2007/CT-UBND ngày 30/11/2007 của UBND tỉnh Hà Nam về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thủ trưởng cơ quan đối với hoạt

động ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước.

Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 31/12/2007 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế Sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, Trang thông tin điện tử phục vụ điều hành.

Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND ngày 16/5/2008 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế Quản lý, cung cấp và khai thác thông tin trên mạng tin học diện rộng HanamNet.

Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 31/10/2008 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế Số hóa thông tin và chia sẻ thông tin số trong các cơ quan quản lý nhà nước tỉnh Hà Nam.

Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND ngày 09/4/2010 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng Hệ thống thư điện tử tỉnh Hà Nam.

Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và khai thác thông tin, dịch vụ trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam.

Kế hoạch số 1326/KH-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam giai đoạn 2011 - 2015.

Quyết định số 1700/QĐ-UBND ngày 26/12/2011 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch Ứng dụng và Phát triển CNTT tỉnh Hà Nam giai đoạn 2011 - 2020

Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của UBND tỉnh Hà Nam Quy định chế độ thù lao viết, biên tập tin, bài trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam và các bản tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế Quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 13/8/2013 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác hệ thống một cửa điện tử trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hà Nam.

Quyết định số 70/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế Quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Nam.

Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của UBND tỉnh Hà Nam Quy định việc trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam.

Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh Hà Nam về Công khai, minh bạch thông tin trên cổng thông tin điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam hàng năm.

Kết quả ứng dụng CNTT tại tỉnh Hà Nam đã được ghi nhận: Năm 2015 chỉ số ICT Index của tỉnh Hà Nam xếp thứ 46 trên 63 tỉnh thành, tăng 1 bậc so với năm 2014. Chỉ số PCI (chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) năm 2015 của tỉnh Hà Nam xếp thứ 31 tăng 14 bậc so với năm 2014 (Xếp ở nhóm các tỉnh có chỉ số cạnh tranh khá).

9. Phân tích những điểm tồn tại trong việc ứng dụng công tin nghệ thông tại tỉnh Hà Nam

Qua công tác khảo sát thực tế tại các đơn vị và công tác thu thập, phân tích số liệu từ các báo cáo về tình hình ứng dụng CNTT tỉnh Hà Nam nhìn chung, tình hình ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước (CQNN) đã có tiến triển và đạt được một số kết quả khả quan so với kế hoạch đề ra tuy nhiên vẫn còn nhiều hạn chế, các hệ thống ứng dụng còn thiếu nhiều, một số hệ thống có trang bị nhưng triển khai không đồng bộ, chưa liên thông được giữa các đơn vị trong quá trình hoạt động, đặc biệt các hệ thống còn đầu tư một cách riêng lẻ, áp dụng nhiều công nghệ khác nhau, chưa nằm trong một nền tảng cũng như chiến lược phát triển đồng bộ chung cho toàn tỉnh.

- Hạ tầng kỹ thuật ở nhiều cơ quan còn khó khăn. Cơ sở vật chất chưa đồng bộ, trang thiết bị hạn chế, còn thiếu các hệ thống phần mềm quản lý và giải quyết công việc.

- Hồ sơ đăng ký sử dụng dịch vụ công trực tuyến đăng ký qua trang thông tin motcua.hanam.gov.vn năm 2016, 2017 là không có (sau khi kiểm tra lại thông tin của hồ sơ đăng ký sử dụng dịch vụ công của Sở Tư pháp – người dân vẫn phải mang hồ sơ đến tại bộ phận 1 cửa để đăng ký sử dụng dịch vụ cấp phiếu lý lịch tư pháp). Vì vậy cần có chính sách khuyến khích, thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Một số cơ quan chưa công bố đủ 50-70% dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 4 trên trang <http://motcua.hanam.gov.vn>.

- Hiện tại tỉnh Hà Nam có 1.631 dịch vụ công mức độ 3 và 13 dịch vụ công mức độ 4 trên trang <http://motcua.hanam.gov.vn> đã sử dụng e-form để cho phép người dân, doanh nghiệp điền thông tin và đính kèm các văn bản liên quan. Tuy nhiên 1631 dịch vụ công mức độ 3 và 13 dịch vụ công mức độ 4 này hiện đang

được cung cấp bởi phần mềm iGate do tập đoàn VNPT triển khai (dùng thử). Hiện tại, phần mềm iGate mới chỉ tin học hóa phần giao diện tương tác giữa người dùng với bộ phận tiếp nhận hồ sơ, chưa tin học hóa các quy trình xử lý bên trong, cũng như kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu có liên quan. Tuy tỉnh Hà Nam đã cung cấp hơn 1.600 dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3,4 (theo nghị định 43/2011 của Chính phủ), nhưng thực tế phần lớn người dân chưa có kỹ năng sử dụng internet để có thể thực hiện các thủ tục hành chính đó tại nhà. Chính vì vậy khâu tiếp nhận hồ sơ vẫn do bộ phận một cửa thực hiện, người dân vẫn phải đến bộ phận một cửa để nộp hồ sơ.

- Hiện tại đã có các phần mềm như cung cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (do Bộ Tư pháp), đăng ký doanh nghiệp (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và phần mềm cấp/đổi giấy phép lái xe (do Bộ Giao thông vận tải)... triển khai từ trung ương xuống địa phương. Do vậy một số các dịch vụ công trực tuyến do phần mềm iGate của VNPT hiện tại đang triển khai tại Tỉnh Hà Nam bị trùng lặp với các dịch vụ công trên.

- Việc kết nối, liên thông văn bản điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, cấp huyện chưa triển khai đến cấp xã do thiếu kinh phí mở rộng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.

- Một số cơ quan chưa cập nhật đầy đủ thủ tục hành chính; cập nhật chưa đảm bảo thuận tiện phục vụ việc tra cứu của người dân và doanh nghiệp.

- Hình thức xác thực người dùng dịch vụ công mức độ 3 của tỉnh như vậy chưa đảm bảo an toàn, cần nâng cấp hình thức xác thực người dùng để xác thực chính xác hơn.

Việc triển khai Chính quyền điện tử (CQĐT) thống nhất từ tỉnh đến huyện đến xã là một vấn đề rất quan trọng trong tình hình hiện nay, CQĐT sẽ giúp cho tỉnh Hà Nam giải quyết được những vấn đề trên và cải cách hành chính, giúp tỉnh nâng cao các chỉ số về PCI, ICT Index và đảm bảo được chỉ số tăng trưởng phát triển kinh tế đề ra trong quyết định số 1226/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/07/2011 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020.

IV. ĐỊNH HƯỚNG KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH HÀ NAM

4.1. Định hướng phát triển kinh tế xã hội của Quốc gia

Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12 tháng 4 năm 2012 của thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của quốc gia như sau:

4.1.1. Về kinh tế

Duy trì tăng trưởng kinh tế bền vững, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

Nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là các chính sách tài chính, tiền tệ. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng sang kết hợp hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến để tăng năng suất lao động và nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế nói chung và hiệu quả của vốn đầu tư nói riêng.

Xây dựng và thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, đảm bảo phát triển nền kinh tế theo hướng các bon thấp. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Từng bước thị trường hóa giá năng lượng, nâng dần tỷ trọng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo trong tổng tiêu thụ năng lượng ở Việt Nam. Xây dựng hệ thống hạch toán kinh tế môi trường và đưa thêm môi trường và các khía cạnh xã hội vào khuôn khổ hạch toán tài khoản quốc gia (SNA).

Phát triển bền vững công nghiệp với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, thiết bị bảo đảm nguyên tắc thân thiện với môi trường; tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp, xây dựng nền “công nghiệp xanh”, ưu tiên phát triển các ngành, các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, đẩy mạnh phát triển công nghệ cao tại các đô thị lớn. Từng bước phát triển ngành công nghiệp môi trường.

Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững

Đẩy mạnh áp dụng rộng rãi sản xuất sạch hơn để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên vật liệu, năng lượng, nước, đồng thời giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, bảo vệ chất lượng môi trường, sức khỏe con người, đảm bảo phát triển bền vững.

Xây dựng văn hóa tiêu dùng văn minh, hài hòa và thân thiện với thiên nhiên. Từng bước thực hiện dần nhãn sinh thái, mua sắm xanh. Phát triển thị trường sản phẩm sinh thái và sáng kiến cộng đồng về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Áp dụng những chính sách điều chỉnh những hành vi tiêu dùng không hợp lý.

Đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững

Đảm bảo an ninh lương thực trên cơ sở bảo vệ 3,8 triệu hecta diện tích đất lúa, đảm bảo nguồn cung lương thực, nhu cầu dinh dưỡng và khả năng tiếp cận lương thực của người dân theo kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Chính phủ.

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng; phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng và hiệu quả; gắn sản xuất với thị trường trong nước và thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (đất đai, nước, rừng, lao động và nguồn vốn); nâng cao thu nhập trên một đơn vị hecta đất canh tác, trên một ngày công lao động; cải thiện đời sống của nông dân; phát triển bền vững các làng nghề. Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản, đặc biệt là ứng dụng công nghệ sinh học để tạo nhiều giống cây trồng, vật nuôi và quy trình sản xuất đạt năng suất, chất lượng cao. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển nông, lâm, ngư nghiệp trong từng vùng kinh tế và liên vùng theo hướng phát triển bền vững, gắn sản xuất với thị trường, gắn vùng nguyên liệu với công nghiệp chế biến.

Phát triển nông thôn bền vững phải bao gồm 4 quá trình: công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đô thị hóa; kiểm soát dân số; bảo vệ môi trường sinh thái. Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn xét trên các khía cạnh kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường và dân chủ. Quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa nông thôn phải theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, giảm thiểu sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn về mức sống vật chất và tinh thần.

Phát triển bền vững các vùng và địa phương

Tập trung ưu tiên phát triển trước các vùng kinh tế trọng điểm, có khả năng bứt phá và dẫn dắt sự phát triển, đồng thời chú ý tới việc hỗ trợ các vùng kém phát triển và có điều kiện khó khăn hơn, nhằm tạo ra một sự cân đối nhất định trong phát triển không gian, từng bước thu hẹp khoảng cách về xã hội và

tiến tới giảm bớt sự chênh lệch về kinh tế giữa các vùng và địa phương. Các vùng phát triển kinh tế trọng điểm sẽ đóng vai trò là đầu tàu, lôi kéo các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có điều kiện khó khăn hơn. Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, phát huy lợi thế của từng vùng, tạo sự liên kết giữa các vùng.

4.1.2. Về xã hội

Đẩy mạnh công tác giảm nghèo theo hướng bền vững; tạo việc làm bền vững; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội

Ưu tiên nguồn lực để giảm nghèo và nâng cao điều kiện sống cho đồng bào ở những vùng khó khăn nhất. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo có nhà ở, có tư liệu và phương tiện để sản xuất; phát triển kinh tế thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; phát triển sản xuất hàng hóa; trợ giúp việc học chữ và học nghề.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động gắn với phát triển ngành nghề, tạo việc làm bền vững. Hỗ trợ học nghề và tạo việc làm cho các đối tượng chính sách, người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn và đô thị hóa.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội; có chính sách phù hợp nhằm hạn chế phân hóa giàu nghèo, giảm bớt sự gia tăng chênh lệch về mức sống của các vùng, các nhóm xã hội.

Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, hiệu quả. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ người nghèo, đối tượng dễ bị tổn thương. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục những rủi ro do tác động của kinh tế, xã hội, môi trường. Phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm, khuyến khích và tạo điều kiện để người lao động tiếp cận và tham gia các loại hình bảo hiểm. Mở rộng các hình thức trợ giúp và cứu trợ xã hội, tăng độ bao phủ, nhất là đối với các đối tượng khó khăn, các đối tượng dễ bị tổn thương.

Ổn định quy mô, cải thiện và nâng cao chất lượng dân số

Ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý, chủ động điều chỉnh tốc độ gia tăng dân số, duy trì mức sinh thấp hợp lý, giải quyết tốt những vấn đề về cơ cấu dân số.

Nâng cao chất lượng dân số; cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ và trẻ em; phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam để nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; từng bước nâng cao chất lượng giống nòi và tăng tuổi thọ khỏe mạnh của người Việt Nam.

Phát triển văn hóa hài hòa với phát triển kinh tế, xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam

Phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xử lý tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, là một động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Xây dựng lối sống và môi trường văn hóa lành mạnh. Xây dựng nhân cách con người Việt Nam, đặc biệt trong thế hệ trẻ về đạo đức, lối sống, trí tuệ, thể chất, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội và ý thức chấp hành pháp luật. Ngăn chặn có hiệu quả một số tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm.

Xây dựng gia đình Việt Nam tiến bộ, hạnh phúc, thực sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội. Thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật về hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình, ngăn chặn sự xâm nhập của các tệ nạn xã hội vào gia đình. Kế thừa, giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam gắn liền với xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển.

Phát triển bền vững các đô thị, xây dựng nông thôn mới, phân bố hợp lý dân cư và lao động theo vùng

Từng bước xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị Việt Nam phát triển theo mô hình mạng lưới đô thị; có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phù hợp, đồng bộ, hiện đại; có môi trường và chất lượng sống đô thị tốt; có kiến trúc đô thị tiên tiến, giàu bản sắc; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống phù hợp từng giai đoạn phát triển chung của đất nước. Phát triển đô thị ổn định, bền vững, trên cơ sở tổ chức không gian phù hợp; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, tiết kiệm năng lượng; bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái.

Xây dựng và củng cố vững chắc nông thôn theo các tiêu chí nông thôn mới, phù hợp với đặc điểm từng vùng; giữ gìn và phát huy những nét văn hóa đặc sắc của nông thôn Việt Nam. Coi trọng mối liên kết đô thị - nông thôn. Khuyến khích phát triển các thành phố quy mô trung bình và nhỏ; giảm bớt sự khác biệt giữa các vùng, khu vực nông thôn với thành thị, giữa các cộng đồng dân cư và tạo sự hòa nhập xã hội bền vững.

Quản lý tốt lao động di cư để thúc đẩy phân bố dân cư, lao động hợp lý giữa các vùng.

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo để nâng cao dân trí và trình độ nghề nghiệp thích hợp với yêu cầu của sự phát triển đất nước, vùng và địa phương

Đổi mới cơ bản và toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp, bậc học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ, tăng cường tính thực tiễn, kỹ năng thực hành, năng lực tự học, coi trọng kiến thức xã hội và nhân văn, bổ sung những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh và tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước trong khu vực và thế giới.

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

Thực hiện tốt các chiến lược phát triển giáo dục và phát triển dạy nghề; chiến lược và quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011 – 2020 với sự cụ thể hóa phù hợp với ngành, vùng và địa phương. Xây dựng xã hội học tập, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục và đào tạo.

Phát triển về số lượng và nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe; bảo đảm an toàn thực phẩm; cải thiện điều kiện và vệ sinh môi trường lao động

Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe theo hướng toàn diện, chú trọng dự phòng tích cực và chủ động, không chế kịp thời và kiểm soát tốt các dịch bệnh, sàng lọc phát hiện sớm và điều trị kịp thời bệnh tật. Củng cố và tăng cường hệ thống y tế theo hướng đa dạng hóa các loại hình phục vụ và xã hội hóa lực lượng tham gia, trong đó các cơ sở y tế công phải đóng vai trò chủ đạo. Thiết lập hệ thống cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện, tập trung vào việc cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến; giảm tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến trên. Cải thiện, nâng cấp cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các trạm y tế xã, phường. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực y tế và nhân viên công tác xã hội cả về số lượng và chất

lượng; đào tạo các nhân viên y tế cộng đồng, các kỹ thuật viên y tế để bảo đảm cho họ có khả năng tiến hành tốt các công việc chữa bệnh, chăm sóc khỏe và triển khai các hoạt động y tế dự phòng.

Từng bước hình thành hệ thống quản lý và kiểm soát vệ sinh, an toàn thực phẩm nhằm bảo vệ sức khỏe và quyền lợi người tiêu dùng.

Cải thiện điều kiện làm việc, giảm ô nhiễm môi trường lao động, giảm thiểu tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe cho người lao động và tăng cường đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

Bảo đảm an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội; tăng cường tiềm lực quốc phòng để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

Tăng cường hợp tác quốc tế, thực hiện có trách nhiệm các cam kết quốc tế; tích cực, chủ động hội nhập để xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

4.2. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh Hà Nam

Căn cứ vào Quyết định số 1226/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 22/07/2011 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững kinh tế xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020 và Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2015 của UBND tỉnh Hà Nam về Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2011-2015; Dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hà Nam như sau:

4.2.1. Quan điểm phát triển theo hướng bền vững.

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020 phải bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch của Vùng đồng bằng sông Hồng và đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

Phát huy nội lực, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy

manh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát triển các ngành công nghiệp tiên tiến nhằm tạo ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường; phát triển nông nghiệp gắn với ứng dụng khoa học công nghệ theo hướng hàng hóa và xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển.

Gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

4.2.2. Mục tiêu phát triển

Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng Hà Nam đến năm 2020 có tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả, bền vững, trong đó chú trọng chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế; thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020 phấn đấu vượt mức trung bình của Vùng đồng bằng sông Hồng; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu thời kỳ phát triển tiếp theo; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững.

Mục tiêu chủ yếu

a) Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm thời kỳ 2011 - 2020 đạt 14,2%/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 13,5%/năm và đạt 15% giai đoạn 2016 - 2020. Tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế của Tỉnh vào năm 2015 là 54,8%, 32%, 13,2% và đến năm 2020 là 58,6%, 33,2%, 8,2%.

- Phấn đấu tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu tăng bình quân 23%/năm giai đoạn 2011 - 2020, trong đó tăng 15% giai đoạn 2011 - 2015 và 32% giai đoạn 2016 - 2020; tỷ lệ thu ngân sách chiếm khoảng 11 - 12% GDP vào năm 2020.

b) Về phát triển xã hội

- Tiếp tục duy trì vững chắc kết quả thực hiện chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục trung học đạt tiêu chuẩn quốc gia; 100% trường học được kiên cố hóa vào năm 2020.

- Phần đầu đạt trên 9 bác sỹ/1 vạn dân, ít nhất 25 giường bệnh/1 vạn dân vào năm 2015; giảm tỷ lệ thất nghiệp đô thị xuống dưới 5% vào cuối thời kỳ quy hoạch, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 60% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3% theo quy định chuẩn nghèo; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 15% và tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đến năm 2020 đạt 60%.

c) Về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo tỷ lệ che phủ của rừng 7% vào năm 2020 nhằm bảo vệ tốt môi trường sinh thái, bảo vệ đất đai, điều hòa nguồn nước và góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế cũng như giảm nghèo.

- Giải quyết tốt vệ sinh môi trường đô thị, vệ sinh an toàn thực phẩm và môi trường các khu công nghiệp, khu du lịch trên cơ sở giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế, phát triển công nghiệp, dịch vụ và bảo vệ tài nguyên môi trường.

d) Về quốc phòng - an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị nhằm xây dựng nền quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân, đẩy mạnh công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, kiểm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông, bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội.

4.2.3. Giải pháp chủ yếu.

- ***Cải cách mạnh mẽ hành chính, thu gọn các thủ tục, xây dựng bộ máy chính quyền theo hướng tinh gọn, hình thành hệ thống dịch vụ công hiệu quả, chất lượng. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh lên một bước mới, đặc biệt trong lĩnh vực tiếp cận đất đai, thủ tục hành chính.***

- ***Thực hiện có hiệu quả công nghiệp hóa nông nghiệp. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi hộ gia đình, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch xuất khẩu;***

Phần đầu giá trị sản xuất nông nghiệp (giá SS2010) tăng bình quân từ

2,5%/năm trở lên. Cơ cấu ngành nông nghiệp chiếm khoảng 9 - 10% trong tổng cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tỷ trọng chăn nuôi - thủy sản chiếm khoảng 52% trong giá trị sản xuất ngành nông nghiệp; tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chiếm 3% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện hiệu quả công nghiệp hóa nông nghiệp. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành theo hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, tăng nhanh tỷ trọng chăn nuôi theo hộ gia đình và sản xuất các sản phẩm rau quả sạch xuất khẩu. Tập trung phát triển các vùng nguyên liệu phục vụ phát triển công nghiệp thực phẩm Thực hiện chuyên toàn bộ diện tích đất bãi, đất trồng lúa kém hiệu quả của 2 huyện Duy Tiên và Lý Nhân sang trồng cỏ, ngô phục vụ chăn nuôi bò sữa.

Tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất (*khâu làm đất đạt 100%, thu hoạch đạt 50 % và chế biến đạt 20%*); đầu tư thâm canh, phát triển cây trồng hàng hóa, mở rộng diện tích gieo trồng cây vụ

Đông có giá trị kinh tế cao... Đảm bảo ổn định diện tích đất trồng lúa hai vụ, trong đó diện tích lúa hàng hóa chất lượng cao chiếm trên 50 % sản lượng lương thực bình quân 420 - 430.000 tấn/năm. Phát triển 1000 ha đất màu chuyên canh ứng dụng công nghệ cao sản xuất rau quả có chất lượng cao.

Phát triển mạnh chăn nuôi nông hộ gắn với các Đề án ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi, xử lý môi trường. Phấn đấu đến 2020 có ít nhất 75% hộ nông dân chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản.

Phát triển đàn bò sữa nhanh, bền vững ở hộ gia đình gắn với trang trại mẫu theo Đề án phát triển chăn nuôi bò sữa; phấn đấu đến 2020 đàn bò sữa có khoảng 7.000 - 8.000 con; sản lượng sữa 25 - 30.000 tấn; Đảm bảo an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường; Không phát triển chăn nuôi bò sữa trong khu dân cư.

Thúc đẩy quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, gắn với tập trung ruộng đất ở nông thôn; gắn hộ dân với doanh nghiệp, ngân hàng dưới sự chỉ đạo của nhà nước. Nghiên cứu, xây dựng, triển khai các chương trình, dự án phát triển trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản theo hướng hình thành chuỗi sản xuất → nuôi trồng → chế biến → tiêu thụ. Triển khai mạnh mẽ sản xuất nông sản để xuất khẩu. Phát triển các vùng trồng rau sạch, nuôi trồng thực phẩm sạch cung cấp cho Hà Nội, nhân dân địa phương và các vùng xung quanh; Tiếp tục triển khai mô hình liên kết 4 nhà trong chăn nuôi, cây trồng hàng hoá xuất khẩu; Vùng trồng cây dược liệu cung ứng cho sản xuất của các Nhà máy sản

xuất thuốc, thực phẩm chức năng. Có cơ chế đặc biệt khuyến khích các doanh nghiệp FDI đầu tư sản xuất nông sản sạch (*rau, quả, thịt*) cho xuất khẩu và nội địa. Làm tốt 6 mô hình cánh đồng mẫu với quy mô 30 ha/huyện, thành phố và tiếp tục nhân rộng mô hình trong giai đoạn 2016-2020.

Phát triển đa dạng các hình thức tổ chức sản xuất trong nông thôn để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông thôn; phấn đấu đến 2020, tỷ trọng lao động trong sản xuất nông nghiệp còn dưới 25% tổng số lao động.

Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn lực, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn theo Nghị quyết 03/NQ-TU của Tỉnh ủy để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, phát triển hài hoà giữa các vùng. Phấn đấu, đến 2020 có 50% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ, trồng rừng mới tập trung, khoanh nuôi tái sinh rừng. Tỷ lệ che phủ rừng đến 2020 đạt 6%.

- ***Phát triển công nghiệp phụ trợ, tạo nền tảng vững chắc để phát triển công nghiệp với tốc độ cao.***

Phấn đấu, giá trị sản xuất công nghiệp (*giá SS2010*) tăng bình quân trên 15%/năm; năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 81.000 tỷ đồng. Một sản phẩm chủ yếu: Sữa 143 triệu lít, bia 100 triệu lít, nước giải khát 600 triệu lít, xe gắn máy 400 nghìn chiếc, xi măng 10 - 11 triệu tấn, thiết bị điện - điện tử 24,5 triệu sản phẩm...

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các khu, cụm công nghiệp phù hợp với điều kiện thực tế và định hướng phát triển của địa phương trong giai đoạn mới. Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật để thu hút đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế. Phấn đấu lấp đầy 100% khu công nghiệp Hòa Mạc, KCN Châu Sơn; 30 - 50% các khu công nghiệp khác theo quy hoạch. Giá trị sản xuất trong các khu công nghiệp chiếm 74% tổng giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa của các nước công nghiệp phát triển; chú trọng doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Châu Âu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, dợc phẩm.

Ổn định công suất sản xuất xi măng của các nhà máy hiện có, công suất khai thác đá để đảm bảo môi trường; không cấp phép mới khai thác đá; phát triển hợp lý về quy mô, công suất các sản phẩm công nghiệp “hậu xi măng” như

các ngành sản xuất vật liệu xây dựng mới, không nung... .Hạn chế sản xuất thức ăn chăn nuôi thông thường (*quy mô nhỏ, công nghệ không tiên tiến*), dệt, may, đặc biệt các dự án có sử dụng công nghệ tẩy, nhuộm, dự án may gia công.

Chuẩn bị các điều kiện quy hoạch, triển khai khu công nghiệp Điện - thép - xi măng và các dịch vụ khác ở Tây Đáy.

Phát triển mạnh công nghiệp nông thôn gắn với giữ vững và phát triển các làng nghề, sản phẩm nghề truyền thống của địa phương.

- ***Phát triển mạnh thương mại, dịch vụ tạo động lực thúc đẩy phát triển công nghiệp, đô thị, đưa Hà Nam trở thành trung tâm dịch vụ chất lượng cao cấp vùng về y tế, giáo dục vào năm 2020***

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2020 đạt xấp xỉ 30.000 tỷ đồng, bình quân tăng 15,5%/ năm.

Mở rộng hệ thống thương mại, dịch vụ; chú trọng thị trường nông thôn, dịch vụ phát triển khu công nghiệp, khu Đại học Nam Cao, khu Trung tâm y tế chất lượng cao (*nhà ở công nhân, phục vụ chuyên gia, nhà hàng, siêu thị...*). Khuyến khích và có cơ chế đặc biệt kêu gọi đầu tư cảng ICD huyện Duy Tiên phục vụ xuất nhập khẩu nguyên liệu, hàng hóa tại các khu công nghiệp của tỉnh và các tỉnh xung quanh. Hình thành dịch vụ logistics từ doanh nghiệp - cảng ICD - cửa khẩu (*Hải Phòng, Nội Bài và các cửa khẩu phía Bắc...*).

Hình thành các khu thương mại, dịch vụ cao cấp; các khu du lịch trọng điểm, khu nghỉ dưỡng... đáp ứng nhu cầu trong và ngoài nước: phát triển các chuỗi dịch vụ thương mại - khách sạn - nhà hàng ở vùng lõi giữa QL1A và đường cao tốc; xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển khách sạn, nhà hàng tại thành phố Phủ Lý, khu vực Đồng Văn, Tam Chúc - Ba Sao; phát triển Trung tâm thương mại chất lượng cao ở thành phố Phủ Lý, các siêu thị ở thị trấn các huyện... Tiếp tục đầu tư khu du lịch Tam Chúc, đến năm 2020, hoàn thành cơ bản hạ tầng khung {*giao thông kết nối và nội bộ; Cấp điện, cấp nước, các hạng mục thủy lợi, kè...*}; Khu văn hóa tâm linh (*Khu dịch vụ lòng hồ, 1 phần khu dịch vụ ven hồ; 1 sân Golf; Hạ tầng khu thương mại dịch vụ và nghỉ dưỡng...*); phân đầu đón 1,8 triệu lượt khách du lịch. Xây dựng dự án sân Golf Đồi Con Phượng. Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch gắn với hợp tác với các tỉnh trong vùng để phát triển du lịch theo tuyến; phân đầu doanh thu du lịch tăng bình quân 20 - 22%/ năm.

Tạo mọi điều kiện để đến năm 2017, 2 Bệnh viện tuyến Trung ương (*Việt Đức, Bạch Mai*) đưa vào sử dụng; các trường trong khu Đại học triển khai và

đầy nhanh tiến độ xây dựng. Thu hút các Bệnh viện, các trường đại học có thương hiệu về đầu tư; Phân đấu đến năm 2020, có 3000 - 3500 giường bệnh tại Khu Y tế chất lượng cao; 5 trường Đại học, cao đẳng hoạt động trên địa bàn tỉnh, thu hút 5 - 7 vạn sinh viên.

Tạo điều kiện, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu để mở rộng quy mô, mặt hàng và thị trường xuất khẩu. Phân đấu kim ngạch xuất khẩu bình quân 2016-2020 tăng 20%/năm.

Phát triển đa dạng các loại hình tín dụng, ngân hàng; tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại mở chi nhánh, văn phòng đại diện trên địa bàn nhằm tăng số lượng, chất lượng các dịch vụ ngân hàng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Huy động hiệu quả các nguồn vốn để cho vay. Phân đấu dư nợ tín dụng mỗi năm từ 18-20%, đến 2020 đạt 28 - 30 nghìn tỷ đồng; trong đó tỷ trọng dư nợ cho vay nông nghiệp - nông thôn đạt khoảng 70%.

Phát triển đồng bộ các dịch vụ về giao thông, điện, nước, thông tin truyền thông, sân golf, xử lý nước thải, chất thải phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của doanh nghiệp và người dân. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp dịch vụ, các tổ chức sự nghiệp công lập thuộc tất cả các lĩnh vực mà nhà nước không cần nắm giữ, chi phối. Triển khai nhanh các dự án và nâng cao chất lượng dịch vụ công nghiệp - thương mại: điện (*trạm biến áp và đường dây*), Nhà máy nước Mộc Bắc; Tranh thủ hỗ trợ của Trung ương để đầu tư cảng Yên Lệnh, Bồng Lạng.

- ***Tăng cường công tác bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả.***

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối 2016-2020 của tỉnh và năm đầu của 5 huyện, thành phố.

Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường; chú trọng môi trường làng nghề, khu công nghiệp, xử lý rác thải y tế, rác thải đô thị và nông thôn. Đến năm 2020: 100% các KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn; 60% các cụm công nghiệp có khu xử lý nước thải và thu gom chất thải. Cơ bản xử lý ô nhiễm nước lưu vực Nhuệ, Đáy. Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Quản lý chặt chẽ khai thác khoáng sản, tài nguyên; thực hiện các biện pháp quản lý, xác định trữ lượng khoáng sản để tăng nguồn thu cho ngân sách. Giảm dần và chấm dứt cấp phép khai thác khoáng sản ngắn hạn.

Tiếp tục thực hiện chương trình sử dụng tiết kiệm năng lượng, chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Duy trì thu ngân sách với tốc độ tăng trưởng cao. Chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả. Phần đầu đến năm 2020 tổng thu cân đối vượt tong chi cân đối.

Thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm khai thác triệt để các nguồn thu từ các lĩnh vực kinh tế {*quy hoạch, GPMB, đầu giả thu tiền 1 lần các vị trí đất có lợi thế sản xuất kinh doanh...*} đi đôi với tạo nguồn thu, nuôi dưỡng nguồn thu; tích cực huy động các khoản thu phí, lệ phí, các khoản đóng góp vào ngân sách nhà nước. Phần đầu, tốc độ tăng thu ngân sách tăng bình quân 15%/ năm; đến năm 2020, thu cân đối ngân sách trên địa bàn đạt trên 6.500 tỷ đồng và vượt tổng chi cân đối, tỷ lệ thu ngân sách /GRDP khoảng 9,6%.

Chi ngân sách đảm bảo đúng các quy định, chế độ, định mức của Nhà nước gắn với việc triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng. Hàng năm bố trí vốn để trả nợ công, hỗ trợ nông thôn mới và các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh. Phân bổ kinh phí cho các cơ quan đơn vị chi thường xuyên gắn với kết quả hoàn thành nhiệm vụ. Đảm bảo kinh phí để giải quyết đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, kinh phí cho Quốc phòng - an ninh. Đổi mới cơ chế tài chính để chuyển một số dịch vụ công cho các thành phần kinh tế ngoài nhà nước thực hiện thông qua các hoạt động đấu thầu.

- Tiếp tục củng cố phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, đáp ứng yêu cầu liên kết vùng và đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý tốt quy hoạch để phát triển bền vững. Tập trung hoàn thiện hạ tầng khung; triển khai các dự án cải thiện môi trường đầu tư; xây dựng nền tảng vững chắc nhằm phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao để Hà Nam sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách. Triển khai nghiêm Luật đầu tư công, Luật đầu tư (*sửa đổi*). Tăng cường quản lý đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Nhà nước; Triển khai đầu tư các dự án theo kế hoạch đầu tư trung hạn được duyệt, đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao chất lượng đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thành, đưa vào sử dụng nhiều công trình dự án trọng điểm, có tác

động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: đường ĐT495B, khu du lịch Tam Chúc-Ba Sao, tuyến đường tránh thành phố Phủ Lý, đường nối hai cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình với cao tốc Hà Nội-Hải Phòng, Khu y tế chất lượng cao, Khu Đại học Nam Cao... Tranh thủ nguồn vốn cho dự án Tăng cường môi trường đầu tư tỉnh Hà Nam; xây dựng QL21B...

Xây dựng, phát triển thành phố Phủ Lý theo quy hoạch điều chỉnh sau mở rộng; phấn đấu thành phố Phủ Lý thành đô thị loại II trước năm 2020. Triển khai xây dựng khu hành chính mới của tỉnh, khu trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm, khu đô thị Duy Tiên theo quy hoạch. Hình thành các khu, chuỗi đô thị văn minh đồng bộ và đầy đủ các loại hình dịch vụ.

Triển khai Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020 của tỉnh. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách hỗ trợ nhà ở cho các nhóm đối tượng; đa dạng hóa các loại hình nhà ở đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở của nhân dân.

- *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả ứng dụng khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.*

Phát triển, mở rộng giáo dục đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt quan tâm đào tạo lao động cho các doanh nghiệp công nghiệp phụ trợ của Nhật Bản, Hàn Quốc.

Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức 2, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; phấn đấu đạt phổ cập giáo dục trung học. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giữ vững chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục mũi nhọn ở thứ hạng cao. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng trường chuẩn Quốc gia; giữ vững chuẩn quốc gia của 100% các trường tiểu học và phấn đấu đến 2020, 80% trường mầm non, 85% trường trung học cơ sở, 80% trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia và mỗi huyện, thành phố có ít nhất 01 trường tiểu học hoặc 01 trường trung học cơ sở chất lượng cao.

Tiếp tục thu hút các trường đại học có chất lượng vào Khu Đại học Nam Cao, chú trọng kêu gọi các trường thuộc diện di dời ra ngoài Thủ đô Hà Nội.

Đổi mới trong công tác đào tạo nghề, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo gắn với nhu cầu tuyển dụng lao động của doanh nghiệp. Thực hiện các Đề án đào tạo nghề ngành công nghiệp hỗ trợ cho doanh nghiệp Nhật Bản, Hàn Quốc, tạo hướng đột phá chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn. Nghiên cứu, sửa đổi bổ sung và tổ chức thực hiện chính sách thu hút nhân tài phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tình hình phát triển chung của cả nước.

Chú trọng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong từng ngành, lĩnh vực. Ưu tiên đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường và các ngành công nghệ mới. Đẩy mạnh xã hội hóa, phối kết hợp giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý Nhà nước trong nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ. Thực hiện tốt công tác thẩm định các dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh, lựa chọn công nghệ cao, phù hợp, ngăn chặn kịp thời công nghệ lạc hậu. Phát động phong trào lao động sáng tạo, cải tiến sáng kiến kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh, động viên khen thưởng kịp thời các sáng kiến có giá trị thực tiễn.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở.

- ***Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, phục vụ tích cực nhiệm vụ chính trị và đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân.***

+ *Nâng cao chất lượng hoạt động thông tin, báo chí, văn hóa, thể dục thể thao*

Tiếp tục phát triển văn hoá Hà Nam theo định hướng, chiến lược của Chính phủ đến 2020; đẩy mạnh phong trào toàn dân xây dựng nếp sống văn hóa, phong trào luyện tập thể dục, thể thao. Phấn đấu đến 2020, 87% gia đình đạt tiêu chuẩn văn hoá; 80 - 83% khu dân cư giữ vững danh hiệu làng văn hoá; 31,2.% dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; 23,8% số gia đình tập thể thao.

Quan tâm, phục hồi, phát triển lành mạnh các lễ hội văn hóa, truyền thống của tỉnh. Kết hợp phát triển văn hóa với phát triển du lịch duy trì thuần phong mỹ tục và nét đẹp văn hóa của người Hà Nam.

Nâng cao chất lượng thể thao cơ sở. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển thể thao thành tích cao. Chú trọng các môn thể thao có thế mạnh của tỉnh. Tăng cường đào tạo vận động viên; chú trọng, quan tâm đầu tư các môn thể thao có thế mạnh của tỉnh.

+ *Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện tốt chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình*

Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh nguy hiểm, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Quan tâm đầu tư y tế tuyến cơ sở; phấn đấu năm 2020, 85,4% trạm y tế xã, phường có bác sỹ; 100%

xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư trong phát triển dịch vụ đào tạo nhân lực ngành y tế

Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng Bệnh viện Bạch Mai và Việt Đức để đến 2017 đi vào hoạt động. Đồng thời, quy hoạch và phát triển các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân và các dịch vụ phục vụ xung quanh khu vực 2 bệnh viện Bạch Mai và Việt Đức để trở thành Khu Trung tâm y tế chất lượng cao của vùng và cả nước. Tiếp tục kêu gọi, thu hút các Bệnh viện tuyến Trung ương (*Mắt Trung ương, Lão khoa, Điều dưỡng...*) các Bệnh viện, cơ sở chữa bệnh gắn nghỉ dưỡng từ các nguồn vốn khác (*FDI, ppp...*) để nâng tổng số giường bệnh trên địa bàn tỉnh đạt trên 3.500 giường; bình quân đạt 43,3 giường bệnh/ vạn dân.

Làm tốt công tác truyền thông dân số và dịch vụ kế hoạch hoá gia đình; duy trì mức sinh thay thế, giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh và từng bước nâng cao chất lượng dân số.

+ *Tiếp tục tập trung giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội.*

Giai đoạn 2016-2020, phấn đấu giải quyết việc làm mới khoảng 16.000 lao động/ năm và đẩy mạnh xuất khẩu lao động; tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm giảm 1 - 1,5% theo chuẩn hiện hành; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% vào năm 2020, trong đó qua đào tạo nghề 55%.

Huy động sức mạnh tổng hợp của cấp ủy, chính quyền các cấp và toàn dân tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo. Đẩy mạnh xây dựng, triển khai các mô hình giảm nghèo bền vững, hiệu quả, nhất là tạo việc làm ổn định, tăng thu nhập, chống tái nghèo. Gắn công tác giảm nghèo với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1 - 1,5%/năm.

Giải quyết tốt các chính sách đối với người có công và các gia đình chính sách. Vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động “Đền ơn, đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”. Thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, quan tâm thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng đối với người lao động; phấn đấu đến 2020, 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội, 40% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và 82 % dân số tham gia bảo hiểm y tế. Thường xuyên quan tâm công tác bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em, thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới. Ngăn chặn và đẩy lùi sự gia tăng của các tệ nạn xã hội trên địa bàn tỉnh.

4.2.4. Ứng dụng CNTT trong việc thực hiện những mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Triển khai hiệu quả chương trình cải cách hành chính gắn với xây dựng Chính quyền điện tử và dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trong mỗi lĩnh vực;

Tạo chuyển biến mạnh mẽ và phát triển nguồn nhân lực CNTT đạt chuẩn quốc gia, bảo đảm nhu cầu của tỉnh về số lượng và chất lượng. Đổi mới nội dung, phương thức dạy và học; thúc đẩy xã hội học tập để đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh;

Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, tiếp thu, làm chủ và phát huy các sáng kiến trong lĩnh vực CNTT. Bảo đảm an toàn an ninh thông tin, làm chủ không gian mạng; sẵn sàng ngăn chặn chiến tranh mạng;

Khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử.

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý toàn diện các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý nguồn nhân lực, lao động, trong thực hiện các chính sách xã hội đối với người có công; xóa đói, giảm nghèo; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; công tác cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai và bảo trợ xã hội

4.3. Tầm nhìn, định hướng phát triển chính quyền điện tử trong phát triển của tỉnh Hà Nam

4.3.1. Phù hợp với tầm nhìn định hướng của quốc gia về chính phủ điện tử.

Theo Quyết định 1819/QĐ-TTG ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2015 về Chính phủ điện tử và Công văn số 42/BNV-CCHC ngày 06/01/2017 của Bộ Nội vụ cũng coi việc xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử là một mục tiêu rất quan trọng trong việc đánh giá chỉ số cải cách hành chính của tỉnh. Để tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý và cung cấp dịch vụ công, xây dựng Chính phủ điện tử, trong ba năm

2015 – 2017, Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ:

Mục tiêu:

Cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau, ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian, số lần trong một năm người dân, doanh nghiệp phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động.

Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên quy mô quốc gia, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng rộng khắp giữa các cơ quan trên cơ sở Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

Đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Nâng cao vị trí của Việt Nam về Chính phủ điện tử theo xếp hạng của Liên hợp quốc. Công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của tất cả các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- 30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tại mức độ 4.

- 95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng.

- 90% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.

- 50% số hộ, cá nhân kinh doanh kê khai nghĩa vụ thuế phát sinh qua mạng từ việc cho thuê tài sản và lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô, xe máy.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để rút ngắn thời gian thực hiện thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho doanh nghiệp, đạt mức trung bình của các nước ASEAN-4.

- 90% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội; ứng dụng công nghệ thông tin để giảm số giờ thực hiện thủ tục Bảo hiểm xã hội, đạt mức trung bình của các nước ASEAN-4.

- Tối thiểu 50% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, 40% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trên phạm vi toàn quốc thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

- Tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 20%.

- Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 10%.

- 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

- 100% văn bản không mật trình ủy ban nhân dân tỉnh dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy).

- Xây dựng hệ thống điện tử thông suốt, kết nối và liên thông văn bản điện tử, dữ liệu điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Tạo lập môi trường điện tử để người dân giám sát và đóng góp cho hoạt động của chính quyền các cấp.

- Ứng dụng CNTT gắn kết chặt chẽ với công cuộc cải cách hành chính và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh; triển khai thực hiện ứng dụng CNTT kết hợp với Hệ thống quản lý chất lượng ISO (ISO điện tử).

4.3.2. Tầm nhìn định hướng của phát triển chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam.

Để thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử tại địa phương, tỉnh Hà Nam đã ban hành kế hoạch số 3189/KH-UBND ngày 30/12/2016 về “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2020” và Quyết định 851/QĐ-UBND Hà Nam ngày 17/06/2016 về việc “Ban hành kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Nam” để thúc đẩy ứng dụng CNTT và xây dựng Chính quyền điện tử với mục đích cải cách hành chính gắn với việc tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng và đơn giải

hóa, chuẩn hóa nội dung hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính để phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

4.3.2.1. Hiện đại hóa hành chính

a) Triển khai xây dựng Chính quyền điện tử theo Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình xử lý công việc của các cơ quan hành chính nhà nước, giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức, cá nhân; kết nối, liên thông các hệ thống thông tin để các giao dịch điện tử của cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử; cung cấp hầu hết các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Công Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Phấn đấu đến năm 2020, hầu hết các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp ở mức độ 3, 4; 95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng; 90% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng; 90% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội; tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 20%; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 10%.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc của các cơ quan hành chính nhà nước; ứng dụng công nghệ thông tin giữa các cơ quan hành chính chính nhà nước với nhau và trong giao dịch với tổ chức, cá nhân nhằm tạo môi trường minh bạch, hiện đại và hiệu quả.

c) Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp; bảo đảm triển khai đồng bộ với việc phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia; thống nhất ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin, trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng.

d) Triển khai xây dựng, nhân rộng và thực hiện có hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001: 2008 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

đ) Nâng cấp trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện, đảm bảo hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

e) Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan hành chính thông qua việc sử dụng hiệu quả mạng thông tin điện tử hành chính.

- 100% văn bản không mật trình ủy ban nhân dân tỉnh dưới dạng điện tử;
- 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử

4.3.2.2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định thủ tục hành chính ngay từ khâu dự thảo; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách thủ tục hành chính theo đúng Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí, thời gian tuân thủ thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực; ưu tiên các thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm: Đầu tư; đất đai; xây dựng; sở hữu nhà ở; thuế; hải quan; xuất khẩu; nhập khẩu; y tế; tiếp cận điện năng; quản lý thị trường, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các thành phần kinh tế trong môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng, góp phần giải phóng nguồn lực xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt trên 80% vào năm 2020.

c) Tổ chức rà soát, đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý và hiệu quả của các thủ tục hành chính trong phạm vi quản lý của các đơn vị, địa phương.

d) Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được triển khai đồng bộ, thống nhất, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Triển khai thực hiện đầy đủ đúng quy định Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh Hà Nam Ban hành Quy định về tổ chức thực hiện công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

e) Tăng cường đối thoại giữa lãnh đạo các cấp với tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính liên quan đến các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, phân bổ ngân sách; cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản; đầu tư nước ngoài; xuất nhập khẩu; thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh; cấp phép xây dựng....

f) Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ các cơ quan nhà nước, tổ chức sự nghiệp công lập, dịch vụ công và các thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

g) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật đảm bảo 100% thủ tục mới ban hành được đánh giá tác động theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của

Chính phủ. Thực hiện đầy đủ việc công khai thủ tục hành chính theo quy định trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại nơi tiếp nhận, giải quyết hồ sơ liên quan đến thủ tục hành chính.

h) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

4.3.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 (theo kế hoạch 3189/KH-UBND)

Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước nhằm xây dựng chính quyền hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn; đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ các cơ quan triển khai sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành, hệ thống một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 là 100%.
- 100% các cơ quan hành chính nhà nước sử dụng chữ ký số.
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ (@hanam.gov.vn) là 100%.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho hoạt động chuyên môn của các cơ quan quản lý nhà nước và phục vụ dịch vụ hành chính công đến người dân và doanh nghiệp

Kế hoạch ứng dụng CNTT

a) Hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.
- Xây dựng Trung tâm tích hợp Chính phủ điện tử và kết nối liên thông giữa các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam với trực liên thông quốc gia theo Chương trình mục tiêu quốc gia; khai thác sử dụng hạ tầng hiện có; triển khai chữ ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành hệ thống thư điện tử.

b) Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan hành chính nhà nước

- Nâng cấp phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tại các cơ quan. Thực hiện xử lý, điều hành trên phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành theo quy trình khép kín và gửi nhận văn bản trên môi trường mạng trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hà Nam nhằm tăng cường trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan ngành chóng, hiệu quả. Phần này nên đưa thêm nội dung kết nối văn bản điện tử từ Chính phủ đến cấp xã.

- Đã phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin – Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hồ Chí Minh kết nối liên thông phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành tới Văn phòng Chính phủ. Hiện nay, 100% các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hà Nam từ cấp huyện trở lên đã thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử thông qua phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành. Tỉnh Hà Nam đã hoàn thành việc kết nối liên thông phần mềm Quản lý văn bản và Điều hành với trực liên thông quốc gia đến cấp xã.

- Nâng cấp hệ thống thư điện tử của tỉnh, đáp ứng được các yêu cầu các cơ quan, đơn vị; mở rộng hệ thống thư điện tử đến cán bộ, công chức cấp xã.

- Xây dựng và triển khai các phần mềm chuyên ngành để ứng dụng vào các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với từng cơ quan.

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu trọng điểm phục vụ cho các mục đích tra cứu, tìm kiếm và khai thác thông tin của người sử dụng trên môi trường mạng máy tính: Cơ sở dữ liệu về thông kê kinh tế - xã hội; cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và đầu tư...

c) Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử của tỉnh đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai phần mềm Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 tại tất cả các cơ quan theo hình thức thuê dịch vụ CNTT (theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước), đảm bảo chỉ tiêu:

+ Trong năm 2016 triển khai phần mềm Một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đạt tỷ lệ 50-70%.

+ Đến năm 2020 đạt tỷ lệ 95% dịch vụ công trực tuyến mức 3 và 4

d) Đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin

- Quy hoạch Trung tâm tích hợp dữ liệu đảm bảo an toàn bảo mật, có khả năng dự phòng; hỗ trợ cho việc quản lý tập trung, giám sát và cảnh báo sự cố.

- 100% máy chủ và máy trạm của các cơ quan nhà nước được triển khai, áp dụng thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin, chống virus và mã độc hại, được cập nhật thường xuyên các bản vá lỗi hệ thống.

- Đảm bảo an toàn, an ninh cho cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam, gồm cổng chính và các cổng thành phần có giải pháp hiệu quả chống lại các tấn công gây mất an toàn thông tin và có phương án dự phòng khắc phục sự cố đảm bảo hoạt động liên tục ở mức tối đa.

- Đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống thư điện tử của tỉnh (mail@hanam.gov.vn); phần mềm quản lý văn bản và điều hành.

- Triển khai sử dụng hệ thống chữ ký số và hạ tầng khoá công khai tại tất cả các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

e) Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT.

- Đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cán bộ chuyên trách về CNTT.

- Đào tạo cho tất cả cán bộ, công chức sử dụng thông thạo máy tính và các ứng dụng CNTT phục vụ nhu cầu công tác, trong đó chú trọng đến kỹ năng khai thác và sử dụng Internet, tham gia vận hành các hệ thống thông tin đã, đang và sẽ triển khai.

4.4. Lợi ích trong việc triển khai Chính quyền điện tử

4.4.1. Phát triển kinh tế xã hội.

Xây dựng CQĐT gắn liền với mục tiêu cải cách hành chính đã thành yêu cầu chung của Quốc gia. Mỗi quan hệ gắn bó giữa cải cách hành chính và đổi mới kinh tế là tất yếu trong tổng thể sự đổi mới của tỉnh và đất nước. Sự gắn bó đó diễn ra trên nhiều mặt, đòi hỏi một loạt các biện pháp cải cách liên hoàn về hoàn thiện hệ thống thể chế, thực hiện quản lý theo pháp luật, tái tổ chức các cơ quan hành chính và tăng cường năng lực cho cán bộ, công chức để nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước. Đẩy mạnh cải cách hành chính không chỉ để hoàn thiện nền hành chính nhằm thích ứng với kinh tế thị trường mà còn tạo động lực đổi mới kinh tế, tận dụng những thời cơ quý báu để hội nhập trong tiến trình hội nhập hiện nay.

Một số kết quả rõ nét của một số ngành khi ứng dụng CNTT trong việc giải quyết các thủ tục hành chính:

- Các giấy tờ thông tin cơ bản về người dân: số hóa, điện tử hóa các thông tin cơ bản về công dân để giải quyết TTHC, khi đó người dân không phải khai thông tin và sử dụng giấy tờ để chứng minh nhân thân khi thực hiện những TTHC nhất định. Theo tính toán sơ bộ của Bộ Tư pháp, khi ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết TTHC, quản lý công dân thì việc cung cấp số định danh cá nhân thay cho việc phải khai các thông tin cá nhân, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết TTHC sẽ giúp tiết kiệm thời gian điền thông tin, ước tính khoảng trên 461 tỷ đồng/năm trên cả nước, như vậy trung bình mỗi tỉnh sẽ tiết kiệm được 7,3 tỷ đồng/năm.

- Về giấy tờ bản sao/bản sao có chứng thực công dân phải nộp khi thực hiện các thủ tục hành chính, chi phí tương ứng cho việc sao chụp, chứng thực

các loại giấy tờ để thực hiện các TTHC nêu trên khoảng 4.780 tỷ đồng/năm, khi thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết TTHC cho công dân ở các cơ quan hành chính nhà nước ở 04 cấp chính quyền thì sẽ giảm được khoảng 2.010 tỷ đồng/năm, tương ứng sẽ giảm được khoảng 31 tỷ đồng/năm/tỉnh do việc chúng ta sẽ bớt được các hoạt động sao chụp, chứng thực để cung cấp các thông tin cá nhân (lợi ích này chưa tính đến chi phí tiết kiệm được của các cơ quan hành chính nhà nước khi thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin cơ bản của công dân).

4.4.2. Lợi ích trong xử lý giải quyết thủ tục hành chính.

- Lợi ích trong việc xử lý các thủ tục hành chính liên thông

Một trong những nhiệm vụ quan trọng khi xây dựng Kiến trúc CQĐT hướng tới là liên thông điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính:

- + Liên thông trao đổi thông tin, truy xuất các CSDL dùng chung cấp tỉnh và cấp quốc gia;
- + Liên thông thụ lý hồ sơ giữa các đơn vị tham gia giải quyết TTHC, liên thông hỗ trợ ra quyết định;
- + Liên thông nộp hồ sơ, trả kết quả;
- + Liên thông văn bản.

- Lợi ích trong giảm thiểu giấy tờ trong giải quyết thủ tục hành chính

Hiện nay, công dân có nhiều giấy tờ do nhiều cơ quan cấp theo từng lĩnh vực nên thuộc phạm vi quản lý của một bộ, ngành cũng có nhiều giấy tờ khác nhau. Ví dụ, cùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an nhưng có các loại giấy tờ: Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, hộ chiếu; cùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp, riêng về lĩnh vực hộ tịch công dân có Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng tử; cùng là giấy phép lái xe nhưng hiện nay đối với mỗi loại phương tiện với thời hạn khác nhau công dân lại sở hữu một giấy tờ khác nhau. Việc tiến hành rà soát tổng thể sẽ xem xét đến nội hàm của các giấy tờ này, từ đó đưa ra phương án thay thế, tích hợp thông tin công dân của các ngành, lĩnh vực trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sẽ giúp giảm bớt giấy tờ tùy thân và rủi ro cho công dân khi quản lý, sử dụng các loại giấy tờ này. Hiện nay, dự án Luật Hộ tịch đã tích hợp thông tin của các giấy tờ hộ tịch trên một giấy.

- Lợi ích trong việc giảm thời gian xử lý giải quyết thủ tục hành chính.

Một số ngành khi ứng dụng CNTT trong việc giải quyết các thủ tục hành chính đã đạt được những kết quả thay đổi rõ rệt:

- Ngành thuế: Tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện kê khai thuế điện tử đã tăng từ 65% lên 95%; thời gian nộp thuế của doanh nghiệp giảm được 290 giờ, từ 537 giờ/năm xuống còn 247 giờ/năm. Thực hiện sửa đổi một số điều của các Luật Thuế được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 thì yêu cầu ngành thuế giảm thêm được 80 giờ, từ 247 giờ/năm xuống còn 167 giờ/năm (Mức bình quân của các nước ASEAN – 6 là 121 giờ/năm).
- Hải quan: Thời gian thông quan hàng hóa giảm bình quân từ 21 ngày xuống còn 14 ngày đối với xuất khẩu, 13 ngày đối với nhập khẩu, giảm được 10 – 20% chi phí và 30% thời gian thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu cho doanh nghiệp. Đối với tờ khai luồng xanh không thuế, thời gian thông quan hàng hóa chỉ còn từ 1 đến 3 giây

Bảo hiểm xã hội: Thời gian nộp bảo hiểm xã hội được giảm từ 100 giờ, từ 335 giờ/năm xuống còn 235 giờ/năm.

4.5. Các nguyên tắc xây dựng Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam

Nguyên tắc 1: Phù hợp với khung kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh ban kèm theo Văn bản số 1178/BTTTT-TTH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và truyền thông và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Nguyên tắc 2: Phù hợp với định hướng, mục tiêu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin của quốc gia.

Nguyên tắc 3: Phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của Quốc gia.

Nguyên tắc 4: Tối đa việc tích hợp và chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin đã, đang và sẽ triển khai trong các đơn vị thuộc tỉnh Hà Nam và giữa các hệ thống thông tin trong tỉnh Hà Nam với các hệ thống thống thông tin của các Bộ.

Nguyên tắc 5: Phù hợp với quy trình nghiệp vụ của các đơn vị trong tỉnh Hà Nam, thúc đẩy tái cấu trúc nghiệp vụ, hướng đến đơn giản hóa, hiệu quả, thống nhất và tường minh quy trình nghiệp vụ.

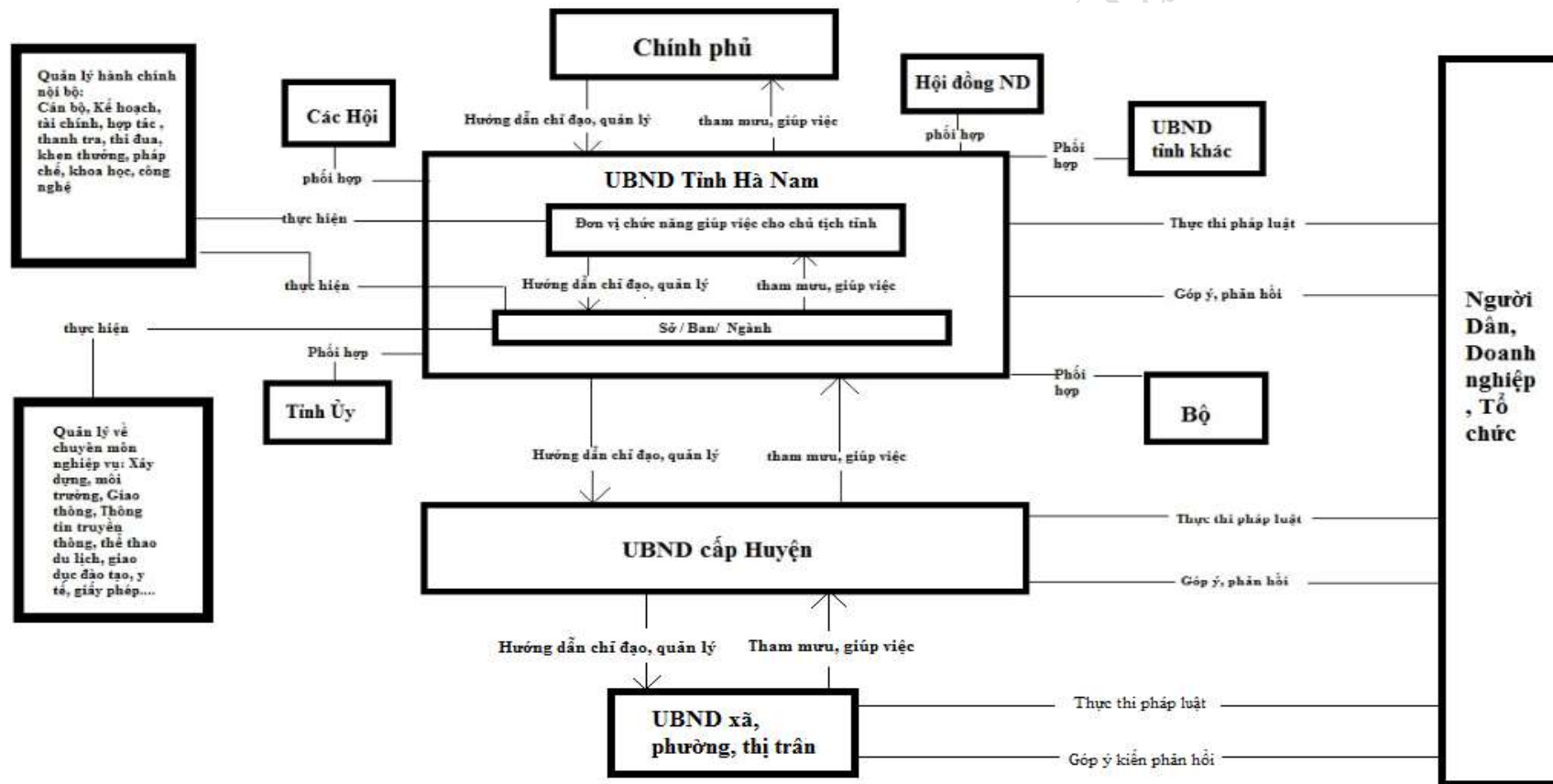
Nguyên tắc 6: Ưu tiên triển khai ứng dụng công nghệ thông tin theo các kế hoạch, chiến lược đã được ban hành của Chính phủ và của tỉnh Hà Nam

Nguyên tắc 7: Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật về ứng dụng CNTT của quốc gia, chuyên ngành.

Kiến trúc Chính quyền điện tử Tỉnh Hà Nam

V. MÔ HÌNH LIÊN THÔNG NGHIỆP VỤ, THÔNG TIN TỈNH HÀ NAM

5.1. Sơ đồ tổ chức mức tổng quan Chính quyền tỉnh Hà Nam



Hình 2: Sơ đồ tổ chức tổng thể Chính quyền tỉnh Hà Nam

5.1.1. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong cơ quan tại tỉnh Hà Nam

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của cơ quan tại tỉnh Hà Nam gồm có: 05 huyện và 01 thành phố cùng với 19 sở, ban, ngành giúp UBND tỉnh Hà Nam thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

Bảng 8: Bảng cơ cấu tổ chức các cơ quan tại Hà Nam

STT	Tên	Mô tả
1	Văn phòng HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND và đại biểu HĐND. (Theo Quyết định số 05/QĐ-TT-HĐND ngày 11/7/2016)
2	Văn phòng UBND tỉnh	Là cơ quan thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh về: Chương trình, kế hoạch công tác; tổ chức, quản lý và công bố các thông tin chính thức về hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đầu mối Cổng Thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý công báo và phục vụ các hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (bao gồm cả Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền; quản lý văn thư- lưu trữ và công tác quản trị nội bộ của Văn phòng.
3	Sở Tài chính	Sở Tài chính là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính; ngân sách nhà nước; thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản nhà nước; các quỹ tài chính nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật. Sở Tài chính chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài chính.

STT	Tên	Mô tả
		Sở Tài chính có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động.
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư gồm: tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp tỉnh; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn viện trợ phi Chính phủ; đấu thầu; đăng ký kinh doanh trong phạm vi địa phương; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; tổ chức cung ứng các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở theo quy định của pháp luật.</p> <p>Sở Kế hoạch và Đầu tư có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p>
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	<p>Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>Sở Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>
6	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (trừ quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo

STT	Tên	Mô tả
		<p>tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, CNTT) ở địa phương theo quy định của pháp luật; các dịch vụ công thuộc lĩnh vực quản lý của Sở và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.</p> <p>Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.</p>
7	Sở Công thương	<p>Sở Công Thương Hà Nam là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công thương, bao gồm: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp chế biến khác; an toàn thực phẩm; lưu thông hàng hoá trên địa bàn tỉnh; xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý thị trường; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cạnh tranh, chống bán phá giá; chống trợ cấp, bảo vệ quyền hỗ trợ; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của sở theo quy định của pháp luật.</p> <p>Sở Công Thương có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, và hoạt động của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Công Thương.</p>
8	Sở Giao thông Vận tải	<p>Tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh Hà Nam bao gồm: đường bộ, đường thủy nội địa; vận tải; an toàn giao thông; quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì hạ tầng giao thông đô thị như: cầu đường bộ, cầu vượt, hệ phố, đường</p>

STT	Tên	Mô tả
		<p>phố, giải phân cách, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu điều khiển giao thông, hầm dành cho người đi bộ, hầm cơ giới đường bộ, cầu dành cho người đi bộ, bến xe, bãi đỗ xe trên địa bàn.</p> <p>Sở Giao thông Vận tải có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giao thông Vận tải.</p>
9	Sở Khoa học và Công nghệ	<p>Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, bao gồm: Hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; các dịch vụ công trong lĩnh vực thuộc Sở quản lý trên địa bàn theo quy định của pháp luật.</p> <p>Sở Khoa học và Công nghệ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
10	Sở Nội vụ	<p>Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Tổ chức bộ máy; vị trí việc làm; biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ,</p>

STT	Tên	Mô tả
		<p>công chức cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; tổ chức hội, tổ chức phi Chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua khen thưởng và công tác thanh niên.</p> <p>Sở Nội vụ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chấp hành sự lãnh đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của UBND tỉnh, đồng thời chấp nhận sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nội vụ.</p>
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	<p>Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bao gồm: đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, địa chất, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, quản lý tổng hợp về biển và đảo; thực hiện các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.</p> <p>Sở Tài nguyên và Môi trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
12	Sở Tư pháp	<p>Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát thủ tục hành chính; pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; hộ tịch; quốc tịch; chứng thực; nuôi con nuôi; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; bán đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh</p>

STT	Tên	Mô tả
		tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.
13	Sở Xây dựng	<p>Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: quy hoạch xây dựng và kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: kết cấu hạ tầng giao thông đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; quản lý chất thải rắn thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, chiếu sáng đô thị; công viên, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang trừ nghĩa trang liệt sỹ; kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, không bao gồm việc quản lý khai thác, sử dụng, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; về các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định của pháp luật;</p> <p>Sở Xây dựng có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Xây dựng</p>
14	Sở Y tế	<p>Sở Y tế là cơ quan chuyên môn thuộc UBND, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về y tế, bao gồm: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình; sức khỏe sinh sản và công tác y tế khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.</p> <p>Sở Y tế có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức,</p>

STT	Tên	Mô tả
		<p>biên chế và hoạt động của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Y tế.</p>
15	<p>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</p>	<p>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: Lao động; việc làm; dạy nghề; tiền lương, tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.</p> <p>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>
16	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc uỷ quyền của UBND, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
17	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: báo chí; xuất bản; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến</p>

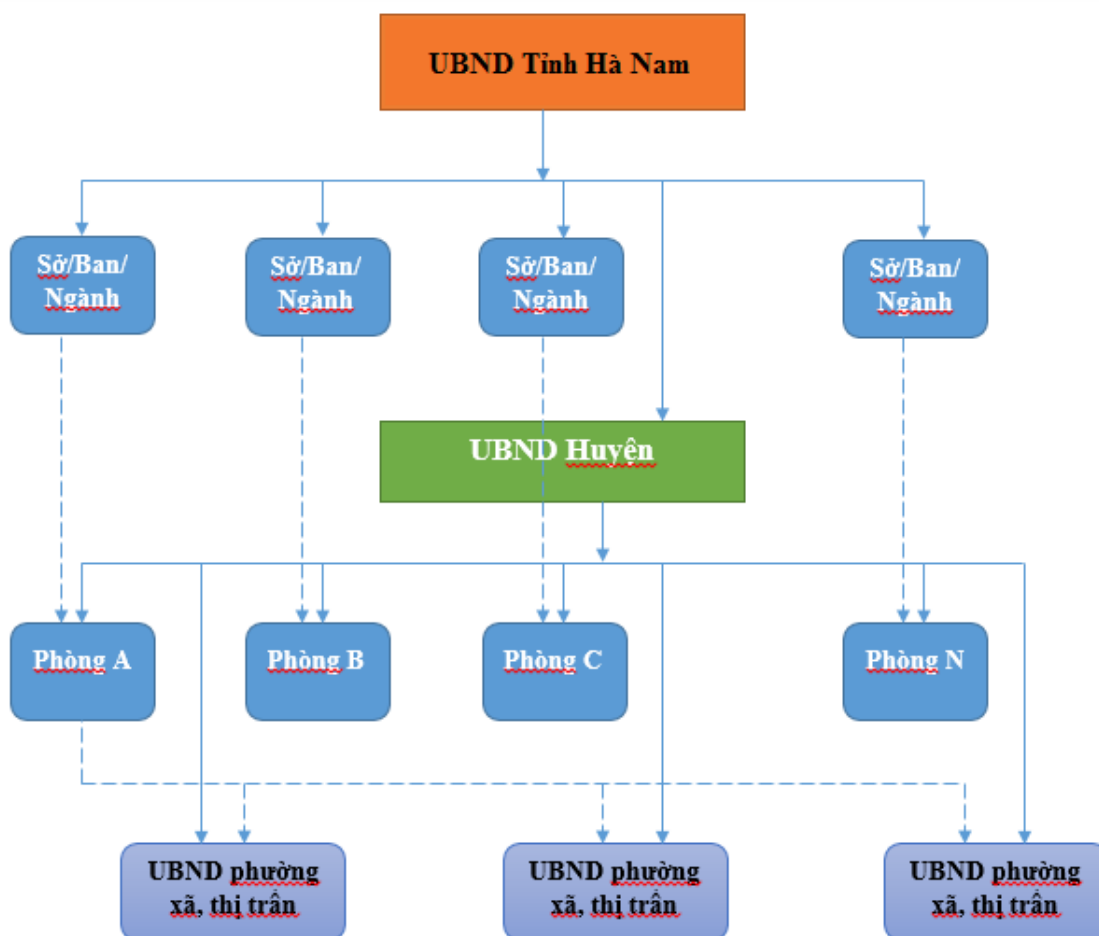
STT	Tên	Mô tả
		<p>điện; CNTT, điện tử; phát thanh và truyền hình; thông tin đối ngoại; bản tin thông tấn; thông tin cơ sở; hạ tầng thông tin truyền thông; quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, CNTT.</p> <p>Sở Thông tin và Truyền thông có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.</p>
18	Thanh tra tỉnh	<p>Thanh tra tỉnh là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.</p> <p>Thanh tra tỉnh có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của UBND tỉnh mà trực tiếp là Chủ tịch UBND tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác, hướng dẫn về tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.</p>
19	Ban quản lý các khu công nghiệp	<p>Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý) là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với khu công nghiệp và tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Ban Quản lý chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế, công chức, viên chức, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động của UBND tỉnh; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của các bộ, ngành quản lý về ngành, lĩnh vực trong công tác quản lý khu công nghiệp; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong công tác quản lý khu công nghiệp.</p>

STT	Tên	Mô tả
		Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; sử dụng kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm; nguồn kinh phí khác theo quy định pháp luật.
20	UBND thành phố Phủ Lý	<p>Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở huyện</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn huyện. 2. Quyết định những vấn đề của huyện trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
21	UBND huyện Kim Bảng	<ol style="list-style-type: none"> 3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan hành chính nhà nước cấp trên ủy quyền. 4. Kiểm tra, giám sát tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã. 5. Chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương cấp tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở huyện. 6. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.
22	UBND huyện Thanh Liêm	<p>Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định các nội dung quy định tại các điểm a, b, c và g khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 26 của Luật này và tổ chức thực hiện các nghị quyết của

STT	Tên	Mô tả
23	UBND huyện Lý Nhân	<p>Hội đồng nhân dân huyện.</p> <p>2. Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.</p> <p>3. Tổ chức thực hiện ngân sách huyện; thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, mạng lưới giao thông, thủy lợi, xây dựng điểm dân cư nông thôn; quản lý và sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, tài nguyên thiên nhiên khác; bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.</p>
24	UBND huyện Bình Lục	<p>4. Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.</p>
25	UBND huyện Duy Tiên	<p>5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.</p> <p>6. Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện.</p>

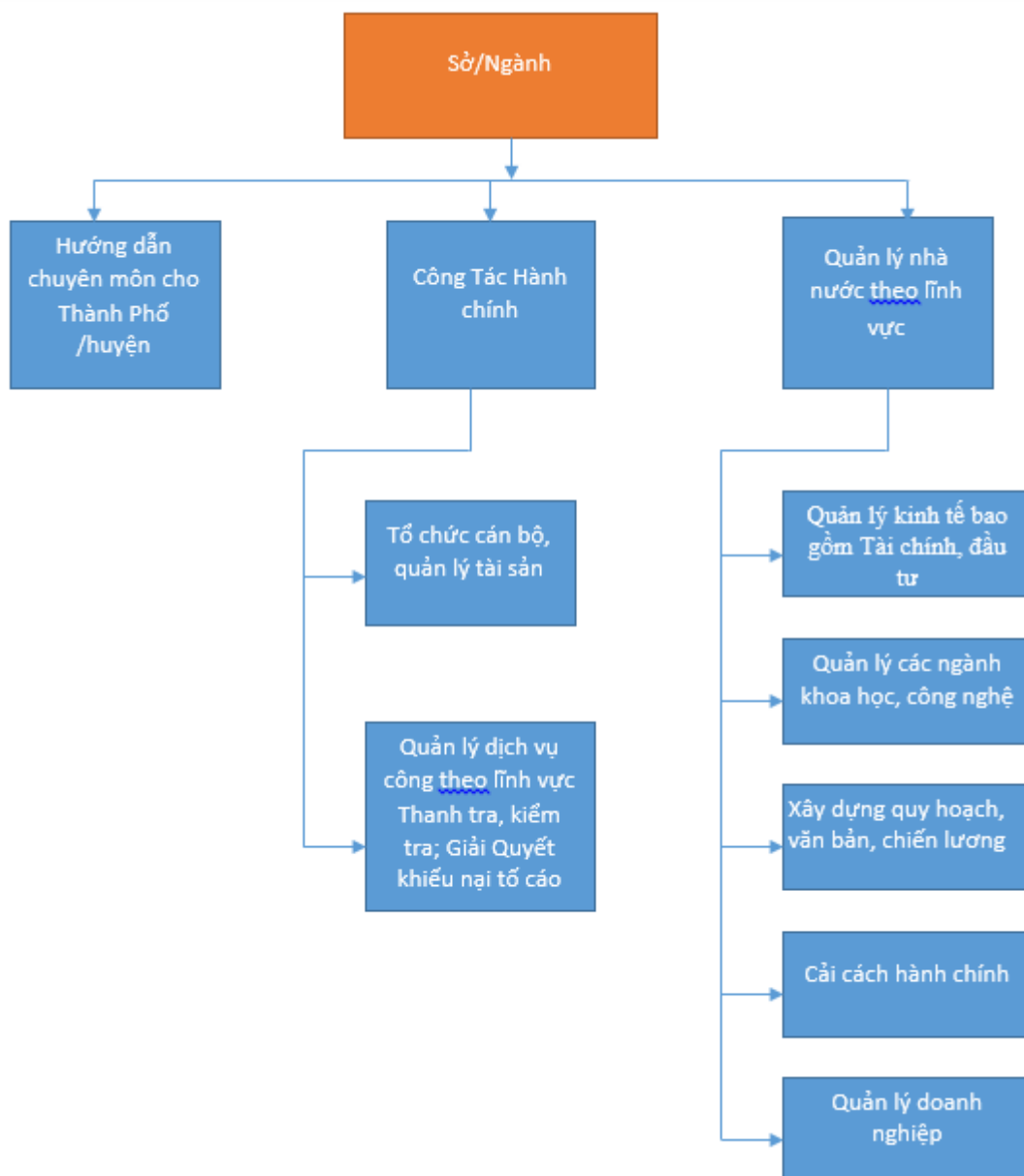
5.1.2. Sơ đồ mối quan hệ nghiệp vụ các cấp chính quyền tỉnh Hà Nam

5.1.2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam



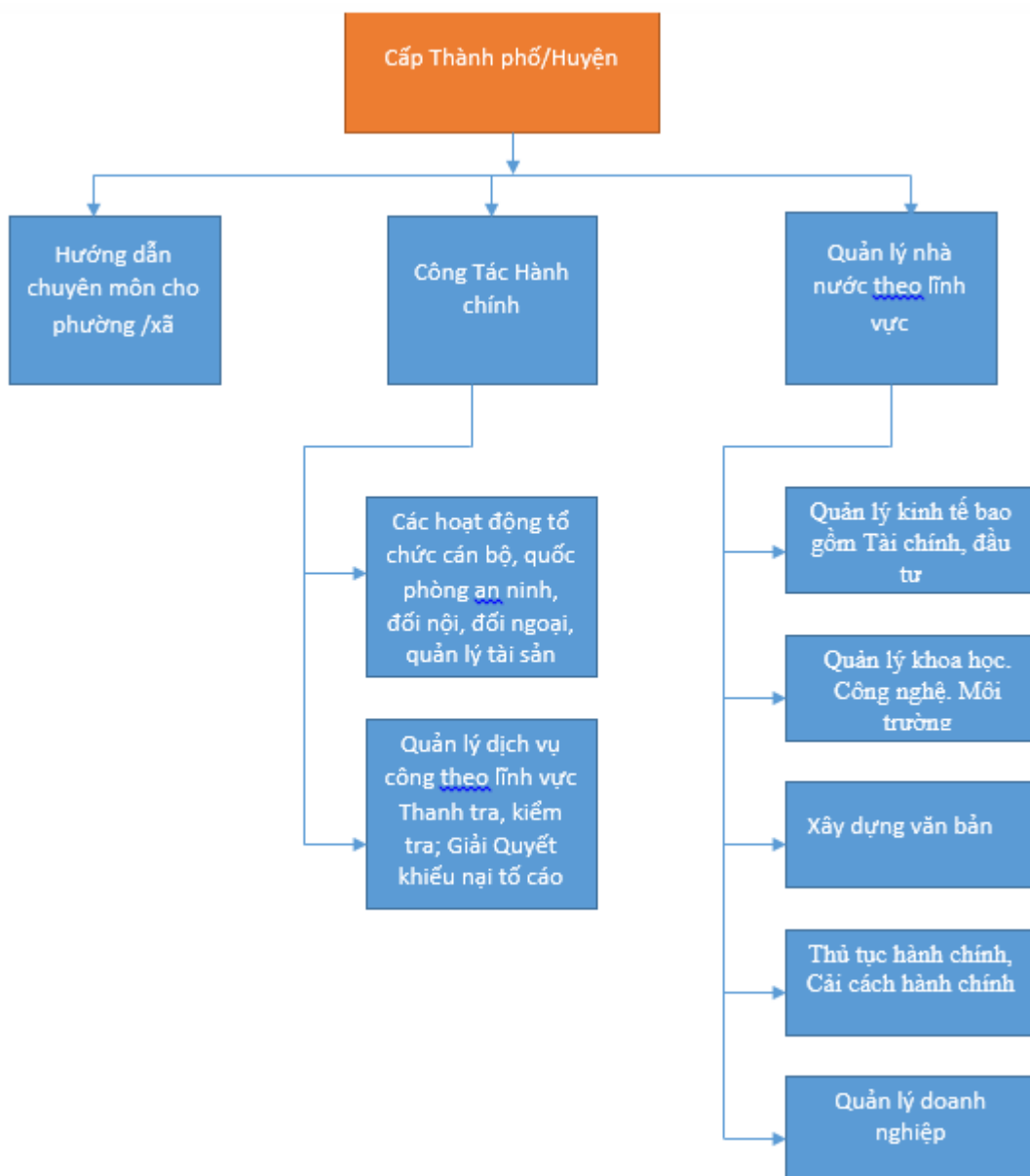
Hình 3: Sơ đồ mối quan hệ nghiệp vụ trong tỉnh Hà Nam

5.2.1.2. Các Sở/Ban/ Ngành trong tỉnh



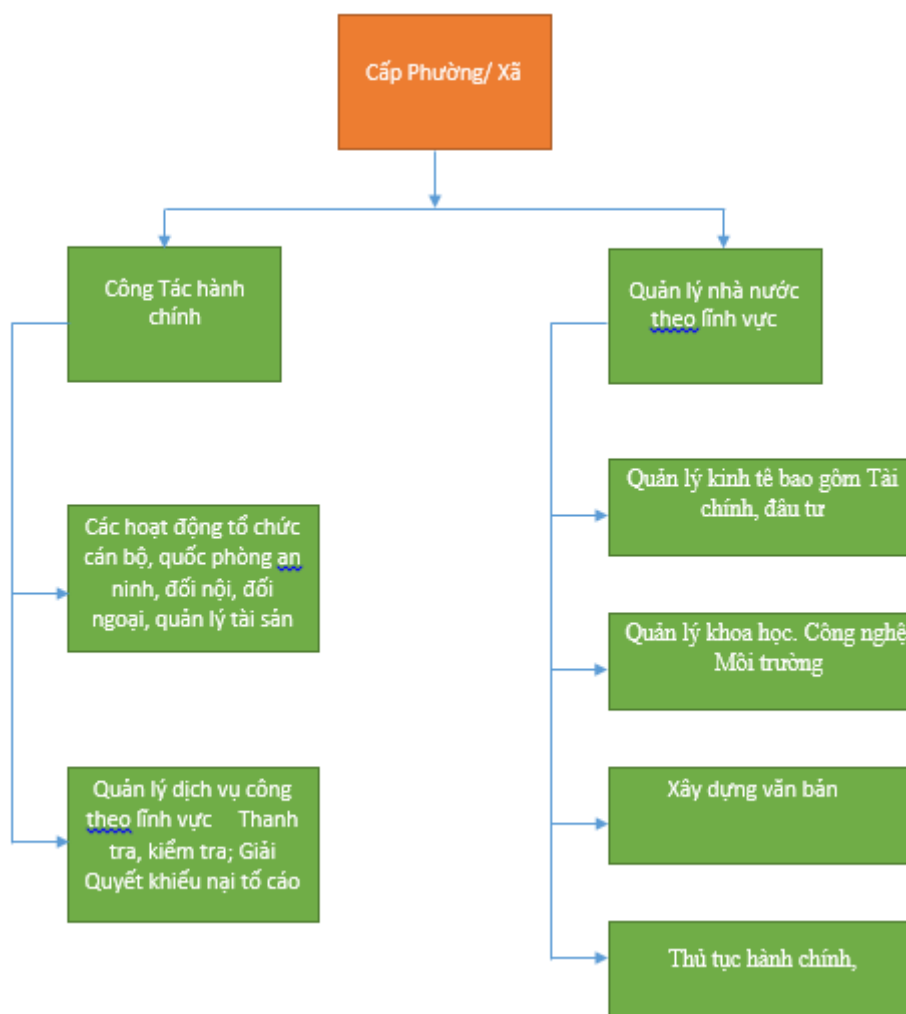
Hình 4: Sơ đồ mối quan hệ nghiệp vụ giữa các Sở/Ban/Ngành trong tỉnh

5.2.1.3. Cấp Thành phố/ Huyện



Hình 5: Sơ đồ mối quan hệ nghiệp vụ của các cơ quan cấp TP/Huyện

5.2.1.4. Cấp Phường/Xã.



Hình 6: Sơ đồ mối quan hệ nghiệp vụ của cấp Xã/Phường

5.1.3. Căn cứ pháp lý lựa chọn TTHC liên thông tỉnh Hà Nam

- Căn cứ theo Quyết định số 70/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy chế quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Nam.

- Căn cứ Quyết định số 40/2013/QĐ-UBND ngày 13/8/2013 của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế Quản lý, vận hành và khai thác hệ thống một cửa điện tử trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Hà Nam.

- Chỉ thị 03/CT-UBND ngày 31/7/2014 của UBND tỉnh Hà Nam về Công khai, minh bạch thông tin trên cổng thông tin điện tử phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của UBND tỉnh Hà Nam Quy định việc trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam.

- Quyết định 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020.

5.1.4 Tiêu chí lựa chọn TTHC liên thông ưu tiên triển khai trong Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam

Dựa trên các căn cứ nêu trên, cùng với việc nghiên cứu 1921 thủ tục hành chính của tỉnh Hà Nam, Tư vấn đã lựa chọn và phân tích cụ thể 48 thủ tục hành chính mang tính liên thông, đại diện cho các ngành nghề, lĩnh vực tại tỉnh Hà Nam để từ đó đưa ra được những đề xuất về việc xác định danh mục các CSDL chuyên ngành và danh mục các CSDL dùng chung của tỉnh.

5.1.4.1. Sự cấp thiết, cần thiết của những thủ tục hành chính cần phải được triển khai xây dựng trong Kiến trúc Chính quyền điện tử:

- Những thủ tục hành chính được tin học hóa sẽ bảo đảm cho việc xây dựng kiến trúc có thể giải quyết, đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của người dân, doanh nghiệp trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, giúp cho người dân, doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian, công sức, lẫn chi phí trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

5.1.4.2. Sự khả thi khi triển khai, xây dựng

- Những thủ tục hành chính được ưu tiên triển khai, xây dựng cũng đáp ứng các yêu cầu về tính khả thi khi triển khai, xây dựng bởi đây là những thủ tục hành chính quan trọng của tỉnh, cần được ưu tiên triển khai trong giai đoạn đầu khi xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.

5.1.4.3. Thúc đẩy sự liên kết, liên thông nghiệp vụ; trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan trong và ngoài tỉnh

- Việc xây dựng, triển khai các thủ tục hành chính đã được lựa chọn trong việc xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam sẽ thúc đẩy sự liên kết, chia sẻ thông tin cũng như các quy trình nghiệp vụ giữa các cơ quan chức năng trong và ngoài tỉnh Hà Nam. Điều này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho

việc trao đổi thông tin, dữ liệu khi triển khai đồng bộ việc xây dựng các cơ sở dữ liệu của tỉnh.

Dựa trên các tiêu chí lựa chọn trên có thể đưa ra danh sách các thủ tục liên thông khuyến nghị triển khai, xây dựng trong Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam phiên bản 1.0.

5.2 Mô hình liên thông nghiệp vụ giữa các cơ quan

Qua việc rà soát 1921 thủ tục hành chính trong các nhóm lĩnh vực của tỉnh Hà Nam, Tư vấn đề xuất nghiên cứu 593 thủ tục hành chính của tỉnh Hà Nam và lựa chọn số lượng thủ tục hành chính đại diện cho 593 thủ tục hành chính này để phân tích chi tiết quy trình, thông tin trao đổi giữa các cơ quan tham gia vào xử lý trong quy trình đó, để từ đó đưa ra được những thông tin chính trao đổi giữa các cơ quan.

Việc lựa chọn các thủ tục hành chính đại diện cho 593 thủ tục hành chính dựa vào việc phân tích:

- Các quy trình của các thủ tục hành chính tương tự trong nhóm lĩnh vực có những đặc điểm chung giống nhau cả về quy trình lẫn các cơ quan tham gia vào việc xử lý các thủ tục hành chính đó;

- Các thông tin chính trong các văn bản, biểu mẫu mà có thể khái quát hóa để trao đổi giữa các cơ quan tham gia vào quá trình xử lý các thủ tục hành chính.

Qua đó, Tư vấn sẽ nghiên cứu và phân tích cụ thể 48 thủ tục hành chính mang tính đại diện cho 593 thủ tục hành chính của tỉnh Hà Nam, như trong Bảng 8.

Bảng 9: Danh sách thủ tục hành chính ưu tiên triển khai trong Kiến trúc CQĐT Hà Nam phiên bản 1.0

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
Sở Công Thương	Thương mại, dịch vụ	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	44	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu - Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá - Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
		Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện		
		Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện		
		Thủ tục Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp bán hàng đa cấp		
		Thủ tục Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp		
		Thủ tục Đăng ký hợp đồng theo mẫu \ điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương		
		Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG với tổng dung tích các bồn chứa dưới 5.000 m ³		
		Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu		
		Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ 210m ³ đến dưới 5.000m ³		
		Thủ tục xác nhận Bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công		
		Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)		
		Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)		
		Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại		
		Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu do hết thời hạn hiệu lực		
		Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu		
		Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu		
		Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG với tổng dung tích các bồn chứa dưới 5.000 m ³		
		Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu		
		Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu		
		Thủ tục cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu		
		Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu		
		Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu		
		Thủ tục cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		tổng đại lý kinh doanh xăng dầu		
		Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp		
		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		
		Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		
		Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		
		Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá		
		Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn rượu		
		Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		
		Thủ tục cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		
		Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá		
		Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá		
		Thủ tục cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		
		Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn rượu do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy		
		Thủ tục Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại		
		Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		diện Thủ tục Đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung chương trình khuyến mại Thủ tục Thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại Thủ tục Đăng ký khuyến mại Thủ tục Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.		
	An toàn thực phẩm	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; do cơ sở thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh) Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực) Thủ tục kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối	8	- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>với cơ sở kinh doanh thực phẩm (Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)</p> <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm</p> <p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm</p> <p>Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận nội dung Quảng cáo thực phẩm (Sản phẩm thực phẩm đã được xác nhận nội dung quảng cáo nhưng thay đổi về nội dung quảng cáo hoặc giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm hết hiệu lực)</p> <p>Thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung Quảng cáo thực phẩm</p>		
Sở Giao thông vận tải	Đường bộ	<p>Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt</p> <p>Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch</p> <p>Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch</p> <p>Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải</p>	54	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô - Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn - Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4 -Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt</p> <p>Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác</p> <p>Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam</p> <p>Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng</p> <p>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn</p> <p>Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất</p> <p>Đổi, cấp lại đăng ký, biển số và cấp đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng</p> <p>Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác</p> <p>Công bố đưa bến xe khách vào khai thác</p> <p>Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác</p> <p>Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác</p> <p>Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.</p> <p>Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>Cấp Giấy phép lái xe quốc tế</p> <p>Thủ tục thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo:</p> <p>Gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời 1 phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>trên hệ thống đường tỉnh (trừ đoạn tuyến nằm trong phạm vi đô thị).</p> <p>Cấp phép sử dụng tạm thời 1 phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông trên hệ thống đường tỉnh (trừ đoạn tuyến nằm trong phạm vi đô thị).</p> <p>Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.</p> <p>Chấp thuận đấu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh đang khai thác.</p> <p>Thẩm định hồ sơ đấu nối tạm có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác.</p> <p>Cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh</p> <p>Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh.</p> <p>Cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác.</p> <p>Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác.</p> <p>Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác và chấp thuận biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường tỉnh đang khai thác.</p> <p>Thủ tục cấp lại giấy phép do Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng</p> <p>Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn</p> <p>Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh</p> <p>Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô</p> <p>Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu</p> <p>Thủ tục đăng ký khai thác, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe vận tải khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định</p> <p>Thủ tục Xóa số đăng ký xe máy chuyên dùng</p> <p>Thủ tục sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh chuyển đến</p> <p>Thủ tục sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh</p> <p>Thủ tục cấp đăng ký xe máy chuyên dùng lần đầu</p> <p>Thủ tục Gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào</p> <p>Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện thương mại</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		(áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải) Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động Cấp mới Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động Thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe Thủ tục cấp giấy phép xe tập lái Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4 Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4 Đổi GPLX hoặc Bằng lái xe của nước ngoài Thủ tục đổi GPLX quân sự do Bộ Quốc phòng cấp Thủ tục đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp Thủ tục cấp lại Giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp bị quá hạn, bị mất Thủ tục đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		vận tải cấp		
Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đầu tư	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	44	<ul style="list-style-type: none"> - Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) - Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ
		Thủ tục xác nhận chuyên gia		
		Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản.		
		Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản.		
		Thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản		
		Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.		
		Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.		
Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.				
Xây dựng và phê duyệt				

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>Danh mục tài trợ các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản.</p> <p>Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản.</p> <p>Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án.</p> <p>Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)</p> <p>Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN).</p> <p>Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)</p> <p>Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài</p> <p>Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)</p> <p>Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương</p> <p>Cung cấp thông tin về dự án đầu tư</p> <p>Áp dụng ưu đãi đầu tư</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư		
		Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài		
		Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư		
		Cung cấp thông tin về dự án đầu tư		
		Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương		
		Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		
		Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		
		Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư		
		Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư		
		Giãn tiến độ đầu tư		
		Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
		Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
		Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
		Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài		
		Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia,		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế		
		Chuyên nhượng dự án đầu tư		
		Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ		
		Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
		Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)		
		Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
		Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư		
		Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
		Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)		
		Quyết định chủ trương		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)		
		Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)		
	Doanh nghiệp	Giải thể công ty TNHH một thành viên	32	- Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập
		Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên		
		Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý		
		Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý		
		Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập		
		Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp		
		Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
		Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		
		Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án		
		Giải thể doanh nghiệp		
		Thông báo về việc tiếp tục		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		kinh doanh trước thời hạn đã thông báo Thông báo tạm ngừng kinh doanh Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần Sáp nhập doanh nghiệp Hợp nhất doanh nghiệp Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần) Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần) Bán doanh nghiệp tư nhân Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		doanh Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh Thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		
Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Lao động-Tiền lương	Phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư tại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu Đăng ký Thỏa ước lao	6	- Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>động tập thể của Doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)</p> <p>Xếp hạng công ty TNHH Một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (từ hạng III cho đến hạng Tổng công ty và tương đương).</p> <p>Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng đối với viên chức quản lý Công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu.</p> <p>Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)</p> <p>Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm pu chia.</p>		<p>- Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)</p>
	Việc làm	<p>Báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý).</p> <p>Báo cáo nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1;</p>	17	<p>- Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam</p> <p>- Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam</p>

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)</p> <p>Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động</p> <p>Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam</p> <p>Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam</p> <p>Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm</p> <p>Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm</p> <p>Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng</p> <p>Hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm</p> <p>Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề</p> <p>Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Chuyên đến)</p> <p>Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Chuyên đi)</p> <p>Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp</p> <p>Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp</p> <p>Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp</p> <p>Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp</p>		
Sở Nông	Bảo vệ	Cấp giấy chứng nhận bồi	10	- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
nghiệp và Phát triển nông thôn	thực vật	dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.		buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
		Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương		
		Cấp giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật.		
		Cấp giấy chứng nhận tập huấn an toàn về hóa chất bảo vệ thực vật		
		Đăng ký công bố hợp quy		
		Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		
		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		
		Cấp giấy phép vận chuyển thuốc thuốc bảo vệ thực vật		
		Cấp giấy chứng nhận huấn luyện chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật		
		Thông qua nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương		
	Thú y	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y, thú y thủy sản.	7	- Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
Cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; kho lạnh bảo quản động vật tươi sống, sơ chế, chế biến bảo quản sản phẩm động vật; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; khu				

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, cơ sở thu gom động vật, sản phẩm động vật; cơ sở xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh động vật. Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y Cấp chứng chỉ hành nghề thú y Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh Kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh		
Sở Tài chính	Tài chính đầu tư	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn Nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	2	- Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản
Sở Tài nguyên và Môi trường	Đất đai	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn	9	- Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức. - Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.(Đối với dự án đầu tư đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện thủ tục thẩm định này. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ thẩm định trong thời gian thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời, chủ đầu tư được tiến hành khảo sát, đo đạc để lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Thời điểm thẩm định nhu cầu sử dụng đất xin giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư: khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất.)</p> <p>Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.</p> <p>Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.</p> <p>Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh/cấp huyện).</p> <p>Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức.</p> <p>Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; trường hợp không phải lập dự án</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng.</p> <p>Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng).		
Sở Thông tin và Truyền thông	Báo chí	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	7	- Cho phép tổ chức họp báo (trong nước) - Cấp giấy phép xuất bản bản tin
		Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam phát hành thông cáo báo chí		
		Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam đăng tin, bài phát biểu trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương		
		Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài		
		Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam họp báo		
		Cho phép tổ chức họp báo (trong nước)		
		Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí		
	Bưu chính	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	6	- Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính
		Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính		
		Cấp lại giấy phép bưu chính nội tỉnh khi mất hoặc hư hỏng không sử dụng được		
Cấp lại giấy phép bưu chính nội tỉnh hết hạn				
		Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính nội tỉnh		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
	Xuất bản	Cấp giấy phép buôn chính nội tỉnh Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh Xác nhận chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu Cấp giấy xác nhận đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm Cấp giấy phép chế bản, in, gia công sau in cho nước ngoài Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in Đăng ký hoạt động cơ sở in Cấp lại giấy phép hoạt động in Cấp giấy phép hoạt động in	15	- Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh - Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm - Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài
Sở Tư pháp	Lý lịch tư pháp	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ	3	- Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng		
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Văn hóa	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người	54	- Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn - Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>mẫu trong phạm vi địa phương</p> <p>Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang</p> <p>Thủ tục tiếp nhận thông báo đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)</p> <p>Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)</p> <p>Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)</p> <p>Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ</p> <p>Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)</p> <p>Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)		
		Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật		
		Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật		
		Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật		
		Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích		
		Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia		
		Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương		
		Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình		
		Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình		
		Cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình		
		Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình		
		Thủ tục cấp thẻ nhân viên		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình		
		Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình		
		Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình		
		Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình		
		Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình		
		Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình		
		Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên		
		Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của tổ chức, cá nhân ở địa phương		
		Cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương		
		Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh		
		Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh		
		Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng		
		Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>Thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật</p> <p>Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập</p> <p>Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập</p> <p>Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia</p> <p>Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương</p> <p>Cấp nhãn kiểm soát bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương</p> <p>Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang</p> <p>Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương</p> <p>Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương</p> <p>Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo</p> <p>Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn</p> <p>Cấp giấy phép tổ chức lễ hội</p> <p>Cấp giấy phép kinh doanh Vũ trường</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke		
Sở Xây dựng	Xây dựng	Công nhận phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng (chờ thông tư hướng dẫn)	38	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh giấy phép xây dựng - Cấp lại giấy phép xây dựng - Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.
		Đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng		
		Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.		
		Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thi công xây dựng công trình.		
		Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng.		
		Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thực hiện giám sát thi công, kiểm định xây dựng.		
		Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng.		
		Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý dự án.		
		Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.		
		Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng.		
Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập				

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		thiết kế quy hoạch xây dựng. Cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng. Cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng. Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng Cấp chứng chỉ hành nghề làm chủ trì, chủ nhiệm thiết kế. Cấp chứng chỉ hành nghề chủ nhiệm khảo sát xây dựng. Cấp chứng chỉ hành nghề chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng. Cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Điều chỉnh giấy phép xây dựng Gia hạn giấy phép xây dựng Cấp lại giấy phép xây dựng Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình không theo tuyến. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo.		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.		
		Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.		
		Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.		
		Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng.		
		Thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán trong trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước		
		Thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với dự vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác.		
		Thẩm định dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.		
		Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách Thẩm định báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước		
Sở Y tế	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Cấp giấy xác nhận bản công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật sản xuất trong nước Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014 Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11	12	- Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>tháng 12 năm 2014</p> <p>Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế</p> <p>Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm có qui chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất)</p> <p>Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm</p> <p>Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm chưa có qui chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất)</p> <p>Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có qui chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba)</p>		
	Dược - Mỹ phẩm	<p>Quảng cáo, tổ chức hội thảo, sự kiện giới thiệu mỹ phẩm</p> <p>Đăng ký Hội thảo, giới thiệu thuốc cho cán bộ y tế:</p> <p>Cấp thẻ Người giới thiệu thuốc</p> <p>Công bố, công bố lại sản phẩm mỹ phẩm.</p> <p>Cấp Giấy chứng nhận bài</p>	13	<p>- Cấp chứng chỉ hành nghề dược</p> <p>- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc</p>

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>thuốc gia truyền.</p> <p>Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc” (GDP)</p> <p>Cấp mới Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” (GPP)</p> <p>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất, hư hỏng, rách nát, thay đổi người quản lý chuyên môn về dược; thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc</p> <p>Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc(đối với Giấy chứng nhận có thời hạn)</p> <p>Cấp bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc:</p> <p>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc</p> <p>Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược do mất, hư hỏng hoặc rách nát, Chứng chỉ hành nghề hết hiệu lực (đối với Chứng chỉ đã cấp có thời hạn 5 năm), thay đổi thông tin của cá nhân đăng ký hành nghề dược</p> <p>Cấp chứng chỉ hành nghề</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
	Khám bệnh, chữa bệnh	<p>được</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh</p> <p>Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.</p> <p>Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ</p>	67	-Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.</p> <p>Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế</p> <p>Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</p> <p>Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế</p> <p>Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa</p> <p>Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền</p> <p>Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình khi thay đổi địa điểm</p> <p>Cấp bổ sung lồng ghép</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ đối với trạm y tế cấp xã</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập</p> <p>Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh</p> <p>Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016</p> <p>Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình trước ngày 01/01/2016</p> <p>Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn</p> <p>Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>hoạt động chuyên môn</p> <p>Khám sức khỏe định kỳ</p> <p>Cấp giấy khám sức khỏe cho người người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự</p> <p>Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi</p> <p>Cấp giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên</p> <p>Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện việc khám sức khỏe</p> <p>Đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>Đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng</p> <p>Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm</p> <p>Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ</p> <p>Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ</p> <p>Đăng ký hành nghề đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hoạt động khi có thay đổi về nhân sự.</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà		
		Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả		
		Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp .		
		Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm		
		Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh		
		Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh		
		Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền		
		Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa		
		Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn (Áp dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở y tế và bệnh viện tư nhân, bệnh viện trực thuộc các bộ, ngành khác đã được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động)		
		Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>quyền</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã</p> <p>Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.</p> <p>Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh</p> <p>Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.</p> <p>Cấp chứng chỉ hành nghề</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh Thành lập và cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế, và thuộc bệnh viện trực thuộc Sở Y tế, ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học y, được tư thực trên địa bàn quản lý Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền		
Thanh tra tỉnh	Thanh tra	Thủ tục giải quyết tố cáo Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu Thủ tục xử lý đơn thư Thủ tục tiếp công dân	5	- Thủ tục giải quyết tố cáo
Ban quản lý các khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Thủ tục Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý khu công nghiệp Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý KCN. Thủ tục Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư đối với dự án trong khu công nghiệp Thủ tục Cung cấp thông tin về dự án đầu tư trong khu công nghiệp Thủ tục Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý	30	- Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		tương đương		
		Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		
		Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		
		Thủ tục Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong khu công nghiệp		
		Thủ tục Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư trong KCN		
		Thủ tục Giãn tiến độ đầu tư đối với dự án trong khu công nghiệp		
		Thủ tục Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
		Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
		Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		
		Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong khu công nghiệp theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài		
		Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế		
		Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ		
		Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)</p> <p>Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p> <p>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án trong khu công nghiệp thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án trong khu công nghiệp không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư</p> <p>Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p> <p>Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) trong khu công nghiệp</p> <p>Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) đối với dự án trong khu công nghiệp</p> <p>Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) đối với dự án trong khu công nghiệp Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu tại khu công nghiệp Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm rượu tại khu công nghiệp Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại khu công nghiệp Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá tại KCN Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của thương nhân đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại KCN		
Văn phòng UBND tỉnh	Ngoại vụ	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ Sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ Xin phép Tổ chức Hội nghị, Hội thảo quốc tế của cơ quan, tổ chức nước ngoài Phê duyệt tiếp nhận viên trợ phi Chính phủ nước ngoài.	5	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ
Ủy ban nhân dân cấp huyện	Kế hoạch & Đầu tư	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư Giải quyết kiến nghị trong	54	- Đăng ký hộ kinh doanh - Đăng ký Hợp tác xã

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>quá trình lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Làm rõ hồ sơ dự tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư</p> <p>Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		Lựa chọn nhà thầu qua mạng Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình đấu thầu Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ Mở thầu Làm rõ hồ sơ dự thầu Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu Phê duyệt danh sách ngắn Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>hàng hóa</p> <p>Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp</p> <p>Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn</p> <p>Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu</p> <p>Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã</p> <p>Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)</p> <p>Châm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã</p> <p>Tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã</p> <p>Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã</p> <p>Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã</p> <p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã</p> <p>Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)</p> <p>Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng) Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng) TÊN HỢP TÁC XÃ Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất) Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất Đăng ký khi hợp tác xã tách Đăng ký khi hợp tác xã chia Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã Đăng ký Hợp tác xã Tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh Chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh Thay đổi nội dung Đăng ký hộ kinh doanh Đăng ký hộ kinh doanh		
	Đất đai	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện, thành phố (cấp huyện) Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai. Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa	30	- Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.</p> <p>Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với các trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.</p> <p>Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.</p> <p>Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân</p> <p>Đăng ký thay đổi nội dung thể chấp đã đăng ký</p> <p>Đăng ký, xoá đăng ký thể chấp bằng quyền sử dụng đất đã thế chấp và xử lý quyền sử dụng đất đã thế chấp, để thu hồi nợ.</p> <p>Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện</p>		<p>chung vợ và chồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở - Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp		
		Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất		
		Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân		
		Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
		Tách thửa hoặc hợp thửa đất		
		Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu		
		Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế		
		Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề		
		Đăng ký biến động đổi với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất		
		Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>chỉ); giám diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận</p>		
		<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất</p>		
		<p>Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p>		
		<p>Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm</p>		
		<p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		<p>gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng</p> <p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p> <p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở</p> <p>Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất</p> <p>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu</p> <p>Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn</p>		

Đơn vị cung cấp TTHC	Lĩnh vực	Tên thủ tục	Số lượng TTHC chính đại diện	Tên Thủ tục hành chính đại diện
		liên với đất lần đầu Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu		
	Giáo dục và đào tạo	Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học Đăng ký hoạt động nhóm trẻ đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ tới trường, lớp Giải thể hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực	5	- Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực
Ủy ban nhân dân cấp xã	Hộ tịch	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch Đăng ký nhận cha, mẹ, con Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ Thủ tục đăng ký giám hộ Đăng ký lại khai tử Đăng ký khai tử Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân Đăng ký lại kết hôn Đăng ký kết hôn Đăng ký lại khai sinh Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân Đăng ký khai sinh	16	- Đăng ký kết hôn - Thủ tục đăng ký giám hộ

48 thủ tục hành chính của tỉnh Hà Nam được lựa chọn để phân tích cũng thỏa mãn bao phủ hầu hết các nhóm thủ tục hành chính trong Danh mục nhóm các dịch vụ công được ưu tiên cung cấp trực tuyến mức độ 4 tại các tỉnh, thành phố theo Quyết định số 1819/QĐ-TTG ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ (bảng bên dưới). Cụ thể danh sách TTHC theo nhóm các dịch vụ công được ưu tiên cung cấp theo Quyết định 1819/QĐ-TTg của tỉnh Hà Nam tại Phụ lục 03.

Bảng 10: Danh sách dịch vụ công tỉnh Hà Nam thỏa mãn Quyết định 1819/QĐ-TTG

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Thỏa mãn 1819
Nhóm thủ tục cấp tỉnh			
1	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Sở Công Thương	X
2	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu		X
3	Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		X
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm		
5	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn	Sở Giao thông vận tải	
6	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô		X
7	Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu		X
8	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4		
9	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	X
10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư		X
11	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)		X
12	Thành lập công ty TNHH một		X

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Thỏa mãn 1819
	thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập		
13	Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
14	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)		
15	Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam		X
16	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam		X
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Sở NN&PTNT	
18	Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn		
19	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản	Sở Tài chính	
20	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	Sở Tài nguyên và Môi trường	
21	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức.		X
22	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	Sở Thông tin và truyền thông	
23	Cho phép tổ chức họp báo (trong nước)		
24	Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính		
25	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh		
26	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm		

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Thỏa mãn 1819
27	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài		
28	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Sở Tư pháp	
29	Điều chỉnh giấy phép xây dựng		
30	Cấp lại giấy phép xây dựng		X
31	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	Sở Xây dựng	X
32	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	Sở Y tế	
33	Cấp chứng chỉ hành nghề dược		X
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc		X
35	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam		X
36	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	X
37	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương		X
38	Thủ tục giải quyết tố cáo	Thanh tra tỉnh	
39	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Ban quản lý các khu công nghiệp	X
40	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	Văn phòng UBND tỉnh	X
Nhóm thủ tục cấp huyện			
41	Đăng ký hộ kinh doanh		X
42	Đăng ký Hợp tác xã		X
43	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho,	Ủy ban nhân dân cấp huyện	X

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Thỏa mãn 1819
	góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng		
44	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở		X
45	- Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.		
Nhóm thủ tục cấp xã			
46	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	UBND xã	X
47	Đăng ký kết hôn		X
48	Thủ tục đăng ký giám hộ		X

5.2.1 Phân tích mô hình liên thông nghiệp vụ.

Việc xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử cho tỉnh Hà Nam nói riêng, và cho tất cả các tỉnh nói chung đều phải xuất phát từ bài toán mô hình nghiệp vụ liên thông. Phân tích mô hình nghiệp vụ liên thông của các thủ tục hành chính ưu tiên triển khai là một yêu cầu bắt buộc, để từ đó chúng ta có thể thấy được vai trò và sự kết nối của các cơ quan nhà nước tham gia vào một thủ tục hành chính công. Hơn thế nữa, việc phân tích mô hình nghiệp vụ liên thông của các thủ tục hành chính để từ đó chúng ta có thể thấy được những thông tin nào cần trao đổi, chia sẻ giữa các cơ quan, từ đó định hướng được việc xây dựng những cơ sở dữ liệu cần thiết phục vụ cho mục đích kiểm tra, trích lọc và trao đổi thông tin giữa các cơ quan tham gia vào việc xử lý thủ tục hành chính.

Việc phân tích quy trình của một dịch vụ công là bước đầu tiên trong quá trình phân tích mô hình nghiệp vụ liên thông. Tại bước này chúng ta xác định các quy trình thực hiện tuần tự trong một mô hình nghiệp vụ liên thông, các đơn vị tham gia vào việc xử lý quy trình (ví dụ: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Bộ phận xử lý của Sở A, Bộ phận xử lý của Sở B và các cơ sở dữ liệu cần

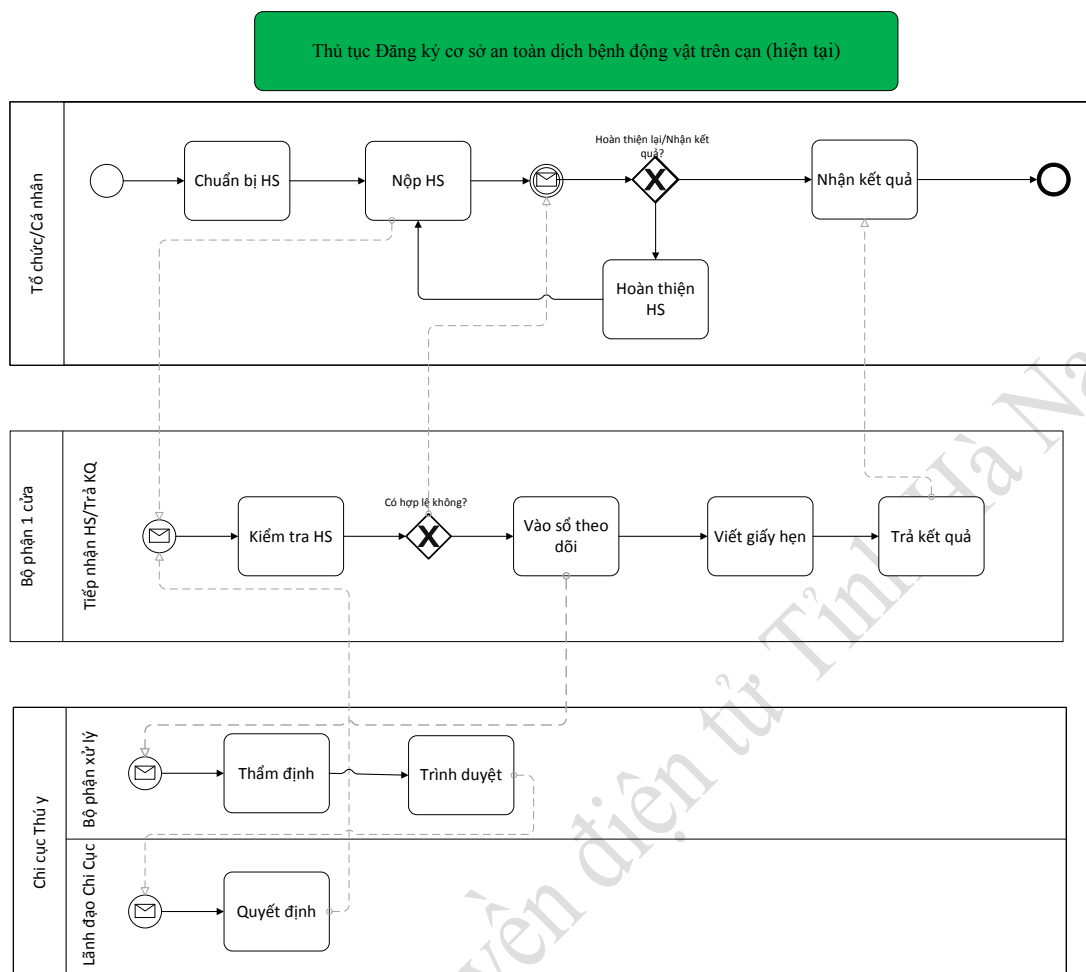
phải tham chiếu đến). Bảng 11 thể hiện quy trình của mỗi thủ tục hành chính cần phân tích.

Bảng 11: Quy trình thủ tục Thủ tục Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

Trình tự	Nội dung	Thành phần
Bước 1	+ Chủ cơ sở lập hồ sơ đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh nộp hồ sơ đến Chi cục Thú y (qua Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp & PTNT: trực tiếp hoặc qua mạng);	
Bước 2	<p>+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thú y kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định nội dung của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thú y thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá (sau đây gọi chung là Đoàn đánh giá) và thông báo kế hoạch kiểm tra, đánh giá cho cơ sở.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Thú y thông báo bằng văn bản cho cơ sở để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.</p>	<p>Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đơn đăng ký (Phụ lục VIa); + Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Phụ lục IIa); + Báo cáo kết quả giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số: 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; + Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; + Bản sao Giấy chứng nhận VietGAHP.
Bước 3	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra tại cơ sở hoặc kể từ ngày nhận kết quả xét nghiệm bệnh theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Thông tư số: 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016, Chi cục Thú y cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đạt yêu cầu; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Cơ quan thú y phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và hướng	

	dẫn cơ sở khắc phục các nội dung chưa đạt yêu cầu.	
Thời gian giải quyết thủ tục		09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính		Cá nhân
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính		Chi cục Thú y
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính		Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh
Lệ phí:		- Không
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	+ Luật Thú y 79/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/6/2015; + Thông tư số: 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.	

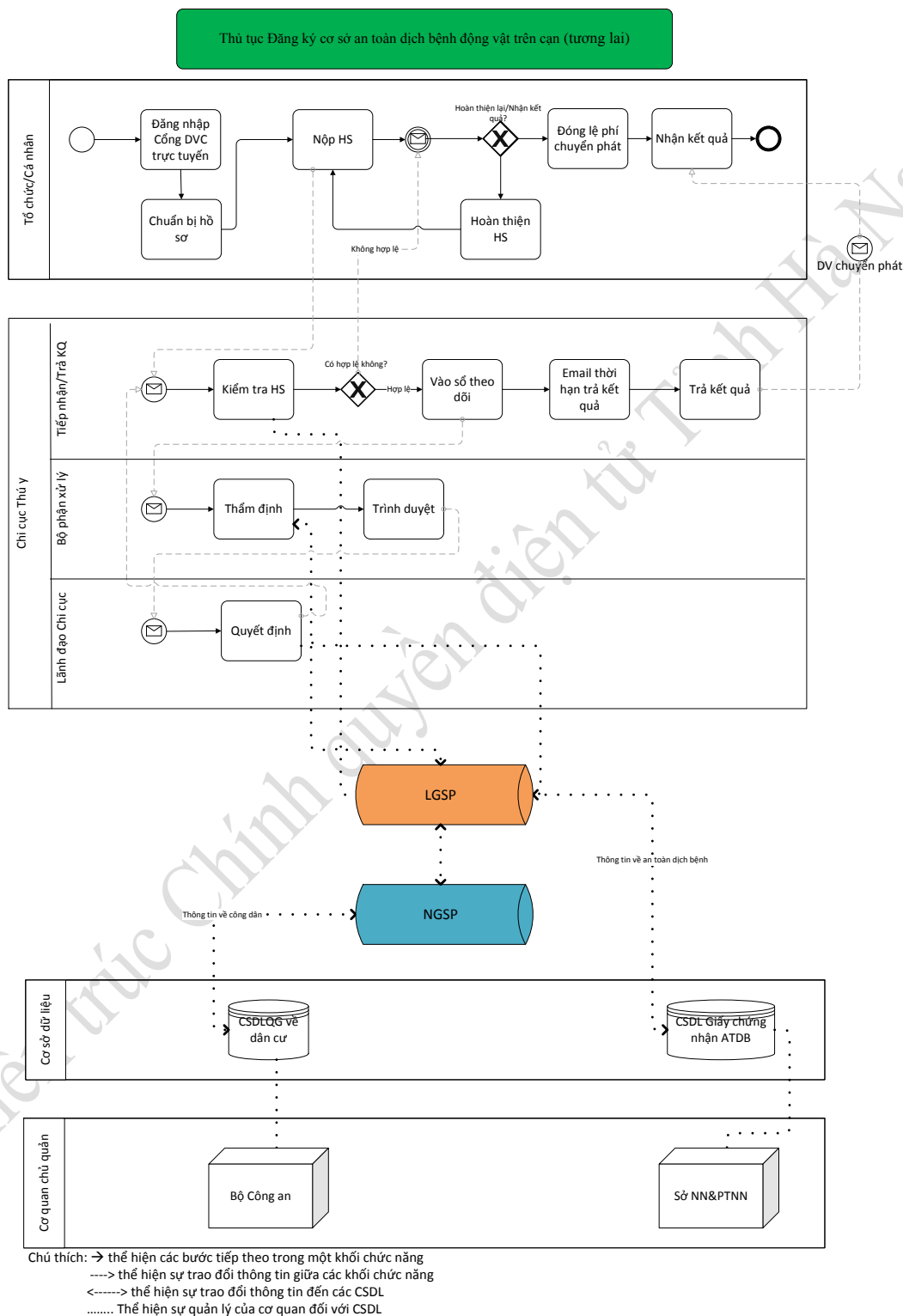
Để thể hiện việc xây dựng kiến trúc chính là việc quy hoạch lại các ứng dụng, các phần mềm, các cơ sở dữ liệu nhằm mục đích tránh đầu tư một cách trùng lặp, lãng phí, tại bước này chúng ta cần phải mô hình hóa được quy trình hiện tại của thủ tục hành chính. Thường thì trong giai đoạn này, đại đa số các bước trong một quy trình thủ tục hành chính chủ yếu được xử lý dưới dạng văn bản giấy (các quy trình chưa được tin học hóa), chính vì vậy điều này sẽ gây ra những khó khăn nhất định như việc tốn nhiều thời gian kiểm tra thông tin trên những văn bản giấy, hay như việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan tham gia vào việc xử lý thủ tục hành chính cũng khó khăn (do thông tin, văn bản vẫn chỉ lưu ở bản giấy). Hình bên dưới thể hiện quy trình hiện tại của thủ tục hành chính Cấp chứng chỉ định giá bất động sản.



Hình 7: Quy trình nghiệp vụ hiện tại thủ tục Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

Sau khi đã mô hình hóa quy trình hiện tại của thủ tục hành chính, việc tiếp theo là chúng ta cần mô hình hóa quy trình tương lai của mỗi thủ tục hành chính. Để làm được điều này, chúng ta cần căn cứ vào các bước thứ nhất, thứ hai để đảm bảo quy trình của thủ tục hành chính mặc dù được tin học hóa nhưng cũng không thay đổi quá nhiều về mặt tổ chức của mỗi đơn vị liên quan. Tại bước này chúng ta cũng cần xác định được những thông tin, dữ liệu nào cần phải kết nối đến các cơ sở dữ liệu của tỉnh (thông qua nền tảng chia sẻ cấp tỉnh LGSP) và những thông tin dữ liệu nào cần phải kết nối đến các cơ sở dữ liệu quốc gia (thông qua hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương NGSP). Tại bước này, tùy vào việc tỉnh có quyết định đưa thủ tục hành chính đó lên dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 hay không mà chúng ta có thể quyết định thay đổi bước Nộp hồ sơ cho người dân. Cụ thể, nếu các thủ tục hành chính được đẩy lên mức độ 3, mức độ 4 thì người dân có thể ngồi tại nhà và thực hiện các thủ tục hành chính một cách bình thường. Tuy nhiên, vẫn có sự

lựa chọn nếu người dân chưa quen sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin để thực hiện các thủ tục hành chính đó thì vẫn có thể nộp hồ sơ trực tiếp tại các điểm tiếp nhận và trả kết quả.



Hình 8: Quy trình nghiệp vụ tương lai của thủ tục Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

Dựa trên những phân tích trên nhóm tư vấn kiến trúc đã phân tích toàn bộ quy trình nghiệp vụ của 48 thủ tục hành chính đại diện cho 593 thủ tục hành chính của tỉnh Hà Nam (*Tham khảo Phụ lục 1: Phân tích quy trình nghiệp vụ của các thủ tục hành chính*) để đưa vào Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.

Kiến trúc Chính quyền điện tử Tỉnh Hà Nam

5.2.2 Môi quan hệ giữa các cơ quan trong việc xử lý quy trình thủ tục hành chính

Bảng dưới đây sẽ thể hiện mối quan hệ giữa các cơ quan trong việc xử lý các quy trình thủ tục hành chính. Bảng này nêu lên vai trò của mỗi cơ quan tham gia vào thủ tục hành chính như vai trò Thực hiện hoặc Phối hợp

Bảng 12: Bảng Mối quan hệ giữa các cơ quan trong việc xử lý các quy trình thủ tục hành chính

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Phối hợp				
Nhóm thủ tục cấp tỉnh							
1	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Sở Công Thương	Bộ Công an	Bộ KH&ĐT	Cục thuế tỉnh		
2	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
3	Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT	Cục thuế tỉnh		
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT	Sở Y tế		
5	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn	Sở Giao thông vận tải	Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
6	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
7	Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT	Sở KH&ĐT	Cục thuế tỉnh	
8	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4		Bộ Công an				
9	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ KH&ĐT	UBND tỉnh			

	CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ						
10	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT	Cục thuế tỉnh	UBND tỉnh	Sở TN & MT
11	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT	Cục thuế tỉnh	UBND tỉnh	
12	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
13	Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Bộ KH&ĐT				
14	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)		Bộ KH&ĐT				
15	Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam		Bộ KH&ĐT	Bộ Công an			
16	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Sở NN&PTNT	Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
18	Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động		Bộ Công				

	vật trên cạn		an				
19	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản	Sở Tài chính	UBND tỉnh				
20	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	Sở Tài nguyên và Môi trường	Bộ Công an	Bộ KH&ĐT	UBND tỉnh		
21	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức.		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
22	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	Sở Thông tin và truyền thông	Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
23	Cho phép tổ chức họp báo (trong nước)		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
24	Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
25	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh		Bộ KH&ĐT	Bộ Công an			
26	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
27	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài		Bộ KH&ĐT				
28	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Sở Tư pháp	Bộ Công an				
29	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	Sở Xây dựng	Bộ Công an	Bộ KH&ĐT	UBND tỉnh		
30	Cấp lại giấy phép xây dựng		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT	UBND tỉnh		
31	Cấp giấy phép xây dựng đối với công		Bộ Công	Bộ KH&ĐT	UBND tỉnh	Sở TN&MT	

	trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh		an				
32	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	Sở Y tế	Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
33	Cấp chứng chỉ hành nghề dược		Bộ Công an	Sở GD&ĐT			
34	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
35	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam		Bộ Công an	Sở Tư pháp	Sở GD&ĐT		
36	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Công an	Sở Tư pháp	Bộ KH&ĐT		
37	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
38	Thủ tục giải quyết tố cáo	Thanh tra tỉnh	Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
39	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Ban quản lý các khu công nghiệp	Bộ Công an	Bộ KH&ĐT	UBND tỉnh		
40	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Bộ Công an	Sở Tư pháp	Sở Nội vụ	Bộ Ngoại giao	
Nhóm thủ tục cấp huyện							
41	Đăng ký hộ kinh doanh	Ủy ban nhân dân	Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			

		cấp huyện	an				
42	Đăng ký Hợp tác xã		Bộ Công an	Bộ KH&ĐT			
43	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng		Bộ Công an	Sở TN & MT	Cục Thuế tỉnh		
44	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở		Bộ Công an	Sở TN & MT	Cục Thuế tỉnh		
45	- Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.	Bộ Công an	Cục Thuế tỉnh	Sở TN&MT			
Nhóm thủ tục cấp xã							
46	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	UBND xã	Bộ Công an	Sở GD&ĐT	Sở TN&MT		
47	Đăng ký kết hôn		Bộ Công an	Sở Tư pháp			
48	Thủ tục đăng ký giám hộ		Bộ Công an	Sở Tư pháp			

5.2.3 Môi quan hệ về dịch vụ giữa các cơ quan

Sau khi phân tích 48 thủ tục hành chính của tỉnh Hà Nam, chúng ta sẽ tổng hợp được một ma trận bao gồm các dịch vụ được cung cấp, khai thác bởi các cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Căn cứ trên ma trận này và bảng tần suất các thông tin trao đổi sẽ là căn cứ để chúng ta đưa ra danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung cho toàn tỉnh. Các ô là các dịch vụ nghiệp vụ được đơn vị khai thác yêu cầu đơn vị cung cấp và đơn vị cung cấp phục vụ cho việc khai thác. Các dịch vụ trong ma trận này cũng là đầu vào cho việc thiết kế kiến trúc dữ liệu.

Bảng 13: Mối quan hệ trong việc cung cấp, khai thác các dịch vụ

Khai thác Cung cấp	Sở Công thương	Sở GTVT	Sở KH & ĐT	Sở LĐ, TB & XH	Sở Nông nghiệp và PT nông thôn	Sở Tài chính	Sở TN & MT	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp	Sở Văn hóa TT & DL	Sở Xây dựng	Sở Y tế	UBND tỉnh	BQL các khu CN	UBND huyện	UBND xã
	Cục Thuế tỉnh	Dịch vụ cung cấp thông tin về thuế	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về thuế	Dịch vụ cung cấp thông tin về thuế
Bộ Công an	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân	Dịch vụ cung cấp thông tin về người dân
Bộ KH&ĐT	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	Dịch vụ cung cấp thông tin về doanh nghiệp	-

Khai thác	Sở Công thương	Sở GTVT	Sở KH & ĐT	Sở LĐ, TB & XH	Sở Nông nghiệp và PT nông thôn	Sở Tài chính	Sở TN & MT	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp	Sở Văn hóa TT & DL	Sở Xây dựng	Sở Y tế	UBND tỉnh	BQL các khu CN	UBND huyện	UBND xã
Cung cấp																
UBND tỉnh	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về dự án	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về dự án	Dịch vụ cung cấp thông tin về dự án	-	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về dự án	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về dự án	-	-
Công an tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về án tích	-	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về án tích	-	-	-	-
Tòa án	-	-	-	-	-	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về án lưu	-	-	-	-	-	-	-	-
Sở Nội vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Dịch vụ cung cấp	-	-	-

Khai thác Cung cấp	Sở Công thương	Sở GTVT	Sở KH & ĐT	Sở LĐ, TB & XH	Sở Nông nghiệp và PT nông thôn	Sở Tài chính	Sở TN & MT	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp	Sở Văn hóa TT & DL	Sở Xây dựng	Sở Y tế	UBND tỉnh	BQL các khu CN	UBND huyện	UBND xã
													thông tin về cán bộ CC, VC			
Bộ Ngoại giao	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về hộ chiếu ngoại giao	-	-	-
Sở Tư pháp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về hộ tịch	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về hộ tịch

Khai thác Cung cấp	Sở Công thương	Sở GTVT	Sở KH & ĐT	Sở LĐ, TB & XH	Sở Nông nghiệp và PT nông thôn	Sở Tài chính	Sở TN & MT	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp	Sở Văn hóa TT & DL	Sở Xây dựng	Sở Y tế	UBND tỉnh	BQL các khu CN	UBND huyện	UBND xã
Sở TN&MT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về giấy chứng nhận QSDĐ và thông tin về đất đai	Dịch vụ cung cấp thông tin về giấy chứng nhận QSDĐ và thông tin về đất đai
Bộ GTVT	-	Dịch vụ cung cấp thông tin về đăng ký xe	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

5.2.4 Giải pháp định hướng tin học hóa mô hình nghiệp vụ liên thông

Qua phân tích 48 thủ tục hành chính đại diện, chúng ta có thể có được các thông tin chính được trao đổi giữa các cơ quan phối hợp xử lý trong một thủ tục hành chính. Các thông tin chính này bao gồm các Thông tin về công dân, Thông tin về doanh nghiệp, Thông tin về dự án, Thông tin về thuế... Cụ thể các thông tin chính trao đổi trong mỗi thủ tục hành chính sẽ được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 14: Bảng tổng hợp các thông tin chính trao đổi trong mỗi TTHC

STT	Tên TTHC	Thông tin chính trao đổi
1	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	- Thông tin về thuế - Thông tin về công dân - Thông tin về giấy phép kinh doanh - Thông tin về doanh nghiệp
2	Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	- Thông tin về thuế - Thông tin về công dân - Thông tin về giấy phép kinh doanh - Thông tin về doanh nghiệp
3	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	- Thông tin về giấy chứng nhận xăng dầu - Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về khám bệnh - Thông tin về an toàn vệ sinh
5	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	- Thông tin về vận tải - Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp
6	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về đăng ký xe - Thông tin về giấy phép kinh doanh vận tải
7	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4	- Thông tin về công dân - Thông tin về đăng ký xe - Thông tin về giấy phép đào tạo lái xe
8	Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu	- Thông tin về công dân - Thông tin về chứng nhận đầu tư - Thông tin về thuế
9	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về dự án - Thông tin về chứng nhận đầu tư - Thông tin về thuế
10	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về dự án - Thông tin về thuế
11	Thủ tục Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	- Thông tin về dự án - Thông tin về doanh nghiệp
12	Thủ tục Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp
13	Thủ tục Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phú Lý)	- Thông tin về doanh nghiệp
14	Thủ tục Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phú Lý)	- Thông tin về doanh nghiệp
15	Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về lao động nước ngoài
16	Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về lao động nước ngoài
17	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về giấy chứng nhận bán thuốc BVTV
18	Thủ tục Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	- Thông tin về công dân - Thông tin về an toàn dịch bệnh
19	Thủ tục Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản	- Thông tin về dự án - Thông tin về mã số ĐVQHNS
20	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về đất đai - Thông tin về dự án
21	Thủ tục Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về tác động môi trường - Thông tin về dự án
22	Thủ tục Cho phép tổ chức họp báo (trong nước)	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp
23	Thủ tục Cấp giấy phép xuất bản bản tin	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về xuất bản
24	Thủ tục Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	- Thông tin về công dân

STT	Tên TTHC	Thông tin chính trao đổi
		- Thông tin về doanh nghiệp
25	Thủ tục Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về xuất bản
26	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về hoạt động in
27	Thủ tục Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	- Thông tin về cấp phép in - Thông tin về doanh nghiệp
28	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	- Thông tin về dân cư - Thông tin về hộ tịch
29	Thủ tục Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về quảng cáo
30	Thủ tục Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về cấp phép biểu diễn nghệ thuật
31	Thủ tục Điều chỉnh giấy phép xây dựng	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về dự án - Thông tin về giấy phép xây dựng
32	Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về dự án - Thông tin về giấy phép xây dựng
33	Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về dự án - Thông tin về đất đai - Thông tin về giấy phép dự án
34	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về khám bệnh - Thông tin về an toàn vệ sinh
35	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề dược	- Thông tin về công dân - Thông tin về khám bệnh - Thông tin về bằng cấp - Thông tin về chứng chỉ hành nghề dược
36	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	- Thông tin về công dân - Thông tin về chứng chỉ hành nghề dược - Thông tin về giấy chứng nhận kinh doanh thuốc
37	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam	- Thông tin về công dân - Thông tin về bằng cấp - Thông tin về hành nghề y - Thông tin về hộ tịch
38	Thủ tục giải quyết tố cáo	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp
39	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp - Thông tin về dự án
40	Thủ tục Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	- Thông tin về công dân - Thông tin về cán bộ CC, VC - Thông tin về hộ tịch - Thông tin về hộ chiếu ngoại giao
41	Thủ tục Đăng ký hộ kinh doanh	- Thông tin về công dân - Thông tin về hộ kinh doanh
42	Thủ tục đăng ký Hợp tác xã	- Thông tin về công dân - Thông tin về doanh nghiệp
43	Thủ tục Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	- Thông tin về công dân - Thông tin về thuê - Thông tin về chứng nhận QSDĐ - Thông tin về đất đai
44	Thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	- Thông tin về công dân - Thông tin về đất đai - Thông tin về thuê
45	Thủ tục Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận	- Thông tin về công dân - Thông tin về thuê - Thông tin về giấy chứng nhận sử dụng đất
46	Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	- Thông tin về công dân - Thông tin về bằng cấp - Thông tin về đất đai
47	Thủ tục Đăng ký kết hôn	- Thông tin về công dân - Thông tin về hộ tịch
48	Thủ tục đăng ký giám hộ	- Thông tin về công dân - Thông tin về hộ tịch

Đối với mỗi thủ tục hành chính, yêu cầu tin học hóa để làm giảm bớt thời gian, công sức của người thực hiện thủ tục hành chính và các cán bộ xử lý các yêu cầu đối với mỗi thủ tục hành chính là yêu cầu cấp thiết. Qua việc phân tích 48 thủ tục hành chính của tỉnh Hà Nam, Tư vấn đã tổng hợp các yêu cầu cần phải được tin học hóa đối với mỗi khâu khác nhau trong từng thủ tục hành chính, và thể hiện mối quan hệ trong việc trao đổi thông tin theo bảng dưới đây:

Bảng 15: Bảng yêu cầu tin học hóa và trao đổi thông tin của mỗi thủ tục hành chính

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
1	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến - Tra cứu thông tin về thuế trong CSDL thuế của Cục Thuế tỉnh - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công thương → Cục thuế tỉnh: Mã số thuế - Cục thuế tỉnh → Sở Công thương: Thông tin về thuế - Sở Công thương → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở Công thương: Thông tin về công dân - Sở Công thương → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở Công thương: Thông tin về doanh nghiệp
2	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin về thuế trong CSDL thuế của Cục Thuế tỉnh - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công thương → Cục thuế tỉnh: Mã số thuế - Cục thuế tỉnh → Sở Công thương: Thông tin về thuế - Sở Công thương → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở Công thương: Thông tin về công dân - Sở Công thương → Bộ KH&ĐT: Mã

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
				số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở Công thương: Thông tin về doanh nghiệp
3	Cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công thương → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở Công thương: Thông tin về công dân - Sở Công thương → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở Công thương: Thông tin về doanh nghiệp
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công thương → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở Công thương: Thông tin về công dân - Sở Công thương → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở Công thương: Thông tin về doanh nghiệp
5	Cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GTVT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở GTVT: Thông tin về công dân - Sở GTVT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở GTVT: Thông tin về doanh nghiệp
6	Cấp lại Giấy phép kinh	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GTVT → Bộ Công an: Định danh

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
	doanh vận tải do hết hạn		<p>CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<p> cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Công an → Sở GTVT: Thông tin về công dân - Sở GTVT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở GTVT: Thông tin về doanh nghiệp
7	Cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GTVT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở GTVT: Thông tin về công dân
8	Cấp phù hiệu, biển hiệu	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về ĐK doanh nghiệp của Bộ KH &ĐT - Tra cứu thông tin về đăng ký xe trong CSDL của Bộ GTVT 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở GTVT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở GTVT: Thông tin về công dân - Sở GTVT → Bộ KH & ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp. - Bộ KH & ĐT → Sở GTVT: Thông tin về doanh nghiệp. - Sở GTVT → Bộ GTVT: Số đăng ký xe - Bộ GTVT → Sở GTVT: Thông tin về đăng ký xe
9	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến - Tra cứu thông tin về thuế trong CSDL thuế của Cục Thuế tỉnh - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở KH&ĐT → Cục thuế tỉnh: Mã số thuế - Cục thuế tỉnh → Sở KH&ĐT : Thông tin về thuế - Sở KH&ĐT → Bộ Công an: Định danh cá nhân

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
			<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp - Tra cứu thông tin về dự án trong CSDL dự án của UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Công an → Sở KH&ĐT : Thông tin về công dân - Sở KH&ĐT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở KH&ĐT : Thông tin về doanh nghiệp - Sở KH&ĐT → UBND tỉnh: Mã số dự án - UBND tỉnh → Sở KH&ĐT: Thông tin về dự án
10	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến - Tra cứu thông tin về thuế trong CSDL thuế của Cục Thuế tỉnh - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp - Tra cứu thông tin về dự án trong CSDL dự án của UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở KH&ĐT → Cục thuế tỉnh: Mã số thuế - Cục thuế tỉnh → Sở KH&ĐT : Thông tin về thuế - Sở KH&ĐT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở KH&ĐT : Thông tin về công dân - Sở KH&ĐT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở KH&ĐT : Thông tin về doanh nghiệp - Sở KH&ĐT → UBND tỉnh: Mã số dự án - UBND tỉnh → Sở KH&ĐT: Thông tin về dự án
11	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở KH&ĐT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
	vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ		<ul style="list-style-type: none"> Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp - Tra cứu thông tin về dự án trong CSDL dự án của UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ KH&ĐT → Sở KH&ĐT : Thông tin về doanh nghiệp - Sở KH&ĐT → UBND tỉnh: Mã số dự án - UBND tỉnh → Sở KH&ĐT: Thông tin về dự án
12	Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở LĐTB&XH → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở LĐTB&XH : Thông tin về doanh nghiệp
13	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở LĐTB&XH → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở LĐTB&XH : Thông tin về doanh nghiệp
14	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở LĐTB&XH → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở LĐTB&XH : Thông tin về công dân - Sở LĐTB&XH → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
				<ul style="list-style-type: none"> - Bộ KH&ĐT → Sở LĐT&XH : Thông tin về doanh nghiệp
15	Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở LĐT&XH → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở LĐT&XH : Thông tin về công dân - Sở LĐT&XH → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở LĐT&XH : Thông tin về doanh nghiệp
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở NN&PTNT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở NN&PTNT : Thông tin về công dân - Sở NN&PTNT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở NN&PTNT : Thông tin về doanh nghiệp
17	Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở NN&PTNT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở NN&PTNT : Thông tin về công dân
18	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản	4	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin về dự án trong CSDL dự án của UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Tài chính → UBND tỉnh: Mã số dự án - UBND tỉnh → Sở Tài chính: Thông tin về dự án
19	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở TN&MT → Bộ Công an: Định danh cá nhân

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
	quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức		thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp - Tra cứu thông tin về dự án trong CSDL dự án của UBND tỉnh	- Bộ Công an → Sở TN&MT: Thông tin về công dân - Sở TN&MT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ - KH&ĐT → Sở TN&MT: Thông tin về doanh nghiệp - Sở TN&MT → UBND tỉnh: Mã số dự án - UBND tỉnh → Sở TN&MT: Thông tin về dự án
20	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	3	- Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp - Tra cứu thông tin về dự án trong CSDL dự án của UBND tỉnh	- Sở TN&MT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở TN&MT: Thông tin về công dân - Sở TN&MT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở TN&MT: Thông tin về doanh nghiệp - Sở TN&MT → UBND tỉnh: Mã số dự án - UBND tỉnh → Sở TN&MT: Thông tin về dự án
21	Cho phép tổ chức họp báo (trong nước)	4	- Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp	- Sở TT&TT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở TT&TT: Thông tin về công dân - Sở TT&TT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
				<ul style="list-style-type: none"> - Bộ KH&ĐT → Sở TT&TT: Thông tin về doanh nghiệp
22	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở TT&TT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở TT&TT: Thông tin về công dân - Sở TT&TT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ - KH&ĐT → Sở TT&TT: Thông tin về doanh nghiệp
23	Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở TT&TT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở TT&TT: Thông tin về công dân - Sở TT&TT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ - KH&ĐT → Sở TT&TT: Thông tin về doanh nghiệp
24	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở TT&TT → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở TT&TT: Thông tin về công dân - Sở TT&TT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở TT&TT: Thông tin về doanh nghiệp
25	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở TT&TT → Bộ Công an: Định danh cá nhân

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
			thăm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thăm tra doanh nghiệp	- Bộ Công an → Sở TT&TT: Thông tin về công dân - Sở TT&TT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở TT&TT: Thông tin về doanh nghiệp
26	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	3	- Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thăm tra doanh nghiệp	- Sở TT&TT → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở TT&TT: Thông tin về doanh nghiệp
27	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	3	- Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thăm tra định danh - Tra cứu thông tin án lưu trong CSDL của Tòa án - Tra cứu thông tin án tích trong CSDL của Công an tỉnh	- Sở Tư pháp → Bộ Công an/Công an tỉnh/Tòa án: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở Tư pháp: Thông tin về công dân. - Công an tỉnh → Sở Tư pháp: Thông tin về án tích. - Tòa án → Sở Tư pháp: Thông tin về án lưu
28	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn	3	- Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thăm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thăm tra doanh nghiệp	- Sở VH,TT & DL → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở VH,TT & DL: Thông tin về công dân - Sở VH,TT & DL → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ - KH&ĐT → Sở VH,TT & DL: Thông tin về doanh nghiệp

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
29	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở VH,TT & DL → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở VH,TT & DL: Thông tin về công dân - Sở VH,TT & DL → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở VH,TT & DL: Thông tin về doanh nghiệp
30	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp - Tra cứu thông tin về dự án trong CSDL dự án của UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở Xây dựng: Thông tin về công dân - Sở Xây dựng → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở Xây dựng: Thông tin về doanh nghiệp - Sở Xây dựng → UBND tỉnh: Mã số dự án - UBND tỉnh → Sở Xây dựng: Thông tin về dự án
31	Cấp lại giấy phép xây dựng	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp - Tra cứu thông tin về dự án trong CSDL dự án của UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Xây dựng → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở Xây dựng: Thông tin về công dân - Sở Xây dựng → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ - KH&ĐT → Sở Xây dựng: Thông tin về doanh nghiệp

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
				<ul style="list-style-type: none"> Sở Xây dựng → UBND tỉnh: Mã số dự án UBND tỉnh → Sở Xây dựng: Thông tin về dự án
32	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	3	<ul style="list-style-type: none"> Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp Tra cứu thông tin về dự án trong CSDL dự án của UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> Sở Xây dựng → Bộ Công an: Định danh cá nhân Bộ Công an → Sở Xây dựng: Thông tin về công dân Sở Xây dựng → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp Bộ - KH&ĐT → Sở Xây dựng: Thông tin về doanh nghiệp Sở Xây dựng → UBND tỉnh: Mã số dự án UBND tỉnh → Sở Xây dựng: Thông tin về dự án
33	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	3	<ul style="list-style-type: none"> Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> Sở Y tế → Bộ Công an: Định danh cá nhân Bộ Công an → Sở Y tế: Thông tin về công dân Sở Y tế → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp Bộ - KH&ĐT → Sở Y tế: Thông tin về doanh nghiệp
34	Cấp chứng chỉ hành nghề được	3	<ul style="list-style-type: none"> Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh 	<ul style="list-style-type: none"> Sở Y tế → Bộ Công an: Định danh cá nhân Bộ Công an → Sở Y tế: Thông tin về

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
				công dân
35	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Y tế → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở Y tế: Thông tin về công dân - Sở Y tế → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → Sở Y tế: Thông tin về doanh nghiệp
36	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp - Tra cứu thông tin về hộ tịch trong CSDL về hộ tịch của sở Tư pháp 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Y tế → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → Sở Y tế: Thông tin về công dân - Sở Y tế → Sở Tư pháp: Định danh cá nhân - Sở Tư pháp → Sở Y tế: Thông tin về hộ tịch
37	Thủ tục giải quyết tố cáo	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → UBND tỉnh: Thông tin về công dân - UBND tỉnh → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → UBND tỉnh: Thông tin về doanh nghiệp.
38	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để 	<ul style="list-style-type: none"> - BQL các KCN → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → BQL các KCN :

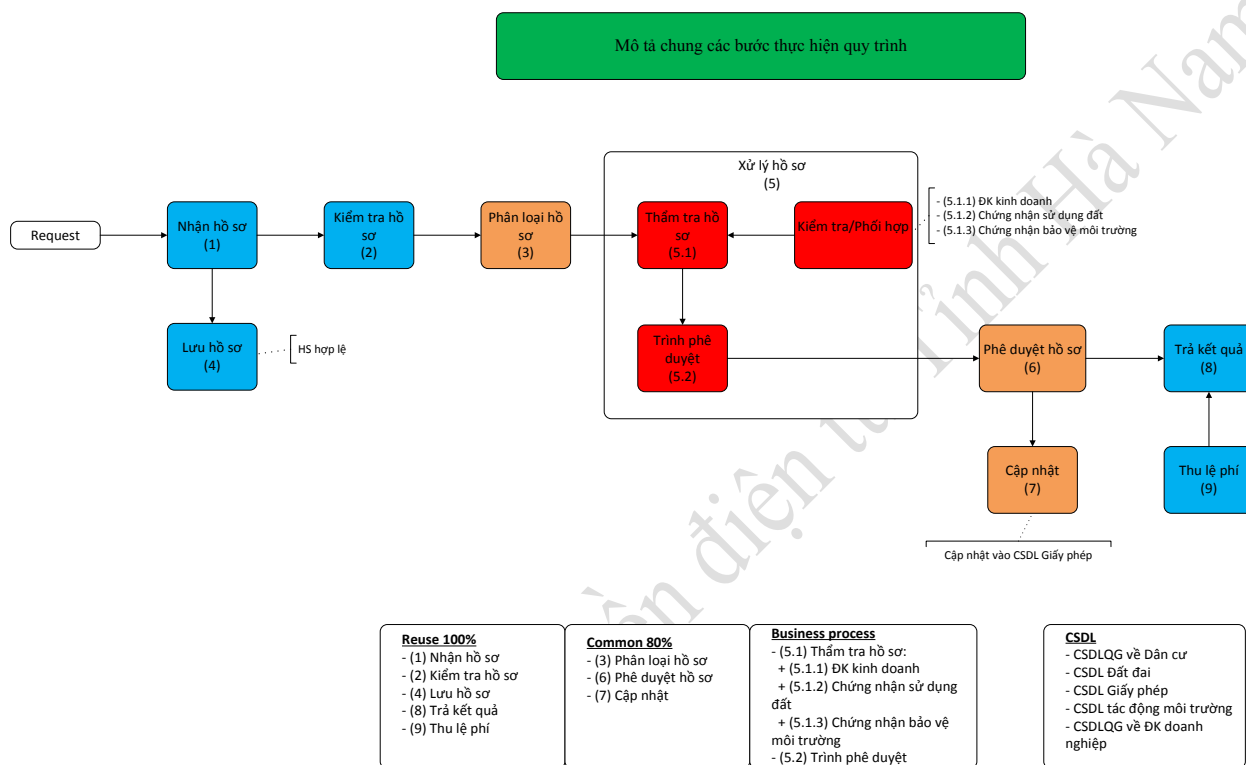
STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
	điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp - Tra cứu thông tin về dự án trong CSDL về dự án của UBND tỉnh	Thông tin về doanh nghiệp - BQL các KCN → UBND tỉnh: Mã số dự án - UBND tỉnh → BQL các KCN: Thông tin về dự án
39	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	3	- Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về cán bộ CC, VC trong CSDL về CC, VC của Sở Nội vụ - Tra cứu thông tin về hộ tịch trong CSDL về hộ tịch của sở Tư pháp - Tra cứu thông tin về hộ chiếu ngoại giao trong CSDL về hộ chiếu ngoại giao của Bộ Ngoại giao	- UBND tỉnh → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → UBND tỉnh: Thông tin về công dân - UBND tỉnh → Sở Tư pháp: Định danh cá nhân - Sở Tư pháp → UBND tỉnh: Thông tin về hộ tịch - UBND tỉnh → Sở Nội vụ: Định danh cá nhân - Sở Nội vụ → UBND tỉnh: Thông tin về cán bộ CC, VC - UBND tỉnh → Bộ Ngoại giao: Định danh cá nhân, số hộ chiếu - Bộ Ngoại giao → UBND tỉnh: Thông tin về hộ chiếu ngoại giao
40	Đăng ký hộ kinh doanh	3	- Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp	- UBND huyện → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → UBND huyện: Thông tin về công dân - UBND huyện → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
				<ul style="list-style-type: none"> - Bộ KH&ĐT → UBND huyện: Thông tin về doanh nghiệp
41	Thủ tục Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	2	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → UBND tỉnh: Thông tin về công dân - UBND tỉnh → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → UBND tỉnh: Thông tin về doanh nghiệp
42	Đăng ký Hợp tác xã	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về doanh nghiệp trong CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp của Bộ KH & ĐT để thẩm tra doanh nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND huyện → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → UBND huyện: Thông tin về công dân - UBND huyện → Bộ KH&ĐT: Mã số thành lập doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT → UBND huyện: Thông tin về doanh nghiệp
43	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về thuế trong CSDL về thuế của Cục Thuế tỉnh - Tra cứu thông tin về chứng nhận QSDĐ trong CSDL giấy chứng nhận QSDĐ của Sở TN&MT - Tra cứu thông tin về đất đai trong CSDL đất đai của Sở TN&MT 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND huyện → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → UBND huyện: Thông tin về công dân - UBND huyện → Cục Thuế tỉnh: Mã số thuế - Cục Thuế tỉnh → UBND huyện: Thông tin về thuế - UBND huyện → Sở TN&MT: Mã số giấy chứng nhận QSDĐ

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
	sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng			<ul style="list-style-type: none"> - Sở TN&MT → UBND huyện: Thông tin về QSDĐ - UBND huyện → Sở TN&MT: Mã số thửa đất - Sở TN&MT → UBND huyện: Thông tin về đất đai
44	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về thuế trong CSDL về thuế của Cục Thuế tỉnh - Tra cứu thông tin về đất đai trong CSDL đất đai của Sở TN&MT 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND huyện → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → UBND huyện: Thông tin về công dân - UBND huyện → Cục Thuế tỉnh: Mã số thuế - Cục Thuế tỉnh → UBND huyện: Thông tin về thuế - UBND huyện → Sở TN&MT: Mã số thửa đất - Sở TN&MT → UBND huyện: Thông tin về đất đai
45	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận	3	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh - Tra cứu thông tin về thuế trong CSDL về thuế của Cục Thuế tỉnh - Tra cứu thông tin về chứng nhận QSDĐ trong CSDL giấy chứng nhận QSDĐ của Sở TN&MT 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND huyện → Bộ Công an: Định danh cá nhân - Bộ Công an → UBND huyện: Thông tin về công dân - UBND huyện → Cục Thuế tỉnh: Mã số thuế - Cục Thuế tỉnh → UBND huyện: Thông tin về thuế - UBND huyện → Sở TN&MT: Mã số giấy chứng nhận QSDĐ

STT	Tên thủ tục	Mức độ	Yêu cầu tin học hóa	Yêu cầu trao đổi thông tin
				<ul style="list-style-type: none"> Sở TN&MT → UBND huyện: Thông tin về QSDĐ
46	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	3	<ul style="list-style-type: none"> Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh Tra cứu thông tin về đất đai trong CSDL đất đai của Sở TN&MT 	<ul style="list-style-type: none"> UBND xã → Bộ Công an: Định danh cá nhân Bộ Công an → UBND xã: Thông tin về công dân UBND xã → Sở TN&MT: Mã số thửa đất Sở TN&MT → UBND xã: Thông tin về đất đai
47	Đăng ký kết hôn	3	<ul style="list-style-type: none"> Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh Tra cứu thông tin về hộ tịch trong CSDL về hộ tịch của sở Tư pháp 	<ul style="list-style-type: none"> UBND xã → Bộ Công an: Định danh cá nhân Bộ Công an → UBND xã: Thông tin về công dân UBND xã → Sở Tư pháp: Định danh cá nhân Sở Tư pháp → UBND xã: Thông tin về hộ tịch
48	Đăng ký giám hộ	3	<ul style="list-style-type: none"> Tra cứu thông tin gốc về công dân trong CSDLQG về dân cư của Bộ Công an để thẩm tra định danh Tra cứu thông tin về hộ tịch trong CSDL về hộ tịch của sở Tư pháp 	<ul style="list-style-type: none"> UBND xã → Bộ Công an: Định danh cá nhân Bộ Công an → UBND xã: Thông tin về công dân UBND xã → Sở Tư pháp: Định danh cá nhân Sở Tư pháp → UBND xã: Thông tin về hộ tịch

Để đưa ra các giải pháp định hướng tin học hóa mô hình nghiệp vụ liên thông một cách hiệu quả và hữu ích nhất, chúng ta cần phải nắm chắc được các bước trong các quy trình xử lý của các thủ tục hành chính. Việc phân tích các quy trình của các thủ tục hành chính sẽ giúp cho chúng ta biết được những bước nào lặp đi lặp lại, những bước nào dù có một chút thay đổi nhưng về bản chất vẫn giống nhau. Dưới đây là mô tả chung về quy trình xử lý của một thủ tục hành chính



Hình 9: Các bước xử lý quy trình 1 thủ tục hành chính

Từ việc phân tích quy trình nghiệp vụ liên thông của 48 thủ tục hành chính đại diện cho 593 thủ tục hành chính, ta sẽ xác định được các quy trình tái sử dụng và các quy trình dùng chung (xem bảng bên dưới).

Bảng 16: Các quy trình dùng chung

STT	Tên thủ tục	Sử dụng lại	Dùng chung	Quy trình con
1	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thăm tra hồ sơ - Tổ chức/cá nhân - MS doanh nghiệp - Hồ sơ về năng lực tài chính Trình phê duyệt
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả	Thu lệ phí	
2	Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thăm tra hồ sơ - Tổ chức/cá nhân - MS doanh nghiệp - Hồ sơ về năng lực tài chính Trình phê duyệt
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả		
3	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thăm tra hồ sơ - Đơn đăng ký - Chứng nhận ĐK DN Trình phê duyệt
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả	Thu lệ phí	
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thăm tra hồ sơ - Đơn đề nghị - Đăng ký kinh doanh - Giấy xác nhận sức khỏe - Giấy xác nhận tập huấn kiến thức ATVS Trình phê duyệt
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả		
5	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thăm tra hồ sơ - Đơn đề nghị - ĐK kinh doanh - CMND - Đăng ký chất lượng
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả		

				Trình phê duyệt
6	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - Đơn đề nghị - Giấy phép kinh doanh - Đăng ký xe
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ		
		Trả kết quả	Cập nhật	Trình phê duyệt
7	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - Đơn đề nghị - Giấy chứng nhận giáo viên - Giấy phép xe tập lái
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả	Thu lệ phí	Trình phê duyệt
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả	Thu lệ phí	Trình phê duyệt
8	Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - Văn bản đề nghị - CMND/ĐK DN - Báo cáo tài chính - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả	Thu lệ phí	Trình phê duyệt
9	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - Tổ chức/ cá nhân - CMND/MS doanh nghiệp - Dự án - Báo cáo tài chính - MS thuế
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả	Thu lệ phí	Trình phê duyệt

10	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - Văn bản đề nghị - CMND/ĐK DN - Dự án - Báo cáo tài chính		
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ			
		Lưu hồ sơ	Cập nhật			
		Trả kết quả				
				Trình phê duyệt		
11	Thủ tục Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - ĐK DN - Kết quả thực hiện dự án		
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ			
		Lưu hồ sơ	Cập nhật			
		Trả kết quả				
						Trình phê duyệt
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ			
Lưu hồ sơ	Cập nhật					
Trả kết quả						
				Trình phê duyệt		
12	Thủ tục Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - Đề án thành lập - Điều lệ		
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ			
		Lưu hồ sơ	Cập nhật			
		Trả kết quả				
				Trình phê duyệt		
13	Thủ tục Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - Đơn đăng ký - Bản thỏa ước lao động		
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ			
		Lưu hồ sơ	Cập nhật			
		Trả kết quả	Thu lệ phí			
				Trình phê duyệt		
14	Thủ tục Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - Văn bản đề nghị - Biên bản góp ý		
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ			
		Lưu hồ sơ	Cập nhật			

	mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Trả kết quả	Thu lệ phí	- <i>Nội quy lao động</i> Trình phê duyệt
15	Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- <i>Đề nghị cấp phép</i>
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- <i>Giấy chứng nhận sức khỏe</i>
		Trả kết quả	Thu lệ phí	- <i>Giấy chứng minh là nhà quản lý</i> - <i>Hộ chiếu</i> Trình phê duyệt
16	Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- <i>Đề nghị cấp phép</i>
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- <i>Giấy chứng nhận sức khỏe</i>
		Trả kết quả	Thu lệ phí	- <i>Hộ chiếu</i> Trình phê duyệt
17	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- <i>Đăng ký kinh doanh</i>
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- <i>Đơn đề nghị</i>
		Trả kết quả	Thu lệ phí	Trình phê duyệt
18	Thủ tục Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- <i>Đơn đăng ký</i>
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- <i>Báo cáo kết quả giám sát</i>
		Trả kết quả		- <i>Báo cáo kết quả kiểm tra</i> Trình phê duyệt
19	Thủ tục Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- <i>Tờ khai đăng ký ĐVQHNS</i>
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- <i>Các quyết định</i>
		Trả kết quả		Trình phê duyệt

20	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - Đơn đề nghị - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - Hồ sơ dự án
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả		
				Trình phê duyệt
21	Thủ tục Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - Văn bản đề nghị thẩm định - Báo cáo TĐMT của dự án - Báo cáo nghiên cứu khả thi
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả		
				Trình phê duyệt
22	Thủ tục Cho phép tổ chức họp báo (trong nước)	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - ĐK kinh doanh - CMND
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả		
				Trình phê duyệt
23	Thủ tục Cấp giấy phép xuất bản bản tin	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - ĐK kinh doanh - CMND
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả		
				Trình phê duyệt
24	Thủ tục Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - ĐK kinh doanh - CMND
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả		
				Trình phê duyệt
25	Thủ tục Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ - ĐK kinh doanh
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	

		Trả kết quả		- <i>CMND</i>
		Thu lệ phí		Trình phê duyệt
26	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- <i>ĐK kinh doanh</i>
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- <i>Chứng nhận sử dụng đất</i>
		Trả kết quả		- <i>Chứng nhận bảo vệ môi trường</i>
		Thu lệ phí		Trình phê duyệt
27	Thủ tục Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- <i>Bản sao giấy phép hoạt động in</i>
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- <i>Chứng thực HD</i>
		Trả kết quả		- <i>Bản mẫu xuất bản</i>
		Thu lệ phí		Trình phê duyệt
28	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- <i>Số hộ khẩu</i>
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- <i>CMND</i>
		Trả kết quả		Trình phê duyệt
		Thu lệ phí		
29	Thủ tục Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- <i>Đăng ký kinh doanh</i>
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- <i>CMND</i>
		Trả kết quả		- <i>Sản phẩm quảng cáo</i>
		Thu lệ phí		Trình phê duyệt
30	Thủ tục Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- <i>Đơn đề nghị</i>
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- <i>Đăng ký DN</i>
		Trả kết quả		Trình phê duyệt

31	Thủ tục Điều chỉnh giấy phép xây dựng	Thu lệ phí		
		Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức/cá nhân - MS doanh nghiệp - Dự án - Giấy phép xây dựng
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	Trình phê duyệt
		Trả kết quả		
Thu lệ phí				
32	Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức/cá nhân - MS doanh nghiệp - Dự án - Giấy phép xây dựng
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	Trình phê duyệt
		Trả kết quả		
		Thu lệ phí		
33	Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị - MS doanh nghiệp - QĐ phê duyệt - Chứng nhận QDSDD
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	Trình phê duyệt
		Trả kết quả		
		Thu lệ phí		
34	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị - Đăng ký kinh doanh - Giấy xác nhận sức khỏe - Giấy xác nhận kiến thức ATVS
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	Trình phê duyệt
		Trả kết quả		
		Thu lệ phí		
35	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề dược	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bằng, chứng chỉ - CMND - Giấy khám sức khỏe
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả		

				- Giấy xác nhận thời gian thực hành
		Thu lệ phí		Trình phê duyệt
36	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- Đơn đề nghị
		Lưu hồ sơ	Cấp nhật	- Chứng chỉ hàn nghề
		Trả kết quả		Trình phê duyệt
		Thu lệ phí		
37	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- CMND
		Lưu hồ sơ	Cấp nhật	- Bằng cấp, chứng chỉ
		Trả kết quả		- Giấy khám sức khỏe
		Thu lệ phí		- Lý lịch tư pháp
Trình phê duyệt				
38	Thủ tục giải quyết tố cáo	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- CMND
		Lưu hồ sơ	Cấp nhật	- ĐK doanh nghiệp
		Trả kết quả		Trình phê duyệt
		Thu lệ phí		
39	Thủ tục Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- Văn bản đề nghị
		Lưu hồ sơ	Cấp nhật	- QĐ điều chỉnh
		Trả kết quả		- ĐK DN
		Thu lệ phí		Trình phê duyệt
40	Thủ tục Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	- Đơn đề nghị
		Lưu hồ sơ	Cấp nhật	- Văn bản cử cán bộ đi công tác nước ngoài
		Trả kết quả	Thu lệ phí	- CMND

				Trình phê duyệt
41	Thủ tục Đăng ký hộ kinh doanh	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- CMND
		Trả kết quả	Thu lệ phí	Trình phê duyệt
42	Thủ tục đăng ký Hợp tác xã	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- Danh sách thành viên
		Trả kết quả	Thu lệ phí	- Chứng chỉ hành nghề
				Trình phê duyệt
43	Thủ tục Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- Giấy chứng nhận
		Trả kết quả		- Văn bản đồng ý
				Trình phê duyệt
44	Thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- Chứng nhận giao đất
		Trả kết quả		- Sơ đồ nhà, đất
				Trình phê duyệt
45	Thủ tục Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	- HĐ mua bán
		Trả kết quả		Trình phê duyệt
46	Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tự thực	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	

		Trả kết quả		<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao văn bằng, chứng chỉ - Chứng nhận đất đai
				Trình phê duyệt
47	Thủ tục Đăng ký kết hôn	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký - Chứng nhận độc thân - Nơi cư trú
		Trả kết quả		Trình phê duyệt
48	Thủ tục đăng ký giám hộ	Nhận hồ sơ	Phân loại hồ sơ	Thẩm tra hồ sơ
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký giám hộ - Giấy cư giám hộ - CMND/Hộ khẩu
		Trả kết quả		Trình phê duyệt
		Kiểm tra hồ sơ	Phê duyệt hồ sơ	
		Lưu hồ sơ	Cập nhật	
		Trả kết quả		Trình phê duyệt

Sau khi phân tích các mô hình liên thông nghiệp vụ hiện tại và tương lai của các thủ tục hành chính, chúng ta thấy có thể áp dụng công nghệ thông tin để tin học hóa một số những quy trình trong các thủ tục hành chính để có thể giảm thời gian giải quyết, xử lý các hồ sơ, thủ tục, tiết kiệm được chi phí cũng như tăng hiệu suất công việc mà không làm mất đi tính ổn định trong các quy trình của thủ tục hành chính.

Thứ nhất, đối với khâu chuẩn bị và nộp hồ sơ của công dân và doanh nghiệp. Tại đây xảy ra 02 trường hợp:

- Trường hợp 1: Nộp đơn tại trung tâm hành chính công của tỉnh. Để đơn giản hóa thủ tục hành chính, thì tại khâu này, tỉnh sẽ cung cấp đầy đủ thông tin cũng như các biểu mẫu liên quan về thủ tục hành chính lên trang hành chính công của tỉnh, hoặc trên cổng thông tin của tỉnh để giúp cho người dân và doanh nghiệp có thể nắm bắt và hiểu rõ được quy trình, cũng như các thủ tục cần thiết trước khi chuẩn bị và nộp hồ sơ. Cũng có thể cung cấp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ phần mềm để có thể kiểm tra danh tính của cũng như các thông tin cơ bản nhất của người nộp hồ sơ, giúp giảm thiểu các giấy tờ mà người nộp hồ sơ phải mang đi khi thực hiện.

- Trường hợp 2: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để chuẩn bị và nộp hồ sơ. Để giúp cho người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng các dịch vụ công trực tuyến một cách thành thạo, nhanh chóng và chính xác, ngoài việc cung cấp đầy đủ các thông tin, văn bản biểu mẫu liên quan đến thủ tục hành chính, tỉnh nên cân nhắc việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ như chat trực tuyến, các đường dây hotline để có thể giải đáp các thắc mắc cũng như hướng dẫn người dân, doanh nghiệp một cách kịp thời và nhanh chóng. Bên cạnh đó, việc triển khai các CSDL của tỉnh kết hợp với việc cung cấp các biểu mẫu điện tử tương tác (e-form) cho các thủ tục hành chính công trực tuyến sẽ giảm tải việc người dân, doanh nghiệp phải điền đầy đủ các thông tin. Ví dụ, đối với thủ tục liên quan đến Đổi giấy phép lái xe, thay vì việc phải điền toàn bộ các thông tin liên quan về người dân vào các mục trong e-form, thì người dân chỉ cần điền số giấy phép lái xe của mình. Hệ thống sẽ tự động truy cập vào CSDL về giấy phép lái xe của Sở Giao thông vận tải và trả về các thông tin liên quan khác đến người dân như ngày, tháng, năm sinh, nơi thường trú, số CMND, v.v... Việc này giúp cho người dân giảm thời gian điền thông tin và tránh những lỗi điền sai của người dân, giúp cho việc thực hiện thủ tục hành chính nhanh gọn và chính xác hơn.

Thứ nhì, đối với khâu tiếp nhận và trả hồ sơ. Tại khâu này, chúng ta có thể áp dụng công nghệ thông tin để đẩy nhanh khâu kiểm tra sự hợp lệ của hồ sơ, khâu chuyển hồ sơ cho bộ phận xử lý. Tỉnh có thể cân nhắc việc số hóa toàn bộ hồ sơ tiếp nhận, xây dựng các phần mềm đối chiếu và nhập liệu để có thể chuyển cho bộ phận xử lý một cách nhanh chóng. Ngoài ra, tỉnh cũng có thể cân nhắc việc phối hợp với các đơn vị chuyển phát nhanh như Viettel Post, VNPost để có thể chuyển trả kết quả xử lý thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp một cách nhanh chóng nhất, giúp cho người dân, doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian di chuyển để nhận kết quả.

Thứ ba, tại khâu xử lý hồ sơ. Ngoài việc số hóa toàn bộ tài liệu để giúp cho các cán bộ xử lý xử lý hồ sơ trực tiếp trên văn bản điện tử hơn là việc xử lý trên văn bản giấy tờ truyền thống như trước đây, tỉnh cũng cần cân nhắc việc xây dựng các cơ sở dữ liệu để các cán bộ xử lý có thể truy xuất, kiểm tra thông tin bằng các phần mềm, ứng dụng nội bộ. Điều này sẽ giúp cho việc xử lý hồ sơ, kiểm tra thông tin một cách nhanh chóng và chính xác.

Hơn nữa, qua phân tích các thủ tục hành chính của tỉnh Hà Nam, chúng ta có thể nhận thấy một số khâu trong hầu hết các thủ tục hành chính có thể tái sử dụng như khâu Nhận hồ sơ, Kiểm tra hồ sơ, Lưu hồ sơ, Trả kết quả hay là khâu Thu lệ phí. Từ đó chúng ta có thể định hướng xây dựng những ứng dụng, phần mềm dùng chung cho những khâu này, tránh việc đầu tư trùng lặp, gây lãng phí cho tỉnh.

Ngoài ra, việc xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp LGSP tại tỉnh cung cấp các dịch vụ như quản lý định danh, xác thực và cấp quyền cũng giúp cho người dân, doanh nghiệp cũng như các cán bộ công chức viên chức trong tỉnh có thể có khả năng truy cập được vào nhiều ứng dụng, dịch vụ trong tỉnh, tiết kiệm được thời gian xử lý công việc. Hơn nữa, việc xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP) cũng giúp cho tỉnh có thể kết nối đến hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (NGSP) để có thể truy xuất các thông tin từ các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Tóm lại việc ứng dụng công nghệ thông tin để tin học hóa các quy trình nghiệp vụ trong mô hình liên thông nghiệp vụ là điều cần thiết và nên làm để giúp cho người dân, doanh nghiệp và các cán bộ xử lý thủ tục hành chính tiết kiệm được thời gian, chi phí, tăng sự chính xác, đẩy cao hiệu suất công việc hơn so với các quy trình thủ tục hành chính truyền thống trước đây.

5.3 Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh Hà Nam.

Phương pháp luận xây dựng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh Hà Nam.

- Xác định các thông tin chính có tần suất trao đổi cao trong các thủ tục hành chính (Bảng 16)
- Từ các thông tin chính có tần suất sử dụng cao, phân tách thành các trường dữ liệu chính mà các CSDL dùng chung của tỉnh sẽ lưu trữ. Việc này cũng sẽ xác định được các CSDL dùng chung của tỉnh mà Tư vấn đề xuất (Bảng 17)
- Việc lựa chọn xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung cho tỉnh phải dựa trên nguyên tắc đó là đảm bảo việc chia sẻ các thông tin dùng chung cho toàn tỉnh, cung cấp chính xác, kịp thời các thông tin cho các hoạt động nghiệp vụ chung của tỉnh để giảm thiểu tối đa thời gian xử lý, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh qua đó cung cấp các dịch vụ công cho người dân một cách minh bạch, rõ ràng và giảm thiểu tối đa thời gian đi lại cho người dân. Hơn nữa các CSDL dùng chung này cũng cần phải so sánh, tham chiếu đến các CSDLQG hiện nay đang được xây dựng để có thể có lộ trình cũng như sự phối hợp triển khai cho phù hợp.

Bảng 17: Bảng tần suất trao đổi của các thông tin chính trong các thủ tục hành chính đại diện

STT	Tên thủ tục	Thông tin về dự án	Thông tin về giấy chứng nhận đầu tư	Thông tin về công dân	Thông tin về doanh nghiệp	Thông tin về giấy chứng nhận kinh doanh xăng dầu	Thông tin về thuế	Thông tin về giấy chứng nhận kinh doanh thuốc	Thông tin về hành nghề được	Thông tin về giấy phép lái xe	Thông tin về lao động nước ngoài	Thông tin về hộ tịch	Thông tin về bảo hiểm	Thông tin về đất đai	Thông tin về tác động môi trường	Thông tin về giấy phép xây dựng	Thông tin về bảng cấp	Thông tin về giấy phép kinh doanh	Thông tin về khám bệnh	Thông tin về giấy phép kinh doanh vận tải	Thông tin về đăng ký xe	Thông tin về an toàn vệ sinh	Thông tin về hoạt động in	Thông tin về xuất bản	Thông tin về hành nghề y	Thông tin về cấp phép in	Thông tin về mã số DVQHNS	Thông tin về giấy phép đào tạo lái xe	Thông tin về giấy chứng nhận bán thuốc BVTV	Thông tin về an toàn dịch bệnh	Thông tin về quảng cáo	Thông tin về giấy phép biểu diễn nghệ thuật	Thông tin về cán bộ CC, VC	Thông tin về hộ kinh doanh	Thông tin về chứng nhận QSDD	Thông tin về hộ chiếu ngoại giao	
1	Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu			1	1		1											1																			
2	Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá			1	1		1											1																			
3	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu			1	1	1																															
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm			1	1													1				1															
5	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô			1	1															1																	
6	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn			1	1															1	1																
7	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4			1																	1						1										
8	Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu		1	1	1		1																														
9	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	1	1	1	1		1																														
10	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	1		1	1		1																														
11	Thủ tục Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	1			1																																
12	Thủ tục Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp			1	1																																

STT	Tên thủ tục	Thông tin về dự án	Thông tin về giấy chứng nhận đầu tư	Thông tin về công dân	Thông tin về doanh nghiệp	Thông tin về giấy chứng nhận kinh doanh xăng dầu	Thông tin về thuế	Thông tin về giấy chứng nhận kinh doanh thuốc	Thông tin về hành nghề dược	Thông tin về giấy phép lái xe	Thông tin về lao động nước ngoài	Thông tin về hộ tịch	Thông tin về bảo hiểm	Thông tin về đất đai	Thông tin về tác động môi trường	Thông tin về giấy phép xây dựng	Thông tin về bằng cấp	Thông tin về giấy phép kinh doanh	Thông tin về khám bệnh	Thông tin về giấy phép kinh doanh vận tải	Thông tin về đăng ký xe	Thông tin về an toàn vệ sinh	Thông tin về hoạt động in	Thông tin về xuất bản	Thông tin về hành nghề y	Thông tin về cấp phép in	Thông tin về mã số ĐVQHNS	Thông tin về giấy phép đào tạo lái xe	Thông tin về giấy chứng nhận bán thuốc BVTV	Thông tin về an toàn dịch bệnh	Thông tin về quảng cáo	Thông tin về giấy phép biểu diễn nghệ thuật	Thông tin về căn bộ CC, VC	Thông tin về hộ kinh doanh	Thông tin về chứng nhận QSDĐ	Thông tin về hộ chiếu ngoại giao	
	tỉnh quyết định thành lập																																				
13	Thủ tục Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)				1																																
14	Thủ tục Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)				1																																
15	Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam			1	1						1																										
16	Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam			1	1						1																										
17	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật			1	1																							1									
18	Thủ tục Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn			1																																	
19	Thủ tục Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản	1																									1										
20	Thủ tục chuyên mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	1		1	1									1																							
21	Thủ tục Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	1		1	1										1																						
22	Thủ tục Cho phép tổ chức hợp báo (trong nước)			1	1																																
23	Thủ tục Cấp giấy phép xuất bản bản tin			1	1																			1													
24	Thủ tục Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính			1	1																																
25	Thủ tục Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh			1	1																			1													
26	Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm			1	1																		1														
27	Thủ tục Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài				1																						1										
28	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam			1							1																										
29	Thủ tục Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn			1	1																																
30	Thủ tục Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương			1	1																																
31	Thủ tục Điều chỉnh giấy phép xây dựng	1		1	1											1																					
32	Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng	1		1	1											1																					
33	Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh	1		1	1									1		1																					

Dữ liệu dùng chung của tỉnh

Bao gồm các đối tượng thông tin được quản lý và tham gia trong quy trình xử lý trong các hệ thống thông tin trong Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam:

- Về Công dân bao gồm các trường dữ liệu như số CMND, họ và tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, v.v...Dữ liệu về công dân được thu thập, xây dựng và chuẩn hóa nhằm mục đích cung cấp thông tin về công dân cho các thủ tục hành chính cần phải kiểm tra, xác thực danh tính của công dân. Các thông tin về công dân do Bộ Công an quản lý.

- Về Doanh nghiệp bao gồm các trường dữ liệu như mã số đăng ký doanh nghiệp, tên doanh nghiệp, địa chỉ, số điện thoại, ngành nghề kinh doanh, v.v...Dữ liệu về doanh nghiệp được thu thập, xây dựng và chuẩn hóa nhằm mục đích cung cấp thông tin về doanh nghiệp cho mục đích xử lý các thủ tục hành chính liên quan đến việc xác minh một doanh nghiệp, quá trình hoạt động cũng như các thông tin liên quan đến doanh nghiệp đó. Các thông tin về doanh nghiệp do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý.

- Về Dự án bao gồm các trường dữ liệu như mã số dự án, tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, v.v...Dữ liệu về dự án được thu thập, xây dựng và chuẩn hóa giúp cho cơ quan nhà nước xác minh, kiểm tra nhanh chóng và chính xác thông tin về các dự án. Thông tin về dự án có thể hỗ trợ trong việc kiểm tra các thông tin khác như các thông tin về tác động môi trường, v.v... Các thông tin về dự án sẽ cho UBND tỉnh quản lý.

- Về Thuế bao gồm các trường dữ liệu như mã số thuế, số tiền phải nộp thuế, họ và tên, v.v...Việc thu thập, xây dựng và chuẩn hóa dữ liệu về thuế giúp cho các cán bộ xử lý các thủ tục hành chính có liên quan đến lĩnh vực thuế có thể kiểm tra một cách nhanh chóng và chính xác các thông tin về việc đóng, nộp thuế, báo cáo tài chính đối với các thủ tục có hành chính có liên quan đến lĩnh vực thuế của người dân và doanh nghiệp. Các thông tin về thuế của tỉnh sẽ do Cục thuế của tỉnh quản lý.

- Về Hộ tịch bao gồm các trường dữ liệu như họ và tên, hộ khẩu, khai sinh, khai tử, v.v...Các dữ liệu về hộ tịch cung cấp các thông tin quan trọng về người dân giúp cho các cán bộ xử lý các thủ tục hành chính liên quan đến các vấn đề về tư pháp, hỗ trợ tư pháp có thể xác minh một cách nhanh chóng, rõ ràng và chính xác các thông tin về người dân. Các thông tin về hộ tịch sẽ do cơ quan đăng ký hộ tịch, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và cơ quan khác được giao thẩm quyền theo quy định của pháp luật quản lý.

- Về Đất đai bao gồm các trường dữ liệu như địa điểm, số thửa đất, diện tích, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, v.v...Các dữ liệu về đất đai cung cấp

các thông tin liên quan đến việc xác định ranh giới sử dụng đất và đo đạc, lập bản đồ địa chính. Các thông tin này giúp cho cơ quan nhà nước rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục hành chính liên quan đến các lĩnh vực như lĩnh vực quy hoạch hạ tầng, lĩnh vực cấp chứng nhận quyền sử dụng đất và các lĩnh vực khác liên quan đến đất đai. Các thông tin về đất đai sẽ do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý.

Ngoài ra, tùy theo tình hình thực tế mà tỉnh Hà Nam có thể cân nhắc đưa các dữ liệu khác phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, cũng như sự cần thiết của các dữ liệu đó để phục vụ quá trình quản lý nhà nước thành dữ liệu dùng chung của tỉnh, Tuy vậy, việc hiện thực hóa việc xây dựng các CSDL cần phải có sự tham gia của các thành phần liên quan để đảm bảo tính đầy đủ, chính xác về mặt dữ liệu để tránh việc đầu tư, xây dựng trùng lặp. Cũng cần phải cân đối ngân sách của tỉnh trong việc đề xuất xây dựng CSDL phù hợp với việc cập nhật, duy trì Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam.

Đối với các CSDL dùng chung của tỉnh mà hiện tại các Bộ đang triển khai xây dựng các CSDL quốc gia như CSDLQG về Dân cư, CSDLQG về Đăng ký Doanh nghiệp hay CSDL về Đất đai quốc gia thì trong giai đoạn hiện tại, nếu các CSDLQG đó chưa hoàn thiện, Tỉnh có thể đề xuất xây dựng các CSDL dùng chung đó để phục vụ cho mục đích quản lý nhà nước của địa phương mình. Tuy nhiên, Tỉnh cần phải cân nhắc và xin ý kiến của các Bộ chủ quản về các CSDLQG đó để có kế hoạch triển khai xây dựng cho phù hợp, tránh việc đầu tư xây dựng chồng chéo về sau này. Bảng bên dưới là Danh mục CSDL dùng chung của tỉnh mà đơn vị Tư vấn đề xuất:

Bảng 18: Danh mục CSDL dùng chung của tỉnh

STT	CSDL dùng chung	Thông tin cơ bản	Ghi chú, ràng buộc
1	CSDL Dân cư	Công dân với các thuộc tính: <ul style="list-style-type: none"> - Số định danh - Họ và tên - Ngày, tháng, năm sinh - Giới tính - Nơi đăng ký khai sinh - Quê quán - Dân tộc - Tôn giáo - Quốc tịch - Tình trạng hôn nhân - Nơi thường trú - Nơi ở hiện tại 	Cơ sở dữ liệu về Dân cư phải đảm bảo tuân thủ các quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Luật Căn cước công dân số 59/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014. Việc thu thập thông tin để phục vụ cho việc cập nhật, duy trì, chỉnh sửa, kết nối, khai thác, sử dụng CSDL này cần đảm bảo tuân thủ theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn

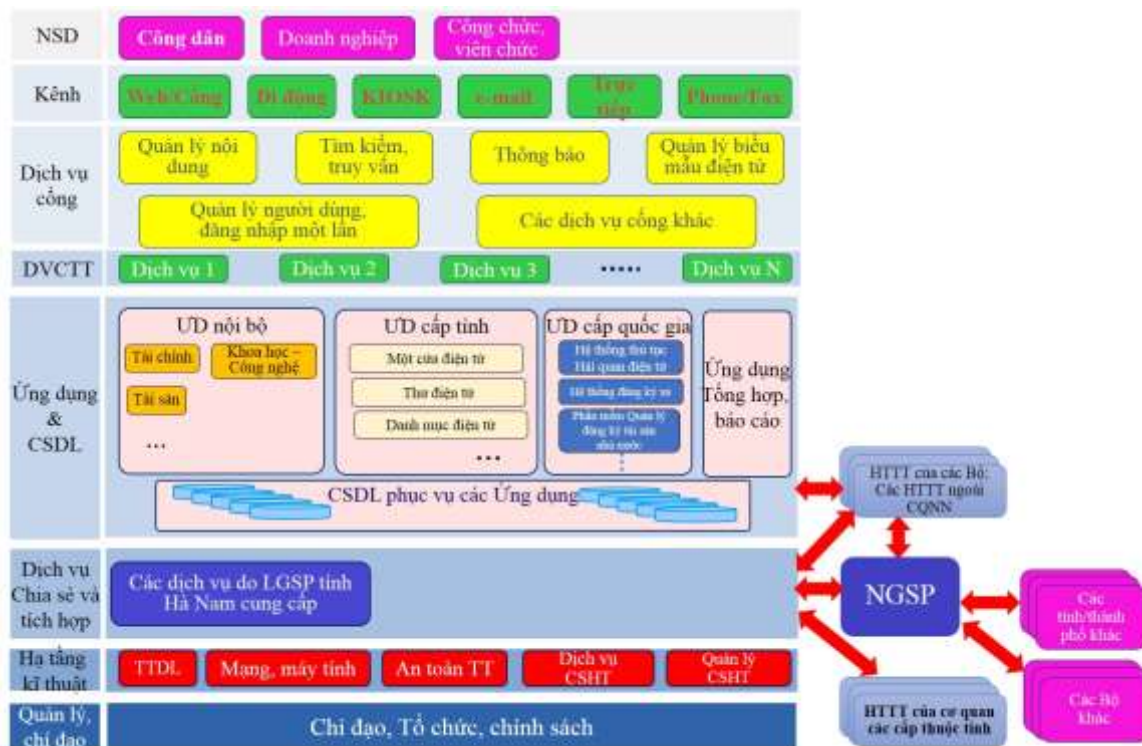
			cước công dân, Thông tư số 07/2016/TT-BCA ngày 01 tháng 02 năm 2016 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Căn cước công dân và Nghị định số 137/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước công dân.
2	CSDL về ĐK DN	Doanh nghiệp với các thuộc tính: - Mã số doanh nghiệp - Tên doanh nghiệp - Ngành, nghề kinh doanh - Mã số địa điểm kinh doanh - Địa chỉ doanh nghiệp - Điện thoại - Email - Chủ sở hữu - Vốn điều lệ - Người đại diện theo pháp luật	Cơ sở dữ liệu về Đăng ký doanh nghiệp phải đảm bảo tuân theo các quy định của pháp luật về Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp. Các thông tin thu thập phục vụ cho việc xây dựng, cập nhật, chỉnh sửa, duy trì, khai thác phải đảm bảo tuân thủ các quy định theo Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
3	CSDL Đất đai	Mã số thửa đất Địa điểm thửa đất Mã số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Thông tin về đất đai
4	CSDL về Thuế	Họ và tên Số tiền phải nộp thuế Mã số thuế	Thông tin về thuế
5	CSDL về Hộ tịch	Khai sinh Kết hôn Khai tử Cha, mẹ, con	Thông tin về hộ tịch
6	CSDL về Dự án	Tên dự án Số quyết định dự án Địa điểm thực hiện dự án	Thông tin về dự án

Đối với các CSDL về ngành dọc như CSDL về Thuế, CSDL về BH, CSDL về Kho Bạc thì Tỉnh cần phải khai thác, sử dụng, cập nhật đối với các CSDL đó để tránh việc đầu tư trùng lặp, gây lãng phí cho Ngân sách nhà nước.

VI. KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH HÀ NAM.

6.1. Sơ đồ tổng thể Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam

Trên cơ sở hướng dẫn Khung Kiến trúc chính quyền điện tử tại Văn bản số 1178/BTTTT-THH, đồ tổng thể Chính quyền điện tử (CQĐT) cho tỉnh Hà Nam được mô tả như hình vẽ sau:



Hình 10: Sơ đồ tổng thể kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam

Sơ đồ này là sơ đồ thành phần, phân lớp, cung cấp một cái nhìn tổng quan cho nhiều đối tượng khác nhau (Lãnh đạo Tỉnh, Lãnh đạo các sở ban ngành, chủ sở hữu nghiệp vụ, cán bộ lập kế hoạch, người thiết kế hệ thống, người triển khai hệ thống...) về các thành phần cơ bản trong kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam giai đoạn 2017-2025.

Mô tả tổng quan về các thành phần cơ bản trong sơ đồ tổng thể được trình bày bên dưới, còn mô tả chi tiết về các thành phần sẽ được trình bày phần Mục 6.2 và 6.3.

6.1.1. Người sử dụng

Người sử dụng hoặc đối tượng sử dụng là người dân, doanh nghiệp, cán bộ công chức, viên chức hoặc các cơ quan tương tác với dịch vụ được cung cấp bởi các CQNN.

6.1.2. Kênh truy cập

Kênh truy cập là các hình thức, phương tiện qua đó người sử dụng truy cập thông tin, dịch vụ mà CQNN cung cấp. Các kênh truy cập chính bao gồm: các trang thông tin điện tử/cổng thông tin điện tử (website/portal), thư điện tử (email), điện thoại (cố định hoặc di động), máy fax, kiosk hoặc có thể đến trực tiếp các CQNN. Trong giai đoạn đầu, kênh truy cập chủ yếu là các trang thông tin điện tử và thư điện tử, sau đó mở rộng đến các hình thức khác như: điện thoại di động (điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng) hoặc kiosk (thường được đặt ở không gian công cộng). Tại các tỉnh hiện nay, người dân thường đến trực tiếp bộ phận một cửa để thực hiện các thủ tục hành chính.

6.1.3. Dịch vụ cổng thông tin điện tử

Cổng thông tin điện tử là thành phần đảm bảo cho người sử dụng có thể truy cập đến các thông tin trực tuyến và cũng là giao diện giữa người sử dụng với các dịch vụ CQĐT. Cổng thông tin điện tử cung cấp chức năng liên quan trực tiếp đến việc quản lý người sử dụng dịch vụ (cả nội bộ và bên ngoài), quản lý nghiệp vụ tương tác với người sử dụng. Thành phần này đảm bảo sự thống nhất quản lý về truy cập đến cả người sử dụng dịch vụ và các ứng dụng dịch vụ thông qua các kênh truy cập khác nhau.

Các dịch vụ cơ bản đề xuất được đưa vào thành phần này, bao gồm:

a) Quản lý nội dung: Là một thành phần riêng biệt của cổng thông tin điện tử, có chức năng lưu trữ, quản lý và phân phối nội dung cho một hoặc nhiều kênh trên cổng thông tin điện tử. Dịch vụ quản lý nội dung là một tập hợp các nhiệm vụ và quy trình quản lý nội dung rõ ràng, hướng tới công bố trên các cổng thông tin điện tử (và các kênh truy cập tương tự) trong suốt vòng đời, từ lúc tạo ra cho đến khi lưu trữ. Dịch vụ này là sự kết hợp giữa các yếu tố con người, các quy trình và công nghệ cho phép các cổng thông tin điện tử quản lý nội dung thông tin điện tử thông qua tất cả các giai đoạn vòng đời của nội dung. Dịch vụ này sử dụng một cơ chế quản lý nội dung đa dạng, nhanh chóng và hiệu quả cho người dùng để xây dựng, triển khai và duy trì nội dung của cổng thông tin điện tử. Quản lý nội dung thường bao gồm các thành phần con và có các chức năng cơ bản sau đây:

- Thành phần tạo nội dung: Thực hiện chức năng tạo nội dung;
- Thành phần soạn thảo: Thực hiện chức năng điều chỉnh thông điệp nội dung và cách thức phân phối, gồm cả việc biên dịch và định vị;
- Xuất bản: Thực hiện chức năng phát hành nội dung để sử dụng;

- Quản trị: Thực hiện chức năng quản lý cấp phép truy cập đến các thư mục, tệp tin, thường được thực hiện bằng cách gán quyền truy cập cho nhóm người dùng hoặc vai trò của người dùng.

b) Tìm kiếm, truy vấn: Khi CQNN cung cấp càng nhiều thông tin trên cổng thông tin điện tử, việc tìm kiếm bằng từ khóa sẽ giúp người sử dụng có thể nhanh chóng tìm thấy những thông tin cần thiết. Các thông tin được cung cấp trên cổng thông tin điện tử không chỉ bao gồm thông tin có cấu trúc (chẳng hạn như cơ sở dữ liệu), mà còn là thông tin phi cấu trúc (như tệp tin .html, .txt,...), do đó, cổng thông tin điện tử tích hợp một công cụ tìm kiếm để cung cấp chức năng tìm kiếm bằng từ khóa.

c) Quản lý người sử dụng, đăng nhập một lần: Quản lý người sử dụng là một cơ chế xác thực để cung cấp cho những người quản trị cổng thông tin điện tử một phương thức để xác định và kiểm soát trạng thái người sử dụng đăng nhập vào cổng thông tin điện tử. Dịch vụ này cũng cung cấp một cơ chế cấp quyền để xác định các quyền khác nhau của người sử dụng. Quản lý người sử dụng là một chức năng cần thiết khi cung cấp các dịch vụ trực tuyến trên cổng thông tin điện tử. Hầu hết cơ chế quản lý người sử dụng dùng định danh/mật khẩu và mã xác nhận để xác thực người sử dụng. Ngoài ra, cũng có thể áp dụng cơ chế hạ tầng khóa công khai để xác thực người sử dụng. Khi các CQNN xây dựng các ứng dụng khác nhau, mỗi ứng dụng có tài khoản người sử dụng và cơ chế xác minh mật khẩu riêng. Điều đó có nghĩa là người sử dụng phải đăng nhập lại khi họ muốn sử dụng các hệ thống khác nhau. Đăng nhập một lần là cơ chế liên thông xác thực bằng định danh giữa các hệ thống khác nhau, người sử dụng chỉ cần đăng nhập duy nhất một lần và có thể sử dụng, truy cập các hệ thống khác nhau.

c) Quản lý biểu mẫu điện tử: thành phần này sẽ xuất hiện khi các CQNN cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. Tại các thành phần phía sau (back-end), CQNN sử dụng thành phần này để đưa các biểu mẫu hay các tệp tin lên cổng thông tin điện tử. Ở các thành phần phía trước (front-end), người dùng có thể tải về các biểu mẫu hoặc các tệp tin này.

d) Thông báo: Khi CQNN cung cấp chức năng ứng dụng trực tuyến trên cổng thông tin điện tử, người sử dụng có thể nộp hồ sơ qua các ứng dụng trên mạng Internet. Thông báo là một cơ chế mà các CQNN có thể chủ động cung cấp cho người sử dụng biết trạng thái hiện tại của việc xử lý công việc trực tuyến. Các kênh thông báo bao gồm: thư điện tử, fax, tin nhắn ngắn... Các kênh thông báo sẽ được tích hợp vào cổng thông tin điện tử.

6.1.4. Dịch vụ công trực tuyến:

Đây là những dịch vụ công trực tuyến mà CQNN cung cấp cho người dân và doanh nghiệp. Trong mô hình này bao gồm các dịch vụ cấp tỉnh do các sở, ban, ngành cung cấp. Danh mục nhóm các dịch vụ công các cấp được ưu tiên cung cấp trực tuyến mức độ cao tại Hà Nam giai đoạn 2016-2020 cần phù hợp với kế hoạch ứng dụng CNTT của quốc gia và nhu cầu thực tế của Hà Nam giai đoạn 2016-2020.

6.1.5. Ứng dụng và cơ sở dữ liệu

Thành phần này bao gồm các ứng dụng cần thiết cho hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Hà Nam. Ứng dụng ở đây, được phân loại thành các ứng dụng nội bộ, các ứng dụng của tỉnh, các ứng dụng dùng chung cấp quốc gia và các ứng dụng phục vụ tổng hợp và báo cáo.

6.1.5.1. Ứng dụng cấp tỉnh:

Bao gồm các ứng dụng nghiệp vụ cấp tỉnh, phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công cấp tỉnh, trong đó có các dịch vụ công trực tuyến. Cụ thể như các ứng dụng: Mạng hành chính công; mạng văn phòng điện tử liên thông; Quản lý cán bộ công chức, viên chức...

6.1.5.2. Ứng dụng nội bộ:

Thành phần này bao gồm các ứng dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành, hỗ trợ các hoạt động trong nội bộ các CQNN tỉnh Hà Nam. Một số ứng dụng tiêu biểu bao gồm: Quản lý tài sản; Quản lý văn bản và điều hành nội bộ...

6.1.5.3. Ứng dụng về tổng hợp và báo cáo:

Các ứng dụng này tổng hợp thông tin về chuyên ngành, kinh tế-xã hội, cung cấp cho lãnh đạo nhằm hỗ trợ cho quy trình ra quyết định.

6.1.5.4. Ứng dụng cấp quốc gia:

Thành phần này thể hiện các ứng dụng quy mô quốc gia, Hà Nam là đơn vị thụ hưởng, ví dụ: Các ứng dụng này được cung cấp bởi các hệ thống thông tin có phạm vi từ Trung ương tới địa phương. Danh mục các hệ thống thông tin có phạm vi từ Trung ương tới địa phương hiện tại bao gồm 83 hệ thống (được đăng tải tại cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông).

6.1.6. Các dịch vụ chia sẻ và tích hợp

Các dịch vụ này được sử dụng để hỗ trợ các ứng dụng lớp trên và CSDL. Đây là các dịch vụ có thể dùng chung, chia sẻ giữa các ứng dụng trong quy mô tỉnh, điều này làm giảm đầu tư trùng lặp, lãng phí, thiếu đồng bộ. Mặt khác, một trong các chức năng quan trọng của các dịch vụ nhóm này là để kết nối, liên thông, tích hợp các ứng dụng.

Giai đoạn 2016-2020, Hà Nam dự kiến triển khai nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP). Thành phần này đóng vai trò là nền tảng CNTT liên cơ quan cho các sở, ban, ngành, huyện và các CQNN trực thuộc tỉnh. Với nền tảng này, thông tin nghiệp vụ có thể được trao đổi theo chiều ngang và theo chiều dọc giữa các CQNN thuộc tỉnh

LGSP của Hà Nam bao gồm các thành phần tiêu biểu như hướng dẫn tại Văn bản số 1178/BTTTT-THH và các dịch vụ chia sẻ và tích hợp thuộc LGSP của Hà Nam sẽ được mô tả trong Mục 6.2 bên dưới.

6.1.7. Hạ tầng kỹ thuật

Thành phần này cung cấp phần cứng/phần mềm máy tính, mạng, thiết bị, an toàn thông tin, cơ sở vật chất để triển khai các ứng dụng CNTT. Bao gồm các thành phần chính sau đây:

- **Thiết bị phần cứng/phần mềm cho người dùng cuối:** Bao gồm máy tính cá nhân, máy tính xách tay và thiết bị hỗ trợ cá nhân.

- **Cơ sở hạ tầng mạng bao gồm:** Mạng diện rộng của tỉnh (WAN, MAN); Mạng cục bộ (LAN); Mạng riêng ảo (VPN); Kết nối Internet.

- **Trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ:** Gồm các máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị lưu trữ, cáp mạng, nguồn điện, thiết bị làm mát, quản lý (môi trường, an ninh, vận hành).

- **An toàn thông tin:** Là thành phần xuyên suốt, là điều kiện bảo đảm triển khai các thành phần của CQĐT cần được triển khai đồng bộ ở các cấp. Các nội dung chính về an toàn thông tin đã nêu trong Mục 6.6.5.

- **Quản lý và giám sát dịch vụ:** Thành phần này giúp cho các dịch vụ hoạt động thông suốt, hiệu quả và cũng giúp tăng tính sẵn sàng của toàn bộ hệ thống.

6.1.8. Quản lý chỉ đạo

Bao gồm công tác chỉ đạo, tổ chức, xây dựng các chính sách, các chuẩn, hướng dẫn, đào tạo, truyền thông để triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam.

- Chỉ đạo: Thể hiện ở việc thuyết phục được Lãnh đạo cấp cao tham gia chỉ đạo, điều phối sự phối hợp, giải quyết các xung đột, vấn đề phát sinh giữa các cơ quan trong Tỉnh, đặc biệt là các dự án dùng chung cấp tỉnh;

- Tổ chức: Cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ các bên liên quan và quy trình để tổ chức triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh Hà Nam;

- Chính sách: Các chính sách, quy định, quy chế, tiêu chuẩn có tính đặc thù của Tỉnh phục vụ việc triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh Hà Nam;

- Phổ biến, tuyên truyền: Thực hiện hướng dẫn, đào tạo, truyền thông nâng cao nhận thức của các cơ quan liên quan trong triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của Hà Nam, đối tượng thụ hưởng của các dịch vụ, ứng dụng chính quyền điện tử của Tỉnh Hà Nam.

6.1.9. Mối quan hệ với các thành phần liên quan trong Khung kiến trúc CPĐT của Việt Nam

Bảng 19: Mối quan hệ giữa các thành phần trong Kiến trúc CQĐT Hà nam và Khung kiến trúc CPĐT của Việt Nam

STT	Thành phần thuộc Kiến trúc CQĐT Hà Nam	Mô tả mối quan hệ	Ghi chú
1	Cổng thông tin điện tử của tỉnh Hà Nam	Kết nối đến cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng dịch vụ công quốc gia	Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử
2	Ứng dụng cấp quốc gia	Là ứng do các HTTT có quy mô từ Trung ương tới địa phương cung cấp, Hà Nam chỉ sử dụng	- Phù hợp với Khung kiến trúc CPĐT Việt Nam phiên bản 1.0; - Phù hợp Thông tư 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ TTTT Quy định về triển

			khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương
3	LGSP của tỉnh Hà Nam	Là đầu mối kết nối với hệ thống kết nối, liên thông các HTTT ở Trung ương và địa phương (NGSP) để khai thác các hệ thống thông tin, CSDL quốc gia	Phù hợp với Khung kiến trúc CPĐT Việt Nam phiên bản 1.0
4	Mạng diện rộng WAN	Kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước	Phù hợp với định hướng
5	CSDL dùng chung của Tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Là một phần, tạo lập nên CSDL quốc gia tương ứng; - Quy mô, phạm vi, mối quan hệ ràng buộc cụ thể được chi tiết trong giai đoạn lập dự án đầu tư dự án CSDL quốc gia và dự án CSDL dùng chung của tỉnh; - Trường hợp CSDL quốc gia triển khai sau, CSDL của tỉnh dự kiến triển khai trước và được thiết kế đảm bảo khả năng kết nối với hệ thống CSDL quốc 	Phù hợp với nhu cầu thực tế triển khai chính quyền điện tử của Tỉnh, việc chờ CSDL quốc gia triển khai sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc triển khai CQĐT của Tỉnh.

		gia sau này.	
--	--	--------------	--

6.2. Nền tảng triển khai Chính quyền điện tử cấp tỉnh (LGSP)

6.2.1. Sự cần thiết phải phát triển LGSP

Yêu cầu kết nối, liên thông

Theo phần V về phân tích nghiệp vụ liên thông bên trên, có thể thấy rằng, có 2 yêu cầu cơ bản kết nối, liên thông trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh và giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cụ thể như sau:

- Loại 1 - Liên thông, tích hợp về quy trình nghiệp vụ: Liên thông quy trình xử lý nghiệp vụ liên cơ quan giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh với nhau, giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh với các cơ quan/đơn vị ngoài tỉnh nhằm giảm thiểu số lần người dân, doanh nghiệp phải đến các cơ quan khác nhau để thực hiện các thủ tục hành chính. Những nghiệp vụ liên thông về quy trình giữa các cơ quan, đơn vị thường được quy định trong các văn bản hướng dẫn.

Ví dụ: Thủ tục ***Liên thông Cấp giấy khai sinh, đăng ký thường trú và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi*** là thủ tục yêu cầu liên thông, tích hợp về quy trình nghiệp vụ và được quy định quy trình phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị tại Thông tư liên tịch 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT. Với TTHC này, 3 cơ quan sẽ tham gia phối hợp để hoàn thành gồm Ủy ban nhân dân cấp xe thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em dưới 6 tuổi, Cơ quan đăng ký cư trú cho trẻ em dưới 6 tuổi (Công an xã, thị trấn thuộc huyện thuộc tỉnh Hà Nam hoặc Công an thị xã, thành phố thuộc tỉnh Hà Nam), Bảo hiểm xã hội huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Hà Nam cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, cụ thể như sau:

+ Thực hiện Đăng ký khai sinh:

Công dân chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 1, 2, 5 Điều 6 Thông tư liên tịch bao gồm: Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu quy định; Giấy chứng sinh do cơ sở y tế nơi trẻ em sinh ra cấp; Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu; Sổ hộ khẩu; Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế.

Ủy ban nhân dân cấp xã là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ thực hiện liên thông các thủ tục hành chính. Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký khai sinh ngay trong ngày; trường hợp hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay trong ngày thì tiến hành giải quyết trong ngày làm việc tiếp theo.

Sau khi đăng ký khai sinh xong, công chức tư pháp - hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: Lập hồ sơ đăng ký thường trú cho trẻ em dưới 6 tuổi gồm các loại giấy tờ quy định tại các khoản 3, 4 Điều 6 Thông tư liên tịch và bản sao Giấy khai sinh; Lập hồ sơ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi gồm: Tờ khai tham gia bảo hiểm y tế, danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi của Ủy ban nhân dân cấp xã theo mẫu quy định.

+ Thực hiện Đăng ký thường trú:

Ngay sau khi nhận được hồ sơ và lệ phí đăng ký thường trú do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, cơ quan có thẩm quyền đăng ký cư trú kiểm tra tính hợp pháp, đầy đủ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ, lệ phí đầy đủ, đúng quy định thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan đăng ký cư trú thực hiện đăng ký thường trú cho trẻ em và trả kết quả đăng ký thường trú cùng biên lai thu lệ phí đăng ký thường trú cho Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho người dân. Người được giao chuyển hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra các thông tin được ghi trong Sổ hộ khẩu và ký nhận vào sổ theo dõi giải quyết hộ khẩu.

Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký cư trú thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết để hoàn thiện hồ sơ theo quy định và gửi lại cho cơ quan đăng ký cư trú để đăng ký thường trú cho trẻ em.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện đăng ký thường trú thì cơ quan đăng ký cư trú có văn bản trả lời kèm theo hồ sơ trả lại cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết để xử lý theo quy định.

+ Thực hiện Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi:

Ngay sau khi nhận được hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Bảo hiểm xã hội cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ đã nhận được. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bảo hiểm xã hội cấp huyện thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em và chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã tại Bộ phận một cửa của Bảo hiểm xã hội cấp huyện.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định thì ngay sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết để hoàn thiện hồ sơ và gửi lại cho cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện để cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì thực hiện việc thông báo trong ngày làm việc tiếp theo.

- Loại 2 - Liên thông, tích hợp về dữ liệu: Liên thông dữ liệu để thực hiện xử lý nghiệp vụ liên cơ quan giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh với nhau, giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh với các cơ quan/đơn vị ngoài tỉnh nhằm đơn giản hóa hồ sơ của công dân, doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính;

Ví dụ: Thủ tục **Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu** là thủ tục yêu cầu liên thông, tích hợp về dữ liệu, vì chỉ có Sở Công thương thực hiện TTHC này, nhưng để cải cách hành chính và đơn giản hóa hồ sơ cho công dân/doanh nghiệp thực hiện TTHC, Hệ thống thông tin của Sở Công thương có

thể kết nối đến CSDLQG về Dân cư để lấy thông tin định danh cá nhân của người dân và kết nối đến CQDLQG về Đăng ký doanh nghiệp để lấy thông tin về doanh nghiệp. Do đó, người dân chỉ cần cung cấp mã định danh của mình hay doanh nghiệp chỉ cần cung cấp mã số đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan/đơn vị thực hiện TTHC mà không cần thiết phải khai đầy đủ các thông tin liên quan khác.

Như đã phân tích trong phần nghiệp vụ liên thông, 50 TTHC đại diện cho 597 TTHC ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Hà Nam có thể được xếp thành TTHC yêu cầu liên thông loại 1 và 2, cụ thể như bảng dưới đây:

Bảng 20: Danh sách các thủ tục hành chính liên thông, tích hợp về quy trình, dữ liệu

STT	Tên Thủ tục hành chính đại diện	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Yêu cầu liên thông
1	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	Loại 2
2	Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	Loại 2
3	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	Loại 2
4	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Sở Công thương	Loại 2
5	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	Loại 2
6	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	Loại 2
7	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	Loại 2
8	Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	Loại 2

9	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Loại 2
10	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Loại 2
11	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Loại 2
12	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Loại 1
13	Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Lao động-Tiền lương	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Loại 2
14	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Lao động-Tiền lương	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Loại 2
15	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Loại 2
16	Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Loại 2
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Loại 2
18	Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Loại 2
19	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản	Tài chính đầu tư	Sở Tài chính	Loại 2

20	Thủ tục chuyên mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức.	Đất đai	Sở TNMT	Loại 1, Loại 2
21	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	Đất đai	Sở TNMT	Loại 1, Loại 2
22	Cho phép tổ chức họp báo (trong nước)	Báo chí	Sở TTTT	Loại 2
23	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	Báo chí	Sở TTTT	Loại 2
24	Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Bưu chính	Sở TTTT	Loại 2
25	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Xuất bản	Sở TTTT	Loại 2
26	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản	Sở TTTT	Loại 2
27	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Xuất bản	Sở TTTT	Loại 2
28	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Lý lịch tư pháp	Sở Tư pháp	Loại 1
29	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng - rôn	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Loại 2
30	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Loại 2
31	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng	Loại 2
32	Cấp lại giấy phép xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng	Loại 2
33	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.	Xây dựng	Sở Xây dựng	Loại 1, Loại 2
34	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	Loại 2
35	Cấp chứng chỉ hành nghề dược	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	Loại 2
36	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	Loại 2
37	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	Loại 2
38	Thủ tục giải quyết tố cáo	Thanh tra	Thanh tra	Loại 1

			tỉnh	
39	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	Loại 1, Loại 2
40	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Loại 2
41	Đăng ký hộ kinh doanh	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Loại 2
42	Đăng ký Hợp tác xã	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Loại 2
43	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Loại 1, Loại 2
44	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Loại 1, Loại 2
45	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Loại 1, Loại 2
46	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	Giáo dục và đào tạo	Ủy ban nhân dân cấp xã	Loại 2
47	Đăng ký kết hôn	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	Loại 2
48	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	Loại 2

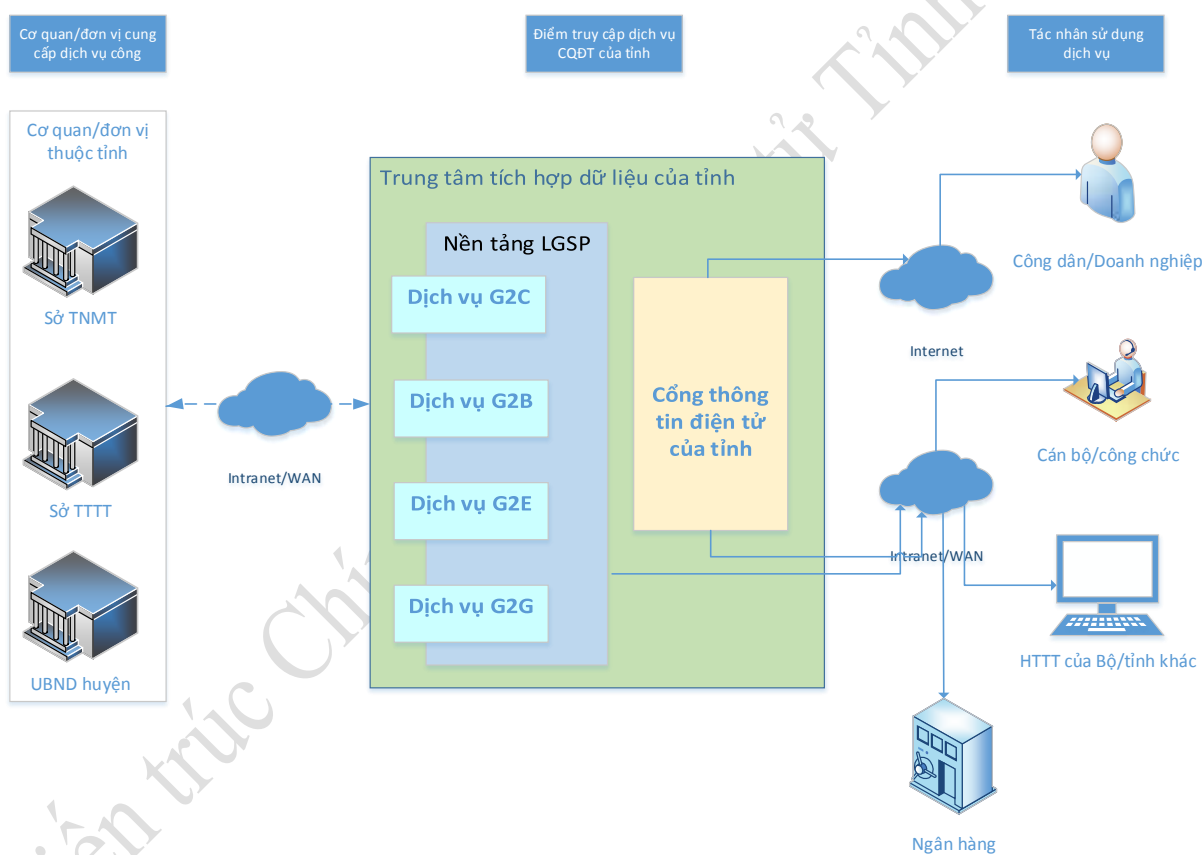
Hình thức kết nối, liên thông

Có 2 hình thức để thực hiện liên thông, tích hợp về quy trình, dữ liệu, đó là hình thức trực tiếp điểm-điểm và hình thức kết nối qua một hệ thống trung gian.

Nếu thực hiện liên thông, tích hợp về quy trình, dữ liệu theo hình thức điểm-điểm, để thực hiện nghiệp vụ liên thông có n cơ quan tham gia, tổng số đường kết nối tối thiểu cũng là $(n-1)*n/2$. Theo thống kê, tỉnh Hà Nam có 22 sở/ban/ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, 5 huyện và 1 thành phố trực thuộc tỉnh. Do đó, tổng số đường kết nối giữa các cơ quan/đơn vị trong nội bộ tỉnh (tính đến cấp huyện) theo hình thức điểm-điểm là $28*27/2=378$. Tổng số đường kết nối giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh (tính đến cấp huyện) với 6 cơ sở dữ liệu quốc gia theo hình thức điểm-điểm là $28*6=168$. Như vậy, chỉ tính riêng tổng số đường kết nối giữa các cơ quan/đơn vị thuộc cấp tỉnh và cấp huyện của tỉnh Hà Nam với nhau và với 6 cơ sở dữ liệu quốc gia mà chưa tính tổng số đường kết nối với các Bộ/tỉnh khác đã là 546 đường kết nối. Trong tương lai, nếu thực hiện liên thông, tích hợp về quy trình, dữ liệu cho tất cả TTHC của tỉnh theo hình thức điểm-điểm, thực hiện kết nối tất cả hệ thống thông tin của các cơ quan/đơn vị thuộc tỉnh Hà Nam với nhau và với tất cả các hệ thống thông tin của các Bộ/tỉnh khác thì tổng số đường kết nối sẽ là một con số rất lớn. Rõ ràng, khi có quá nhiều đường kết nối độc lập, trực tiếp giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh với nhau và với các Bộ/tỉnh khác sẽ dẫn đến rất đến tốn kém, phức tạp khi triển khai.

Nếu thực hiện liên thông, tích hợp về quy trình, dữ liệu theo hình thức kết nối trung gian, các hệ thống thông tin khác chỉ cần kết nối với hệ thống trung tâm thay vì phải kết nối chằng chéo, đan xen giữa nhiều hệ thống theo từng thủ tục hành chính, do đó, giảm đáng kể số đường kết nối, dễ dàng khi triển khai và duy trì. Hệ thống trung gian đóng vai trò là nền tảng công nghệ thông tin liên cơ quan cho các sở, ban, ngành, quận, huyện và các CQNN trực thuộc tỉnh, đồng thời là nền tảng công nghệ thông tin cho phép các cơ quan/đơn vị trực thuộc tỉnh

kết nối với các Bộ/tỉnh khác thông qua nền tảng NGSP quốc gia, khi đó, việc kết nối, liên thông, tích hợp về quy trình, dữ liệu sẽ được thực hiện tập trung, đồng bộ, do đó, mang lại hiệu quả kinh tế cao, giúp làm giảm thời gian xử lý các quy trình nghiệp vụ và tối ưu hóa hiệu quả quản lý, vấn đề tương thích dữ liệu, chuẩn kỹ thuật kết nối giữa các hệ thống được giải quyết tập trung tại LGSP, tạo cơ sở để triển khai các dịch vụ công một cửa, trực tuyến mức cao trên quy mô cấp tỉnh. Với những ưu điểm trên, tỉnh Hà Nam lựa chọn hình thức liên thông, kết nối qua hệ thống trung gian và sẽ phát triển một Nền tảng triển khai Chính quyền điện tử (LGSP) của tỉnh.



Hình 11: Mô hình cung cấp dịch vụ Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam trên nền tảng LGSP

6.2.2. Các thành phần thuộc LGSP của tỉnh Hà Nam

Xu hướng triển khai kiến trúc

Một thực trạng phổ biến tại Việt Nam là có rất nhiều hệ thống phần mềm được thực hiện quá phức tạp, chi phí phát triển và bảo trì rất lớn, đặc biệt với các

hệ thống phần mềm cao cấp. Hàng chục năm qua, các kiến trúc phần mềm đã cố gắng giải quyết vấn đề này. Thế nhưng độ phức tạp vẫn tiếp tục gia tăng và dường như vấn đề này đã vượt quá khả năng xử lý của các kiến trúc truyền thống. Điều này một phần do ngày càng xuất hiện nhiều công nghệ mới tạo nên môi trường không đồng nhất, một phần do yêu cầu trao đổi tương tác giữa các hệ thống phần mềm với nhau. Những yêu cầu truyền thống đặt ra đối với tổ chức CNTT vẫn còn đó, cùng lúc phải đáp ứng nhanh chóng các yêu cầu mới, đòi hỏi phải liên tục giảm chi phí, có khả năng sử dụng và tích hợp các thành phần mới... Tất cả đã tạo nên một áp lực nặng nề đối với các nhà phát triển phần mềm.

Với thực trạng đó, SOA nổi lên như một xu hướng tất yếu, một ứng cử viên sáng giá để tạo nên cuộc cách mạng trong kiến trúc phần mềm. Dịch vụ là yếu tố then chốt trong SOA. Có thể hiểu dịch vụ như là hàm chức năng (mô-đun phần mềm) thực hiện quy trình nghiệp vụ nào đó. Một cách cơ bản, SOA là tập hợp các dịch vụ kết nối ‘mềm dẻo’ với nhau (nghĩa là một ứng dụng có thể ‘nói chuyện’ với một ứng dụng khác mà không cần biết các chi tiết kỹ thuật bên trong), có giao tiếp (dùng để gọi hàm dịch vụ) được định nghĩa rõ ràng và độc lập với nền tảng hệ thống, và có thể tái sử dụng. SOA là cấp độ cao hơn của phát triển ứng dụng, chú trọng đến quy trình nghiệp vụ và dùng giao tiếp chuẩn để giúp che đi sự phức tạp kỹ thuật bên dưới.

Thiết kế SOA tách riêng phần thực hiện dịch vụ (phần mềm) với giao tiếp gọi dịch vụ. Điều này tạo nên một giao tiếp nhất quán cho ứng dụng khách (client) sử dụng dịch vụ bất chấp công nghệ thực hiện dịch vụ. Thay vì xây dựng các ứng dụng đơn lẻ và đồ sộ, nhà phát triển sẽ xây dựng các dịch vụ tinh gọn có thể triển khai và tái sử dụng trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ. Điều này cho phép tái sử dụng phần mềm tốt hơn, cũng như tăng sự linh hoạt vì nhà phát triển có thể cải tiến dịch vụ mà không làm ảnh hưởng đến ứng dụng máy khác sử dụng dịch vụ.

Các ưu điểm chính của Kiến trúc SOA

Giống như một khung kiến trúc linh hoạt và có khả năng mở rộng, SOA có một số khả năng sau:

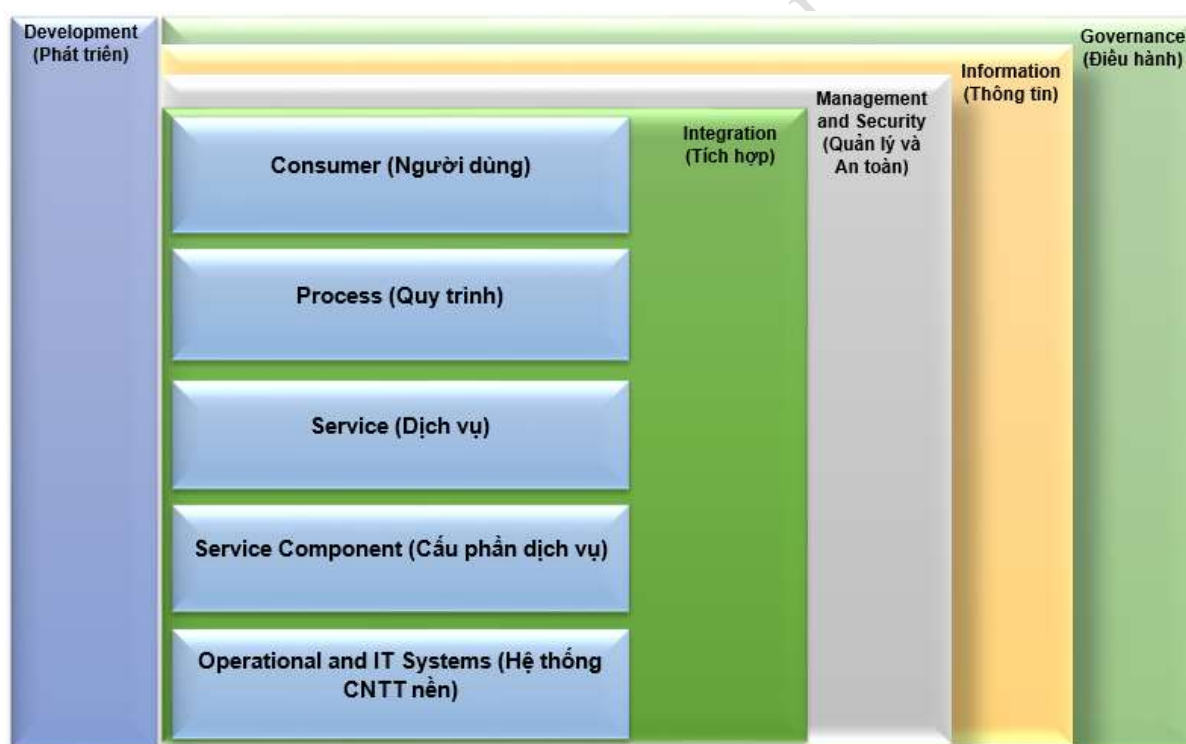
- Giảm chi phí: Bằng việc cung cấp cơ hội để xác định các chức năng ứng dụng không cần thiết và loại bỏ chức năng từ các ứng dụng lỗi thời, chi phí tốn kém.
- Có khả năng nhanh nhạy: Cấu trúc các giải pháp nghiệp vụ dựa trên một tập các nghiệp vụ và dịch vụ CNTT để tạo điều kiện cho việc tái cơ cấu quy trình nghiệp vụ và các giải pháp xử lý chúng.
- Tăng ưu thế cạnh tranh: Cung cấp cơ hội để tham gia thị trường mới và thúc đẩy khả năng nghiệp vụ hiện tại theo cách thức mới, sáng tạo hơn sử dụng một tập các dịch vụ CNTT được kết nối lỏng lẻo. Có khả năng tăng thị phần và tăng giá trị nghiệp vụ bằng việc đưa ra các dịch vụ nghiệp vụ mới và tốt hơn.
- Đáp ứng thị trường nhanh hơn: Cung cấp các giải pháp phù hợp với nghiệp vụ nhanh hơn bằng việc cho phép tổ chức quyết định các định hướng chính của một giải pháp và cho phép CNTT hỗ trợ, thực hiện nhanh chóng các định hướng đó.
- Khả năng hợp nhất: Tích hợp các giải pháp silo và tích hợp các tổ chức với nhau, giảm số lượng vật lý các hệ thống, và có khả năng hợp nhất các nền tảng (platform) theo một chương trình về chuyển đổi từ các phụ thuộc của hệ thống cũ sang một tập các hệ thống (bao gồm cả cũ và mới cùng tồn tại) được tổ chức và tích hợp tốt hơn.
- Sự phù hợp: SOA cho phép các tổ chức gắn CNTT với mục tiêu nghiệp vụ tốt hơn, tạo điều kiện cho nghiệp vụ liên kết với CNTT theo các khả năng mà một tổ chức mong muốn đạt được, phù hợp với kế hoạch chiến lược của tổ chức, kết quả là tăng cường khả năng nhanh nhạy và khả năng tái sử dụng theo thời gian.

Tuy nhiên, cũng có rất nhiều thách thức khi tạo ra giải pháp SOA, chẳng hạn như: định danh, lựa chọn, thiết kế dịch vụ chính xác, lựa chọn yếu tố giải pháp và mô hình dịch vụ kết hợp, điều hành, liên thông và khả năng định danh các cấu phần khác nhau để thiết kế, sử dụng và phát triển SOA hiệu quả. Để giải quyết những vấn đề này, nên tham khảo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC 18384:2016 Kiến trúc tham chiếu cho Kiến trúc hướng dịch vụ (SOA RA - Reference Architecture for Service Oriented Architecture).

Cùng với xu thế chung của thế giới, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam cũng được xây dựng dựa trên Kiến trúc tham chiếu SOA, có tham khảo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC 18384:2016. Phần dưới đây trình bày tổng quan về Tiêu chuẩn ISO/IEC 18384:2016, mô hình tham chiếu các dịch vụ cơ bản của SOA RA, từ đó, phân tích để xác định các thành phần thuộc LGSP phù hợp với tỉnh Hà Nam dựa trên SOA RA.

Tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC 18384:2016 mô tả một tập các nguyên tắc kỹ thuật SOA, quy tắc cụ thể và các tiêu chuẩn SOA cho thị trường để cung cấp kiến thức SOA, cải tiến việc tiêu chuẩn hóa và chất lượng của các giải pháp. Độc giả hướng tới của tiêu chuẩn này chủ yếu là các tổ chức tiêu chuẩn, các kiến trúc sư, những người đưa ra phương pháp luận xây dựng kiến trúc, những nhà thiết kế hệ thống, phần mềm, người sở hữu quy trình nghiệp vụ, những nhà cung cấp dịch vụ SOA, những người phát triển dịch vụ và giải pháp SOA, những người dùng dịch vụ SOA quan tâm đến việc áp dụng và phát triển SOA. Tiêu chuẩn ISO/IEC 18384:2016 bao gồm ba phần: ISO/IEC 18384-1 định nghĩa các thuật ngữ, các nguyên tắc kỹ thuật cơ bản và các khái niệm về SOA; ISO/IEC 18384-2 định nghĩa các lớp kiến trúc tham chiếu SOA chi tiết, bao gồm cả mô hình đặc tả, các khả năng, các khối kiến trúc cũng như các kiểu dịch vụ trong các giải pháp SOA; ISO/IEC 18384-3 định nghĩa các khái niệm cốt lõi của SOA và mối quan hệ của chúng.

Kiến trúc tham chiếu cho các giải pháp SOA là một tập gồm 10 lớp (layer) theo Kiến trúc phân tầng (Điều này có nghĩa là lớp bên trên sẽ không bị phụ thuộc vào lớp bên dưới nó), trong đó, mỗi tầng thể hiện một nhóm các khả năng (capabilities), các xem xét (considerations) và các trách nhiệm (responsibilities) chính mang tính điển hình trong quy trình thiết kế một giải pháp SOA. Với mỗi tầng, cung cấp các yêu cầu, các mối quan tâm về logic và vật lý. Các yêu cầu phản ánh các khả năng trong từng lớp. Mối quan tâm về logic chứa các khối kiến trúc (ABBs – Architectural Building Blocks), quyết định thiết kế, lựa chọn và các chỉ số. Mối quan tâm về vật lý của từng lớp là các thông tin về việc triển khai mối quan tâm logic ở trên sử dụng một nền tảng công nghệ cụ thể, các tiêu chuẩn và các sản phẩm đã xác định.



Hình 12: Kiến trúc tham chiếu cho các giải pháp SOA

Lớp Hệ thống CNTT nền (Operational and IT Systems Layer): gồm cơ sở hạ tầng mới và cũ của tổ chức cần thiết để hỗ trợ giải pháp SOA về thiết kế, triển khai và thời gian chạy, cụ thể gồm tất cả cơ sở hạ tầng để vận hành

SOA và các cấu phần của nó; Các lưu trữ cấu phần vận hành; Thành phần thời gian triển khai; Tài nguyên hỗ trợ các dịch vụ, dữ liệu, các hệ thống ứng dụng.

Lớp cấu phần dịch vụ (Service Component Layer): chứa các khả năng hỗ trợ các cấu phần thể hiện việc triển khai hay thực hiện các dịch vụ hoặc vận hành các dịch vụ. Lớp này bao gồm các cấu phần chức năng và kỹ thuật để thực hiện một hoặc nhiều dịch vụ. Cấu phần dịch vụ phản ánh định nghĩa về dịch vụ mà chúng biểu diễn, cả về chức năng, cả về quản lý và chất lượng tương tác dịch vụ. Chúng kết nối giao diện dịch vụ với triển khai dịch vụ trong Lớp Hệ thống CNTT nền. Cấu phần dịch vụ có thể được lưu trữ trong các vật chứa (container) hỗ trợ một mô tả dịch vụ.

Lớp dịch vụ (Service Layer): là các biểu diễn logic cho tất cả các dịch vụ. Lớp dịch vụ có thể được xem như chứa các mô tả dịch vụ cho các khả năng nghiệp vụ, các dịch vụ và việc thể hiện bằng CNTT được sử dụng và tạo ra trong thời gian thiết kế cũng như theo các hợp đồng, mô tả dịch vụ. Lớp dịch vụ cung cấp các chức năng nghiệp vụ được hỗ trợ trong SOA và mô tả các khả năng của các dịch vụ về mặt chức năng trong SOA.

Lớp quy trình (Process Layer): chứa các biểu diễn về quy trình, phương thức tạo ra, và các khối kiến trúc để tập hợp các dịch vụ kết nối lỏng lẻo theo thứ tự các bước phù hợp với mục tiêu nghiệp vụ. Luồng dữ liệu và điều khiển luồng được sử dụng để tạo ra các tương tác giữa các dịch vụ và các quy trình nghiệp vụ. Tương tác này có thể là tương tác trong một tổ chức hoặc giữa nhiều tổ chức với nhau. Các khả năng nghiệp vụ được thực hiện thông qua việc thực thi một hoặc nhiều quy trình nghiệp vụ.

Lớp người dùng (Consumer Layer): là điểm mà người dùng (có thể là người hoặc giải pháp SOA) tương tác với hệ thống SOA. Nó cho phép các giải pháp SOA hỗ trợ một kênh độc lập với máy khách gồm nhiều chức năng. Ở đây, kênh (channel) được hiểu như nền tảng (platform) mà người dùng truy cập các

dịch vụ thông qua SOA. Do đó, Lớp người dùng là điểm truy cập cho tất cả người dùng tương tác nội bộ và với bên ngoài.

Khía cạnh tương tác (Integration Aspect) cho phép kết nối lỏng lẻo giữa các yêu cầu và nhà cung cấp cụ thể bằng cách gắn kết các yêu cầu dịch vụ với việc thực hiện dịch vụ. Kết nối lỏng lẻo này được cung cấp bởi Khía cạnh tích hợp không chỉ là kết nối về mặt kỹ thuật để xử lý các giao thức, các ràng buộc, vị trí hoặc nền tảng khác nhau mà còn là một kết nối lỏng lẻo nghiệp vụ về mặt ngữ nghĩa thực hiện các chuyển đổi theo yêu cầu giữa người dùng với nhà cung cấp dịch vụ. Có rất nhiều tập khả năng mà lớp tích hợp hỗ trợ để khắc phục sự khác nhau về cấu trúc và ngữ nghĩa của các giao diện dịch vụ. Ví dụ, khía cạnh tích hợp hỗ trợ tích hợp các nền tảng giải pháp sử dụng khối kiến trúc điều phối, biến đổi hay các bộ chuyển đổi cho phép truy cập các dịch vụ bởi các khối kiến trúc khác, các lớp và các khả năng khác liên quan đến việc truyền tải dịch vụ. Khối kiến trúc điều phối chứa các thành phần biến đổi giao thức, định tuyến, biến đổi truyền thông. Tích hợp chứa cả các bộ chuyển đổi. Việc định tuyến chứa các tương tác và ảo hóa dịch vụ. Biến đổi truyền thông chứa các truyền tải dịch vụ và xử lý thông điệp.

Khía cạnh quản lý và an toàn (Management and Security Aspect) hỗ trợ các yêu cầu phi chức năng liên quan đến các vấn đề chính của SOA và cung cấp đầu mối để giải quyết chúng với một giải pháp bất kỳ. Nó chứa các khả năng đảm bảo rằng một kiến trúc SOA đáp ứng các yêu cầu về giám sát, mức độ tin cậy, khả năng sẵn sàng, khả năng quản lý, khả năng giao dịch, khả năng duy trì, khả năng mở rộng, mức độ an toàn, mức độ bảo mật, quản lý vòng đời, kiểm toán,...

Khía cạnh thông tin (Information Aspect) cung cấp các khả năng cho phép phát triển một cách biểu diễn tài nguyên thông tin của tổ chức một cách thống nhất. Cách biểu diễn thông nhất này có thể yêu cầu tính hợp lý và sắp xếp liên tục của các tài nguyên thuộc rất nhiều tổ chức. Việc biểu diễn thông tin cho

phép các nhu cầu nghiệp vụ và quy trình nghiệp vụ liên kết với nhau với nhau thành một hoặc nhiều từ điển về nghiệp vụ. Khía cạnh thông tin chứa kiến trúc thông tin, phân tích nghiệp vụ và các dữ liệu đặc tả.

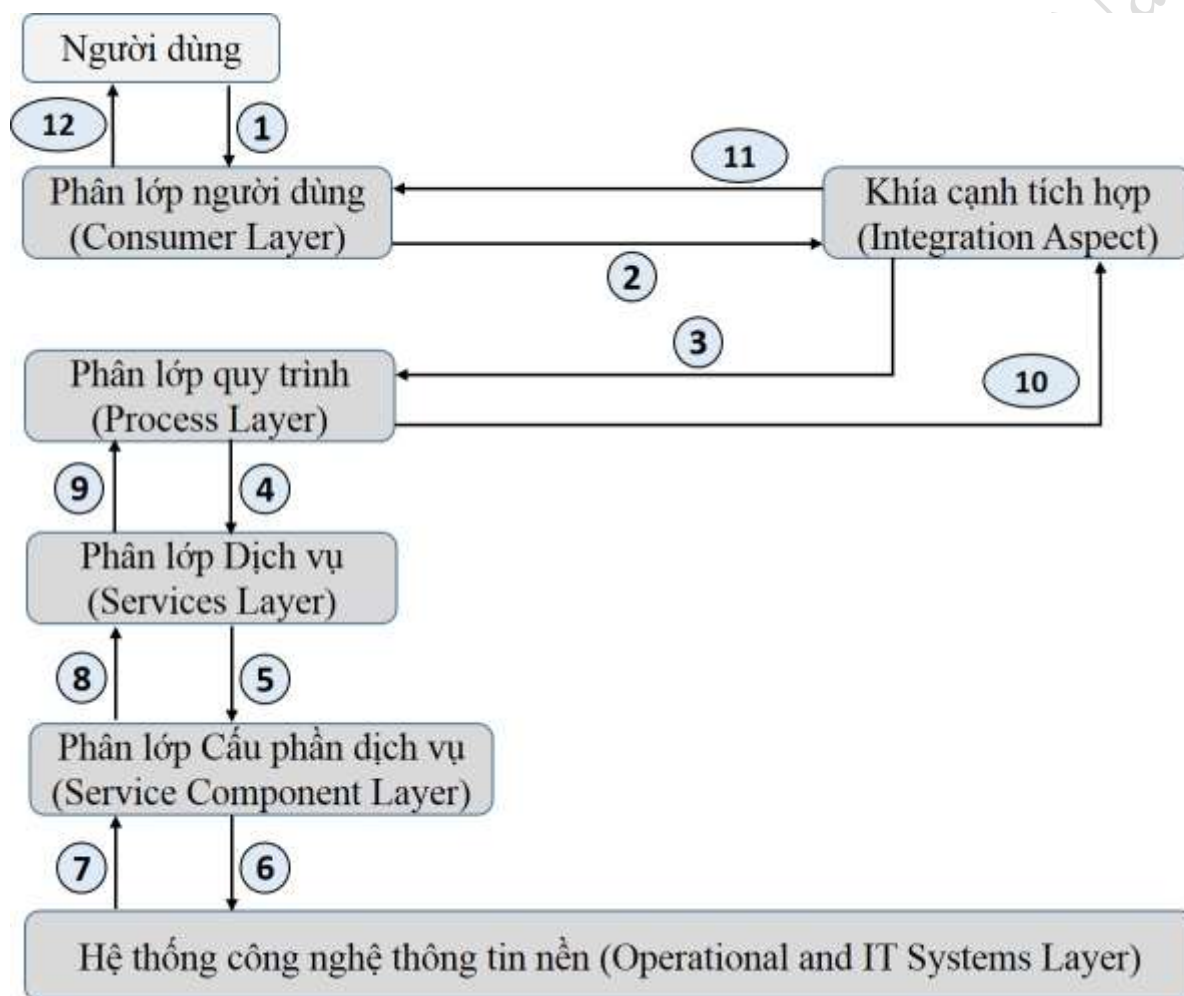
Khía cạnh điều hành (Governance Aspect) định nghĩa các chính sách, hướng dẫn, tiêu chuẩn và các quy trình phản ánh các mục tiêu, các chiến lược và các quy định mà các dịch vụ và giải pháp SOA đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ theo thời gian. Sự thành công của một giải pháp SOA thường là đáp ứng các mục tiêu về giá trị nghiệp vụ. Các hoạt động điều hành SOA nên phù hợp với tổ chức, với các nguyên tắc điều hành Kiến trúc tổng thể, các tiêu chuẩn CNTT liên quan đến các hệ thống SOA nhằm hướng tới mục tiêu tương tác. Điều hành SOA cũng nên điều chỉnh để phù hợp và hỗ trợ một mức độ trưởng thành SOA tương ứng.

Khía cạnh phát triển (Development Aspect) chứa tất cả các cấu phần và các sản phẩm cần thiết để phát triển và thay đổi triển khai các dịch vụ, các giải pháp SOA. Việc triển khai dịch vụ nên bao gồm việc phát triển hoặc sử dụng triển khai trong Lớp Hệ thống CNTT nền, trong Lớp cấu phần dịch vụ, trong Lớp dịch vụ, Lớp quy trình và trong các khía cạnh khác. Triển khai dịch vụ nên đóng gói các hệ thống và các tài nguyên hiện có để liên kết các dịch vụ có thể được hỗ trợ. Việc phát triển chứa giải pháp, thiết kết dịch vụ, mô hình hóa, triển khai dịch vụ. Khả năng vận hành và quản lý cũng là trách nhiệm của Khía cạnh Quản lý và an toàn. Việc duy trì sử dụng các khả năng từ Khía cạnh phát triển, Khía cạnh Quản lý và an toàn. Công cụ hỗ trợ Khía cạnh phát triển bao gồm toàn bộ các công cụ kiến trúc, công cụ mô hình hóa, công cụ phát triển, công cụ hợp ngữ, phương pháp luận, hỗ trợ gỡ lỗi, các kho lưu trữ tài, kiểm soát mã nguồn, máy trạm khai phá, cơ chế xuất bản...

Sơ đồ kiến trúc tham chiếu SOA tại Tiêu chuẩn ISO/IEC 18384:2016 như đã trình bày bên trên cho chúng ta một hình dung tổng thể về 10 (mười) phân lớp điển hình của một hệ thống thông tin được triển khai theo kiến trúc SOA.

Như phân tích bên trên, kiến trúc SOA đang là kiểu kiến trúc được sử dụng phổ biến để triển khai hệ thống thông tin của tổ chức nói chung, do đó, về logic hoàn toàn có thể áp dụng để triển khai hệ thống thông tin của chính quyền điện tử của Tỉnh nói riêng.

Theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 18384:2016, về mặt hệ thống, sơ đồ tương tác điển hình giữa các phân lớp như sau:



Hình 13: Sự tương tác điển hình giữa các phân lớp trong kiến trúc tham chiếu SOA

Mục 6.1 đã mô tả sơ đồ tổng thể các thành phần của chính quyền điện tử của Tỉnh, dựa trên kiến trúc phân lớp, bao gồm 8 phân lớp: Người sử dụng, Kênh, Dịch vụ công, Dịch vụ công trực tuyến, Ứng dụng và cơ sở dữ liệu, Dịch vụ chia sẻ và tích hợp, Hạ tầng kỹ thuật và Quản lý, chi đạo. Về bản chất, sơ đồ tổng thể này cũng là một sơ đồ phân lớp, trong đó, phân lớp trên, sử dụng các

khả năng/dịch vụ do phân lớp bên dưới cung cấp, ngoài phân lớp Quản lý, chỉ đạo được trình bày ở dưới cùng thể hiện là yếu tố nền tảng cho tất cả các phân lớp bên trên.

Nếu so sánh các phân lớp của Kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh đã được trình bày tại Mục 6.1 (với 8 phân lớp) và Kiến trúc tham chiếu SOA theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 18384:2016 (với 10 phân lớp), chúng ta có thể thấy sự đáp ứng của Kiến trúc tham chiếu SOA đối với kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh, cụ thể như sau:

Bảng 21: Bảng Ánh xạ đáp ứng của Kiến trúc tham chiếu SOA đối với kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh

STT	Phân lớp và thành phần theo hướng dẫn của Công văn số 1178/BTTTT-THH	Được đáp ứng bởi phân lớp và thành phần theo kiến trúc tham chiếu SOA
1	Người sử dụng	Người sử dụng (Cosumer), không chỉ bao gồm các tác nhân là người, có thể bao gồm các tác nhân là hệ thống
2	Kênh	Người sử dụng
3	Dịch vụ cổng	Người sử dụng
4	Dịch vụ công trực tuyến	Người sử dụng
5	Ứng dụng và cơ sở dữ liệu	Dịch vụ (Services), Hệ thống CNTT nền (Operational and IT systems)
6	Dịch vụ chia sẻ và tích hợp (bao gồm các dịch vụ do LGSP của	Dịch vụ (Services), Quy trình (Process), Cấu phần dịch vụ

	Tỉnh cung cấp)	(Service component), Tích hợp (Integration), Quản lý (Management and Security), Thông tin (Information)
7	Hạ tầng kỹ thuật	Hệ thống CNTT nền (Operational and IT system)
8	Quản lý, chỉ đạo	Điều hành (Governance), Phát triển (Development)

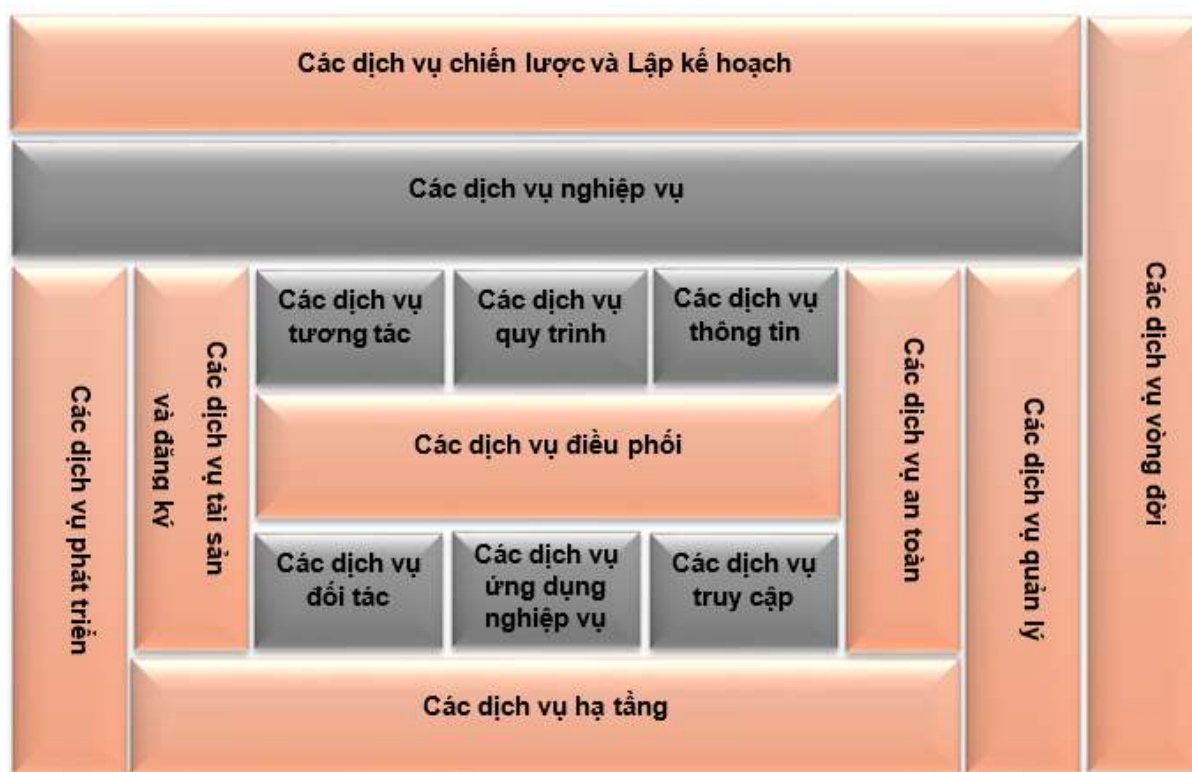
Theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 18384:2016, dịch vụ là khái niệm căn bản của kiến trúc SOA, thực tế sẽ có rất nhiều loại dịch vụ. Do đó, việc phân loại dịch vụ là cần thiết, dịch vụ thường được phân loại theo chức năng và mục đích của chúng nhằm đảm bảo sự đầy đủ và hiểu thống nhất về bản chất các dịch vụ giữa các bên liên quan.

Việc phân nhóm dịch vụ là hoạt động thông thường trong phát triển các dịch vụ và danh mục dịch vụ trong SOA. Các danh mục và phân nhóm dịch vụ ảnh hưởng cách hiểu về kiến trúc và danh mục các dịch vụ phục vụ triển khai kiến trúc từ cả hai khía cạnh nghiệp vụ và công nghệ thông tin.

Lưu ý rằng, việc phân nhóm dịch vụ cho một loại khối kiến trúc (ABB) điển hình là tách biệt với các phân lớp trong kiến trúc tham chiếu chứa các ABB đó. Ví dụ, không có sự mâu thuẫn khi định nghĩa “Các dịch vụ quy trình” (Business Process là một ABB thuộc phân lớp Process Layer) như là một nhóm các dịch vụ. Một dịch vụ quy trình đơn giản là một logic quy trình được đưa ra (exposed) như là một dịch vụ. Do đó, về bản chất đây đúng là các dịch vụ, như là các khối kiến trúc dịch vụ, và chúng được xếp vào phân lớp Dịch vụ (Service Layer).

Tiêu chuẩn ISO/IEC 18384:2016 cũng đưa ra 15 dịch vụ dùng chung, cốt lõi, điển hình của kiến trúc SOA áp dụng cho một tổ chức bất kỳ. Như đã trình

bày bên trên, việc phân nhóm theo chức năng như bên dưới không ràng buộc chặt với việc triển khai thực tế (có thể bao gồm các ABB thuộc các phân lớp kiến trúc khác trong kiến trúc tham chiếu SOA). Hình dưới đây thể hiện các dịch vụ dùng chung SOA.



Hình 14: Danh mục dịch vụ dùng chung SOA

Trong đó:

- **Mediation Services (Dịch vụ điều phối):** là danh mục các dịch vụ chịu trách nhiệm về kết nối giữa người dùng dịch vụ với nhà cung cấp dịch vụ. Chúng thực hiện trách nhiệm này bằng cách phân giải vị trí của chúng một cách tự động để có thể định tuyến tối ưu các yêu cầu trên mạng và đáp ứng mục tiêu của nghiệp vụ. Các dịch vụ điều phối là hoàn toàn trong suốt đối với người dùng dịch vụ trong giải pháp SOA. Mặc dù vậy, các dịch vụ điều phối là nền tảng để đơn giản hóa các nhiệm vụ triệu gọi dịch vụ, tạo ra việc sử dụng dịch vụ ở bất cứ nơi đâu. Việc điều phối được cung cấp bởi các dịch vụ điều phối thúc đẩy khả năng kết nối, bên cạnh đó còn thường xuyên triển khai các hoạt động khác. Việc triển khai các dịch vụ điều phối hỗ trợ khả năng liên kết nối và lưu trữ các

thành logic điều phối, chẳng hạn như chuyển đổi thông điệp, định tuyến thông tin, chức năng bổ sung (chẳng hạn như lưu vết giao dịch (logging) hay kiểm toán) nhằm hỗ trợ việc liên kết các dịch vụ. Các dịch vụ điều phối là sự tổng hợp của cả các giải pháp mang tính trung lập (các sản phẩm trao đổi thông điệp và các sản phẩm ESB sẵn có trên thị trường) và các giải pháp cụ thể (các bộ chuyển đổi adapter cần thiết phục vụ việc kết nối các dịch vụ đã có và các hệ thống đang hoạt động tới ESB). Các dịch vụ điều phối được triển khai chủ yếu với các khối kiến trúc trong Khía cạnh tích hợp. Các khối kiến trúc được sử dụng có thể chứa Integration Controller, Mediator, Router, Adapter, Data Aggregator, Message Transformer. Việc lựa chọn khối kiến trúc trong các dịch vụ điều phối phụ thuộc vào từng yêu cầu cụ thể.

- **Interaction services (Các dịch vụ tương tác)**: là danh mục các dịch vụ cung cấp logic biểu diễn của việc thiết kế nghiệp vụ. Các dịch vụ này là các cấu phần hỗ trợ việc tương tác giữa các ứng dụng và người dùng cuối. Tương tác ở đây không giới hạn chỉ bao gồm các tương tác với con người, logic tương tác điều phối giao diện đến tất cả các loại thiết bị và hệ thống điều khiển, bao gồm cả thiết bị cảm biến, thiết bị RFID. Các dịch vụ tương tác hầu hết gắn liền với Lớp người dùng. Việc triển khai dịch vụ tương tác sử dụng khối kiến trúc Presentation Controller trong Lớp người dùng để thể hiện giao tiếp.

- **Process Services (Các dịch vụ quy trình)**: là danh mục các dịch vụ chứa rất nhiều các dạng khác nhau về logic thành phần. Đáng chú ý nhất là luồng quy trình nghiệp vụ, các nguyên tắc nghiệp vụ và xử lý các quyết định. Các dịch vụ quy trình hầu hết gắn liền với Lớp quy trình. Việc triển khai dịch vụ quy trình sử dụng các khối kiến trúc Process Controller và Process flow manager.

- **Information Services (Các dịch vụ thông tin)**: là danh mục các dịch vụ chứa logic về dữ liệu của thiết kế nghiệp vụ. Việc triển khai dịch vụ cung cấp logic về dữ liệu có 3 chức năng chính: cung cấp truy cập đến dữ liệu nghiệp vụ

nhất quán, hỗ trợ tổng hợp dữ liệu nghiệp vụ và cung cấp kiến trúc thành phần của chúng để quản lý luồng dữ liệu trong tổ chức. Các dịch vụ thông tin hầu hết gắn liền với Khía cạnh thông tin. Việc triển khai dịch vụ thông tin sử dụng các khối kiến trúc trong khía cạnh Thông tin.

- **Access Services (Các dịch vụ truy cập):** là danh mục các dịch vụ phục vụ việc tích hợp các ứng dụng cũ và các chức năng cũ trong giải pháp SOA. Trong các kiến trúc khác, việc triển khai dịch vụ truy cập này thường được hiểu chính là các adapter (bộ chuyển đổi). Trong SOA RA, việc triển khai các dịch vụ này là trách nhiệm của các adapter vì thế chúng có thể được thao tác và tạo ra trong các quy trình nghiệp vụ giống như một cấu phần triển khai dịch vụ bất kỳ. Các dịch vụ truy cập hầu hết gắn liền với Lớp dịch vụ.

- **Security Services (Các dịch vụ an toàn):** là danh mục các dịch vụ bảo vệ khỏi các mối đe dọa theo nhiều khía cạnh của một Kiến trúc SOA. Việc bảo vệ các tương tác giữa người dùng và nhà cung cấp dịch vụ chỉ là một phần của dịch vụ an toàn. Chúng có trách nhiệm bảo vệ tất cả các yếu tố trong kiến trúc.

- **Partner Services (Các dịch vụ đối tác):** là danh mục các dịch vụ về sự tương tác giữa các đối tác trong thực hiện nghiệp vụ, ví dụ như dịch vụ thanh toán điện tử. Các dịch vụ này bao gồm các chính sách và các ràng buộc mà các nghiệp vụ khác phải tuân thủ để có thể tác nghiệp cùng nhau. Các dịch vụ đối tác thường gắn với Lớp dịch vụ, việc triển khai các dịch vụ đối tác sử dụng các khối kiến trúc Service Interaction và Service Container.

- **Lifecycle Services (Các dịch vụ vòng đời):** là danh mục các dịch vụ hỗ trợ quản lý vòng đời các giải pháp SOA và tất cả các yếu tố hình thành giải pháp SOA từ giai đoạn phát triển đến giai đoạn quản lý, từ chiến lược cho đến cơ sở hạ tầng. Dịch vụ vòng đời có thể áp dụng cho tất cả các loại dịch vụ, quản lý và điều hành, triển khai dịch vụ. Việc quản lý và điều hành toàn bộ vòng đời của một giải pháp SOA chứa các việc điều hành SOA, quản lý chính sách, quản lý các yêu cầu và quản lý cấu hình. Các dịch vụ vòng đời gắn liền với Khía cạnh

Điều hành, các khối kiến trúc Service Registry/Repository được sử dụng để triển khai và cung cấp các dịch vụ vòng đời.

- **Asset and Registry/Repository Services (Các dịch vụ tài sản thông tin và đăng ký/lưu trữ)**: là danh mục các dịch vụ cung cấp truy cập đến các tài sản thông tin là thành phần của kiến trúc tổng thể. Việc triển khai các dịch vụ này cung cấp truy cập đến mô tả dịch vụ, các dịch vụ phần mềm, chính sách, tài liệu và các tài sản thông tin khác hay các sản phẩm (artifact) cần thiết cho hoạt động nghiệp vụ. Asset and Registry/Repository Services sử dụng các khối kiến trúc từ Khía cạnh Điều hành như Service Registry/Repository.

- **Infrastructure Services (Các dịch vụ hạ tầng)**: là danh mục các dịch vụ hình thành nên nền tảng của môi trường CNTT đảm bảo sự hoạt động của các ứng dụng SOA bên trên. SOA RA được thiết kế đặc biệt cho phép các công nghệ khác nhau có thể kết hợp tại các lớp của hệ thống. Các dịch vụ hạ tầng hầu hết gắn với Lớp Hệ thống CNTT nền tảng. Việc triển khai các dịch vụ hạ tầng sử dụng các khối kiến trúc như Solution Component, Implementation Controller, Hardware và Virtualized Infrastructure, ngoài ra còn có các khối kiến trúc trong khía cạnh Quản lý và an toàn để cung cấp việc quản lý các dịch vụ hạ tầng và các tài nguyên cơ bản.

- **Management Services (Các dịch vụ quản lý)**: là danh mục các dịch vụ thể hiện tập công cụ quản lý được sử dụng để giám sát luồng dịch vụ, giám sát tình trạng của các hệ thống cơ bản, giám sát việc sử dụng tài nguyên, giám sát việc đạt được các mục tiêu dịch vụ, thực thi các chính sách quản lý và phục hồi thảm họa. Điều này cũng bao gồm cả quản lý quy trình nghiệp vụ, giám sát thống kê về hiệu năng và các chỉ số hiệu năng chính (KPI). Các dịch vụ quản lý hầu hết gắn với Khía cạnh Quản lý và an toàn. Việc triển khai các dịch vụ quản lý sử dụng một vài khối kiến trúc trong Khía cạnh Quản lý và An toàn như Command and Control Manager, IT Systems Manager, Event Manager, Policy Enforcer, Configuration Manager, Security Manager, and Solution Manager.

- **Development Services (Các dịch vụ phát triển)**: là danh mục các dịch vụ bao gồm toàn bộ công cụ kiến trúc, công cụ mô hình hóa, công cụ phát triển, công cụ biên soạn hình ảnh, công cụ hợp ngữ, phương pháp luận, hỗ trợ gỡ lỗi, kho lưu trữ, các máy trạm khai phá, cơ chế xuất bản cần thiết để xây dựng một ứng dụng SOA. Dịch vụ phát triển sử dụng khối kiến trúc Registry/Repository trong khía cạnh Điều hành để lấy các mô tả cần thiết.

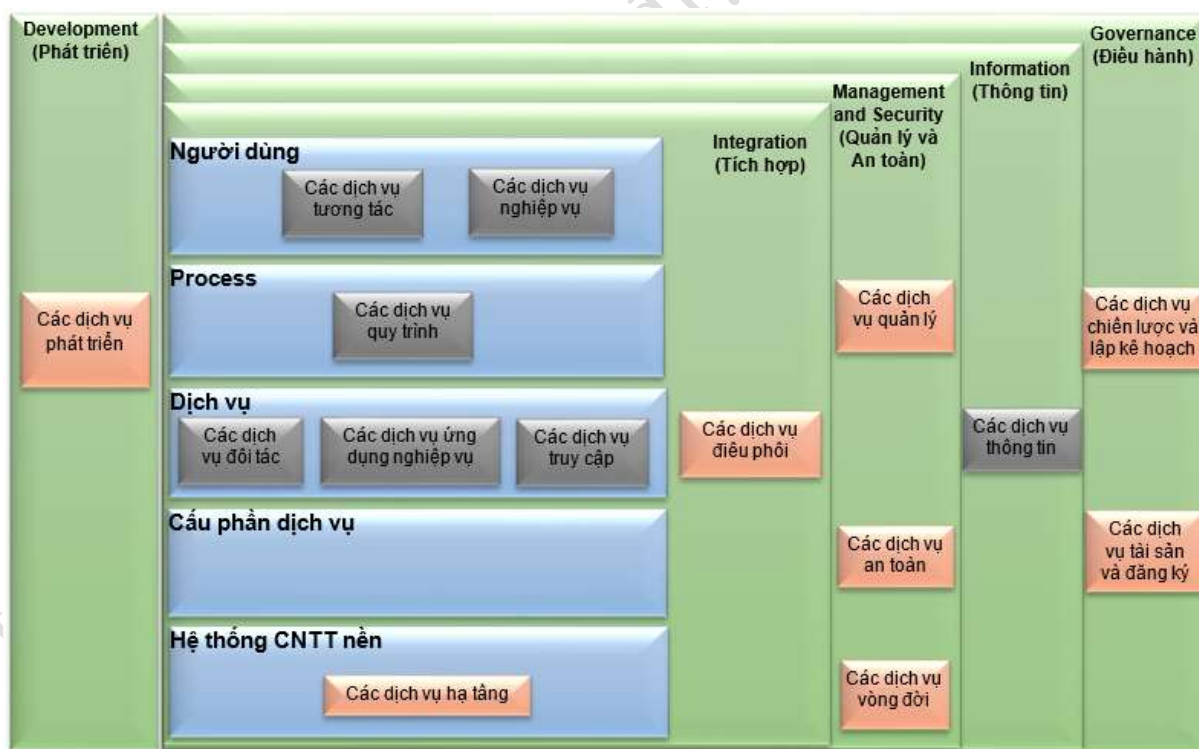
- **Strategy and Planning Services (Các dịch vụ chiến lược và lập kế hoạch)**: là danh mục các dịch vụ hỗ trợ đưa ra tầm nhìn, thiết kế tổng thể và kế hoạch chuyển đổi để cải thiện kết quả đầu ra của nghiệp vụ. Các dịch vụ chiến lược và lập kế hoạch hầu hết gắn liền với Khía cạnh Điều hành cho phép nghiệp vụ và công nghệ thông tin lập kế hoạch, ưu tiên một số thay đổi trong giải pháp và hoạt động. Các khối kiến trúc Policy Manager và Business Rules Manager, Reporting Tools, Change Control Manager được sử dụng để thực hiện cung cấp các dịch vụ này.

- **Business Application Services (Các dịch vụ ứng dụng nghiệp vụ)**: là danh mục các dịch vụ triển khai logic của các nghiệp vụ cốt lõi. Các dịch vụ ứng dụng nghiệp vụ thường gắn với Lớp Dịch vụ. Việc triển khai dịch vụ ứng dụng nghiệp vụ sử dụng các khối kiến trúc Service Container và Service Interaction Manager, ngoài ra, còn sử dụng các khối kiến trúc thuộc các lớp khác như: Access Controller, Policy Enforcer, Policy Manager.

- **Business Services (Các dịch vụ nghiệp vụ)**: là danh sách các dịch vụ thể hiện các chức năng nghiệp vụ và được cung cấp cho người dùng bên ngoài. Đôi khi, chúng được nhắc đến như là các dịch vụ mức cao hơn. Các dịch vụ nghiệp vụ nên gắn liền với các chỉ số hiệu năng chính, các mục tiêu nghiệp vụ, được định nghĩa và giám sát để cung cấp thông tin về người thực hiện nghiệp vụ, nhà phân tích nghiệp vụ và chuyên gia khác, nhằm đảm bảo rằng kiến trúc SOA và các dịch vụ đáp ứng với mục tiêu nghiệp vụ đã đề ra. Việc triển khai dịch vụ nghiệp vụ sử dụng các khối kiến trúc trong khía cạnh Quản lý và An

toàn như Monitoring Metrics Tools, Policy Enforcer, và Business Activity Manager.

Theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 18384, về lô gic, sự thể hiện và mô tả của tất cả các dịch vụ được tổ chức trong phân lớp Dịch vụ, và có thể phân nhóm như bên trên. Tuy nhiên, tên của một số phân nhóm dịch vụ là tương tự với tên của các phân lớp/khía cạnh trong kiến trúc tham chiếu. Do đó, có sự tương tự giữa các phân nhóm dịch vụ và các phân lớp tương ứng trong kiến trúc tham chiếu SOA dựa trên ngữ nghĩa và việc triển khai dịch vụ, được mô tả như hình bên dưới. Các phân nhóm dịch vụ được đặt trong các phân lớp tương ứng không có nghĩa thực tế triển khai chỉ thuộc phân lớp tương ứng, tất cả các dịch vụ khi triển khai đều sử dụng hoặc triển khai các khả năng kiến trúc hoặc các khối kiến trúc thuộc các phân lớp khác như Phân lớp cấu phần dịch vụ và phân lớp Dịch vụ để đáp ứng các yêu cầu về khả năng kiến trúc.



Hình 15: Sự tương đồng giữa các phân nhóm dịch vụ và các phân lớp kiến trúc trong kiến trúc tham chiếu SOA

Các phân nhóm dịch vụ như bên trên được sử dụng khi cần phát triển một danh mục dịch vụ và một giải pháp SOA. Sử dụng các phân nhóm dịch vụ này

như là một danh sách kiểm tra (checklist) đảm bảo rằng tất cả các dịch vụ có khả năng cần được xem xét để lựa chọn xây dựng, mua sắm phù hợp với nhu cầu thực tế của Tỉnh.

Từ việc xem xét các dịch vụ dùng chung của Kiến trúc tham chiếu SOA theo tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 18384:2016, hướng dẫn về các thành phần tiêu biểu thuộc LGSP của địa phương theo Công văn số 1178/BTTTT-THH, kết hợp với nhu cầu thực tế liên thông, tích hợp về quy trình, dữ liệu như phân tích bên trên của tỉnh Hà Nam, tư vấn đề xuất các thành phần tiêu biểu trong LGSP phục vụ việc kết nối, liên thông, cụ thể như hình dưới đây:



Hình 16: Các thành phần chính của LGSP Hà Nam theo Kiến trúc tham chiếu SOA

Chú thích: Các thành phần không được tô màu là chưa được đề xuất trong LGSP của Hà Nam giai đoạn 2016-2020.

Theo hướng dẫn về Giải pháp GSP trong kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu của Công văn 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông, khuyến nghị 10 thành phần tiêu biểu trong LGSP. Bảng ánh xạ nhóm các dịch vụ trong LGSP của tỉnh Hà Nam đề xuất đáp ứng 10 thành phần tiêu biểu

của LGSP trong Công văn số 1178/BTTTT-THH được trình bày cụ thể như bảng bên dưới.

Kiến trúc Chính quyền điện tử Tỉnh Hà Nam

Bảng 22: Bảng ánh xạ các thành phần trong LGSP đề xuất của Tỉnh Hà Nam đáp ứng 10 thành phần tiêu biểu theo hướng dẫn tại Công văn số 1178/BTTTT-THH

STT	Thành phần trong 1178	Khái niệm	Chức năng chính	Được đáp ứng bởi các dịch vụ trong kiến trúc tham chiếu SOA (ISO/IEC 18384)
1	Quản lý nền tảng	Quản lý nền tảng cung cấp cơ chế giám sát tập trung về trạng thái của hệ thống, bao gồm các mô-đun hệ thống, máy chủ ứng dụng, hệ điều hành máy chủ, các hệ thống quản lý khác nhau, thiết bị lưu trữ, thiết bị mạng và phòng máy tính. Công tác bảo trì hệ thống và bộ phận hỗ trợ người sử dụng cũng trong thành phần này.	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát hệ thống: Thu thập thông tin của từng dịch vụ ứng dụng nền tảng; chẳng hạn như nhật ký của các giao dịch, trạng thái của các giao dịch; Thu thập thông tin của dịch vụ phần cứng nền tảng; chẳng hạn như trạng thái mạng (network), trạng thái hoạt động của máy chủ. - Báo cáo nhật ký của hệ thống: là việc phân tích nhật ký giám sát hệ thống để đưa ra báo cáo. - Quản lý truy cập: là khả năng quản lý giám sát từ xa các dịch vụ ứng dụng nền tảng, các máy chủ và các thiết bị mạng 	Các dịch vụ quản lý
2	Quản lý tài khoản	Quản lý tài khoản cung cấp cơ chế quản lý vòng đời tài khoản và đảm bảo sự an toàn của tài khoản trong các quy trình xử lý xác	<ul style="list-style-type: none"> - Lưu trữ các thông tin về việc sử dụng tài khoản - Phân loại các thông tin về việc sử dụng tài khoản để dễ dàng truy vấn 	Các dịch vụ tài sản thông tin và đăng ký

		định	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra danh sách đen (blacklist) về các tài khoản để quản lý khi cần thiết - Quản lý tài khoản tập trung và tuân theo cơ chế an toàn - Tạo thông tin dự phòng về việc sử dụng tài khoản 	
3	Dịch vụ đăng ký	Dịch vụ đăng ký cung cấp cho việc đăng ký cung cấp thông tin, đăng ký định vị dịch vụ, đăng ký người dùng, đăng ký chỉ dẫn mở, luồng dịch vụ đóng gói,... Dịch vụ đăng ký nhằm đáp ứng các yêu cầu cung cấp dịch vụ công theo cơ chế một cửa điện tử.	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp nguyên tắc mã hóa định danh đối tượng duy nhất cho việc quản lý định danh. - Cung cấp đăng ký và quản lý định danh đối tượng duy nhất - Cung cấp đăng ký và quản lý dịch vụ nghiệp vụ - Cung cấp đăng ký và quản lý người dùng, tổ chức, cơ quan, đơn vị,... 	Các dịch vụ tài sản thông tin và đăng ký
4	Quản lý nội dung	Quản lý nội dung bao gồm quản lý nội dung nền tảng điều hành và các hệ thống ứng dụng phổ biến; quản lý tương tác giữa các nội dung mà không được định nghĩa trong quản lý khác. Quản lý nội dung phải đảm bảo tính độc lập với mô-đun nền tảng, tính toàn vẹn của nội dung trạng thái truyền thông, tính nhất quán, tính tương thích, tính	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý nội dung bao gồm quản lý nội dung nền tảng điều hành và các hệ thống ứng dụng phổ biến - Quản lý tương tác giữa các nội dung mà không được định nghĩa trong quản lý khác 	Các dịch vụ thông tin

		khả dụng, đảm bảo hiệu suất sử dụng và cung cấp cơ chế sao lưu, phục hồi dữ liệu.		
5	Công vào dịch vụ	Công vào dịch vụ là giao diện giữa hệ thống ứng dụng của các lĩnh vực nghiệp vụ và GSP. Khi hệ thống ứng dụng nhận được yêu cầu từ người sử dụng và muốn kết nối với GSP, công vào dịch vụ sẽ gửi yêu cầu đến nền tảng để xử lý. Công vào dịch vụ cung cấp dịch vụ kiểm soát an ninh, xác nhận định dạng dữ liệu, chuyển đổi định dạng dữ liệu và phân phối tin nhắn	<ul style="list-style-type: none"> - Triệu hồi dịch vụ Quản lý tài khoản để kiểm tra tính an toàn cho hệ thống - Định nghĩa định dạng dữ liệu tiêu chuẩn cho các yêu cầu dịch vụ và cho các thông tin phản hồi được sinh ra. - Cung cấp cơ chế bảo vệ dữ liệu 	Các dịch vụ tương tác
6	Dịch vụ tích hợp	Dịch vụ tích hợp cung cấp dịch vụ liên quan đến môi trường thực hiện nghiệp vụ, giám sát và quản lý, là trung tâm quản lý quy trình tích hợp và chịu trách nhiệm cho sự tích hợp của tất cả các quy trình, hệ thống, dịch vụ và quản lý tài nguyên.	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cơ chế để hỗ trợ nhà cung cấp dịch vụ xây dựng một nền tảng để cung cấp các dịch vụ một cửa điện tử - Cung cấp luồng dịch vụ nghiệp vụ để thiết lập chức năng khi thiết kế và triển khai dịch vụ tích hợp - Cung cấp thông tin nhật ký về luồng dịch vụ - Cung cấp giám sát luồng dịch vụ - Điều khiển và thực thi từng luồng dịch vụ 	Các dịch vụ quy trình, các dịch vụ điều phối
7	Dịch vụ	Dịch vụ xác thực và cấp quyền phục vụ	- Quản lý xác thực, chẳng hạn như cung cấp tài	Các dịch vụ an toàn

	xác thực và cấp quyền	việc xác minh rằng "bạn là ai?" và "bạn được phép làm những gì trên hệ thống?". Dịch vụ này cung cấp cơ chế kiểm soát bảo mật tập trung nhằm đáp ứng các yêu cầu sau: Bảo mật; Toàn vẹn; Chống chối bỏ; Đăng nhập một lần; Định danh; Quyền truy cập.	khoản/mật khẩu cho người dùng, thiết lập chính sách quản lý mật khẩu của tài khoản người dùng,... - Quản lý cấp quyền, chẳng hạn như cung cấp cơ chế quản lý tài nguyên thông tin, cơ chế cấp quyền đối với tài nguyên thông tin, xây dựng nguyên tắc đặt tên cho tài nguyên thông tin,...	
8	Dịch vụ thư mục	Dịch vụ thư mục là thành phần quan trọng để quản lý tập trung tài nguyên thông tin với một số lượng lớn cơ chế lưu trữ đối tượng khác nhau, nhằm đảm bảo tính thống nhất của thông tin, dễ dàng truy vấn, duy trì, cập nhật và chia sẻ thông tin.	Các chức năng chính của Dịch vụ thư mục là cung cấp các dịch vụ lưu trữ, truy vấn và trao đổi thông tin.	Các dịch vụ tài sản và đăng ký
9	Cổng thanh toán điện tử	Cổng thanh toán điện tử tạo ra một môi trường giao dịch bảo đảm với giao diện thông điệp để hỗ trợ nhiều cơ chế thanh toán, kiểm soát người dùng, CQNN và các dịch vụ kế toán.	- Cung cấp một số lượng lớn công cụ thanh toán giúp người dùng có thể chọn lựa phương thức thanh toán thích hợp - Xây dựng định dạng thông điệp liên thông và tiêu chuẩn cho việc trao đổi thông điệp - Cung cấp dịch vụ đảm bảo an toàn cho việc thanh toán điện tử	Các dịch vụ đối tác

			- Cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán phục vụ việc giải trình, truy vấn và báo cáo.	
10	Hạ tầng trao đổi thông tin	Hạ tầng trao đổi thông tin là giao diện giữa GSP và các nền tảng, hệ thống đã tồn tại từ trước (hệ thống kế thừa). Nó cung cấp môi trường phục vụ trao đổi thông tin nghiệp vụ và giao diện công thông tin điện tử để hỗ trợ người dùng truy xuất và sử dụng dịch vụ thuận tiện. Nó cung cấp cơ chế chuyển đổi và kiểm tra đối với các định dạng thông điệp bên ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập thỏa thuận dịch vụ - Chuyển đổi định dạng dữ liệu - Cung cấp mô-đun giao tiếp - Cung cấp cơ chế đảm bảo an toàn - Cung cấp giám sát, thực hiện lưu trữ thông điệp và tham chiếu - Cung cấp kết nối ra bên ngoài - Đưa ra cơ chế xử lý lỗi. 	Các dịch vụ điều phối + Dịch vụ truy cập

Ngoài ra, để đảm bảo việc vận hành, duy trì, phát triển LGSP của địa phương được bền vững, đơn vị tư vấn đề xuất thêm thành phần “Dịch vụ phát triển” (như định nghĩa bên trên). Việc không triển khai thành phần này sớm sẽ dẫn đến sự phức tạp, khó khăn cho Sở TTTT trong việc quản lý nền tảng LGSP, hướng dẫn các cơ quan kết nối đến LGSP, kết nối thử nghiệm với LGSP, đánh giá kết quả kết nối thử nghiệm với LGSP... có thể sẽ dẫn đến việc Sở TTTT phụ thuộc của vào nhà cung cấp giải pháp LGSP trong việc tổ chức triển khai chính quyền điện tử của Tỉnh.

Đối với tỉnh Hà Nam, các dịch vụ truy cập sẽ bao gồm các dịch vụ phục vụ việc kết nối các hệ thống ứng dụng đã có (bao gồm cả ứng dụng nội bộ, ứng dụng cấp tỉnh, ứng dụng cấp quốc gia, ứng dụng tổng hợp, báo cáo và ứng dụng cung cấp 7 dịch vụ công mức 3 hiện tại) với các hệ thống ứng dụng được xây dựng mới của tỉnh và với các hệ thống thông tin bên ngoài tỉnh thông qua LGSP của Tỉnh. Chi tiết các hệ thống ứng dụng đã có được giữ lại hoặc nâng cấp trong Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam sẽ được trình bày trong Phần 6.3. Mô tả chi tiết các thành phần còn lại trong Kiến trúc CQĐT.

6.2.3. Minh họa mô hình trao đổi thông tin qua LGSP

Với việc phát triển một Nền tảng triển khai Chính quyền điện tử của tỉnh, việc thực hiện các nghiệp vụ liên thông giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh với nhau và với các Bộ/tỉnh khác sẽ trở nên dễ dàng hơn và mang lại hiệu quả cao hơn. Phần dưới đây minh họa việc thực hiện nghiệp vụ liên thông có yêu cầu trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan/đơn vị trong nội bộ tỉnh Hà Nam và giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh với các Bộ/tỉnh thông qua LGSP.

Minh họa việc thực hiện nghiệp vụ liên thông: Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.

Bảng 23: Quy trình hiện tại thực hiện Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.

Quy trình thủ tục hành chính (bao gồm các biểu mẫu liên quan)

<p>- Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1 : Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bước 2 : Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nam. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra sự đầy đủ và tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp. Trường hợp hồ sơ gửi qua đường bưu chính, Sở Thông tin và Truyền thông gửi giấy hẹn đến địa chỉ thư điện tử (e-mail) của doanh nghiệp, tổ chức. - Hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn một lần bằng văn bản để người nộp hồ sơ làm lại cho đúng quy định. <p>Bước 3 : Nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nam.</p> <p>Khi đến nhận kết quả phải đem theo giấy hẹn. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra giấy hẹn, yêu cầu ký nhận vào sổ và trao kết quả cho người nhận.</p> <p>Trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả sẽ gửi kết quả qua đường bưu chính (nếu tổ chức không có yêu cầu khác).</p> <p>Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00 từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết)</p>
<p>- Cách thức thực hiện</p>	<p>Qua Bưu điện, trụ sở cơ quan hành chính</p>
<p>- Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (Mẫu số 14-Phụ lục I – Thông tư 23/2014/TT-BTTTT). 2. Bản sao (xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) hoặc bản sao có chứng thực một trong các loại giấy: Quyết định thành lập; giấy phép hoạt động; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy

	<p>chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép là cơ quan Đảng, Nhà nước không bắt buộc phải nộp một trong các loại giấy quy định tại Điểm này.</p> <p>3. 03 (ba) bản thảo tài liệu in trên giấy (phải có đóng dấu giáp lai của đơn vị); trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam phải kèm theo bản dịch tiếng Việt.</p> <p>- Đối với tài liệu để xuất bản điện tử phải có thiết bị lưu trữ dữ liệu chứa toàn bộ nội dung tài liệu với định dạng tệp tin không cho phép sửa đổi;</p> <p>4. Đối với trường hợp xuất bản tài liệu là kỷ yếu hội thảo, hội nghị phải có thêm ý kiến xác nhận bằng văn bản của cơ quan, tổ chức đứng tên tổ chức hội thảo, hội nghị.</p> <p>5. Đối với trường hợp xuất bản tài liệu là kỷ yếu ngành nghề của các cơ quan, tổ chức Việt Nam phải có thêm ý kiến xác nhận bằng văn bản của cơ quan chủ quản hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý ngành nghề.</p> <p>- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>- Thời gian giải quyết</p>	<p>Không quá 15 ngày (ngày làm việc) kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ</p>
<p>- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>Tổ chức.</p>
<p>- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính</p>	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Thông tin và Truyền thông;</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Thông tin và Truyền thông;</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Không có.</p>
<p>- Kết quả thực hiện thủ tục hành</p>	<p>Giấy phép</p>

chính	
- Lệ phí (nếu có)	Không có.
- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 25 Luật Xuất bản năm 2012; - Điều 12 Nghị định 195//2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản; - Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT, ngày 29/12/2014 của Bộ TTTT Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Xuất bản và Nghị định 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản

Mẫu số 1- Thông tư 29/2010/TT-BTTTT, ngày 30/12/2010

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
XUẤT BẢN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

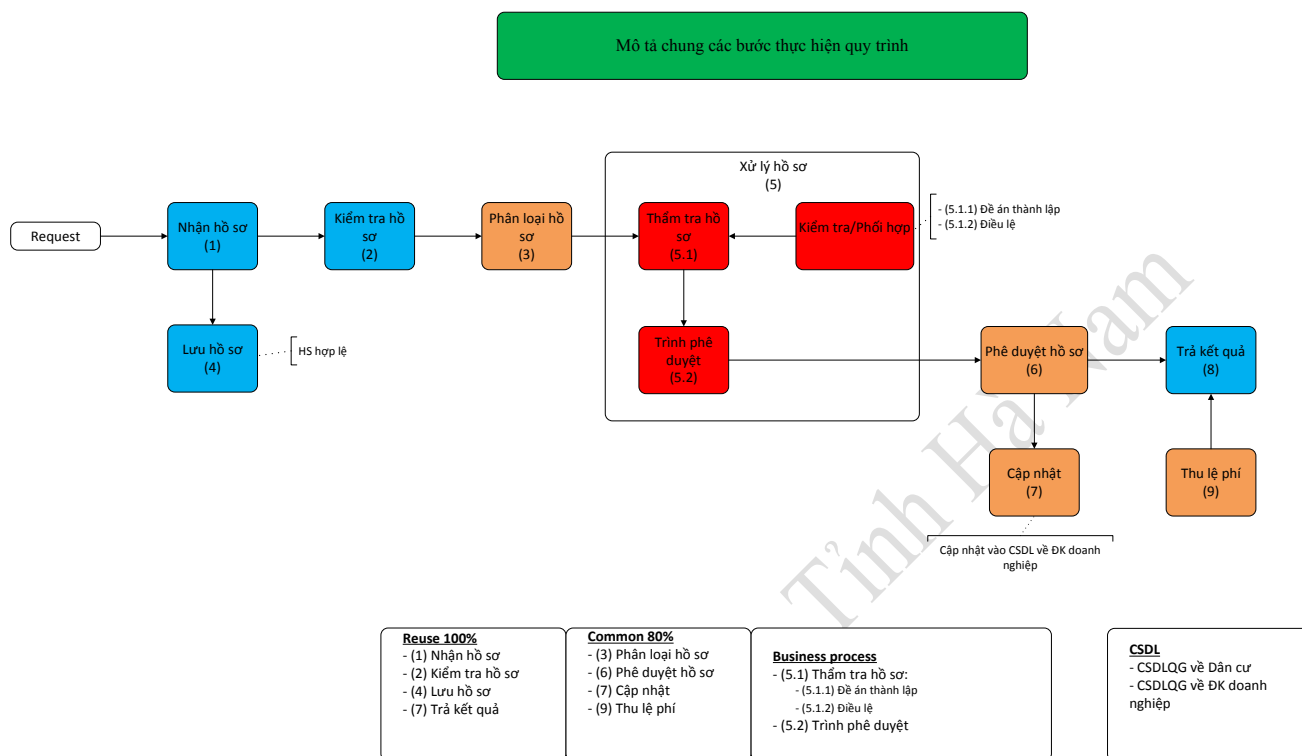
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XUẤT BẢN
TÀI LIỆU KHÔNG KINH DOANH

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tên cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản:
2. Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Số fax:
- Email:
3. Tên tài liệu:
- Tác giả (cá nhân hoặc tập thể):
4. Xuất xứ (nếu là tài liệu dịch từ tiếng nước ngoài):
- Người dịch (cá nhân hoặc tập thể):
5. Hình thức tài liệu:
6. Số trang: Phụ bản (nếu có):
7. Khuôn khổ: cm. Số lượng in: bản
8. Tên, địa chỉ cơ sở in:
-
9. Mục đích xuất bản:
-
10. Phạm vi sử dụng và hình thức phát hành:
11. Đăng ký Mã số sách quốc tế (ISBN) (có/không):
12. Nội dung tóm tắt của tài liệu:
13. Kèm theo đơn này là 02 bản thảo tài liệu đề nghị cấp giấy phép xuất bản.
14. Cam đoan in đúng nội dung tài liệu, thực hiện đúng nội dung giấy phép xuất bản và các quy định pháp luật về xuất bản.

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức
(Ký tên, đóng dấu)

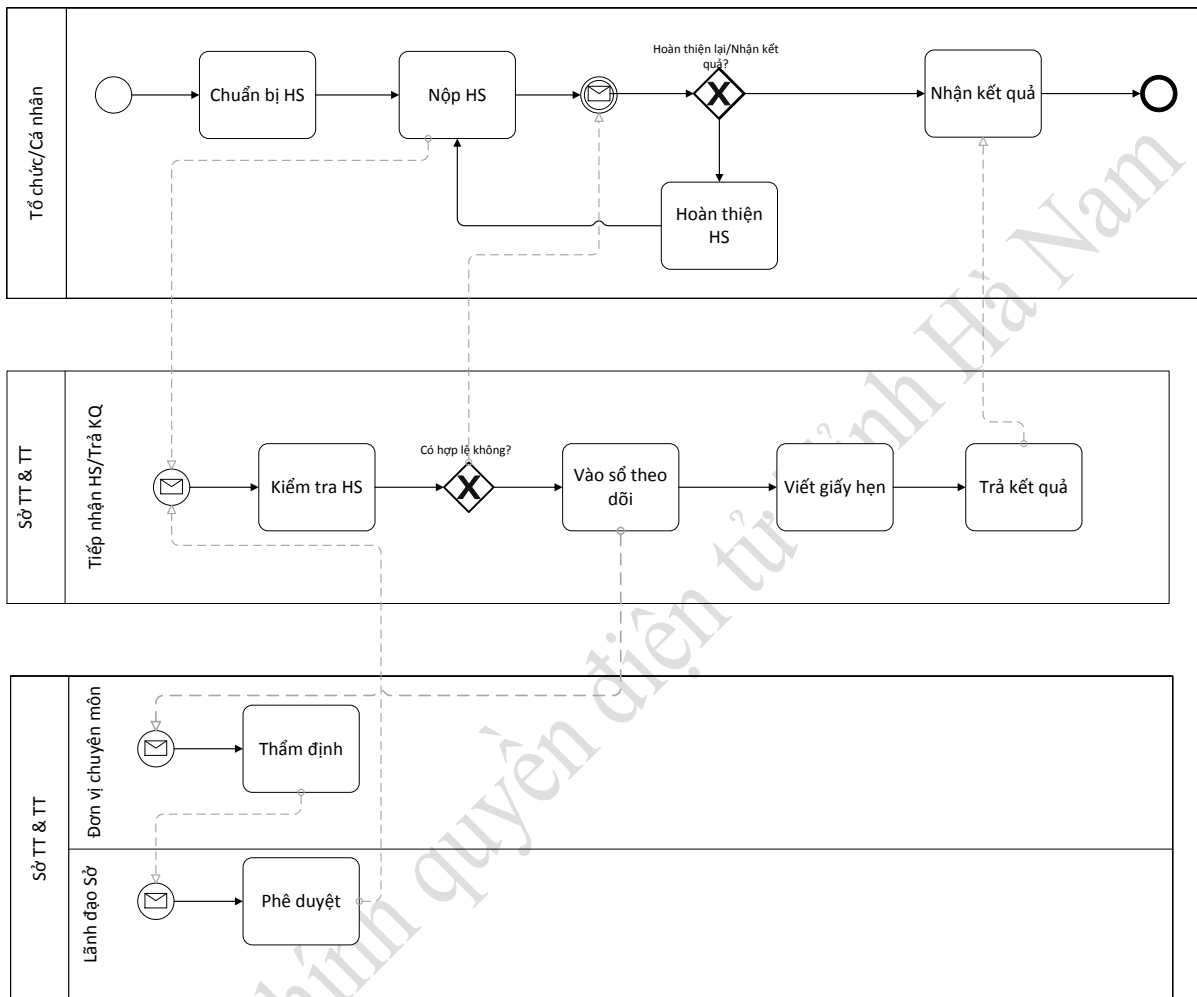
Mô tả chung các bước thực hiện quy trình xử lý



Hình 17: Mô tả chung các bước thực hiện quy trình xử lý

Mô hình BPMN của thủ tục hành chính (hiện tại)

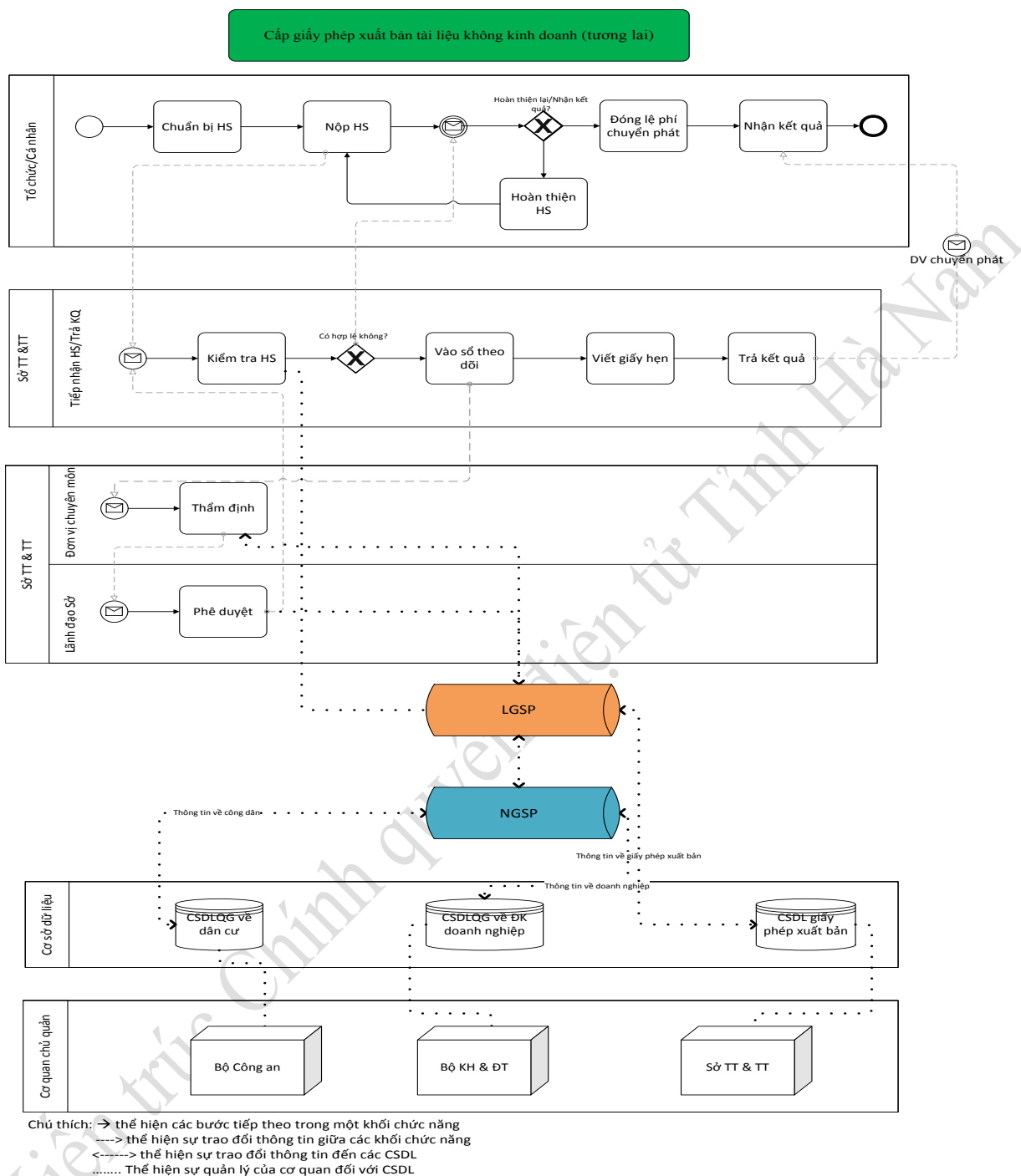
Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (hiện tại)



Chú thích: → thể hiện các bước tiếp theo trong một khối chức năng
 -----> thể hiện sự trao đổi thông tin giữa các khối chức năng
 <-----> thể hiện sự trao đổi thông tin đến các CSDL
 Thể hiện sự quản lý của cơ quan đối với CSDL

Hình 18: Mô hình BPMN quy trình xử lý hiện tại

Mô hình BPMN của thủ tục hành chính (tương lai)

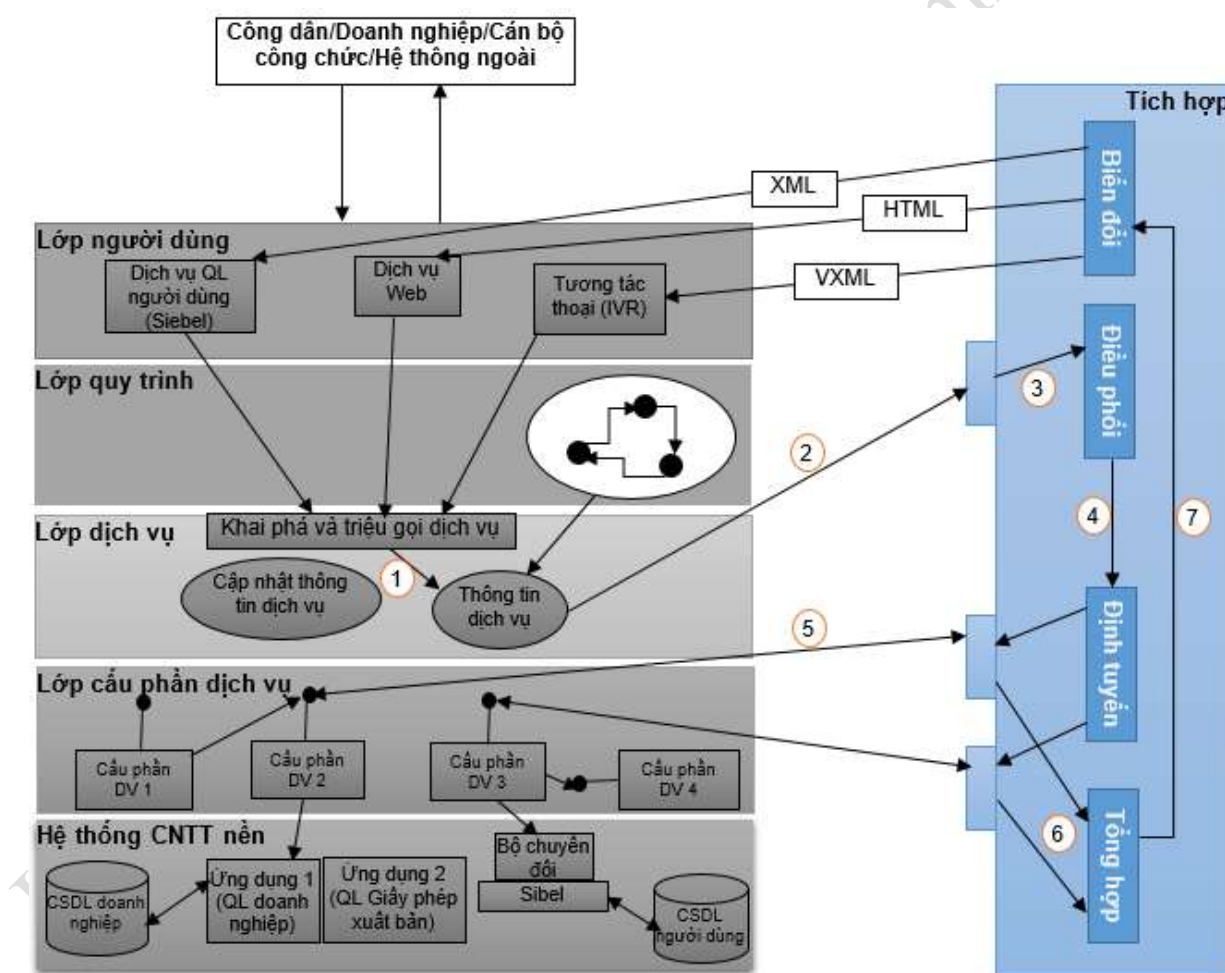


Hình 19: Mô hình thực hiện thủ tục Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

Như vậy, để thực hiện đơn giản hóa thành phần hồ sơ, trong quy trình tương lai của thủ tục hành chính này có kết nối đến 3 CSDL là CSDLQG dân cư (Hệ thống thông tin ngoài tỉnh), CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp (Hệ thống

thông tin ngoài tỉnh) và CSDL về Giấy phép xuất bản (Hệ thống thông tin trong tỉnh). Việc kết nối giữa các hệ thống thông tin của cơ quan/đơn vị thuộc tỉnh với nhau sẽ thông qua LGSP, việc kết nối giữa các hệ thống thông tin của cơ quan/đơn vị thuộc tỉnh với hệ thống thông tin bên ngoài tỉnh sẽ thông qua LGSP và NGSP. Thêm nữa, việc thanh toán phí, lệ phí phát sinh khi thực hiện TTHC có thể được thực hiện trực tuyến giữa cơ quan tiếp nhận hồ sơ và ngân hàng tại thời điểm nộp hồ sơ thông qua LGSP. Do đó, còn có thêm đối tác Ngân hàng trực tiếp thực hiện việc thanh toán điện tử.

Minh họa luồng thông tin sẽ đi qua các thành phần của LGSP như hình vẽ sau:



Hình 20: Minh họa luồng thông tin sẽ đi qua các thành phần của LGSP

Như phân tích bên trên, để thực hiện TTHC Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh phải thực hiện 2 quy trình liên thông giữa 3 cơ quan, cụ thể gồm:

- Quy trình 1: Sau khi nhận hồ sơ từ người nộp, Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính chính xác, hợp lệ của hồ sơ bằng cách xác minh thông tin người dân đến nộp hồ sơ từ CSDLQG về dân cư của Bộ Công an (nếu đối tượng thực hiện TTHC là người dân), xác minh thông tin doanh nghiệp nộp hồ sơ từ CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu đối tượng thực hiện TTHC là doanh nghiệp), sau đó xử lý hồ sơ nộp;

- Quy trình 2: Sở Thông tin và Truyền thông kiểm tra tính chính xác, hợp lệ của hồ sơ bằng cách xác minh thông tin xem công dân/doanh nghiệp yêu cầu TTHC Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh đã được cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh từ CSDL về Giấy phép xuất bản thông qua LGSP;

Để thực hiện được các quy trình này qua LGSP, 2 quy trình trên phải được đăng ký trên LGSP trước (**Dịch vụ tài sản và đăng ký**). Mặt khác, thứ tự thực hiện các quy trình này sẽ do **Dịch vụ nghiệp vụ** quản lý. Ở đây, quy trình 1 sẽ thực hiện trước, tiếp đến là quy trình 2.

Đối với quy trình 1: Hệ thống thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông sẽ xác minh thông tin người dân/doanh nghiệp đến nộp hồ sơ từ CSDLQG về dân cư của Bộ Công an hoặc từ CSDLQG về Đăng ký doanh nghiệp như sau:

Bước 1: Thông qua quy trình khai phá và triệu gọi dịch vụ, **Dịch vụ tương tác** cho phép máy khách web tìm kiếm thông tin cơ bản về *Dịch vụ truy xuất thông tin công dân/doanh nghiệp của TTHC Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh* (đã được đăng ký trong **Dịch vụ tài sản và đăng ký**). Ở đây, việc xác thực ID của người dùng (bao gồm cả hệ thống thông tin) sẽ được thực hiện bởi **Dịch vụ An toàn**, thông tin về tài khoản người dùng được lưu trữ trong thành phần **Dịch vụ tài sản và đăng ký**.

Bước 2: Dịch vụ truy cập cung cấp kết nối đến Lớp tích hợp.

Bước 3: Dịch vụ Điều phối (có thể là ESB, nhưng không hạn chế) cho phép chuyển đổi giao thức nếu cần thiết.

Bước 4: Sau đó, **Dịch vụ điều phối** định tuyến đến điểm đích tương ứng với yêu cầu. Đối với yêu cầu truy xuất thông tin *công dân/doanh nghiệp của TTHC Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh*, đích đến là CSDLQG về Dân cư hoặc CSDLQG về ĐKDN nên phải thực hiện kết nối đến hệ thống NGSP, sau đó, NGSP sẽ xử lý yêu cầu này từ phía máy khách web.

Bước 5: Lớp tích hợp nhận kết quả tương ứng với yêu cầu dịch vụ.

Bước 6: Dịch vụ điều phối tổng hợp kết quả tương ứng với yêu cầu dịch vụ

Bước 7: Kết quả tổng hợp được biến đổi và trả lại cho máy khách theo một định dạng mà máy khách có thể đọc được (ví dụ, đối với máy khách web, kết quả sau khi tổng hợp được trả về sẽ là định dạng HTML).

Đối với quy trình 2: Hệ thống thông tin của Sở Thông tin và Truyền thông sẽ xác minh thông tin xem người dân/doanh nghiệp đến nộp hồ sơ đã được cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh hay chưa từ CSDL về Giấy phép xuất bản như sau:

Bước 1: Thông qua quy trình khai phá và triệu gọi dịch vụ, **Dịch vụ tương tác** cho phép máy khách web tìm kiếm thông tin cơ bản về *Dịch vụ truy xuất thông tin về Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh liên quan đến công dân/doanh nghiệp của TTHC Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh* (đã được đăng ký trong **Dịch vụ tài sản và đăng ký**). Ở đây, việc xác thực ID của người dùng/hệ thống sẽ được thực hiện bởi **Dịch vụ An toàn**, thông tin về tài khoản người dùng/hệ thống được lưu trữ trong thành phần **Dịch vụ tài sản và đăng ký**.

Bước 2: Dịch vụ truy cập cung cấp kết nối đến Lớp tích hợp.

Bước 3: Dịch vụ Điều phối cho phép chuyển đổi giao thức nếu cần thiết.

Bước 4: Sau đó, **Dịch vụ điều phối** định tuyến đến điểm đích tương ứng với yêu cầu. Đối với yêu cầu truy xuất thông tin về *Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh liên quan đến công dân/doanh nghiệp yêu cầu TTHC Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh*, đích đến là CSDL về Giấy phép xuất bản (Hệ thống thông tin thuộc tỉnh) nên không phải thực hiện kết nối đến hệ thống NGSP.

Bước 5: Lọc tích hợp nhận kết quả tương ứng với yêu cầu dịch vụ.

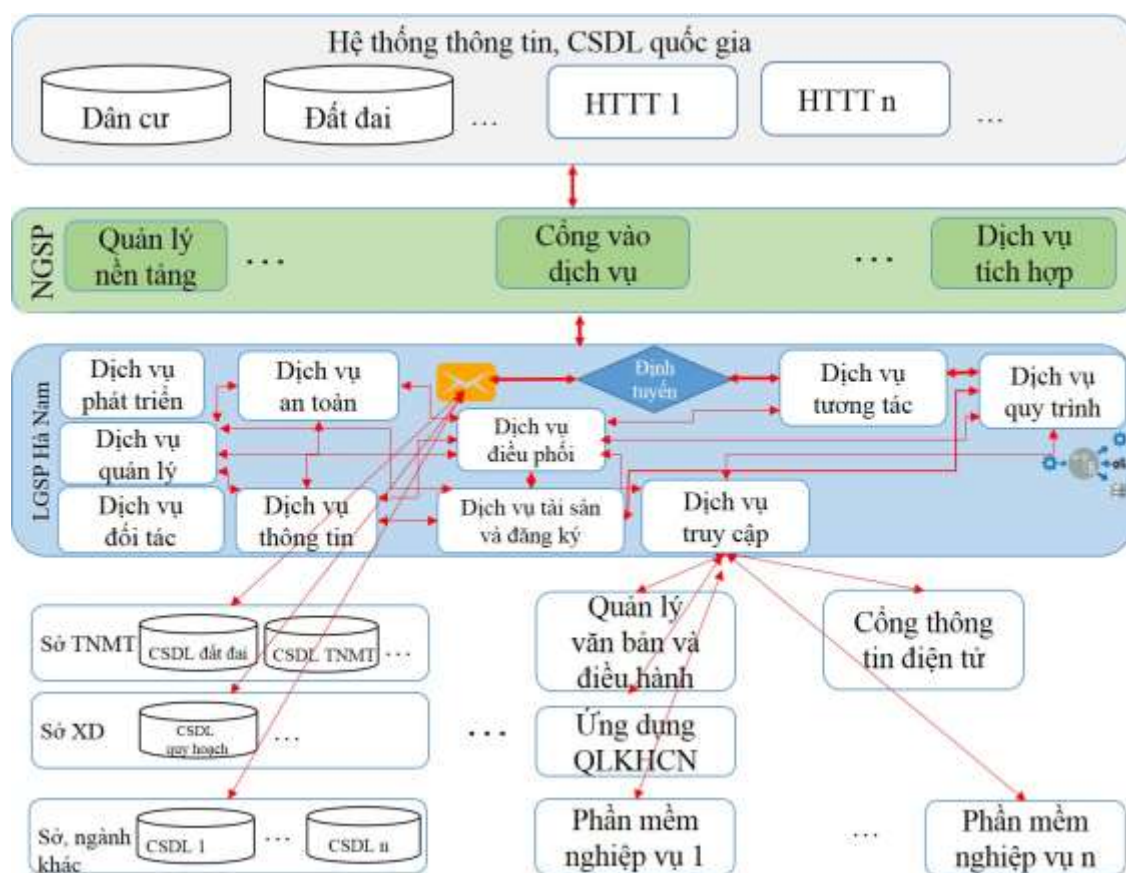
Bước 6: Dịch vụ điều phối tổng hợp kết quả tương ứng với yêu cầu dịch vụ

Bước 7: Kết quả tổng hợp được biến đổi và trả lại cho máy khách theo một định dạng mà máy khách có thể đọc được.

Trường hợp TTHC có phát sinh phí, lệ phí, thì **Dịch vụ đối tác** sẽ kết nối đến ngân hàng, thông tin thanh toán sẽ được truyền đến ngân hàng thông qua **Dịch vụ đối tác** và **Dịch vụ truy cập**. Và ngân hàng sẽ gửi kết quả thanh toán thông qua thành phần này đến hệ thống dịch vụ công của cơ quan nhà nước.

6.2.4. Mô tả sơ bộ phương thức kết nối ra bên ngoài

Mô tả sơ bộ phương thức kết nối ra bên ngoài: Kết nối với NGSP, các CSDL hệ thống thông tin bên ngoài và bên trong tỉnh Hà Nam:



Hình 21: Mô tả sơ bộ phương án kết nối giữa LGSP Hà Nam với NGSP và các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh Hà Nam

Theo hướng dẫn trong Khung kiến trúc chính phủ điện tử của Việt Nam, cả NGSP và LGSP bên cạnh cung cấp các dịch vụ nền tảng dùng chung như quản lý tài khoản, xác thực và cấp quyền... (như trình bày bên trên), LGSP thực hiện chức năng cơ bản là tích hợp và định tuyến ra bên ngoài. Trong đó,

- LGSP là đầu mối kết nối các hệ thống thông tin trong tỉnh Hà Nam với NGSP để khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia;
- LGSP là đầu mối kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong tỉnh Hà Nam.

Việc kết nối giữa NGSP và LGSP phụ thuộc vào thiết kế của hệ thống NGSP và hướng dẫn kết do đơn vị được giao chủ trì xây dựng hệ thống NGSP ban hành.

Hiện tại hệ thống NGSP và hướng dẫn liên quan đến việc xây dựng và kết nối LGSP chưa có, do đó, phương án kết nối LGSP của Hà Nam và NGSP như sau:

- a) Mô hình kết nối giữa NGSP và LGSP tuân thủ hướng dẫn về kết nối tại Công văn số 1178/BTTTT-THH;

b) Tuân thủ áp dụng tối thiểu các tiêu chuẩn về tích hợp, kết nối quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT của Bộ TTTT và các tiêu chuẩn mở có tính phổ biến (được trình bày tại Mục 6.7) nhằm tối thiểu hóa khả năng phải điều chỉnh thiết kế hệ thống LGSP đảm bảo khả năng kết nối với NGSP;

c) Thường xuyên theo dõi triển khai hệ thống NGSP và các hướng dẫn kỹ thuật liên quan để kịp thời có phương án kỹ thuật cụ thể, yêu cầu đơn vị thiết kế, thi công hệ thống LGSP của Hà Nam điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo việc kết nối được thông suốt sau này. Do đó, trong quá trình triển khai dự án LGSP của tỉnh Hà Nam, chủ đầu tư sẽ đưa ra yêu cầu đối với nhà thầu về việc điều chỉnh thiết kế (*nếu cần*) cho phù hợp với hướng dẫn về kết nối với NGSP;

d) Đối với các ứng dụng, dịch vụ, dữ liệu của Tỉnh Hà Nam được yêu cầu, có nhu cầu, hoặc có tìm năng chia sẻ ra bên ngoài cho các Bộ và địa phương khác khai thác, Tỉnh Hà Nam sẽ yêu cầu đối với chủ đầu tư và các đơn vị liên quan phải tài liệu hóa một cách đầy đủ về thiết kế để đảm bảo khả năng đăng ký, truy cập sử dụng một cách thuận tiện trên NGSP và LGSP của Tỉnh.

đ) Tỉnh sẽ ban hành hướng dẫn kỹ thuật về việc phát triển ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ của Tỉnh đảm bảo khả năng kết nối, với LGSP, do đó, sẽ thuận tiện khi có yêu cầu, nhu cầu kết nối từ các cơ quan bên ngoài tỉnh.

6.3. Các thành phần chi tiết của chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam

6.3.1. Người sử dụng

Người sử dụng hay đối tượng sử dụng trong Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2020 bao gồm 4 đối tượng như sau:

- Công dân: sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi các cơ quan/đơn vị trong tỉnh Hà Nam

- Doanh nghiệp: sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi các cơ quan/đơn vị trong tỉnh Hà Nam

- Cán bộ, công chức, viên chức: sử dụng các dịch vụ nội bộ của cơ quan/đơn vị trong tỉnh Hà Nam để thực hiện công việc.

- Cơ quan nhà nước: sử dụng các dịch vụ từ các cơ quan/đơn vị khác thuộc tỉnh Hà Nam để thực hiện công việc hoặc cung cấp dịch vụ.

6.3.2. Kênh truy cập

Các kênh truy cập chính được ưu tiên triển khai trong giai đoạn 2016-2020 trong Kiến trúc CQĐT của tỉnh Hà Nam bao gồm:

- Các trang thông tin điện tử/cổng thông tin điện tử (website/portal),
- Thư điện tử (email)
- Điện thoại (cố định hoặc di động), máy fax
- Kiosk
- Kênh trực tiếp tại trụ sở làm việc của các cơ quan/đơn vị thuộc tỉnh Hà Nam.

6.3.3. Dịch vụ cổng

Các dịch vụ cổng cơ bản được đề xuất ưu tiên triển khai giai đoạn 2016-2020 trong Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam như sau:

- **Quản lý nội dung:** là một thành phần riêng biệt của cổng thông tin điện tử, có chức năng lưu trữ, quản lý và phân phối nội dung cho một hoặc nhiều kênh trên cổng thông tin điện tử. Dịch vụ quản lý nội dung là một tập hợp các nhiệm vụ và quy trình quản lý nội dung rõ ràng, hướng tới công bố trên các cổng thông tin điện tử (và các kênh truy cập tương tự) trong suốt vòng đời, từ lúc tạo ra cho đến khi lưu trữ. Dịch vụ này là sự kết hợp giữa các yếu tố con người, các quy trình và công nghệ cho phép các cổng thông tin điện tử quản lý nội dung thông tin điện tử thông qua tất cả các giai đoạn vòng đời của nội dung. Dịch vụ này sử dụng một cơ chế quản lý nội dung đa dạng, nhanh chóng và hiệu quả cho người dùng để xây dựng, triển khai và duy trì nội dung của cổng thông tin điện tử. Quản lý nội dung thường bao gồm các thành phần con và có các chức năng cơ bản sau đây: Thành phần tạo nội dung thực hiện chức năng tạo nội dung; Thành phần soạn thảo thực hiện chức năng điều chỉnh thông điệp nội dung và cách thức phân phối, gồm cả việc biên dịch và định vị; Xuất bản thực hiện chức năng phát hành nội dung để sử dụng; Quản trị thực hiện chức năng quản lý cấp

phép truy cập đến các thư mục, tệp tin, thường được thực hiện bằng cách gán quyền truy cập cho nhóm người dùng hoặc vai trò của người dùng.

- **Tìm kiếm, truy vấn:** Khi CQNN cung cấp càng nhiều thông tin trên cổng thông tin điện tử, việc tìm kiếm bằng từ khóa sẽ giúp người sử dụng có thể nhanh chóng tìm thấy những thông tin cần thiết. Các thông tin được cung cấp trên cổng thông tin điện tử không chỉ bao gồm thông tin có cấu trúc (chẳng hạn như cơ sở dữ liệu), mà còn là thông tin phi cấu trúc (như tệp tin .html, .txt,...), do đó, cổng thông tin điện tử tích hợp một công cụ tìm kiếm để cung cấp chức năng tìm kiếm bằng từ khóa.

- **Quản lý người sử dụng, đăng nhập một lần:** Quản lý người sử dụng là một cơ chế xác thực để cung cấp cho những người quản trị cổng thông tin điện tử một phương thức để xác định và kiểm soát trạng thái người sử dụng đăng nhập vào cổng thông tin điện tử. Dịch vụ này cũng cung cấp một cơ chế cấp quyền để xác định các quyền khác nhau của người sử dụng. Quản lý người sử dụng là một chức năng cần thiết khi cung cấp các dịch vụ trực tuyến trên cổng thông tin điện tử. Hầu hết cơ chế quản lý người sử dụng dùng định danh/mật khẩu và mã xác nhận để xác thực người sử dụng. Ngoài ra, cũng có thể áp dụng cơ chế hạ tầng khóa công khai để xác thực người sử dụng. Khi các CQNN xây dựng các ứng dụng khác nhau, mỗi ứng dụng có tài khoản người sử dụng và cơ chế xác minh mật khẩu riêng. Điều đó có nghĩa là người sử dụng phải đăng nhập lại khi họ muốn sử dụng các hệ thống khác nhau. Đăng nhập một lần là cơ chế liên thông xác thực bằng định danh giữa các hệ thống khác nhau, người sử dụng chỉ cần đăng nhập duy nhất một lần và có thể sử dụng, truy cập các hệ thống khác nhau.

- **Quản lý biểu mẫu điện tử:** thành phần này sẽ xuất hiện khi các CQNN cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 2. Tại các thành phần phía sau (back-end), CQNN sử dụng thành phần này để đưa các biểu mẫu hay các tệp tin lên

công thông tin điện tử. Ở các thành phần phía trước (front-end), người dùng có thể tải về các biểu mẫu hoặc các tập tin này.

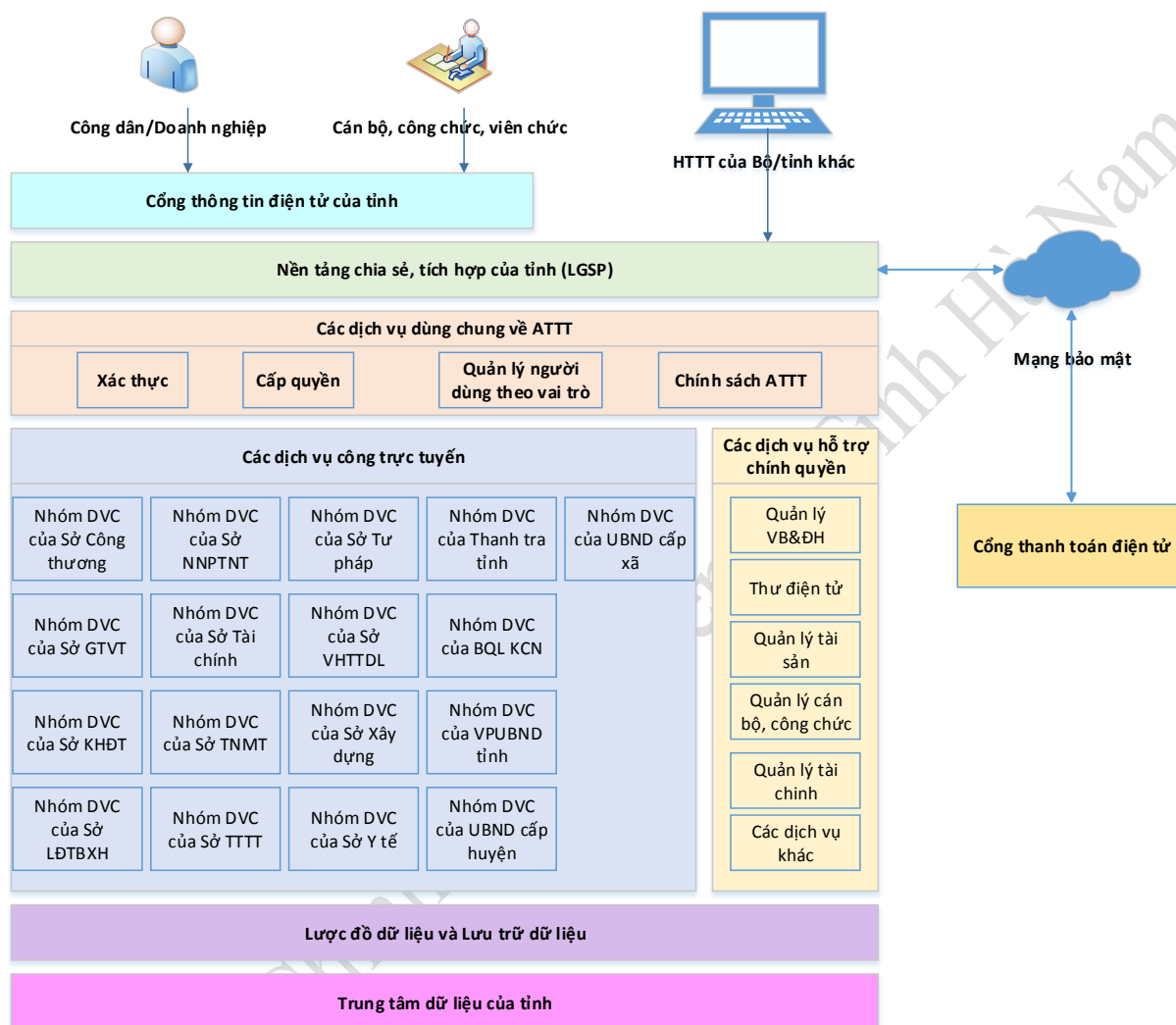
- **Thông báo:** Khi CQNN cung cấp chức năng ứng dụng trực tuyến trên cổng thông tin điện tử, người sử dụng có thể nộp hồ sơ qua các ứng dụng trên mạng Internet. Thông báo là một cơ chế mà các CQNN có thể chủ động cung cấp cho người sử dụng biết trạng thái hiện tại của việc xử lý công việc trực tuyến. Các kênh thông báo bao gồm: thư điện tử, fax, tin nhắn ngắn,... Các kênh thông báo sẽ được tích hợp vào cổng thông tin điện tử.

6.3.4. Dịch vụ công trực tuyến

Mục 3.4 đã trình bày về Danh mục các dịch vụ công trực tuyến hiện tại của Tỉnh, trong đó, các cơ quan (sở, ban, ngành) cấp tỉnh hiện tại đã cung cấp 943 dịch vụ công mức 3, UBND cấp huyện của các huyện/thành phố trực thuộc tỉnh hiện tại đã cung cấp khoảng 157 đến 310 dịch vụ công mức 3. Tuy nhiên, các dịch vụ công mức 3 này vẫn được cung cấp một cách độc lập, nghĩa là quy trình tin học hóa của các TTHC tương ứng với các dịch vụ công mức 3 vẫn được thực hiện độc lập, TTHC nào có liên thông về quy trình thì được thực hiện bằng hình thức thủ công (gửi văn bản giấy hoặc cán bộ trực tiếp thực hiện) và chưa có TTHC nào được thực hiện liên thông về thông tin để đơn giản hóa và giảm thiểu hồ sơ giấy cho người dân/doanh nghiệp. Do vậy, căn cứ vào nhu cầu thực tế, Tỉnh cần xem xét về việc tiếp tục duy trì, triển khai các dịch vụ công trực tuyến hiện tại hoặc nâng cấp các dịch vụ công trực tuyến để đáp ứng yêu cầu của Kiến trúc.

Theo phân tích nhu cầu thực tế về phát triển Kinh tế - xã hội, căn cứ vào nguồn lực của Tỉnh, tư vấn và Tỉnh đã lựa chọn 597 TTHC (bao gồm cả TTHC cấp tỉnh, huyện, xã) ưu tiên để triển khai thành dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 giai đoạn 2016 – 2020. Các dịch vụ công này được sắp xếp thành các nhóm dịch vụ công trực tuyến theo các cơ quan, đơn vị trong tỉnh cung cấp. Ngoài ra, còn có nhóm các dịch vụ hỗ trợ chính quyền như thư điện tử, quản lý văn bản và

điều hành trên môi trường mạng, Quản lý tài sản, Quản lý cán bộ, công chức... giúp cho cán bộ, công chức và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện các công việc chính của ngành/lĩnh vực của họ, cụ thể như mô hình nghiệp vụ dưới đây:



Hình 22: Mô hình nghiệp vụ của CQĐT cấp tỉnh

597 Dịch vụ công trực tuyến được xếp vào 17 nhóm tương ứng với 17 cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh có cung cấp dịch vụ công mức 4 trong kiến trúc tương lai, cụ thể 597 dịch vụ công này được liệt kê theo lĩnh vực, theo cơ quan thực hiện như bảng dưới đây:

Bảng 24: Bảng dịch vụ công trực tuyến

STT	Tên thủ tục	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Mức độ dịch vụ công cung cấp trong kiến trúc tương lai
-----	-------------	----------	-------------------	--

1	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
2	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
3	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
4	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
5	Thủ tục Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp bán hàng đa cấp	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
6	Thủ tục Thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
7	Thủ tục Đăng ký hợp đồng theo mẫu \ điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
8	Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG với tổng dung tích các bồn chứa dưới 5.000 m ³	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
9	Thủ tục cấp mới Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
10	Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ 210m ³ đến dưới 5.000m ³	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
11	Thủ tục xác nhận Bản cam kết của thương nhân nhập khẩu thép để trực tiếp phục vụ sản xuất, gia công	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
12	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
13	Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
14	Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 03 triệu lít/năm)	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4

15	Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
16	Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu do hết thời hạn hiệu lực	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
17	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
18	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
19	Thủ tục thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG với tổng dung tích các bồn chứa dưới 5.000 m ³	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
20	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
21	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
22	Thủ tục cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
23	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
24	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
25	Thủ tục cấp mới Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
26	Thông báo hoạt động bán hàng đa cấp	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
27	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
28	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
29	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4

30	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
31	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn rượu	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
32	Thủ tục cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
33	Thủ tục cấp lại giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
34	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
35	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
36	Thủ tục cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
37	Thủ tục Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn rượu do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
38	Thủ tục Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
39	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
40	Thủ tục Đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
41	Thủ tục Đăng ký sửa đổi, bổ sung chương trình khuyến mại	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
42	Thủ tục Thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
43	Thủ tục Đăng ký khuyến mại	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4
44	Thủ tục Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại:	Thương mại, dịch vụ	Sở Công thương	4

45	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; do cơ sở thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh)	An toàn thực phẩm	Sở Công thương	4
46	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm (Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)	An toàn thực phẩm	Sở Công thương	4
47	Thủ tục kiểm tra và cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	An toàn thực phẩm	Sở Công thương	4
48	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)	An toàn thực phẩm	Sở Công thương	4
49	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	Sở Công thương	4
50	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm	An toàn thực phẩm	Sở Công thương	4
51	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận nội dung Quảng cáo thực phẩm (Sản phẩm thực phẩm đã được xác nhận nội dung quảng cáo nhưng thay đổi về nội dung quảng cáo hoặc giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm hết hiệu lực)	An toàn thực phẩm	Sở Công thương	4
52	Thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung Quảng cáo thực phẩm	An toàn thực phẩm	Sở Công thương	4
53	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
54	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
55	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4

56	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
57	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
58	Gia hạn đối với phương tiện phi thương mại Campuchia lưu trú tại Việt Nam	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
59	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
60	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
61	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
62	Đổi, cấp lại đăng ký, biển số và cấp đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
63	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
64	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
65	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
66	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
67	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
68	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
69	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
70	Thủ tục thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo:	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
71	Gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời 1 phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông trên hệ thống đường tỉnh (trừ đoạn tuyến nằm trong phạm vi đô thị).	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
72	Cấp phép sử dụng tạm thời 1 phần hè phố, lòng đường không vào mục đích giao thông trên hệ thống đường tỉnh (trừ đoạn tuyến nằm trong phạm vi đô thị).	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
73	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
74	Chấp thuận đầu nối tạm có thời hạn vào đường tỉnh đang khai thác.	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4

75	Thẩm định hồ sơ đầu nối tạm có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác.	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
76	Cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
77	Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ, đường tỉnh.	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
78	Cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác.	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
79	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác.	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
80	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường tỉnh đang khai thác và chấp thuận biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường tỉnh đang khai thác.	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
81	Thủ tục cấp lại giấy phép do Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hư hỏng	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
82	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do hết hạn	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
83	Thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
84	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
85	Thủ tục cấp phù hiệu, biển hiệu	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
86	Thủ tục đăng ký khai thác, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe vận tải khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
87	Thủ tục Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
88	Thủ tục sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh chuyển đến	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
89	Thủ tục sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
90	Thủ tục cấp đăng ký xe máy chuyên dùng lần đầu	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
91	Thủ tục Gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4

92	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải)	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
93	Thủ tục cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
94	Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
95	Cấp mới Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
96	Thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
97	Thủ tục cấp giấy phép xe tập lái	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
98	Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
99	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
100	Thủ tục cấp lại giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
101	Thủ tục cấp mới giấy phép đào tạo lái xe các hạng A1, A2, A3 và A4	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
102	Đổi GPLX hoặc Bằng lái xe của nước ngoài	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
103	Thủ tục đổi GPLX quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
104	Thủ tục đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
105	Thủ tục cấp lại Giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp bị quá hạn, bị mất	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
106	Thủ tục đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải	4
107	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
108	Thủ tục xác nhận chuyên gia	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
109	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4

110	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của cơ quan chủ quản.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
111	Thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
112	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
113	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án ô thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
114	Thẩm định, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
115	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
116	Xây dựng và phê duyệt Danh mục tài trợ các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Cơ quan chủ quản.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
117	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án.	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
118	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
119	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN).	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
120	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
121	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
122	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
123	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4

124	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
125	Áp dụng ưu đãi đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
126	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
127	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
128	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
129	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
130	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
131	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
132	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
133	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
134	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
135	Giãn tiến độ đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
136	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
137	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
138	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
139	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
140	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
141	Chuyển nhượng dự án đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
142	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4

143	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
144	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
145	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
146	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
147	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
148	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
149	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
150	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
151	Giải thể công ty TNHH một thành viên	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
152	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
153	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
154	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
155	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
156	Hiệu đính, cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
157	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
158	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4

159	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
160	Giải thể doanh nghiệp	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
161	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
162	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
163	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
164	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
165	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
166	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
167	Sáp nhập doanh nghiệp	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
168	Hợp nhất doanh nghiệp	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
169	Tách doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
170	Chia doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần)	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
171	Bán doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
172	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
173	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
174	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
175	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
176	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
177	Thông báo mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4

178	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
179	Báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
180	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
181	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
182	Đăng ký thành lập doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	4
183	Phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư tại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu	Lao động-Tiền lương	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
184	Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể của Doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Lao động-Tiền lương	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
185	Xếp hạng công ty TNHH Một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (từ hạng III cho đến hạng Tổng công ty và tương đương).	Lao động-Tiền lương	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
186	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng đối với viên chức quản lý Công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh làm chủ sở hữu.	Lao động-Tiền lương	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
187	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Lao động-Tiền lương	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
188	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm pu chia.	Lao động-Tiền lương	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4

189	Báo cáo thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý).	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
190	Báo cáo nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (đối với các Doanh nghiệp nằm ngoài khu công nghiệp: Đồng Văn 1; Đồng Văn 2; Đồng Văn 3; KCN Hòa mạc; KCN Châu Sơn; Cụm Tây nam Phủ Lý)	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
191	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
192	Cấp lại giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
193	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
194	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
195	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
196	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm cho doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
197	Thông báo về việc tìm việc làm hằng tháng	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
198	Hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
199	Hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
200	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Chuyển đến)	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
201	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Chuyển đi)	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
202	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
203	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
204	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4

205	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Việc làm	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4
206	Cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật.	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
207	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
208	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật.	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
209	Cấp giấy chứng nhận tập huấn an toàn về hóa chất bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
210	Đăng ký công bố hợp quy	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
211	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
212	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
213	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
214	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
215	Thông qua nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật tại địa phương	Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
216	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y, thú y thủy sản.	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
217	Cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; kho lạnh bảo quản động vật tươi sống, sơ chế, chế biến bảo quản sản phẩm động vật; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; khu cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, cơ sở thu gom động vật, sản phẩm động vật; cơ sở xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh động vật.	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
218	Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4

219	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
220	Cấp chứng chỉ hành nghề thú y	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
221	Kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
222	Kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh	Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4
223	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản	Tài chính đầu tư	Sở Tài chính	4
224	Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn Nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Tài chính đầu tư	Sở Tài chính	4
225	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án	Đất đai	Sở TNMT	4
226	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	Đất đai	Sở TNMT	4
227	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.(Đối với dự án đầu tư đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì không phải thực hiện thủ tục thẩm định này. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ thẩm định trong thời gian thực hiện Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; đồng thời, chủ đầu tư được tiến hành khảo sát, đo đạc để lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Thời điểm thẩm định nhu cầu sử dụng đất xin giao đất, cho thuê đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	Đất đai	Sở TNMT	4

	để thực hiện dự án đầu tư: khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc chấp thuận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện dự án đầu tư mà phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thủ tục này chỉ thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất.)			
228	Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.	Đất đai	Sở TNMT	4
229	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	Đất đai	Sở TNMT	4
230	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh/cấp huyện).	Đất đai	Sở TNMT	4
231	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức.	Đất đai	Sở TNMT	4
232	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng.	Đất đai	Sở TNMT	4

233	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng).	Đất đai	Sở TNMT	4
234	Cấp giấy phép xuất bản bản tin	Báo chí	Sở TTTT	4
235	Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam phát hành thông cáo báo chí	Báo chí	Sở TTTT	4
236	Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam đăng tin, bài phát biểu trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương	Báo chí	Sở TTTT	4
237	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài	Báo chí	Sở TTTT	4
238	Cho phép cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam họp báo	Báo chí	Sở TTTT	4
239	Cho phép tổ chức họp báo (trong nước)	Báo chí	Sở TTTT	4
240	Cho phép thành lập và hoạt động của cơ quan đại diện, phóng viên thường trú ở trong nước của các cơ quan báo chí	Báo chí	Sở TTTT	4
241	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Bưu chính	Sở TTTT	4
242	Xác nhận thông báo hoạt động bưu chính	Bưu chính	Sở TTTT	4
243	Cấp lại giấy phép bưu chính nội tỉnh khi mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Bưu chính	Sở TTTT	4
244	Cấp lại giấy phép bưu chính nội tỉnh hết hạn	Bưu chính	Sở TTTT	4
245	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính nội tỉnh	Bưu chính	Sở TTTT	4
246	Cấp giấy phép bưu chính nội tỉnh	Bưu chính	Sở TTTT	4
247	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	Xuất bản	Sở TTTT	4

248	Xác nhận chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	Xuất bản	Sở TTTT	4
249	Cấp giấy xác nhận đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu	Xuất bản	Sở TTTT	4
250	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Xuất bản	Sở TTTT	4
251	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Xuất bản	Sở TTTT	4
252	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	Xuất bản	Sở TTTT	4
253	Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất bản	Sở TTTT	4
254	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản	Sở TTTT	4
255	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản	Sở TTTT	4
256	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Xuất bản	Sở TTTT	4
257	Cấp giấy phép chế bản, in, gia công sau in cho nước ngoài	Xuất bản	Sở TTTT	4
258	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	Xuất bản	Sở TTTT	4
259	Đăng ký hoạt động cơ sở in	Xuất bản	Sở TTTT	4
260	Cấp lại giấy phép hoạt động in	Xuất bản	Sở TTTT	4
261	Cấp giấy phép hoạt động in	Xuất bản	Sở TTTT	4
262	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	Lý lịch tư pháp	Sở Tư pháp	4
263	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội	Lý lịch tư pháp	Sở Tư pháp	4
264	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng	Lý lịch tư pháp	Sở Tư pháp	4
265	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
266	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
267	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4

268	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
269	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
270	Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
271	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
272	Thủ tục công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
273	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
274	Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
275	Thủ tục tiếp nhận thông báo đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài dự thi, liên hoan (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
276	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
277	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
278	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
279	Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu)	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4

280	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
281	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
282	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định cổ vật	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
283	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
284	Thủ tục công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
285	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
286	Thủ tục cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
287	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
288	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
289	Cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
290	Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
291	Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
292	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
293	Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
294	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
295	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4

296	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
297	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
298	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của tổ chức, cá nhân ở địa phương	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
299	Cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
300	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký tổ chức thi, liên hoan tác phẩm nhiếp ảnh	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
301	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
302	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
303	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
304	Thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
305	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
306	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
307	Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
308	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
309	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
310	Cấp nhận kiểm soát bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
311	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
312	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
313	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
314	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4

315	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng - rôn	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
316	Cấp giấy phép tổ chức lễ hội	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
317	Cấp giấy phép kinh doanh Vũ trường	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
318	Cấp giấy phép kinh doanh Karaoke	Văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4
319	Công nhận phòng thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng (chờ thông tư hướng dẫn)	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
320	Đăng ký thông tin về năng lực hoạt động xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
321	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
322	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thi công xây dựng công trình.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
323	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
324	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức thực hiện giám sát thi công, kiểm định xây dựng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
325	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức khảo sát xây dựng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
326	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn quản lý dự án.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
327	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
328	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
329	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với tổ chức tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
330	Cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định xây dựng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
331	Cấp chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
332	Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
333	Cấp chứng chỉ hành nghề làm chủ trì, chủ nhiệm thiết kế.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4

334	Cấp chứng chỉ hành nghề chủ nhiệm khảo sát xây dựng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
335	Cấp chứng chỉ hành nghề chủ trì thiết kế quy hoạch xây dựng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
336	Cấp giấy phép hoạt động cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
337	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
338	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
339	Gia hạn giấy phép xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
340	Cấp lại giấy phép xây dựng	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
341	Cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp di dời công trình.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
342	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
343	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình không theo tuyến.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
344	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình theo tuyến	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
345	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình quảng cáo.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
346	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
347	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
348	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
349	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (trừ thiết kế công nghệ và các nội dung khác) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác ảnh hưởng lớn đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
350	Thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán trong trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán trong trường hợp thiết kế 2 bước	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
351	Thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh đối với dự vốn nhà nước ngoài ngân sách, vốn khác.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4

352	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng điều chỉnh đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
353	Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn khác	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
354	Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
355	Thẩm định báo cáo kinh tế- kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
356	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước	Xây dựng	Sở Xây dựng	4
357	Cấp giấy xác nhận bản công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật sản xuất trong nước	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
358	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
359	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
360	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
361	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
362	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4

363	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
364	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
365	Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm có qui chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất)	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
366	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
367	Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm chưa có qui chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất)	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
368	Cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có qui chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba)	An toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng	Sở Y tế	4
369	Quảng cáo, tổ chức hội thảo, sự kiện giới thiệu mỹ phẩm	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
370	Đăng ký Hội thảo, giới thiệu thuốc cho cán bộ y tế:	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
371	Cấp thẻ Người giới thiệu thuốc	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
372	Công bố, công bố lại sản phẩm mỹ phẩm.	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
373	Cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền.	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
374	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc” (GDP)	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4

375	Cấp mới Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” (GPP)	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất, hư hỏng, rách nát, thay đổi người quản lý chuyên môn về dược; thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
377	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc(đối với Giấy chứng nhận có thời hạn)	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
378	Cấp bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc:	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
379	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
380	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược do mất, hư hỏng hoặc rách nát, Chứng chỉ hành nghề hết hiệu lực (đối với Chứng chỉ đã cấp có thời hạn 5 năm), thay đổi thông tin của cá nhân đăng ký hành nghề dược	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
381	Cấp chứng chỉ hành nghề dược	Dược - Mỹ phẩm	Sở Y tế	4
382	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
383	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
384	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
385	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4

386	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
387	Cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
388	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
389	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
390	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
391	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
392	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
393	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
394	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
395	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
396	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
397	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
398	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4

399	Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
400	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chủ thập đồ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
401	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
402	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
403	Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
404	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
405	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
406	Cấp bổ sung lồng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ đối với trạm y tế cấp xã	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
407	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
408	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
409	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g tại Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4

410	Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
411	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
412	Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình trước ngày 01/01/2016	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
413	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
414	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
415	Khám sức khỏe định kỳ	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
416	Cấp giấy khám sức khỏe cho người người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
417	Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
418	Cấp giấy khám sức khỏe cho người từ đủ 18 tuổi trở lên	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
419	Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện việc khám sức khỏe	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
420	Đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
421	Đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
422	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4

423	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
424	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
425	Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
426	Đăng ký hành nghề đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hoạt động khi có thay đổi về nhân sự.	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
427	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
428	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
429	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
430	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp.	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
431	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng xét nghiệm	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
432	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
433	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà Hộ Sinh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
434	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
435	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4

436	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức, nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn (Áp dụng cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở y tế và bệnh viện tư nhân, bệnh viện trực thuộc các bộ, ngành khác đã được Bộ trưởng Bộ Y tế cấp giấy phép hoạt động)	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
437	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
438	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
439	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
440	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
441	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
442	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
443	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
444	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh.	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
445	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4

446	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
447	Thành lập và cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế, và thuộc bệnh viện trực thuộc Sở Y tế, ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học y, dược tư thực trên địa bàn quản lý	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
448	Cấp giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	4
449	Thủ tục giải quyết tố cáo	Thanh tra	Thanh tra tỉnh	4
450	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	Thanh tra	Thanh tra tỉnh	4
451	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	Thanh tra	Thanh tra tỉnh	4
452	Thủ tục xử lý đơn thư	Thanh tra	Thanh tra tỉnh	4
453	Thủ tục tiếp công dân	Thanh tra	Thanh tra tỉnh	4
454	Thủ tục Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
455	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý KCN.	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
456	Thủ tục Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư đối với dự án trong khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
457	Thủ tục Cung cấp thông tin về dự án đầu tư trong khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
458	Thủ tục Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
459	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
460	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
461	Thủ tục Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
462	Thủ tục Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư trong KCN	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
463	Thủ tục Giãn tiến độ đầu tư đối với dự án trong khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4

464	Thủ tục Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
465	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
466	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
467	Thủ tục Điều chỉnh dự án đầu tư trong khu công nghiệp theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
468	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
469	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
470	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
471	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
472	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
473	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án trong khu công nghiệp thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
474	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án trong khu công nghiệp không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
475	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
476	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) trong khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
477	Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) đối với dự án trong khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4

478	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) đối với dự án trong khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
479	Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu tại khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
480	Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm rượu tại khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
481	Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại khu công nghiệp	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
482	Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá tại KCN	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
483	Thủ tục cấp, cấp lại, sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu của thương nhân đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại KCN	Quản lý đầu tư	Ban quản lý các khu công nghiệp	4
484	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh	4
485	Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh	4
486	Sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ	Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh	4
487	Xin phép Tổ chức Hội nghị, Hội thảo quốc tế của cơ quan, tổ chức nước ngoài	Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh	4
488	Phê duyệt tiếp nhận viên trợ phi Chính phủ nước ngoài.	Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh	4
489	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
490	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
491	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
492	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
493	Mời thầu, gửi thư mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4

494	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
495	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
496	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
497	Mở thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
498	Làm rõ hồ sơ dự tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
499	Sửa đổi hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
500	Làm rõ hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
501	Phát hành hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
502	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
503	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
504	Lựa chọn nhà thầu qua mạng	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
505	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
506	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình đấu thầu	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
507	Đăng ký tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Kế hoạch	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4

		& Đầu tư		
508	Gửi thư mời thầu đến các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
509	Lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
510	Mở thầu	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
511	Làm rõ hồ sơ dự thầu	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
512	Sửa đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
513	Làm rõ hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
514	Phát hành hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
515	Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
516	Phê duyệt danh sách ngắn	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
517	Thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
518	Thẩm định và phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
519	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ dự tuyển đối với gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
520	Thẩm định và phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4

521	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu mua sắm hàng hóa	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
522	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu xây lắp	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
523	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
524	Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
525	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
526	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
527	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
528	Tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
529	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
530	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
531	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
532	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
533	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
534	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Kế hoạch	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4

		& Đầu tư		
535	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
536	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
537	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
538	Đăng ký khi hợp tác xã tách	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
539	Đăng ký khi hợp tác xã chia	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
540	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
541	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
542	Đăng ký Hợp tác xã	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
543	Tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
544	Chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
545	Thay đổi nội dung Đăng ký hộ kinh doanh	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
546	Đăng ký hộ kinh doanh	Kế hoạch & Đầu tư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4

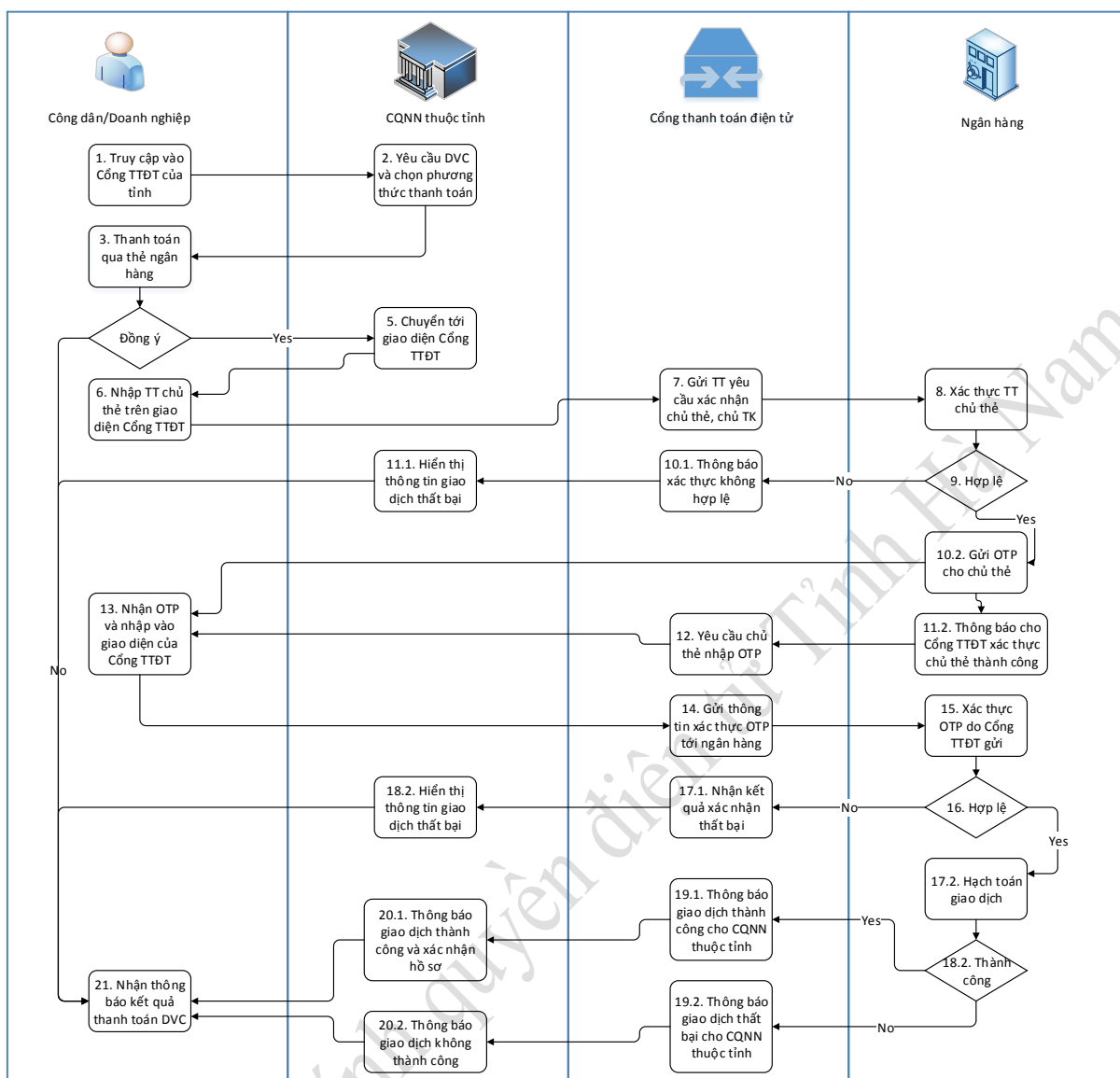
547	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện, thành phố (cấp huyện)	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
548	Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
549	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
550	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với các trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
551	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
552	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
553	Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
554	Đăng ký, xoá đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất đã thế chấp và xử lý quyền sử dụng đất đã thế chấp, để thu hồi nợ.	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
555	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
556	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4

557	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
558	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
559	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
560	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
561	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
562	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
563	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
564	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
565	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
566	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
567	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4

568	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
569	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
570	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
571	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
572	Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
573	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
574	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
575	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
576	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	Ủy ban nhân dân cấp huyện	4
577	Thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	Giáo dục và đào tạo	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
578	Đăng ký hoạt động nhóm trẻ đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ tới trường, lớp	Giáo dục và đào tạo	Ủy ban nhân dân cấp xã	4

579	Giải thể hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực	Giáo dục và đào tạo	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
580	Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực	Giáo dục và đào tạo	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
581	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực	Giáo dục và đào tạo	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
582	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
584	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
585	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
586	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
587	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
588	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
589	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
590	Đăng ký khai tử	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
591	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
592	Đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
593	Đăng ký kết hôn	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
594	Đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
595	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
596	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4
597	Đăng ký khai sinh	Hộ tịch	Ủy ban nhân dân cấp xã	4

Ngoài ra, với việc triển khai 597 dịch vụ công mức 4, công dân/doanh nghiệp sẽ được cung cấp cả dịch vụ thanh toán trực tuyến nếu như dịch vụ công có tính phí. Tỉnh Hà Nam sẽ triển khai Cổng thanh toán điện tử (trên nền tảng CQĐT của tỉnh LGSP) theo mô hình nghiệp vụ dưới đây:



Hình 23: Mô hình nghiệp vụ thanh toán trực tuyến của dịch vụ công mức 4

6.3.5. Ứng dụng và Cơ sở dữ liệu

6.3.5.1. Ứng dụng

Ứng dụng ở đây tuân theo khái niệm của FEA (Kiến trúc liên bang Hoa Kỳ): là các thành phần phần mềm (bao gồm các trang/cổng thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu, thư điện tử và các phần mềm hỗ trợ khác), được đặt trên cơ sở hạ tầng, nhằm tạo ra, sử dụng, chia sẻ và lưu trữ dữ liệu phục vụ các chức năng nghiệp vụ. Không bao gồm hệ điều hành hoặc các phần mềm điều khiển (ví dụ như firmware).

a) Một số nguyên tắc

Ứng dụng trong Kiến trúc Chính quyền điện tử phải được phát triển dựa trên một số nguyên tắc cụ thể:

Nguyên tắc số 1: Dựa trên Mô-đun và thành phần

Phát biểu nguyên tắc: Áp dụng một mô-đun và thành phần dựa trên các giải pháp kiến trúc, gắn với các quy trình nghiệp vụ phù hợp để thiết lập các tiêu chuẩn mở cùng với vai trò và các định nghĩa được xác định rõ.

Sự cần thiết: Giảm tổng chi phí sở hữu và tránh được sự phụ thuộc vào nhà cung cấp

Áp dụng: Khi áp dụng cần tránh các giải pháp và công nghệ độc quyền nếu có thể. Ưu tiên các tiêu chuẩn và công nghệ Internet trên nền web.

Nguyên tắc số 2: Đảm bảo đơn giản, tái sử dụng, linh hoạt và giải pháp mở rộng

Phát biểu nguyên tắc: Các dịch vụ thành phần phổ biến nên được thực hiện một lần và tái sử dụng khi cần thiết. Dịch vụ/giải pháp cần được linh hoạt và mở rộng để đáp ứng, phù hợp và thích ứng với yêu cầu không lường trước được một cách dễ dàng. Củng cố và đơn giản hóa các ứng dụng công nghệ bất cứ khi nào có thể để giảm thiểu sự phức tạp.

Sự cần thiết: Việc này nhằm cung cấp một giải pháp hiệu quả và đơn giản hơn; Giảm thời gian phát triển và tạo ra các giải pháp dễ duy trì hơn với các yêu cầu thay đổi; Tạo ra một giải pháp linh hoạt hơn và mạnh mẽ hơn; Giảm sự trùng lặp thông qua hợp nhất các hệ thống/ dịch vụ hiện có và tăng cường độ tin cậy và khả năng mở rộng với ít rủi ro hơn.

Áp dụng: Ứng dụng nên sử dụng các dữ liệu đặc tả để cấu hình chính nó; Các dịch vụ nên được liên kết lỏng lẻo và các giải pháp đồng bộ một cách tự nhiên.

Từ các nguyên tắc nêu trên, ứng dụng/phần mềm theo Kiến trúc CQĐT Hà Nam nên được xây dựng theo kiến trúc hướng dịch vụ (SOA).

b) Phương pháp phân nhóm ứng dụng

Theo Khung kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh hướng dẫn tại Công văn số 1178/BTTTT-THH, Ứng dụng được phân nhóm thành 4 nhóm chính: Ứng dụng nội bộ, Ứng dụng cấp tỉnh, Ứng dụng cấp quốc gia, Ứng dụng về tổng hợp, báo cáo. Việc phân nhóm như trên dựa trên phạm vi của ứng dụng, tiêu chí cụ thể hiện chưa được hướng dẫn cụ thể, dẫn đến, một số ứng dụng được xếp vào các phân nhóm có tính chất tương đối.

Bằng cách phân tích tiếp cận từ nhiều mặt khác nhau trong việc cung cấp các dịch vụ của Chính phủ:

- Từ phía người dân và doanh nghiệp (G2C, G2B), ứng dụng phải cung cấp cho người dân/doanh nghiệp khả năng thuận tiện trong việc nộp hồ sơ để thực hiện các thủ tục hành chính; tra cứu, tìm hiểu các thông tin về thủ tục hành chính, các thông tin xã hội; các chính sách, chủ trương của địa phương;

- Từ phía cán bộ, công chức (G2E), qua phân tích các nghiệp vụ trong từng lĩnh vực nghiệp vụ của các cơ quan chính quyền tỉnh Hà Nam, các ứng dụng phải phục vụ việc thực hiện các nghiệp vụ (tin học hóa quy trình nghiệp vụ), giúp cho cán bộ, công chức xử lý các thủ tục hành chính phục vụ người dân hàng ngày thông qua ứng dụng;

- Bên cạnh đó, các ứng dụng cũng cần phục vụ các hoạt động nội bộ, các hoạt động điều hành chung của địa phương như: Quản lý nhân sự, tài liệu, tài chính, dự án, tài sản, thống kê báo cáo, hỗ trợ ra quyết định...;

- Ngoài ra, kiến trúc Hà Nam được lập nhằm mục đích tăng cường khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở hạ tầng; toàn bộ các hệ thống CNTT của Hà Nam sẽ được triển khai theo hướng tập trung trên một nền tảng kiến trúc; vì vậy, không thể thiếu các ứng dụng kỹ thuật, dịch vụ dùng chung,

Kết hợp với việc nghiên cứu một số tài liệu kinh nghiệm quốc tế, các ứng dụng trong Kiến trúc Hà Nam sẽ được chia thành 3 loại phần chính như sau:

(1) Ứng dụng nghiệp vụ:

- Nhóm ứng dụng Cổng thông tin điện tử: Là các cổng thông tin điện tử nhằm cung cấp giao diện tương tác với người dân/doanh nghiệp (G2C/G2B), giao diện tương tác với cán bộ công chức (G2E). Cổng thông tin điện tử cũng là nơi cung cấp thông tin về dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và 2.

- Nhóm ứng dụng Quản lý nghiệp vụ: Nhóm này gồm các ứng dụng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp và việc xử lý nghiệp vụ theo các Nhóm thủ tục hành chính. Tùy theo nhu cầu của từng tỉnh mà trong nhóm này sẽ xác định cụ thể các ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 trong kiến trúc.

Mỗi ứng dụng Quản lý nghiệp vụ (QLNV) sẽ cung cấp các dịch vụ công trực tuyến giúp cho người dân/doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính theo Nhóm thủ tục hành chính (G2C/G2B), đồng thời cho phép cán bộ công chức xử lý nghiệp vụ tương ứng với dịch vụ công (G2E). Việc phân chia nhóm

Thủ tục hành chính sẽ được trình bày rõ hơn ở mục tiếp theo. Ứng dụng DVCTT đồng thời cung cấp giao diện xử lý, giải quyết các thủ tục hành chính cho cán bộ, công chức (G2E).

Nhóm ứng dụng này sẽ kết hợp với Nhóm ứng dụng Cổng thông tin điện tử để cung cấp các giao diện về dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp và xử lý nghiệp vụ cho CBCC.

(2) Ứng dụng Hỗ trợ chính quyền:

- Nhóm ứng dụng dùng chung: Nhằm triển khai một phần mềm dùng chung cho nhiều cơ quan để phục vụ cùng một mục đích quản lý, một số ứng dụng được đưa ra để tiết kiệm chi phí đầu tư, đào tạo, vận hành. Ví dụ như các ứng dụng dùng chung về quản lý tài chính, quản lý cán bộ công chức...

- Nhóm ứng dụng chuyên ngành: Đây thực chất là nhóm các ứng dụng dùng riêng phục vụ mục đích quản lý của một vài cơ quan, lĩnh vực riêng lẻ. Phạm vi đối tượng sử dụng chỉ giới hạn cho một vài cơ quan sở, ban ngành hoặc huyện, xã. Ví dụ như ứng dụng quản lý bệnh viện của lĩnh vực y tế, ứng dụng quản lý khiếu nại tố cáo của lĩnh vực thanh tra...

- Nhóm ứng dụng cấp quốc gia: Các ứng dụng triển khai từ trung ương tới địa phương, căn cứ thực tế đang được sử dụng tại tỉnh Hà Nam. (Danh sách đầy đủ các ứng dụng này đã được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2015/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông).

(3) Ứng dụng kỹ thuật dùng chung

- Ứng dụng kỹ thuật dùng chung gồm các nhóm ứng dụng Bảo mật, Quản lý tài nguyên, Cung cấp thông tin, Cộng tác, Chia sẻ - tích hợp, Vận hành hệ thống và Hỗ trợ người dùng. Trong đó, các ứng dụng hỗ trợ người dùng có thể được tích hợp trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử.

- Các ứng dụng trong các nhóm này được xác định trên nguyên tắc là các ứng dụng chung trong toàn tỉnh, phục vụ tất cả các ngành, lĩnh vực của địa phương và nằm ngoài Nhóm ứng dụng dùng chung trong thành phần Ứng dụng hỗ trợ chính quyền. Bên cạnh đó là các ứng dụng liên quan đến việc tích hợp ứng dụng/hệ thống, các ứng dụng giám sát, vận hành hệ thống.

- Cần lưu ý, Hà Nam sẽ triển khai nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP), vì vậy, trong các Ứng dụng kỹ thuật dùng chung sẽ bao hàm cả một số các ứng dụng để triển khai LGSP.

c) Sự cần thiết phải nâng cấp hay thay mới một số ứng dụng

Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam sẽ tác động đến mọi thành phần ứng dụng, cơ sở dữ liệu đã được xây dựng và phát triển qua nhiều thời kỳ trong phát triển

CQĐT tỉnh Hà Nam. Với mục tiêu liên thông, kết nối các hệ thống, theo xu hướng hiện nay, cùng với nội dung đã được phân tích tại mục 6.2 Nền tảng triển khai Chính quyền điện tử cấp tỉnh (LGSP) và việc áp dụng các nguyên tắc tại mục a, việc triển khai ứng dụng CQĐT tỉnh Hà Nam theo kiến trúc hướng dịch vụ (SOA - Service Oriented Architecture) là phù hợp nhất.

Trong kiến trúc SOA, các dịch vụ là các yếu tố then chốt. Một cách cơ bản, có thể hiểu SOA là tập hợp các dịch vụ kết nối “lỏng lẻo” với nhau. Một ứng dụng có thể “nói chuyện” với ứng dụng khác mà không cần biết chi tiết kỹ thuật bên trong, có giao tiếp được định nghĩa rõ ràng và độc lập với nền tảng hệ thống, và có thể tái sử dụng. SOA là cấp độ cao hơn của phát triển ứng dụng, chú trọng đến quy trình nghiệp vụ và dùng giao tiếp chuẩn để giúp che đi sự phức tạp kỹ thuật bên dưới.

Thiết kế SOA tách riêng phần thực hiện dịch vụ (phần mềm) với giao tiếp gọi dịch vụ. Điều này tạo nên một giao tiếp nhất quán cho ứng dụng khách (client) sử dụng dịch vụ bất chấp công nghệ thực hiện dịch vụ. Thay vì xây dựng các ứng dụng đơn lẻ và đồ sộ, nhà phát triển sẽ xây dựng các dịch vụ tinh gọn có thể triển khai và tái sử dụng trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ. Điều này cho phép sử dụng lại phần mềm tốt hơn, cũng như tăng sự linh hoạt vì nhà phát triển có thể cải tiến dịch vụ mà không làm ảnh hưởng đến ứng dụng khách sử dụng dịch vụ.

Như vậy, để triển khai các ứng dụng theo hướng dịch vụ, hầu hết các ứng dụng trong Kiến trúc CQĐT sẽ phải được thiết kế và xây dựng lại theo hướng dịch vụ, đặc biệt là các ứng dụng có quy trình để thực hiện các thủ tục hành chính (như là các Ứng dụng quản lý nghiệp vụ, các ứng dụng một cửa điện tử).

Tuy nhiên, nhằm tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư, nâng cao tính hiệu quả đối với các ứng dụng đã đầu tư và để thực hiện việc chuyển đổi các ứng dụng theo hướng dịch vụ một cách có lộ trình, một số ứng dụng hiện tại của Hà Nam sẽ vẫn được giữ lại để tiếp tục sử dụng trong Kiến trúc chính quyền điện tử của Hà Nam giai đoạn 2016-2020, nhưng sẽ được nâng cấp để có thể sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi LGSP của Tỉnh, hoặc cung cấp các chức năng của mình ở dạng dịch vụ để các ứng dụng khác có thể sử dụng được.

d) Danh sách ứng dụng trong Kiến trúc ứng dụng Hà Nam

(1) Ứng dụng nghiệp vụ

- Cổng thông tin điện tử: Phát triển, triển khai ứng dụng theo kiến trúc hướng dịch vụ thì các cổng thông tin điện tử là một thành phần quan trọng nhất, vì nó chính là khung cung cấp các dịch vụ được tích hợp lên nó. Nó giống như “bộ phận một cửa” trên môi trường mạng dành cho người dân hoặc cán bộ công

chức, cung cấp mọi thông tin và các thao tác tương tác cho người dân, doanh nghiệp và cán bộ công chức.

Do yêu cầu phục vụ các đối tượng khác nhau là người dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức, chúng tôi đề xuất xây dựng và/hoặc nâng cấp Cổng thông tin điện tử trong Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam để giao tiếp với các đối tượng này trên môi trường mạng, đồng thời nâng cấp Cổng thông tin điện tử hiện tại của tỉnh để đáp ứng yêu cầu của kiến trúc. Cụ thể:

+ Cổng thông tin điện tử của tỉnh hiện tại: Cung cấp các thông tin kinh tế xã hội, pháp luật, định hướng chỉ đạo và các thông tin chính thức khác của tỉnh. Nâng cấp để đạt được một số yêu cầu về việc sử dụng dịch vụ của LGSP.

+ Cổng Dịch vụ công trực tuyến: Cổng thông tin điện tử cung cấp thông tin hướng dẫn thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 1, 2 và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Bên cạnh đó, sẽ được tích hợp với các ứng dụng kỹ thuật dùng chung để cung cấp một số dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp: Đăng ký tài khoản, Cá nhân hóa, Hỗ trợ trực tuyến và Tìm kiếm, Thông báo. Việc xây dựng Cổng DVCTT là cần thiết để cung cấp một giao diện truy cập duy nhất cho đối tượng người dân, doanh nghiệp thực hiện toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến mà tỉnh đang cung cấp.

Cổng DVCTT hiện tại đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ motcua.hanam.gov.vn theo mô hình kiến trúc MVC (3 lớp là Trình diễn, Nghiệp vụ và Dữ liệu). Tuy nhiên, theo Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam, ứng dụng sẽ được triển khai theo kiến trúc hướng dịch vụ (SOA), đồng thời, cần cung cấp thêm số lượng DVCTT mức 3, 4 mới theo phân tích tại Phần V trong bản kiến trúc này. Việc triển khai ứng dụng theo hướng dịch vụ sẽ đòi hỏi Cổng DVCTT này phải có những nâng cấp để có thể cung cấp thêm được các DVCTT theo yêu cầu của Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam. Bên cạnh đó, cổng DVCTT hiện tại cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 nhưng chủ yếu cho phép tải lên tệp (file) đính kèm để gửi kèm các mẫu đơn yêu cầu, chưa cho nhập thông tin ở dạng biểu mẫu điện tử tương tác. Vì vậy, việc nâng cấp toàn diện cổng DVCTT này là cần thiết. Hiện tại cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử của tỉnh Hà Nam là do Tập đoàn VNPT cung cấp, do đó, đơn vị tư vấn kiến nghị 2 phương án:

+ Phương án 1-Tỉnh tiếp tục thuê VNPT cung cấp hệ thống cổng DVCTT và 1 cửa điện tử: Đơn vị tư vấn kiến nghị đây là một thành phần thuộc kiến trúc CQĐT của Tỉnh và Tỉnh cần có yêu cầu đối với nhà cung cấp dịch vụ phải hỗ trợ tỉnh tối đa trong việc nâng cấp cổng thông tin DVCTT này và đảm bảo các nguyên tắc kết nối, chia sẻ dữ liệu đến Nền tảng chia sẻ, tích hợp (LGSP) của tỉnh Hà Nam và Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ (bên dưới). Trong trường hợp

chi phí nâng cấp lớn hơn chi phí xây dựng mới thì Hà Nam có thể xây dựng mới Cổng DVCTT theo hướng sử dụng lại những gì có thể (ví dụ như giấy phép sử dụng công – license, dữ liệu).

+ Phương án 2: Không thuê hệ thống VNPT iGate của Tập đoàn VNPT thì đơn vị tư vấn khuyến nghị Tỉnh cần xây mới Cổng dịch vụ công trực tuyến đáp ứng yêu cầu của kiến trúc và hệ thống 1 cửa điện tử sẽ được tích hợp vào hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ (bên dưới), do đó, không cần phải xây dựng riêng hệ thống về một cả điện tử.

- Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ: Hệ thống (cổng thông tin) dành cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Nam truy cập, sử dụng các ứng dụng nghiệp vụ phục vụ tác nghiệp. Thông qua Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ, CBCCVV tỉnh Hà Nam sẽ tiếp nhận các thông tin từ thực hiện DVCTT mức độ 3, 4 do người dân thực hiện trên Cổng DVCTT. Ứng dụng tại bộ phận một cửa điện tử hiện tại sẽ được xây dựng lại theo hướng dịch vụ để tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ, hỗ trợ cho các cán bộ tại bộ phận một cửa tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tại một điểm truy cập duy nhất. Việc xử lý các thủ tục hành chính (như chuyển hồ sơ giữa các phòng/ban, chuyên viên, lãnh đạo có thẩm quyền...) của DVCTT mức độ 3, 4 do người dân trực tiếp thực hiện trên cổng DVCTT hoặc tại bộ phận một cửa điện tử (do cán bộ tại bộ phận một cửa nhập vào) được xử lý thống nhất bởi Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ.

- Ứng dụng Quản lý nghiệp vụ: sẽ cung cấp các dịch vụ, thành phần phần mềm để cung cấp toàn bộ các Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 hiện tại (là các dịch vụ công trực tuyến có quy trình đã được tin học hóa) và thêm các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong tương lai (đề xuất tại *Phần V Mô hình liên thông nghiệp vụ, thông tin tỉnh Hà Nam*) theo nhóm dịch vụ công trực tuyến.

Các dịch vụ, thành phần cụ thể như sau:

Bảng 25: Bảng dịch vụ công trực tuyến 3,4 sẽ triển khai trong tương lai phân chia theo nhóm

STT	Nhóm thủ tục hành chính	Lĩnh vực
1	Công thương	Quản lý An toàn thực phẩm Buôn sản phẩm rượu Quản lý điện - năng lượng Hóa chất Quản lý bán hàng đa cấp Thuốc lá Thương mại, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)

2	Giáo dục đào tạo	Giáo dục và đào tạo Hệ thống văn bằng, chứng chỉ Quy chế thi - tuyển sinh
3	Giao thông vận tải	Đường bộ Đường thủy nội địa
4	Khoa học công nghệ	Hoạt động Khoa học và Công nghệ Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân Quản lý khoa học và công nghệ Sở hữu trí tuệ Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng Lĩnh vực khác
5	Kế hoạch Đầu tư	Đầu thầu Đầu tư vào nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (oda) Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
6	Lao động Thương binh và Xã hội	An toàn lao động Bảo trợ xã hội Cho thuê lại lao động Giáo dục nghề nghiệp Quản lý lao động ngoài nước Lao động - Tiền lương Người có công Tổ chức cán bộ Phòng chống tệ nạn xã hội Việc làm
7	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Chăn nuôi và Thú y Thủy sản Kiểm lâm Nước sạch Phát triển nông thôn Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản Thủy lợi Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Xây dựng cơ bản

8	Nội vụ	Cán bộ, công chức, viên chức nhà nước Tổ chức biên chế Thi đua khen thưởng Tôn giáo Chi cục Văn thư lưu trữ
9	Tài chính	Quản lý Giá - Công sản Tài chính Đầu tư Tài chính doanh nghiệp
10	Tài nguyên và Môi trường	Đo đạc và bản đồ Đăng ký cấp giấy chứng nhận sử dụng đất Khoáng sản - Địa chất Khí tượng thủy văn Môi trường Đất đai Tài nguyên nước
11	Thông tin và Truyền thông	Bưu chính Xuất bản Báo chí
12	Tư pháp	Bồi thường nhà nước Công chứng Đấu giá Giám định tư pháp Hộ tịch Lý lịch tư pháp Luật sư Nuôi con nuôi Phổ biến giáo dục pháp luật Quản tài viên Quốc tịch Tư vấn Pháp luật Trợ giúp pháp lý Trọng tài Thương mại

13	Văn hóa Thể thao Du lịch	Biểu diễn nghệ thuật Di sản văn hóa Gia đình Kinh doanh khách sạn Kinh doanh lễ hành Mỹ thuật nhiếp ảnh triển lãm Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ Thẻ dực thể thao Thư viện Văn hóa cơ sở Xuất nhập khẩu văn hoá phẩm Điện ảnh
14	Xây dựng	Kinh doanh bất động sản Nhà ở Quản lý Quy hoạch và xây dựng Xây dựng
15	Y tế	An toàn vệ sinh thực phẩm & dinh dưỡng Dược - Mỹ phẩm Dân số kế hoạch hoá gia đình Giám định y khoa Khám, chữa bệnh Tài chính
16	Thanh tra	Thanh tra, khiếu nại và tố cáo
17	UBND tỉnh	Ngoại vụ

18	UBND cấp huyện	Bồi thường nhà nước Công Thương Chứng thực Giao dịch đảm bảo Giáo dục & Đào tạo Giao thông Hòa giải cơ sở Hộ tịch Kế hoạch & đầu tư Lao động thương binh & xã hội Nông nghiệp Nội vụ Phổ biến giáo dục pháp luật Tài chính Tài nguyên & môi trường Văn hóa Xây dựng Thông tin tuyên truyền Đất đai
19	UBND cấp xã	Giáo dục và Đào tạo Hộ tịch
20	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Quản lý Đầu tư Quản lý Quy hoạch và xây dựng Quản lý Doanh nghiệp Quản lý Thương mại

Như vậy, Cổng DVCTT trong Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam sẽ phải cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 cho toàn bộ 20 nhóm TTTC này.

Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ sẽ phải cung cấp giao diện xử lý các DVCTT cho cán bộ, công chức theo phân quyền.

Bảng sau đây mô tả chi tiết danh sách ứng dụng nghiệp vụ Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam:

Bảng 26: Ứng dụng nghiệp vụ Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam

STT	Tên ứng dụng	Mô tả	Chức năng chính của ứng dụng	Tình trạng
1	Cổng thông tin điện tử			
1.1	Cổng	Cổng Thông tin	- Các chức năng hiện tại	Nâng cấp

	thông tin điện tử hiện tại của Tỉnh	điện tử hiện tại như đã phân tích tại phần Hiện trạng Cổng	được giữ nguyên - Nâng cấp một số tính năng để sử dụng chung cơ chế xác thực, phân quyền đáp ứng Kiến trúc.	
1.2	Cổng Dịch vụ công trực tuyến	Cổng TTĐT dành cho người dân, doanh nghiệp (các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính)	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp giao diện để người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến; - Cung cấp DVCTT mức 1, 2; - Cung cấp toàn bộ các DVCTT theo 20 nhóm DVCTT nói trên, gồm các DVCTT mức độ 3, 4 hiện tại đang cung cấp và cung cấp mới các DVCTT thuộc các nhóm/lĩnh vực như lựa chọn tại Phần V (Mô hình liên thông nghiệp vụ, thông tin tỉnh Hà Nam); - Hỗ trợ sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-form) để người khai nhập vào thông tin dưới dạng văn bản (text); - Hỗ trợ truy xuất, lấy dữ liệu liên quan từ các hệ thống, CSDL khác để kiểm tra thông tin được nhập vào (thông qua LGSP và khi các hệ thống liên quan đã sẵn sàng); - Hỗ trợ việc tích hợp với các ứng dụng kỹ thuật dùng chung để cung cấp một số dịch vụ khác cho người dân: Đăng ký tài khoản, Cá 	Nâng cấp (để đảm bảo kết nối) hoặc xây dựng mới, phụ thuộc thực tế triển khai.

			<p>nhân hóa, Hỗ trợ trực tuyến và Tìm kiếm, Thông báo;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ đăng nhập một lần, xác thực bằng tài khoản; - Kết nối với cơ sở dữ liệu, hệ thống khác thông qua nền tảng LGSP của Tỉnh. 	
2	Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ	Công TTĐT dành cho cán bộ, công chức	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp giao diện xử lý các dịch vụ công/thủ tục hành chính cho cán bộ công chức; - Cung cấp giao diện xử lý công việc nội bộ của cán bộ, công chức; - Cung cấp giao diện tích hợp dịch vụ cho các ứng dụng khác được đề xuất (Ứng dụng Hỗ trợ chính quyền và Ứng dụng kỹ thuật dùng chung) - Cung cấp thông tin về trạng thái xử lý công việc của các cơ quan, đơn vị, cán bộ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; - Hiện thị công khai tình hình xử lý công việc trên Hệ thống - Hỗ trợ sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-form) để người dùng nhập vào thông tin dưới dạng văn bản (text); - Hỗ trợ truy xuất, lấy dữ liệu liên quan từ các hệ thống, CSDL khác để kiểm tra thông tin được nhập 	Xây mới

			<p>vào, hoặc để xác thực các thông tin từ DVCTT do người dân thực hiện (thông qua LGSP và khi các hệ thống liên quan đã sẵn sàng).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tích hợp ứng dụng một cửa điện tử, ứng dụng nghiệp vụ (nếu có thể) của các cơ quan trong Tỉnh để xử lý công việc theo phân nhóm, phân quyền; - Hỗ trợ đăng nhập một lần, xác thực bằng tài khoản và/hoặc chữ ký số đối với cán bộ, công chức; - Kết nối với cơ sở dữ liệu, hệ thống khác thông qua Nền tảng LGSP của Tỉnh. 	
--	--	--	--	--

(2) Ứng dụng hỗ trợ chính quyền

- Ứng dụng dùng chung: Từ khảo sát hiện trạng các ứng dụng sử dụng trong các cơ quan, đơn vị tỉnh Hà Nam và nghiên cứu đặc thù của các cơ quan nhà nước, kinh nghiệm quốc tế, đơn vị tư vấn đề xuất các ứng dụng sau đây sẽ được triển khai theo hướng dùng chung cho toàn tỉnh:

- (1) Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng
- (2) Quản lý kế toán, tài chính
- (3) Quản lý tài sản
- (4) Quản lý cán bộ, công chức
- (5) Hỗ trợ doanh nghiệp (PCI)
- (6) Một cửa điện tử
- (7) Hệ thống thông tin quản lý kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam (EAMS)

Đối với ứng dụng:

Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng: Ứng dụng này được các lãnh đạo các cơ quan trong tỉnh và toàn bộ cán bộ, công chức sử dụng hàng ngày để giao việc, trao đổi hồ sơ công việc. Ứng dụng này nên được tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ để tạo ra “một điểm truy cập duy nhất”, tạo điều kiện dễ dàng cho cán bộ, công chức trong việc nhận các thông báo, quản lý công việc, quản lý tài khoản, dễ dàng sử dụng, tăng tính bảo mật, riêng tư cho cả hệ thống.

Quản lý kế toán, tài chính và Quản lý tài sản: Các cơ quan nhà nước (theo các cấp) đều phải theo các quy định chung của nhà nước về nghiệp vụ kế toán và quản lý tài chính, quản lý tài sản nhà nước. Đây chính là cơ hội để xây dựng một ứng dụng dùng chung cho toàn bộ các cơ quan trong tỉnh. Việc này sẽ giúp cho tỉnh tiết kiệm được rất nhiều chi phí đầu tư, duy trì hệ thống và đào tạo cán bộ. Tuy dùng cho nhiều cơ quan nhưng ứng dụng này lại chỉ phục vụ một đối tượng bộ phận nhỏ được giao việc quản lý kế toán, tài chính và tài sản. Vì vậy, ứng dụng này được đề xuất là ứng dụng dùng chung nhưng chạy độc lập.

Quản lý cán bộ, công chức: Theo số liệu khảo sát hiện trạng, ứng dụng này hiện tại mới chỉ được triển khai tại Sở Nội vụ. Trong khi đó, việc quản lý con người cần thiết tại mọi cơ quan, đơn vị. Xây dựng một ứng dụng quản lý cán bộ, công chức chung cho mọi cơ quan sẽ giúp cho việc quản lý cán bộ, công chức tại cơ quan đó thuận tiện và dễ dàng hơn rất nhiều, ngoài ra nó cũng giúp cho tỉnh có một CSDL về cán bộ công chức đầy đủ, và có thể được quản lý tập trung tại Sở Nội vụ. Ứng dụng này cũng nên được tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ để tạo ra “một điểm truy cập duy nhất” cho cán bộ công chức, giúp họ có thể quản lý, cập nhật thay đổi các thông tin liên quan theo quyền hạn.

Hỗ trợ doanh nghiệp PCI: Ứng dụng này khá độc lập với hệ thống ứng dụng CQĐT Hà Nam. Vì vậy, ứng dụng này sẽ tiếp tục được khai thác, sử dụng như hiện tại.

Một cửa điện tử: Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ đã cung cấp các chức năng tương tự như ứng dụng một cửa điện tử, bao gồm việc tiếp nhận yêu cầu từ các DVCTT, tiếp nhận yêu cầu từ bộ phận một cửa (do cán bộ tại bộ phận một cửa nhập vào từ giao diện nhập) và chuyển yêu cầu xử lý đến các bộ phận liên quan theo quy trình và/hoặc phân cấp. Do đó, căn cứ vào thực tế ứng dụng hiện tại này, trong kiến trúc tương lai sẽ được tích hợp vào hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ. Trường hợp Tỉnh Hà Nam thuê dịch vụ của Tập đoàn VNPT thì, Tỉnh sử dụng kiến trúc được phê duyệt để đưa ra yêu cầu về dịch vụ cho giai pháp của Tập đoàn.

Hệ thống thông tin quản lý kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam: Hệ thống này được đề xuất xây dựng phục vụ cho nhiều đối tượng tham gia vào việc tổ chức xây dựng, triển khai kiến trúc, bao gồm: Ban Chỉ đạo CNTT, Lãnh đạo cơ quan thuộc, trực thuộc, kiến trúc sư trưởng, các nhóm kiến trúc, cán bộ nghiệp vụ, cán bộ triển khai dự án... Hệ thống là công cụ hỗ trợ các hoạt động xây dựng, quản lý, duy trì kiến trúc một cách khoa học hiệu quả. Hệ thống này được xây dựng để giải quyết các vấn đề cơ bản: Việc quản lý, duy trì, triển khai kiến trúc giai đoạn đầu có thể được đáp ứng bởi các dịch vụ tư vấn có tính tạm thời thông qua các bản giấy, tuy nhiên, việc quản lý giai đoạn tiếp theo, đặc biệt khi triển khai kiến trúc sẽ phát sinh nhiều sản phẩm kiến trúc, dẫn đến các thách thức bởi sự phức tạp ngày càng tăng; Việc ra quyết định bị chậm trễ khi các thông tin kiến trúc dựa trên tài liệu (dạng giấy) không thể đưa ra được các phân tích có tính toàn diện, thuyết phục và kịp thời; Việc liên tục cải tiến và cập nhật thông tin kiến trúc không hiệu quả khi thiếu sự hỗ trợ của các hệ thống tự động; Cần nhiều thời gian và nỗ lực hơn để quản lý các thông tin kiến trúc rời rạc dựa trên các tài liệu. Hệ thống này sẽ được tích hợp lên hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ của Tỉnh.

- Ứng dụng chuyên ngành:

- (1) Quản lý nhân sự (Nội vụ)
- (2) Quản lý khoa học công nghệ (KH-CN)
- (3) Quản lý nhân sự (GDĐT)
- (4) Hệ thống báo cáo trực tuyến EOS (GDĐT)
- (5) Nhắc việc (TTTT)
- (6) Báo cáo nhanh về bưu chính viễn thông (TTTT)
- (7) Quản lý giờ phát mở cửa các điểm bưu điện văn hóa xã (TTTT)
- (8) Lưu trữ, chia sẻ file FPT (TTTT)
- (9) Quản lý tần số (TTTT)
- (10) Quản lý viện phí (Bệnh viện Đa khoa tỉnh)
- (11) Phần mềm Thông tin Khiếu nại tố cáo (Thanh tra Tỉnh)
- (12) Phần mềm chuyên ngành ETA (XD)

Quản lý nhân sự (Nội vụ), Quản lý nhân sự (GDĐT): Ứng dụng này đã được đề xuất xây dựng ứng dụng dùng chung nên trong Kiến trúc tương lai CQĐT Hà Nam, ứng dụng này sẽ được thay thế. Các dữ liệu về cán bộ, công chức sẽ được sàng lọc, cân nhắc tái sử dụng trong ứng dụng mới.

Phần mềm Thông tin Khiếu nại tố cáo (Thanh tra Tỉnh): Các dịch vụ công trực tuyến cung cấp cho người dân theo Kiến trúc tương lai CQĐT Hà

Nam đã có DVCTT Thanh tra, khiếu nại, tố cáo. Như vậy, phần mềm này là không còn cần thiết.

Nhắc việc (TTTT): Sau khi triển khai Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ tích hợp với ứng dụng quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng, và ứng dụng quản lý cán bộ - công chức, chức năng nhắc việc có thể được tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ và cung cấp tính năng thông báo cho người dùng một cách tự động.

Ứng dụng lưu trữ, chia sẻ file (TTTT): Đây là ứng dụng hữu ích, là kho lưu trữ và chia sẻ các tài liệu điện tử, nên được triển khai toàn tỉnh để tất cả các cơ quan có thể sử dụng. Tuy nhiên, việc truy cập vào từng khu vực, truy cập vào các tài liệu phải được phân cấp cụ thể. Nhằm quản lý tài khoản đơn giản hơn và tạo thuận tiện cho cán bộ công chức không phải sử dụng nhiều tài khoản khác nhau cho các dịch vụ khác nhau của chính quyền, ứng dụng này được đề xuất nâng cấp để có thể sử dụng chung một số dịch vụ dùng chung toàn tỉnh như xác thực, phân quyền, quản lý tài khoản.

Các ứng dụng còn lại đều do một cơ quan, đơn vị sử dụng và không có nhiều nhu cầu liên thông, chia sẻ dữ liệu. Vì vậy, trước mắt các ứng dụng này sẽ được giữ nguyên. Khi cần nâng cấp hoặc có nhu cầu khác sẽ được xem xét cụ thể sau.

- Ứng dụng cấp quốc gia:

Phần III, mục 5, điểm d mô tả toàn bộ ứng dụng cấp quốc gia, được triển khai tập trung từ cấp Bộ, Cục (từ trung ương). Trong đó, một số ứng dụng được triển khai theo hình thức cấp tài khoản cho các đơn vị chức năng của tỉnh; một số ứng dụng được cấp ở dạng đóng gói (không cấp mã nguồn). Vì vậy, trong Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam chúng tôi chưa đề cập đến khả năng kết nối với các ứng dụng này. Trong trường hợp tỉnh Hà Nam cần khai thác dữ liệu từ các hệ thống này để phục vụ nhu cầu của tỉnh thì có thể sử dụng các phương pháp như kết nối trực tiếp, kết nối qua NGSP hay sử dụng các công cụ trích xuất và nhập dữ liệu (sẽ trình bày rõ hơn ở các phần sau).

Bảng sau đây mô tả chi tiết Ứng dụng Hỗ trợ chính quyền Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam:

Bảng 27: Ứng dụng Hỗ trợ chính quyền Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam

STT	Tên ứng dụng	Mô tả	Chức năng chính của ứng dụng	Tình trạng
1	Ứng dụng		Các Ứng dụng dùng	

	dùng chung		<p>chung cần có các chức năng chung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng chung cơ chế đăng nhập một lần, xác thực, phân quyền với các hệ thống/ứng dụng khác trong kiến trúc; - Kết nối với cơ sở dữ liệu/hệ thống khác thông qua nền tảng LGSP của Tỉnh. - Tích hợp để hiển thị trên Dashboard của cán bộ/công chức theo phân quyền. 	
1.1	Một cửa điện tử	Tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận hồ sơ từ các DVCTT - Tiếp nhận hồ sơ từ bộ phận 1 cửa - Chuyển bộ phận liên quan xử lý - Trả kết quả 	Xây mới
1.2	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng	Tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi và nhận văn bản liên thông. - Chuyển xử lý văn bản - Trình văn bản 	Xây mới
1.3	Quản lý kế toán, tài chính	Ứng dụng dùng chung cho các cơ quan trong tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý kế toán - Quản lý tài chính 	Xây mới
1.4	Quản lý tài sản	Ứng dụng dùng chung cho các cơ quan trong	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tài sản của cơ quan nhà nước 	Xây mới

		tỉnh.		
1.5	Quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý các thông tin về cán bộ, công chức của tỉnh: thông tin cá nhân, quá trình công tác, thi đua khen thưởng, thang bậc lương... - Đánh giá cán bộ, công chức; - Hỗ trợ việc quản lý cán bộ công chức phải phù hợp với các quy định của cơ quan nhà nước như Bộ Nội vụ; - Kết nối với CSDL về cán bộ, công chức; - Các chức năng chung của ứng dụng dùng chung. 	Xây mới
1.6	Hệ thống EAMS	Tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê, báo cáo: Hiện trạng dự án THH, hiện trạng vận hành hệ thống THH, vận hành tài nguyên CNTT (phần cứng, phần mềm), thống kê theo tiêu chí đặt ra; - Quản lý thông tin kiến trúc theo các thành phần kiến trúc (nghiệp vụ, dữ liệu, ứng dụng, cơ sở hạ tầng, an toàn thông tin), theo các góc nhìn được định nghĩa trước; quản lý các dự án tin học hóa liên quan đến kiến trúc (Soát 	Xây mới

			<p>xét kế hoạch dự án, kế hoạch triển khai, thực thi dự án...) quản lý các hệ thống thông tin, mức độ trưởng thành kiến trúc;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tài nguyên CNTT của Tỉnh với một số chức năng cơ bản về: Quản lý thông tin về tài nguyên CNTT (tên, chủ sở hữu, thuộc tính, hiện trạng...), Quản lý bản quyền phần mềm, xử lý yêu cầu loại bỏ/chuyển đổi tài nguyên CNTT, xử lý đăng ký tài nguyên CNTT; - Quản lý sử dụng kiến trúc trong công việc thực tế ở các hình thức khác nhau phù hợp với các quan điểm /đối tượng người dùng: Lãnh đạo Tỉnh, Lãnh đạo sở, ban, ngành, cán bộ nghiệp vụ, cán bộ chuyên trách...; - Quản lý người dùng hệ thống, quản lý quyền và các tính năng quản lý hệ thống khác. 	
2	Ứng dụng chuyên ngành			
2.1	Nhắc việc	Tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội	- Quản lý công việc, tạo lịch công việc	Xây mới

		bộ	- Nhắc việc	
2.2	Ứng dụng lưu trữ, chia sẻ file	Sử dụng chung một số dịch vụ: quản lý tài khoản, xác thực, phân quyền	- Quản lý file theo khu vực - Chia sẻ file - Lưu trữ file	Nâng cấp

(3) Ứng dụng kỹ thuật dùng chung

- Để triển khai Chính quyền điện tử Hà Nam theo hướng tập trung, triển khai kiến trúc theo hướng dịch vụ, triển khai nền tảng chia sẻ tích hợp LGSP theo như phân tích tại Mục 6.2 Nền tảng triển khai CQĐT cấp tỉnh, trong Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam đề xuất một số ứng dụng kỹ thuật dùng chung như sau:

- + Xác thực và phân quyền người dùng;
- + Chữ ký số (ứng dụng này sẽ cung cấp dịch vụ ký số trên nhiều các ứng dụng khác và nhiều loại văn bản chứ không chỉ riêng một ứng dụng như hiện nay);
- + Quản lý danh mục dùng chung;
- + Phân tích, Thống kê, Tổng hợp, Báo cáo: Ứng dụng này sẽ được xây mới, sử dụng kho dữ liệu để lấy số liệu phân tích, thống kê. Khi triển khai xong, ứng dụng này sẽ thay thế ứng dụng Thống kê báo cáo và Thông tin kinh tế xã hội hiện tại.
- + Hội nghị truyền hình: Ứng dụng họp, hội nghị từ xa, trực tuyến;
- + Thư điện tử: Ứng dụng này sẽ được nâng cấp trên cơ sở ứng dụng hiện tại;
- + Giám sát hệ thống
- + Quản lý cấu hình

Bảng sau đây mô tả chi tiết Ứng dụng kỹ thuật dùng chung Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam.

Bảng 28: Ứng dụng kỹ thuật dùng chung Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam

STT	Tên ứng dụng	Mô tả	Chức năng chính của ứng dụng	Tình trạng
1	Bảo mật			

<p>1.1</p>	<p>Xác thực và phân quyền người dùng</p>	<p>Khi triển khai cấp tài khoản cho công dân, số lượng tài khoản là rất lớn. Vì vậy, cần phải xây một ứng dụng xác thực và phân quyền người dùng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp dịch vụ xác thực và phân quyền cho tất cả các thành phần ứng dụng trong Kiến trúc Hà Nam; - Cung cấp các phương án xác thực (username/password, xác thực 2 nhân tố... để người sử dụng lựa chọn phù hợp với yêu cầu của dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng sử dụng nhằm đảm bảo tính an toàn, bảo mật, chống chối bỏ trong thực hiện giao dịch; - Kết nối với cơ sở dữ liệu/hệ thống khác thông qua nền tảng LGSP của Tỉnh. 	<p>Xây mới</p>
<p>1.2</p>	<p>Ứng dụng chữ ký số</p>	<p>Triển khai ứng dụng chữ ký số cho cán bộ/công chức Hà Nam theo lộ trình</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp dịch vụ xác thực bằng chữ ký số cho các ứng dụng, cán bộ/công chức Hà Nam; - Kết nối với cơ sở dữ liệu/hệ thống khác thông qua Nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh. 	<p>Xây mới</p>
<p>2</p>	<p>Quản lý tài nguyên</p>			
<p>2.1</p>	<p>Quản lý danh mục dùng chung</p>	<p>Cung cấp, đồng bộ dữ liệu mã, danh mục dùng chung thống nhất cho các ứng dụng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp, đồng bộ bộ mã cơ quan/mã trao đổi văn bản điện tử; - Cung cấp, đồng bộ dữ liệu mã định danh thống nhất cho các ứng dụng tích hợp; - Cung cấp, đồng bộ dữ liệu 	<p>Xây mới</p>

			<p>các loại danh mục dùng chung cho các ứng dụng toàn tỉnh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các chức năng kiểm tra, chuyển đổi đồng bộ mã định danh giữa các hệ thống khác nhau; - Sử dụng chung cơ chế đăng nhập một lần, xác thực, phân quyền với các hệ thống/ứng dụng khác trong kiến trúc; - Kết nối với cơ sở dữ liệu/hệ thống khác thông qua Nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh. 	
3	Cung cấp thông tin			
3.1	Phân tích, Thống kê, Tổng hợp, Báo cáo	Phục vụ việc tổng hợp, thống kê số liệu để ra các báo cáo	<ul style="list-style-type: none"> - ETL: Thu gom dữ liệu, chuyển đổi dữ liệu thành dữ liệu phân tích và lưu trữ (phục vụ việc xây dựng kho dữ liệu); - BI: Phân tích, báo cáo, tổng hợp, hỗ trợ ra quyết định; - Kết nối (thu thập/chia sẻ) với cơ sở dữ liệu/hệ thống khác thông qua nền tảng LGSP của Tỉnh. 	Xây mới
3.2	Tìm kiếm	Phục vụ việc tra cứu, tìm kiếm các thông tin hữu ích	- Tích hợp trên Cổng thông tin điện tử, cung cấp dịch vụ tìm kiếm thông tin dữ liệu, phân tích, báo cáo...	Xây mới
4	Cộng tác			
4.1	Hội nghị truyền hình	Hội nghị truyền hình giữa các cơ quan UBND, các	- Họp từ xa tại các địa điểm kết nối gồm đầy đủ trình chiếu, âm thanh, hình ảnh.	Xây mới

		Sở...		
4.2	Hệ thống thư điện tử	Hệ thống cung cấp dịch vụ thư điện tử cho cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc khối đảng, chính quyền, đoàn thể của tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi nhận thư điện tử; - Sử dụng chung cơ chế đăng nhập một lần, xác thực, phân quyền với các hệ thống/ứng dụng khác trong kiến trúc; - Kết nối với cơ sở dữ liệu/hệ thống khác thông qua Nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh. - Thông tin về người sử dụng phải được đồng bộ/hợp nhất và/hoặc lấy từ/với các CSDL khác. 	Nâng cấp
5	Vận hành hệ thống			
5.1	Giám sát hệ thống	Giám sát máy chủ, mạng và ứng dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi tốc độ, hiệu năng của hệ thống và thiết bị - Đưa ra những dự đoán và phân tích - Cảnh báo khi nhận diện sự cố - Có thể bao gồm cả chức năng xử lý sự cố sau khi nhận diện. 	Xây mới
5.2	Quản lý cấu hình	Quản lý thiết lập và duy trì nhất quán tốc độ, tính năng, cấu hình hệ thống.	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép Xây dựng trước mẫu cho các chương trình cần quản lý và chỉ cần thêm thông số phù hợp khi sử dụng; - Hỗ trợ các máy chủ thực thi các công việc cài đặt, cấu hình để đạt được trạng thái yêu cầu định trước. 	Xây mới
6	Hỗ trợ người	Cung cấp các chức năng sau trên Cổng thông	<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp với Cổng thông tin điện tử để cung cấp dịch vụ: 	Nâng cấp

	dùng	tin điện tử (công dân/công chức): - Đăng ký tài khoản - Cá nhân hóa - Hỗ trợ trực tuyến - Thông báo	- Đăng ký tài khoản - Cá nhân hóa - Hỗ trợ trực tuyến - Thông báo Cho người sử dụng	
--	------	---	---	--

e) **Tổng hợp ứng dụng đề xuất nâng cấp, đầu tư mới theo Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam**

Ứng dụng nghiệp vụ	Cổng Thông tin điện tử	Ứng dụng Quản lý nghiệp vụ	Ứng dụng Quản lý nghiệp vụ	Ứng dụng Quản lý nghiệp vụ
	<p>Cổng thông tin điện tử hiện tại</p> <p>Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <p>Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ</p>	<p>Công thương</p> <p>Giáo dục đào tạo</p> <p>Giao thông vận tải</p> <p>Khoa học công nghệ</p> <p>Kế hoạch Đầu tư</p> <p>Lao động Thương binh và Xã hội</p> <p>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>Nội vụ</p> <p>Tài chính</p> <p>Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Thông tin và Truyền thông</p> <p>Tư pháp</p> <p>Văn hóa Thể thao Du lịch</p> <p>Xây dựng</p>	<p>Y tế</p> <p>Thanh tra</p> <p>UBND tỉnh</p> <p>UBND cấp huyện</p> <p>UBND cấp xã</p> <p>Ban Quản lý các khu công nghiệp</p>

Ứng dụng Hỗ trợ chính quyền	Ứng dụng dùng chung	Ứng dụng chuyên ngành	Ứng dụng chuyên ngành	Ứng dụng cấp quốc gia
	Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng Quản lý kế toán - tài chính Quản lý tài sản Hỗ trợ doanh nghiệp (PCI) Một cửa điện tử Nhắc việc Lưu trữ, chia sẻ file Hệ thống thông tin quản lý kiến trúc (EAMS)	Quản lý khoa học công nghệ (KH-CN) Hệ thống báo cáo trực tuyến EOS (GDĐT) Báo cáo nhanh về bưu chính viễn thông (TTTT) Quản lý giờ phát mở cửa các điểm bưu điện văn hóa xã (TTTT)	Quản lý tần số (TTTT) Quản lý các đối tượng người có công (LĐTBXH) Quản lý viện phí (Bệnh viện Đa khoa tỉnh) Phần mềm chuyên ngành ETA (XD)	Các ứng dụng triển khai theo ngành dọc từ Trung ương tới địa phương

Ứng dụng kỹ thuật chung	Bảo mật	Cung cấp thông tin	Vận hành hệ thống	Hỗ trợ người dùng
	Xác thực/Phân quyền người dùng Ứng dụng chữ ký số	Phân tích, Thống kê, Tổng hợp, Báo cáo Tìm kiếm	Giám sát hệ thống Quản lý cấu hình	Đăng ký tài khoản Cá nhân hóa Hỗ trợ trực tuyến Thông báo
	Quản lý tài nguyên	Cộng tác		
	Quản lý danh mục dùng chung	Hội nghị truyền hình (họp, hội nghị từ xa) Thư điện tử		

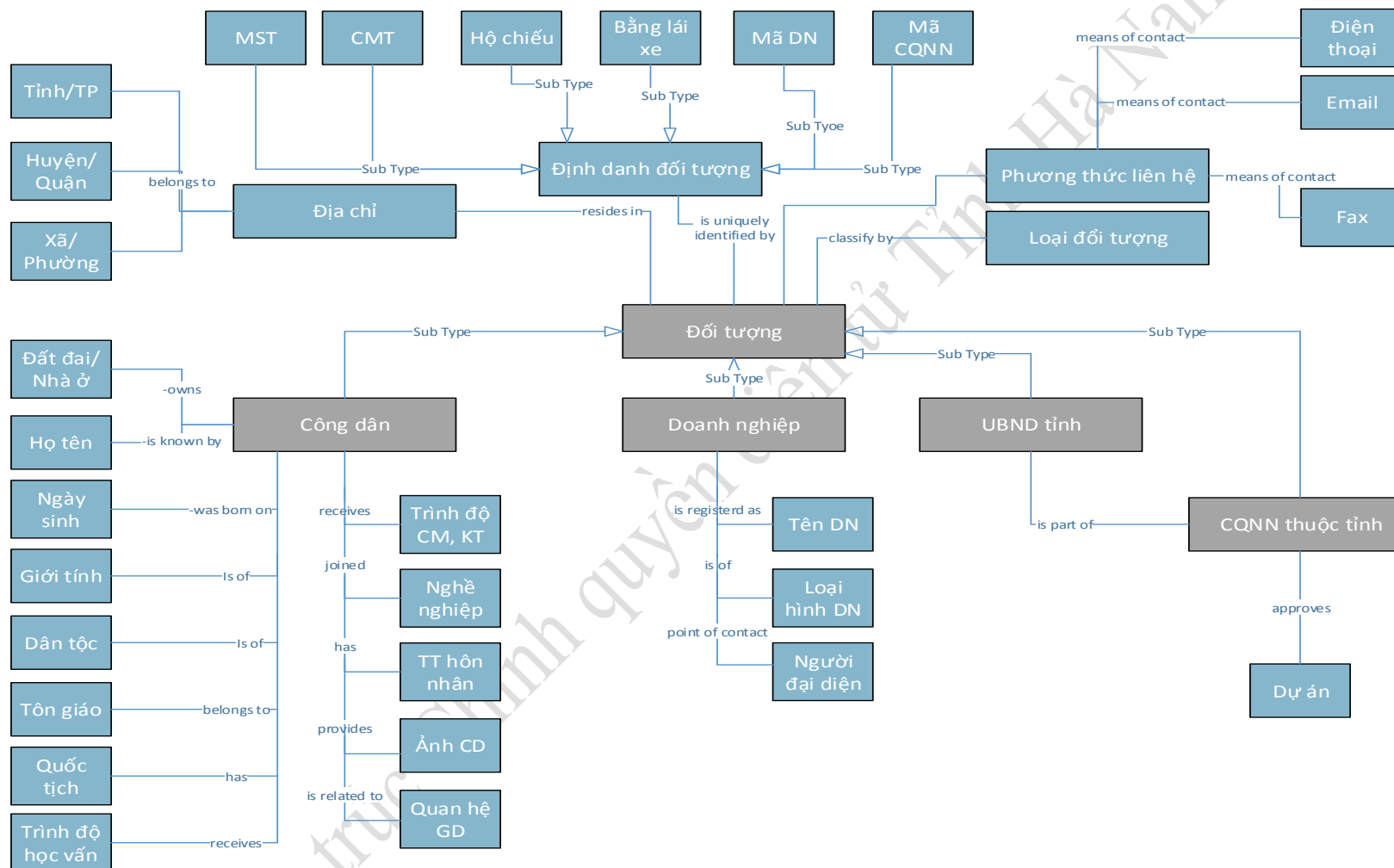
Căn cứ vào hướng dẫn tại Công văn số 1178/BTTTT-THH, các ứng dụng trên có thể được sắp xếp vào các nhóm ứng dụng trong mô hình Khung kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông như sau:

Bảng 29: Ánh xạ với thành phần Ứng dụng và CSDL theo công văn số 1178/BTTTT-THH

STT	Tên ứng dụng
I	Ứng dụng nội bộ
1	Quản lý cán bộ, công chức
2	Quản lý văn bản và điều hành
3	Quản lý kế toán, tài chính
4	Quản lý tài sản
II	Ứng dụng cấp tỉnh
1	Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ
2	Cổng thông tin điện tử của tỉnh
3	Cổng DVCTT
4	Một cửa điện tử
5	Các ứng dụng thuộc Ứng dụng kỹ thuật dùng chung
III	Ứng dụng cấp quốc gia
	Các hệ thống có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương theo mô tả tại điểm d, mục 3, phần 5.
IV	Ứng dụng về tổng hợp và báo cáo
	Nhóm ứng dụng Cung cấp thông tin

6.3.5.2. Cơ sở dữ liệu**a) Mô hình dữ liệu mức khái niệm của kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam**

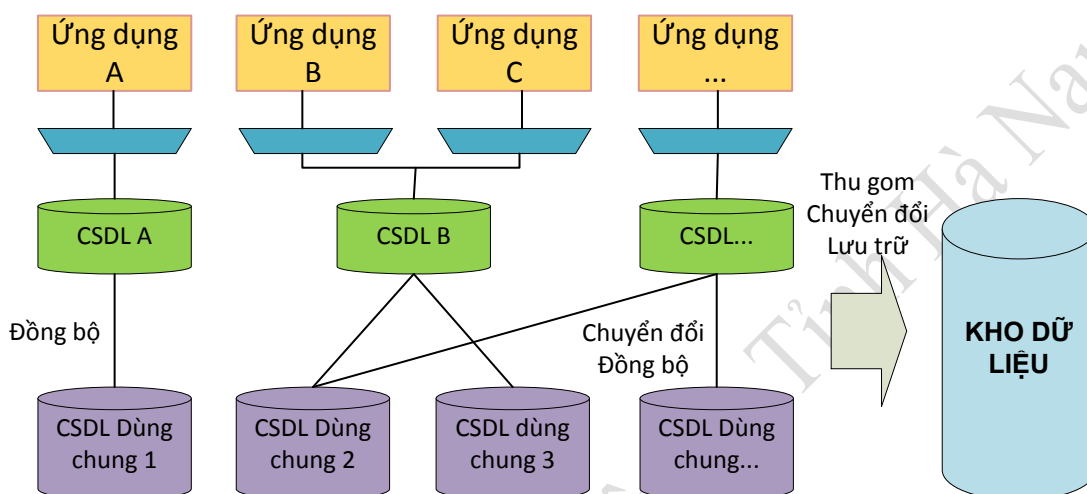
Căn cứ kết quả phân tích mô hình liên thông nghiệp vụ, thông tin tại Mục IV, đã xác định các đối tượng dữ liệu khuyến nghị dùng chung, chia sẻ trong kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam. Đơn vị tư vấn xây dựng mô hình dữ liệu mức khái niệm dùng làm định hướng thiết kế, triển khai, quản lý cơ sở dữ liệu thuộc kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh như sau.



Hình 24: Mô hình dữ liệu mức khái niệm của tỉnh Hà Nam

b) Tổng quan về Cơ sở dữ liệu trong Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam

Hình sau đây mô tả tổng quan về CSDL dùng chung và CSDL phục vụ ứng dụng trong mô hình Kiến trúc Hà Nam:



Hình 25: Tổng quan cơ sở dữ liệu Hà Nam

Một trong những nguyên tắc xây dựng cơ sở dữ liệu của Hà Nam là dữ liệu phải chia sẻ được giữa các cơ quan (sở, ban ngành) và giữa các hệ thống. Tuy nhiên, cần phải xác định cơ quan nào sẽ sở hữu/quản lý cơ sở dữ liệu nào. Đối với cơ sở dữ liệu do cơ quan sở hữu, đó là cơ sở dữ liệu chính thống, là dữ liệu gốc được tạo ra và được cập nhật hoặc xóa.

Quản lý vòng đời dữ liệu:

Dữ liệu cần phải được quản lý từ khi tạo ra, lưu vào CSDL, sử dụng, chia sẻ, đến khi lưu trữ và tiêu hủy. Song song với đó là việc quản lý chất lượng của dữ liệu và quản trị dữ liệu. Sáu bước trong quá trình quản lý vòng đời dữ liệu được khái quát như sau:



Hình 26: Quản lý vòng đời dữ liệu

- Khởi tạo dữ liệu:

- + Xác định các khả năng sẵn sàng của việc phân loại và dán nhãn dữ liệu
- + Quản lý quyền truy cập dữ liệu
- + Đối với các dữ liệu cần được bảo vệ, phải tiến hành mã hóa ngay tại chỗ, ngay trên máy tạo ra dữ liệu đó, ngay khi các dữ liệu đó được tạo ra, trước khi tiến hành bất kỳ thao tác nào khác, bao gồm cả việc lưu giữ lại các dữ liệu đó
- + Để việc tạo ra dữ liệu sạch, cần tới môi trường tạo ra dữ liệu sạch, vì thế khuyến cáo sử dụng các thiết bị, môi trường nền tảng hệ điều hành, phần mềm tạo dữ liệu từ các nhà cung cấp uy tín.

- Lưu giữ dữ liệu:

- + Xác định các kiểm soát truy cập sẵn sàng trong hệ thống tệp, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, hệ quản trị tài liệu, ...
- + Các giải pháp mã hóa, như đối với thư điện tử, truyền dẫn mạng, cơ sở dữ liệu, các tệp và các hệ thống tệp. Lưu ý: các dữ liệu được lưu giữ ở bước này là các dữ liệu đã được mã hóa rồi từ bước trước - bước Khởi tạo dữ liệu để tránh việc dữ liệu chưa được mã hóa bị rò rỉ trên đường truyền

- + Sử dụng các công cụ hỗ trợ chống rò rỉ dữ liệu để kiểm soát dữ liệu và cũng khuyến cáo nên thực hiện ngay từ bước Khởi tạo dữ liệu

- Sử dụng dữ liệu:

+ Dữ liệu chia sẻ phải được giám sát và bên được chia sẻ phải tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin dữ liệu

+ Kiểm soát dữ liệu ở mức đối tượng sử dụng các giải pháp được cung cấp sẵn của hệ thống quản trị dữ liệu

+ Bổ sung thêm việc mã hóa trên đường truyền khi việc chia sẻ dữ liệu được thực hiện qua mạng

- Lưu trữ dữ liệu:

+ Dữ liệu được lưu trữ vào băng từ hoặc các thiết bị lưu trữ phải được mã hóa (thực hiện từ bước tạo dữ liệu)

+ Quản lý và theo dõi

- Tiêu hủy dữ liệu:

+ Băm nhỏ mật mã: tiêu hủy tất cả các tư liệu chủ chốt có liên quan tới dữ liệu được mã hóa.

+ Xóa an toàn thông qua việc quét sạch đĩa và các kỹ thuật liên quan.

+ Tiêu hủy vật lý, tiêu hủy các lưu trữ vật lý (băng từ, ổ đĩa...).

Nhằm đảm bảo sự tương thích, thông suốt và an toàn thông tin, việc thực hiện kết nối các cơ sở dữ liệu phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Xác định các thực thể dữ liệu chung cốt lõi và mô hình dữ liệu mà biểu diễn các thực thể dữ liệu chung quan trọng được sử dụng trong các sở ban ngành để chia sẻ và trao đổi dữ liệu;

- Thiết lập các tiêu chuẩn dữ liệu mô tả cho các thực thể dữ liệu cốt lõi, thông dụng để sử dụng trong suốt các sở ban ngành để cho phép trao đổi và xử lý dữ liệu dễ hơn, hiệu quả hơn;

- Xây dựng mô hình dữ liệu đích dựa trên các tiêu chuẩn và các hướng dẫn để hợp nhất các thực thể dữ liệu;

- Định nghĩa lược đồ dữ liệu chuẩn để trao đổi dữ liệu.

Căn cứ vào phân tích hiện trạng và xác định mô hình kiến trúc tương lai của Hà Nam, các CSDL được chia thành các nhóm như sau:

- Nhóm CSDL phục vụ ứng dụng: Mỗi ứng dụng thuộc một trong các nhóm ứng dụng đã xác định ở trên cần có cơ sở dữ liệu để phục vụ chính nó (Cơ sở dữ liệu phục vụ ứng dụng);

- Nhóm CSDL dùng chung: Các cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực phục vụ việc lưu trữ thông tin về ngành, lĩnh vực đó, từ đó chia sẻ với các

ngành, lĩnh vực khác. Các CSDL này đã được xác định tại Phần V - Mô hình liên thông nghiệp vụ, thông tin tỉnh Hà Nam;

- Kho dữ liệu: Phục vụ các công tác thống kê, báo cáo.

Các Cơ sở dữ liệu phục vụ ứng dụng sẽ do các cơ quan phụ trách các nhóm thủ tục hành chính quản lý, sở hữu. Các CSDL dùng chung sẽ được giao cho các cơ quan (các Sở) phù hợp.

Dữ liệu có cùng cấu trúc có thể được đồng bộ trực tiếp giữa CSDL ứng dụng và CSDL dùng chung. Với các dữ liệu không có cùng cấu trúc (do một số ứng dụng có từ trước khi Kiến trúc Hà Nam được xây dựng) thì cần chuyển đổi cho phù hợp với cấu trúc mới của dữ liệu CSDL dùng chung trước khi được đồng bộ.

Về việc khai thác dữ liệu của Bộ, ngành:

- Đối với các hệ thống thông tin có quy mô triển khai từ Trung ương đến địa phương (theo Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT), Tỉnh thường là đối tượng sử dụng cuối (end user) của các hệ thống do các Bộ chuyên ngành triển khai. Do đó, dữ liệu thường hạn chế, chỉ phục vụ nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn tương ứng. Các Bộ Chủ quản có thể nâng cấp hệ thống để có thể cung cấp ở dạng dịch vụ dữ liệu được đăng ký trên NGSP để các địa phương có thể khai thác theo nhu cầu của mình (việc làm này phụ thuộc vào Bộ chủ quản).

- Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu thực tế về việc khai thác dữ liệu thuộc các hệ thống triển khai từ Trung ương đến địa phương, Tỉnh có thể làm việc với các Bộ chủ quản để xác định nhu cầu cụ thể, cơ chế khai thác dữ liệu.

- Căn cứ vào hệ thống triển khai từ Trung ương đến địa phương, một số Phương án để Tỉnh có thể kết nối với hệ thống của các Bộ chủ quản lấy dữ liệu về phục vụ nhu cầu của Tỉnh như sau:

+ Phương án 1: Hệ thống của Bộ chủ quản cho phép kết nối một cách tự động để lấy dữ liệu về kho dữ liệu của Tỉnh. Tỉnh xây dựng các công cụ phục vụ việc phân tích, khai phá dữ liệu theo nhu cầu riêng của mình;

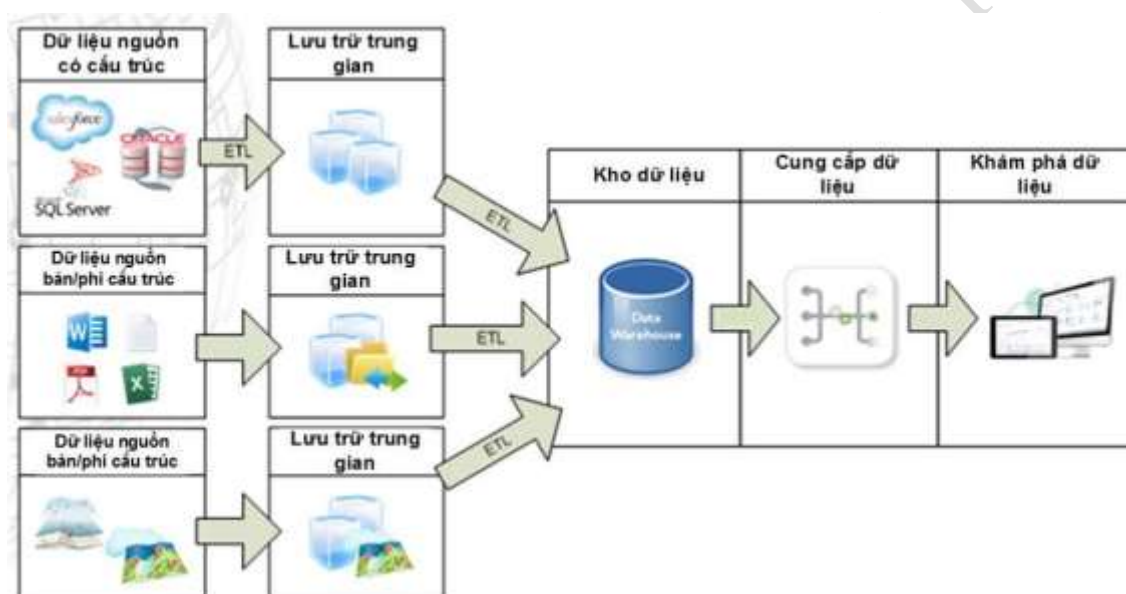
+ Phương án 2: Hệ thống của Bộ chỉ xuất ra dữ liệu dạng tệp (.xls, .doc, csv...) tại một địa chỉ có thể truy cập được, Tỉnh sẽ lấy tệp dữ liệu theo định kỳ (ví dụ như theo giờ, theo ngày, theo tuần... theo cơ chế khai thác đã thống nhất giữa Bộ chủ quản và Tỉnh) về kho dữ liệu của Tỉnh, sau đó, thực hiện phân tích, khai phá dữ liệu theo nhu cầu riêng của mình.

- Căn cứ vào nhu cầu thực tế về dữ liệu, giải pháp kỹ thuật của hệ thống

của Bộ chủ quản, việc kết nối để lấy dữ liệu về kho dữ liệu của Tỉnh có thể thực hiện trực tiếp với hệ thống của Bộ hoặc thông qua Hệ thống LGSP của Tỉnh và được phân tích xác định cụ thể ở giai đoạn lập dự án xây dựng kho dữ liệu của Tỉnh.

Kho dữ liệu (Data warehouse) và Tổng hợp, thống kê, phân tích, báo cáo:

Kho dữ liệu CQĐT Hà Nam được thiết kế để hỗ trợ việc phân tích, khai thác dữ liệu và lập báo cáo. Nó bao gồm cả các quá trình thu gom, chuyển đổi và lưu dữ liệu vào kho. Việc thu gom, chuyển đổi và lưu dữ liệu cơ bản như hình sau:



Hình 27: Mô hình tổng thể lưu dữ liệu vào Kho dữ liệu

Thu gom dữ liệu (Extracts - E):

+ Thu gom dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Trong mô hình CQĐT Hà Nam có rất nhiều ứng dụng khác nhau mà mỗi ứng dụng đảm nhiệm một nhiệm vụ công việc khác nhau, và đây là công việc đi thu gom dữ liệu từ các nguồn của các ứng dụng này.

Chuyển đổi dữ liệu (Transforms - T):

+ Việc chuyển đổi này phải gắn với mục đích, đó là chuyển đổi từ các dữ liệu nghiệp vụ của các ứng dụng thành các dữ liệu phân tích, đồng thời phải tối ưu hóa cho mục đích phân tích dữ liệu này. Các dữ liệu phân tích này sẽ phục vụ Chính quyền Hà Nam trong phân tích các chỉ tiêu (kinh tế, xã hội...), tổng hợp số liệu, báo cáo thông kê, hỗ trợ ra quyết định. Ngoài ra, chuyển đổi dữ liệu còn

tham gia vào một mục đích khác, đó là làm sạch dữ liệu.

Lưu dữ liệu (Load - L):

+ Sau khi dữ liệu được chuyển đổi thì toàn bộ dữ liệu này được đưa vào một nơi lưu trữ mới, đó chính là Kho dữ liệu. Đây là giai đoạn kết thúc quá trình ETL.

Việc dùng ETL dữ liệu nhằm chuyển đổi mục đích và tối ưu hóa mục đích sử dụng dữ liệu của các ứng dụng từ ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày, sang mục đích khai thác, vận hành, và phân tích các dữ liệu này để phục vụ mục đích phân tích các chỉ tiêu (kinh tế, xã hội...), tổng hợp số liệu, báo cáo thống kê, hỗ trợ ra quyết định nói trên. Các nguồn dữ liệu có thể bao gồm cả dữ liệu được thuộc phạm vi quản lý của Tỉnh và cả dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của các bộ, ngành, địa phương khác.

c) **Danh sách cơ sở dữ liệu dùng chung Hà Nam**

Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 về việc Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử đã xác định danh mục CSDL quốc gia cần ưu tiên triển khai gồm: CSDL quốc gia về Dân cư; CSDL đất đai quốc gia; CSDL về đăng ký doanh nghiệp; CSDL về Thống kê tổng hợp về dân số; CSDL quốc gia về Tài chính; CSDL quốc gia về Bảo hiểm. Trong trường hợp các CSDL quốc gia này chưa được triển khai hoặc chưa đáp ứng được nhu cầu của tỉnh Hà Nam, Tỉnh cần căn cứ nhu cầu thực tế của mình có thể triển khai xây dựng các CSDL dùng chung của Tỉnh để lưu trữ các đối tượng dữ liệu thuộc phạm vi CSDL quốc gia tương ứng theo Quyết định số 714/QĐ-TTg. Việc xây dựng các CSDL dùng chung của tỉnh này cần phải xin ý kiến các cơ quan chủ quản.

Như vậy, ngoài các CSDL của các ứng dụng, đơn vị tư vấn đề xuất Hà Nam có một số các CSDL dùng chung như sau :

Bảng 30: Danh sách CSDL dùng chung đề xuất cho tỉnh Hà Nam

STT	Tên CSDL	Thông tin chính
1	CSDL cán bộ, công chức	Thông tin về cán bộ, công chức
2	CSDL Dân cư	Thông tin về công dân
3	CSDL Đất đai	Thông tin về đất đai
4	CSDL về Thuế	Thông tin về thuế
5	CSDL về Hộ tịch	Thông tin về hộ tịch

6	CSDL về Dự án	Thông tin về dự án
Kho dữ liệu		
7	Tổng hợp, thống kê, báo cáo	Kho dữ liệu phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, thống kê, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định

Đối với dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp: Hiện tại Bộ KHĐT đã có CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp, hệ thống này chỉ cho phép tra cứu thông tin ở mức độ thủ công tại Cổng thông tin điện tử đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Ngoài các nhu cầu về tra cứu thông tin thủ công, tỉnh còn có nhu cầu về tổng hợp, phân tích thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của Tỉnh, do đó, đơn vị tư vấn đề xuất giải pháp cho phép kết nối, truyền tải dữ liệu từ CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp về kho dữ liệu của Tỉnh thay vì xây dựng mới CSDL này tại Tỉnh.

6.3.6. Dịch vụ chia sẻ và tích hợp

Danh mục các dịch vụ bao gồm:

Bảng 31: Danh mục các dịch vụ chia sẻ và tích hợp

TT	Danh mục các dịch vụ chia sẻ và tích hợp	Chức năng chính của dịch vụ
1	Các dịch vụ tài sản thông tin và đăng ký: Dịch vụ thư mục, dịch vụ đăng ký, dịch vụ quản lý tài khoản	Xem phần 6.2.2 Mô tả các thành phần trong LGSP
2	Các dịch vụ an toàn: Dịch vụ xác thực cấp quyền,	Xem phần 6.2.2 Mô tả các thành phần trong LGSP
3	Các dịch vụ đối tác: Dịch vụ thanh toán điện tử, các dịch vụ giá trị gia tăng	Xem phần 6.2.2 Mô tả các thành phần trong LGSP
4	Các dịch vụ điều phối	Xem phần 6.2.2 Mô tả các thành phần trong LGSP
5	Các dịch vụ truy cập	Xem phần 6.2.2 Mô tả các thành phần trong LGSP. Chi tiết danh sách các dịch vụ truy cập được trình bày ngay bên

		dưới.
6	Các dịch vụ quy trình	Xem phần 6.2.2 Mô tả các thành phần trong LGSP
7	Các dịch vụ quản lý	Xem phần 6.2.2 Mô tả các thành phần trong LGSP
8	Các dịch vụ thông tin	Xem phần 6.2.2 Mô tả các thành phần trong LGSP
9	Các dịch vụ tương tác	Xem phần 6.2.2 Mô tả các thành phần trong LGSP
10	Dịch vụ phát triển	Xem phần 6.2.2 Mô tả các thành phần trong LGSP

Việc xác định các dịch vụ trao đổi thông tin/dữ liệu được dựa trên các nguyên tắc của kiến trúc hướng dịch vụ (SOA) với LGSP là trung tâm điều phối việc tích hợp. Căn cứ thực tế của các ứng dụng kết nối tới LGSP, giao diện kết nối giữa LGSP và các ứng dụng trong chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam được chi tiết giai đoạn lập dự án để đảm bảo sự phù hợp. Giao diện kết nối là API (Giao diện lập trình ứng dụng), WS (Dịch vụ web), Giao thức truyền file (FTP), Giao thức truy cập đối tượng đơn giản (SOAP), Giao thức đáp ứng kiến trúc kiểu REST, XML. Kiến trúc chính quyền điện tử Tỉnh Hà Nam sử dụng tối thiểu 02 giao diện là API và WS để làm giao diện giữa LGSP và các ứng dụng trong chính quyền điện tử của Hà Nam để đảm bảo tính định hướng đồng bộ, nhất quán trong toàn bộ hệ thống.

Căn cứ trên danh sách các ứng dụng, danh sách các dịch vụ trao đổi thông tin thuộc thành phần hạ tầng trao đổi thông tin thuộc LGSP của Tỉnh Hà Nam:

Bảng 32: Danh sách các dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin và dữ liệu các nhóm TTHC có thủ tục liên thông và các ứng dụng có kết nối đến LGSP:

STT	Tên dịch vụ	Mô tả
1	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho Cổng thông tin điện tử	Bộ kết nối để kết nối cổng thông tin điện tử, cổng dịch vụ công nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu giữa Cổng với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP

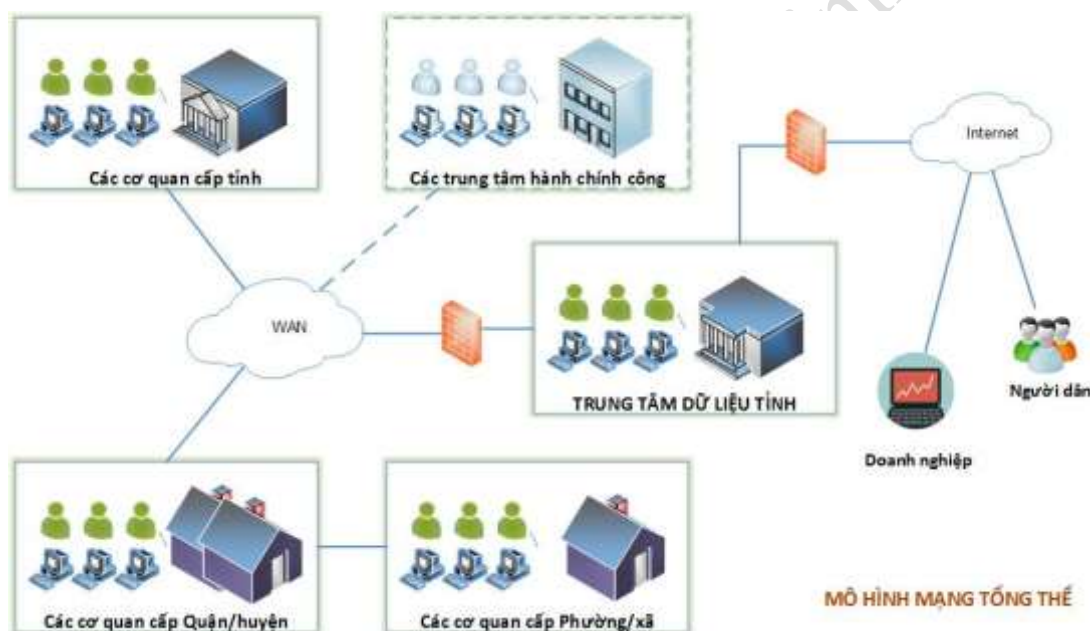
2	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ	Bộ kết nối để kết nối hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu giữa Hệ thống với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
3	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin các ứng dụng DVCTT hiện tại được xác định tại Mục 3.4	Các bộ kết nối để kết nối các ứng dụng DVCTT hiện tại nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu giữa các DVCTT này với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
4	Hai mươi (20) nhóm dịch vụ truy cập để trao đổi thông tin phục vụ triển khai DVCTT cho 20 nhóm thủ tục hành chính (trương ứng với 597 thủ tục hành chính) ưu tiên triển khai giai đoạn 2016-2020	Hai mươi (20) bộ kết nối để kết nối Cổng dịch vụ công trực tuyến với các ứng dụng, CSDL khác thông qua LGSP để trao đổi thông tin và dữ liệu trong việc thực hiện các thủ tục hành chính tương ứng được liệt kê tại Mục 6.3.4.
5	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho ứng dụng Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng	Bộ kết nối để kết nối Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
6	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho ứng dụng Quản lý kế toán, tài chính	Bộ kết nối để kết nối ứng dụng Quản lý kế toán, tài chính nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
7	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho Ứng dụng Quản lý tài sản	Bộ kết nối để kết nối Ứng dụng Quản lý tài sản nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
8	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho ứng dụng Quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Bộ kết nối để kết nối ứng dụng Quản lý cán bộ, công chức, viên chức nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
9	Dịch vụ truy cập phục vụ trao	Bộ kết nối để kết nối Nhắc việc nhằm trao

	đổi thông tin cho Nhắc việc	đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
10	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho ứng dụng lưu trữ, chia sẻ file	Bộ kết nối để kết nối ứng dụng Ứng dụng lưu trữ, chia sẻ file nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
11	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam	Bộ kết nối để kết nối Hệ thống thông tin quản lý kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
12	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho ứng dụng Chữ ký số	Bộ kết nối để kết nối ứng dụng Chữ ký số nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
13	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho ứng dụng Quản lý danh mục dùng chung	Bộ kết nối để kết nối ứng dụng Quản lý danh mục dùng chung nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
14	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho ứng dụng Phân tích, Thống kê, Tổng hợp, Báo cáo	Bộ kết nối để kết nối ứng dụng Phân tích, Thống kê, Tổng hợp, Báo cáo nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
15	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho ứng dụng Hội nghị truyền hình	Bộ kết nối để kết nối ứng dụng Hội nghị truyền hình nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
16	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho Hệ thống thư điện tử	Bộ kết nối để kết nối ứng dụng Hệ thống thư điện tử nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
17	Dịch vụ truy cập phục vụ trao	Bộ kết nối để kết nối ứng dụng vận hành hệ

	đổi thông tin cho ứng dụng vận hành hệ thống	thống nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP
18	Dịch vụ truy cập phục vụ trao đổi thông tin cho nhóm ứng dụng Hỗ trợ người dùng	Bộ kết nối để kết nối nhóm ứng dụng Hỗ trợ người dùng nhằm trao đổi thông tin/dữ liệu với các ứng dụng khác hoặc CSDL thông qua LGSP

6.3.7. Hạ tầng kỹ thuật

6.3.7.1. Mô hình mạng tổng thể của Hà Nam



Hình 28 : Mô hình mạng tổng thể Hà Nam

- Hệ thống mạng diện rộng WAN được hoàn thiện để tạo một môi trường kết nối bằng thông rộng, bảo mật cao đến tất cả các cơ quan chính quyền (từ cấp tỉnh đến cấp xã), phục vụ việc triển khai ứng dụng và quản lý nhà nước, đồng thời cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp một cách thuận tiện nhất.

- Mạng diện rộng Hà Nam được thiết lập bằng cách kết nối các mạng LAN của các cơ quan cấp tỉnh, cơ quan cấp huyện, cơ quan cấp phường/xã/thị trấn với trung tâm dữ liệu tỉnh và với nhau (Tỉnh Hà Nam chưa xây dựng mô hình Trung tâm hành chính công. Trong tương lai, nếu tỉnh Hà Nam xây dựng các trung tâm hành chính công, các trung tâm này cũng sẽ được kết nối đến Trung tâm dữ liệu tỉnh).

(1) Trung tâm dữ liệu tỉnh: Trong tương lai, tỉnh Hà Nam sẽ tiếp tục đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh để là nơi cung cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các ứng dụng, cơ sở dữ liệu phục vụ toàn bộ hệ thống chính phủ điện tử của Hà Nam. Đó là nơi đặt các cơ sở dữ liệu (bao gồm CSDL phục vụ ứng dụng và CSDL dùng chung, kho dữ liệu), các ứng dụng phục vụ người dân/doanh nghiệp, các ứng dụng phục vụ cán bộ/công chức của Hà Nam. Mô hình tổng thể của Trung tâm dữ liệu sẽ được nêu tại phần sau.

(2) Mạng LAN của các cơ quan cấp tỉnh gồm: UBND tỉnh, Các sở/Ban/Ngành thuộc/trực thuộc UBND tỉnh. Bên cạnh đó, có thể có một số cơ quan ngoài chính quyền nhưng sẽ tham gia vào mô hình chính quyền điện tử của Hà Nam, ví dụ: Tỉnh ủy, HĐND, các hội.

(3) Mạng LAN của các cơ quan cấp Huyện. Đây là các đơn vị đầu mối thực hiện các thủ tục hành chính công theo phân cấp.

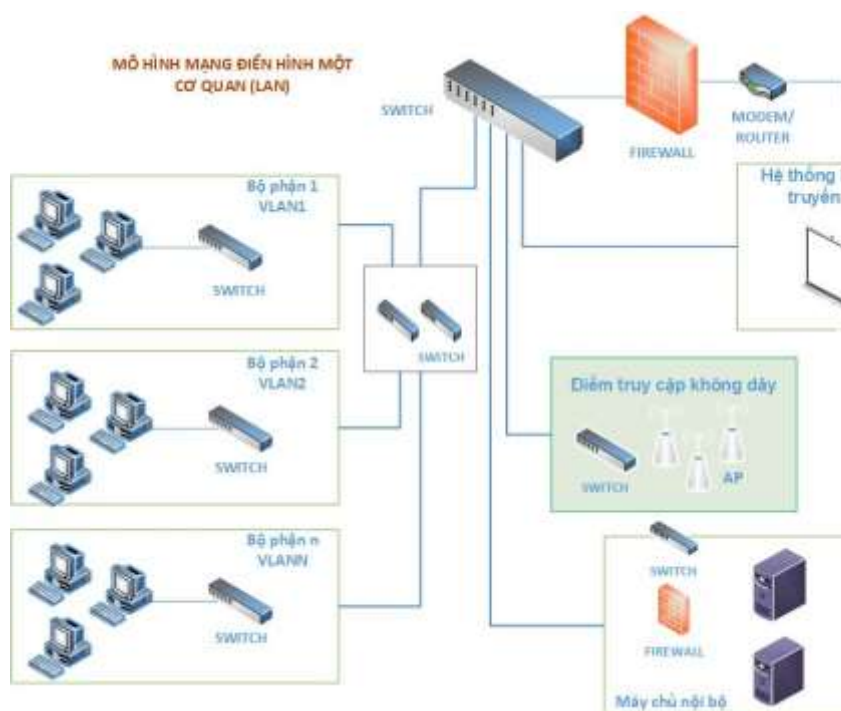
(4) Mạng LAN của các cơ quan cấp Phường, Xã, Thị trấn gồm: UBND các Phường, Xã, Thị trấn. Đây là các đơn vị đầu mối thực hiện các thủ tục hành chính công theo phân cấp. Mạng LAN của các cơ quan này kết nối với mạng LAN của cơ quan cấp Huyện, tạo thành các mạng WAN có quy mô nhỏ hơn trước khi kết nối tới trung tâm dữ liệu của tỉnh.

(5) Các trung tâm hành chính công Hà Nam:

Đây là thành phần có thể có trong tương lai khi Hà Nam triển khai mô hình trung tâm hành chính công. Trong bản kiến trúc này, việc đưa vào mô hình này có tính minh họa. Trung tâm hành chính công là đơn vị đầu mối tiếp nhận và giải quyết hồ sơ các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Tại đây cung cấp nhiều kênh giao tiếp với người dân như: Trực tiếp tại bộ phận 1 cửa, các thiết bị như máy tính, kios phục vụ công tác tra cứu, nộp hồ sơ trực tuyến. Trong kiến trúc Hà Nam, các trung tâm này kết nối tới Trung tâm dữ liệu tỉnh thông qua mô hình mạng tổng thể Hà Nam.

Đường truyền WAN vật lý có thể là các đường cáp dùng riêng kết nối trực tiếp, hoặc là các kênh thuê riêng hoặc cũng có thể sử dụng các kênh VPN được bảo mật giao thức trên đường truyền Internet.

6.3.7.2. Mô hình mạng điển hình của một cơ quan



Hình 29: Mô hình mạng điển hình một cơ quan

Hình trên đây mô tả mô hình mạng điển hình của một cơ quan tại tỉnh Hà Nam. Mặc dù mạng LAN đã trang bị hầu hết tại các cơ quan/đơn vị của Hà Nam, tuy nhiên, trong tương lai, khi có điều kiện, hệ thống mạng này cần được chuẩn hóa để tăng tính ổn định, bảo mật và dễ dàng hơn trong việc quản lý.

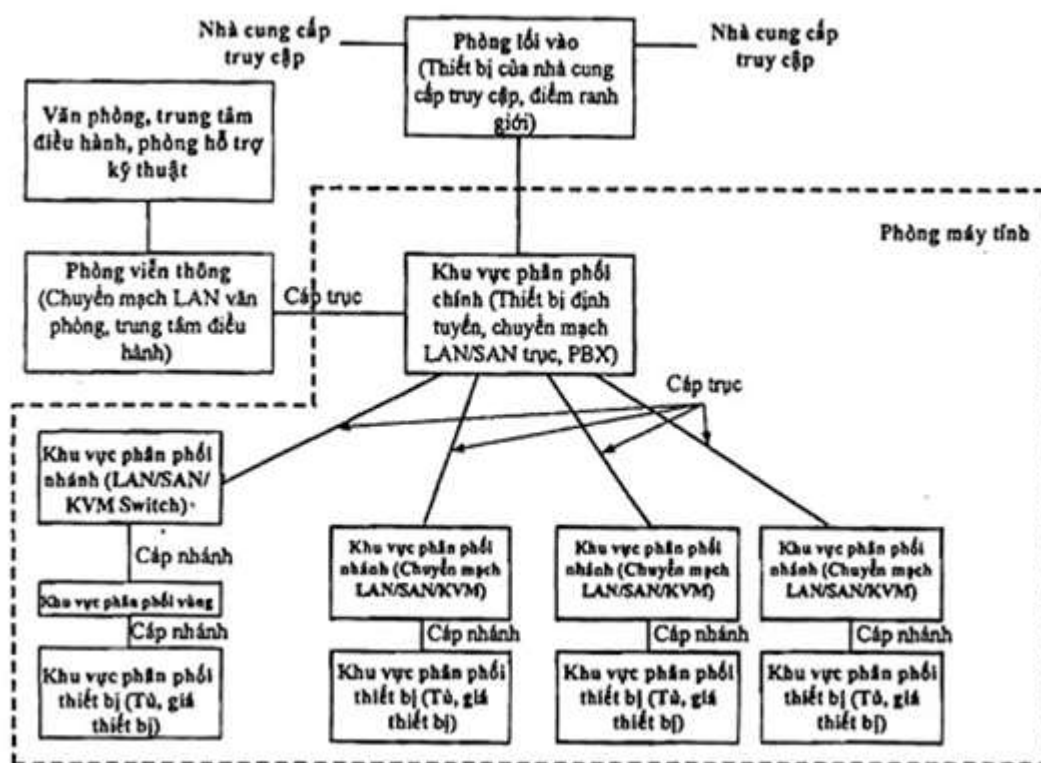
Theo xu hướng chung, hạ tầng CNTT tại các cơ quan/đơn vị chủ yếu phục vụ đáp ứng các yêu cầu về sử dụng, khai thác của người dùng cuối là lãnh đạo, cán bộ công chức viên chức mà không quá nặng về quản lý vận hành. Hạ tầng CNTT của các cơ quan/đơn vị cần quan tâm hoàn thiện, bảo đảm đáp ứng yêu cầu công việc gồm: Máy chủ phục vụ một số nhu cầu đặc thù của cơ quan (tùy từng cơ quan), máy tính làm việc cá nhân, các thiết bị phục vụ kết nối LAN trong cơ quan, các trang thiết bị CNTT phụ trợ cần thiết: thiết bị trình chiếu, máy in, máy photo, máy quét, camera...

Mạng LAN của các cơ quan cần được chia thành các VLAN tương ứng, đảm bảo mỗi VLAN là một vùng đảm nhận các chức năng, công việc cụ thể, riêng biệt. Các VLAN có thể chia theo các bộ phận phòng ban thuộc cơ quan và/hoặc chia theo mục đích như cho hệ thống hội nghị truyền hình, cho phòng máy chủ nội bộ hay cho các điểm truy cập không dây trong cơ quan. Trong trường hợp có quá nhiều bộ phận, cần bố trí các thiết bị mạng (các bộ chuyển mạch- Switch) hợp lý để tránh quá tải và tắc nghẽn băng thông đường truyền.

Đối với mỗi cơ quan tùy theo quy mô và điều kiện cũng cần trang bị các thiết bị phần cứng hoặc phần mềm tương lửa để đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

6.3.7.3. Mô hình triển khai trung tâm dữ liệu

(1) Mô hình tổng quan nhà trạm trung tâm dữ liệu



Hình 30 : Mô hình nhà trạm cơ bản

Theo tiêu chuẩn quốc gia về Trung tâm dữ liệu - Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông TCVN 9250:2012, các yêu cầu đối với nhà trạm Trung tâm dữ liệu gồm các thành phần chính như sau: phòng đầu nối cáp viễn thông, khu vực phân phối chính (MDA), khu vực phân phối nhánh (HDA), khu vực phân phối vùng (ZDA) và khu vực phân phối thiết bị (EDA).

Tùy theo khả năng tài chính và sự khảo sát thực tế, quy mô đầu tư, khi xây dựng Trung tâm dữ liệu, Hà Nam cần lựa chọn mô hình Trung tâm dữ liệu phù hợp. Các thành phần nêu ra ở đây chỉ có tính chất tham khảo. Chi tiết các thành phần như sau:

+ Phòng đầu nối cáp viễn thông là không gian giao tiếp giữa hệ thống cáp thuộc nhà trạm và hệ thống cáp giữa các tòa nhà, bao gồm cả cửa nhà cung cấp dịch vụ và cửa khách hàng. Không gian này bao gồm phần cứng phân cách của

nhà cung cấp truy cập và thiết bị của nhà cung cấp truy cập. Phòng lối vào cáp có thể nằm ngoài phòng máy tính nếu nhà trạm TTDL nằm trong một tòa nhà chứa cả các văn phòng dành cho mục đích sử dụng chung và các không gian khác nằm ngoài nhà trạm. Một nhà trạm có thể có nhiều phòng lối vào cáp. Phòng lối vào cáp giao tiếp với phòng máy tính thông qua MDA.

+ Khu vực phân phối chính bao gồm bộ đấu chéo chính (MC), là điểm phân phối trung tâm của hệ thống cáp thuộc nhà trạm, và có thể cả bộ đấu chéo nhánh (HC) nếu các khu vực thiết bị được phục vụ trực tiếp từ khu vực phân phối chính. Không gian này nằm trong phòng máy tính hoặc là một phòng riêng. Mỗi nhà trạm phải có ít nhất một khu vực phân phối chính. Các bộ định tuyến lõi của phòng máy tính, các bộ chuyển mạch LAN lõi, các bộ chuyển mạch SAN lõi, và PBX thường được đặt trong khu vực phân phối chính do không gian này là trung tâm của hệ thống cáp trong nhà trạm.

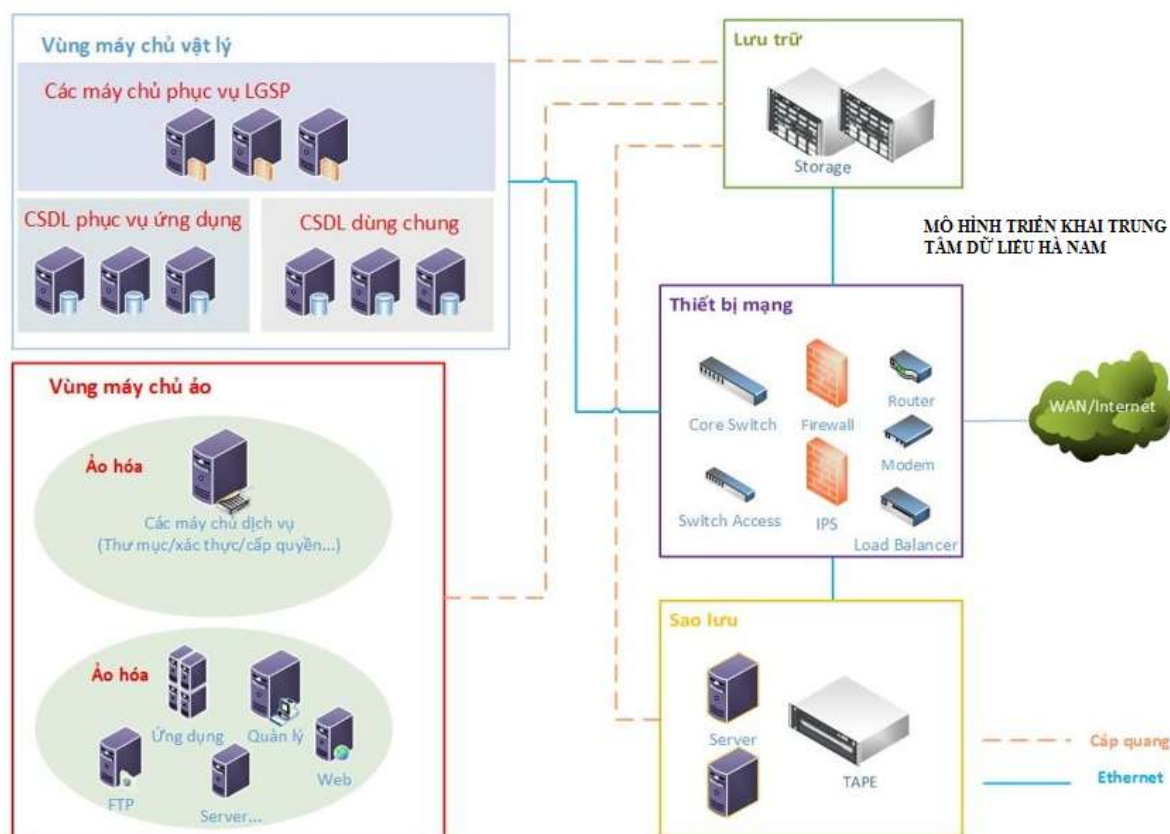
Khu vực phân phối chính có thể phục vụ một hoặc nhiều HDA hoặc EDA thuộc nhà trạm và một hoặc nhiều phòng viễn thông nằm bên ngoài không gian phòng máy tính để có thể hỗ trợ các không gian văn phòng, trung tâm điều hành và các phòng hỗ trợ nằm ngoài nhà trạm khác.

+ Khu vực phân phối nhánh (HDA) là khu vực phục vụ các khu vực thiết bị nếu HC không nằm trong khu vực phân phối nhánh. Do vậy, HDA có thể chứa cả HC, đây là điểm phân phối hệ thống cáp nối đến các EDA. HDA nằm trong phòng máy tính, hoặc có thể nằm trong một phòng riêng thuộc phòng máy tính. HDA thường bao gồm các chuyển mạch LAN, các chuyển mạch SAN, và bán phím/màn hình /chuột (KVM) dành cho thiết bị cuối trong các khu vực phân bố thiết bị. Một nhà trạm CNTT có thể có nhiều HDA hoặc không có HDA (nếu là nhà trạm loại nhỏ có toàn bộ phòng máy tính đã được hỗ trợ từ MDA).

+ Khu vực phân phối thiết bị (EDA) là không gian dành cho thiết bị cuối, bao gồm các hệ thống máy tính và thiết bị viễn thông. Không gian này không phục vụ các mục đích của phòng lối vào cáp, khu vực phân phối chính hoặc khu vực phân phối nhánh.

+ Khu vực phân phối vùng (ZDA) là một điểm kết nối tùy chọn thuộc hệ thống cáp nhánh. Khu vực này nằm giữa khu vực phân phối nhánh và khu vực phân phối thiết bị nhằm đạt được sự linh hoạt và khả năng cấu hình lại nhanh chóng.

(2) Mô hình tổng quan triển khai Trung tâm dữ liệu



Hình 31: Mô hình tổng quan triển khai trung tâm dữ liệu Hà Nam

Như đã phân tích tại phần hiện trạng, Trung tâm tích hợp dữ liệu Hà Nam được đầu tư và đi vào hoạt động từ năm 2008 (Nhận bàn giao từ văn phòng UBND theo đề án 112). Hiện tại, Trung tâm dữ liệu đang phục vụ các mục đích chính là Lưu trữ (hosting) và quản lý trang/cổng thông tin điện tử của tỉnh; Lưu trữ và quản lý hệ thống thư điện tử của tỉnh; Lưu trữ và quản lý hệ thống văn bản và điều hành tác nghiệp của tỉnh; Lưu trữ và quản lý các hệ thống quản lý nội bộ của tỉnh; Lưu trữ và quản lý các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Các điều kiện đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu còn chưa đạt.

Trong tương lai, Trung tâm dữ liệu Hà Nam được phát triển theo hướng trở thành hệ thống hạ tầng CNTT tập trung của toàn tỉnh, nơi triển khai, quản lý tập trung các hệ thống CNTT dùng chung của toàn tỉnh. Đáp ứng về các yêu cầu lưu trữ thông tin tập trung; triển khai nền tảng LGSP; triển khai và quản lý tập trung các hệ thống CSDL, dịch vụ CNTT, ứng dụng nghiệp vụ, ứng dụng hỗ trợ chính quyền, ứng dụng kỹ thuật dùng chung; cung cấp và kết nối truyền dẫn thông tin diện rộng trong và ngoài tỉnh (mạng WAN, mạng Internet); bảo đảm các yêu cầu an toàn, an ninh hệ thống thông tin của toàn tỉnh.

Với hạ tầng như vậy cũng không đáp ứng được việc triển khai Chính phủ điện tử theo Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam nên cần phải quy hoạch lại và nâng cấp.

Về cơ bản, mô hình trung tâm dữ liệu Hà Nam được chia thành 5 thành phần chính như sau:

a) Thiết bị mạng:

Gồm các thiết bị bảo mật và chống tấn công, các thiết bị cân bằng tải, các thiết bị định tuyến, phân luồng. Số lượng và cách bố trí chi tiết các thiết bị sẽ được xác định khi lập thiết kế trung tâm dữ liệu tỉnh.

b) Vùng máy chủ vật lý và vùng máy chủ ảo

Ở mô hình trung tâm dữ liệu tỉnh Hà Nam, chúng tôi đề xuất sử dụng công nghệ ảo hóa một phần cho một số máy chủ nhằm phân phối tài nguyên cho các máy chủ hợp lý hơn, tính sẵn sàng cao, triển khai ứng dụng mới đơn giản và nhanh chóng, từ đó tiết kiệm chi phí, nguồn lực.

Vùng máy chủ vật lý: Đây là các máy chủ cân hiệu năng và tính ổn định cao. Khi triển khai Nền tảng chia sẻ, tích hợp Hà Nam, một số thành phần chính trong nền tảng chia sẻ, tích hợp phục vụ các mục đích như chuyển mạch, chuyển đổi, định tuyến, phân phối... khi các yêu cầu xử lý tăng cao trong khoảng thời gian ngắn, sẽ đòi hỏi khả năng xử lý của hệ thống (phần cứng) rất cao. Vì vậy, các thành phần này yêu cầu được cài đặt trên các máy chủ vật lý. Ngoài ra, các máy chủ cơ sở dữ liệu cũng cần được cài đặt trên các máy chủ vật lý.

Vùng máy chủ ảo: Như đã phân tích lợi ích của việc áp dụng công nghệ ảo hóa ở trên, các máy chủ dịch vụ như dịch vụ thư mục, dịch vụ xác thực và cấp quyền, quản lý định danh... và các máy chủ ứng dụng, máy chủ web, máy chủ phục vụ quản lý và giám sát hệ thống và các máy chủ tương tự khác sẽ là các máy chủ ảo.

c) Lưu trữ

Do yêu cầu cao về tốc độ truy xuất cũng như mức độ an toàn của dữ liệu, đề xuất sử dụng các giải pháp lưu trữ bằng ổ đĩa mạng (SAN) cho toàn bộ trung tâm dữ liệu tỉnh. SAN thực chất là một mạng riêng tốc độ cao dùng cho việc truyền dữ liệu giữa các máy chủ tham gia vào hệ thống lưu trữ cũng như giữa các thiết bị lưu trữ với nhau. SAN cho phép thực hiện quản lý tập trung và cung cấp khả năng chia sẻ dữ liệu và tài nguyên lưu trữ. Hầu hết mạng SAN hiện nay dựa trên công nghệ kênh cáp quang, cung cấp cho người sử dụng khả năng mở rộng, hiệu năng và tính sẵn sàng cao. Chúng ta có thể thấy được một số ưu điểm của hệ thống SAN như sau:

- Có khả năng sao lưu dữ liệu với dung lượng lớn và thường xuyên mà không làm ảnh hưởng đến lưu lượng thông tin trên mạng.
- SAN đặc biệt thích hợp với các ứng dụng cần tốc độ và độ trễ nhỏ ví dụ như việc truy xuất thông tin từ nhiều CSDL để cung cấp cho cán bộ, công chức trong xử lý các thủ tục hành chính.
- Dữ liệu luôn ở mức độ sẵn sàng cao.
- Dữ liệu được lưu trữ thống nhất, tập trung và có khả năng quản lý cao. Có khả năng khôi phục dữ liệu nếu có xảy ra sự cố.
- Có khả năng mở rộng tốt trên cả phương diện số lượng thiết bị, dung lượng hệ thống cũng như khoảng cách vật lý.
- Mức độ an toàn cao do thực hiện quản lý tập trung cũng như sử dụng các công cụ hỗ trợ quản lý SAN.

d) Sao lưu

Việc sao lưu dữ liệu tại trung tâm dữ liệu tỉnh cần được thực hiện thường xuyên nhằm đảm bảo dữ liệu luôn được an toàn trong mọi sự cố xảy ra tác động đến hoạt động của hệ thống. Dữ liệu sao lưu có thể được lưu trữ trên ổ/tủ đĩa (Disk) và/hoặc trên băng từ (Tape). Với mỗi loại thiết bị lưu trữ đều có ưu và nhược điểm riêng. Đối với băng từ, giá thành rẻ và khả năng lưu trữ lớn, có thể lưu trữ bên ngoài hệ thống bằng cách thủ công, lưu trữ được lâu, tốc độ lưu trữ thấp. Đối với ổ đĩa, tuy hiệu năng cao hơn nhưng giá thành và chi phí cũng cao hơn, việc sao lưu đồng thời nhiều luồng nên rút ngắn thời gian sao lưu và khả năng phục hồi nhanh chóng.

e) Các thiết bị khác

Là các thiết bị nhằm đảm bảo hoạt động của phòng máy chủ liên tục như: Các thiết bị chống sét, các thiết bị cung cấp nguồn liên tục (UPS) và nguồn dự phòng, các thiết bị ổn định dòng điện, điện thế, các thiết bị làm mát...

6.3.7.4. Các dịch vụ cơ sở hạ tầng

Dịch vụ theo mô hình điện toán đám mây:

+ Bên cạnh việc phát triển một trung tâm dữ liệu vật lý tập trung toàn Tỉnh, việc sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây như: PaaS (máy chủ ứng dụng ảo hóa, máy chủ hệ điều hành ảo hóa, lưu trữ...), IaaS (máy chủ vật lý, chỗ đặt máy chủ vật lý, trang thiết bị kết nối mạng...) cũng giúp cho Hà Nam giải quyết phần nào bài toán về cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đối với xu hướng thuê ngoài dịch vụ cơ sở hạ tầng hiện nay;

+ Việc thuê ngoài dịch vụ cơ sở hạ tầng giúp cho tỉnh không phải đầu tư quá nhiều vào cơ sở hạ tầng công nghệ cũng như nguồn nhân lực để vận hành, trong khi vẫn đảm bảo đầy đủ cơ sở hạ tầng phục vụ cho các cơ quan, đơn vị của tỉnh theo yêu cầu phát triển chung việc phát triển chính quyền điện tử tỉnh;

- Dịch vụ hạ tầng khóa công khai (PKI): Các dịch vụ về cung cấp chứng thư số, dịch vụ chứng thực số (OCSP, CRL, Time stamp...) cho các cơ quan trong Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam. Việc cung cấp các dịch vụ hạ tầng khóa do Ban Cơ yếu Chính phủ phối hợp cùng Sở TTTT tỉnh Hà Nam thực hiện.

6.3.7.5. Các ứng dụng cơ sở hạ tầng

a) Ứng dụng nền tảng của Trung tâm dữ liệu

Nhằm đảm bảo khả năng giám sát hệ thống vận hành liên tục, phát hiện sớm các vấn đề có thể nảy sinh để ngăn chặn các thảm họa có thể xảy ra đối với toàn bộ hệ thống cơ sở hạ tầng đồng thời nâng cao năng suất và hiệu suất hoạt động, hạn chế thời gian phải ngừng hệ thống, trung tâm dữ liệu Hà Nam không thể thiếu các ứng dụng quản lý cơ sở hạ tầng. Hiện nay, tùy theo mỗi giải pháp nền tảng hoặc chủng loại thiết bị phần cứng cụ thể, có rất nhiều các ứng dụng quản lý cơ sở hạ tầng được các bên cung cấp. Tuy nhiên, các ứng dụng này cần có các chức năng cơ bản như:

- Quản lý hạ tầng, máy chủ, CSDL liên tục;
- Nhanh chóng xác định hiệu năng sử dụng và các vấn đề hiện hữu nhằm đưa ra các biện pháp;
- Cảnh báo khi hệ thống gặp các sự cố, quá tải, các vấn đề phản hồi hệ thống;
- Phân tích các lỗi, thống kê lịch sử, hiệu suất theo thời gian thực, phân tích xu hướng của hệ thống;
- Dễ làm chủ ứng dụng, dễ cài đặt và hỗ trợ đa nền tảng.

b) Ứng dụng nền tảng triển khai hệ thống LGSP và các ứng dụng kỹ thuật dùng chung

Để triển khai nền tảng chia sẻ tích hợp cấp tỉnh LGSP không thể thiếu các ứng dụng nền tảng như: Hệ điều hành máy chủ (Server Operating system), Tích hợp (Integration); Quản lý định danh (Identify management), Quản lý quy trình nghiệp vụ (Business Process Management); Giám sát quy trình xử lý nghiệp vụ (Business Activity Monitoring); Xử lý và phân tích sự kiện phức hợp (Complex

Event Processing); Vận hành các quy định dùng chung (Business Rule Management); Dịch vụ dữ liệu (Data service).

c) Ứng dụng nền tảng triển khai các ứng dụng nghiệp vụ

Các ứng dụng nền tảng bên dưới phục vụ triển khai dịch vụ công, ứng dụng nghiệp vụ, ứng dụng chuyên ngành bao gồm: Hệ điều hành máy chủ, Nền tảng công (Portal platform), máy chủ ứng dụng (application server), máy chủ dịch web (web server), máy chủ cơ sở dữ liệu (Database server), Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (DSMS).

Việc xác định cụ thể về thiết kế, yêu cầu các thành phần này được thực hiện ở giai đoạn lập dự án đầu tư các dự án tương ứng.

6.3.7.6. Mô hình triển khai An toàn thông tin

Mô hình triển khai An toàn thông tin Hà Nam gồm có 3 mức chính:

- Mức quản lý: Gồm các hướng dẫn và chính sách về bảo mật
- Mức kỹ thuật: Gồm bảo mật ứng dụng hệ thống, bảo mật hệ thống, bảo mật mạng, quản lý cấp phép và phân quyền người dùng, các công nghệ mã hóa.
- Mức vật lý: Kiểm soát truy cập, phòng chống thiên tai, bảo vệ cơ sở hệ thống, sao lưu và lưu trữ, biện pháp đối phó với thảm họa.

Các thành phần trong mô hình triển khai An toàn thông tin Hà Nam sẽ được áp dụng tại các cơ quan (bao gồm cả trung tâm hành chính công) và tại trung tâm dữ liệu tỉnh. Cụ thể như sau:

a) Mô hình triển khai ATTT tại các cơ quan và trung tâm hành chính công:

- Mức quản lý: Xây dựng hướng dẫn về bảo mật cho người dùng. Có thể tham khảo ISO 27001 để xây dựng chính sách này. Việc xây dựng chính sách tổng thể về ATTT đảm bảo sự chỉ đạo tập trung và sẽ là nền tảng cho việc thực hiện ATTT trong toàn cơ quan.

- Mức công nghệ: Trang bị phần mềm tường lửa và phần mềm diệt virus cho máy tính cá nhân; việc đăng ký tài khoản, cấp phép và cấp quyền cho người dùng được thực hiện tập trung tại bộ phận có thẩm quyền do tỉnh chỉ đạo;

- Mức vật lý: Đầu tư trang bị hệ thống camera giám sát, hệ thống ra vào kiểm soát bằng thẻ từ hoặc vân tay.

b) Mô hình triển khai ATTT tại trung tâm dữ liệu tỉnh:

- Mức quản lý: Xây dựng hướng dẫn về bảo mật cho người dùng. Có thể tham khảo ISO 27001 để xây dựng chính sách này. Xây dựng các hướng dẫn trong việc đối phó sự cố, thảm họa.

- Mức kỹ thuật:

+ Trang bị hệ thống tường lửa vật lý cho toàn bộ hệ thống; cho từng phân vùng hệ thống.

+ Trang bị tường lửa mềm trên các máy chủ;

+ Trang bị các hệ thống chống tấn công; trang bị các hệ thống và thiết bị định danh cho người quản trị; triển khai các hệ thống mã hóa; các hệ thống quản lý giám sát hệ thống.

Bên cạnh đó, việc bảo mật công nghệ cần đáp ứng theo Quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu, ban hành kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Mức vật lý:

+ Trang bị hệ thống camera giám sát; hệ thống cửa bảo vệ chống xâm nhập, chống cháy;

+ Hệ thống nhận dạng; hệ thống sao lưu dữ liệu ngoại tuyến; hệ thống chống sét; hệ thống cảnh báo và phát hiện cháy nổ...

+ Hệ thống lưu trữ điện năng (UPS), nguồn điện dự phòng.

6.3.8. Chỉ đạo, tổ chức, chính sách

a) Về chỉ đạo:

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo về ứng dụng CNTT Tỉnh Hà Nam, trong đó, đề xuất Chủ tịch Tỉnh làm Trưởng ban, một đồng chí Phó Chủ tịch Tỉnh làm Phó Trưởng ban Thường trực;

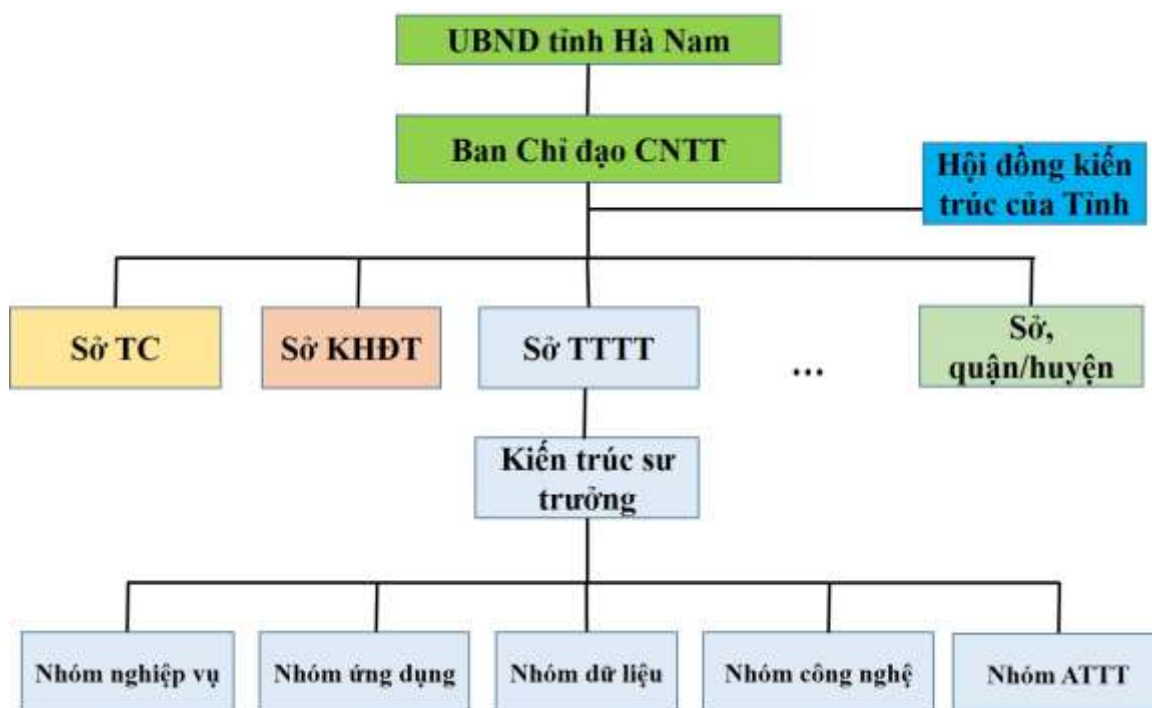
- Ban Chỉ đạo có trách nhiệm chính:

+ Quyết định các thay đổi lớn trong Kiến trúc của Tỉnh Hà Nam (phạm vi, kinh phí...) đã được phê duyệt;

+ Chỉ đạo, điều phối các vấn đề về sự phối hợp, xung đột giữa các cơ quan trong triển khai các dự án dùng chung cấp tỉnh;

b) Về Tổ chức:

Cơ cấu tổ chức chung như sau:



Hình 32: Cơ cấu tổ chức, chỉ đạo, chính sách Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam

Trong đó,

- UBND là cơ quan quyết định chủ trương, phê duyệt kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam;

- Ban Chỉ đạo CNTT Tỉnh Hà Nam có Trưởng ban là Lãnh đạo Tỉnh (Chủ tịch/Phó Chủ tịch phụ trách CNTT), Lãnh đạo một số Sở, Ban, Quận/huyện, xã/phường nhằm thực hiện công tác chỉ đạo triển khai ứng dụng CNTT trong Tỉnh Hà Nam;

- Hội đồng kiến trúc: Bao gồm Lãnh đạo các Sở, ban, quận/huyện, xã/phường có tính chất đại diện về nghiệp vụ, tài chính, đầu tư, công nghệ, kỹ thuật của Hà Nam;

- Sở Thông tin và Truyền thông: Là cơ quan chủ trì triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của Hà Nam, đồng thời là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo CNTT và cơ quan giúp việc của Hội đồng kiến trúc;

- Một đồng chí Phó Giám đốc Sở TTTT được chỉ định là kiến trúc sư trưởng, có trách nhiệm tổ chức, điều phối các nhóm chuyên trách về nghiệp vụ, ứng dụng, dữ liệu, công nghệ, an toàn thông tin bên dưới;

- Các nhóm chuyên trách về nghiệp vụ, ứng dụng, dữ liệu, công nghệ, an toàn thông tin thuộc Sở TTTT. Việc bố trí nhân sự do Sở TTTT thực hiện cho phù hợp với thực tế của mình. Các nhóm này có trách nhiệm tổ chức xây dựng, duy trì các thành phần kiến trúc tương ứng trong Kiến trúc chính quyền điện tử của mình.

Sau khi kiến trúc được phê duyệt, Sở TTTT có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền về việc kiện toàn tổ chức các đơn vị thuộc sơ đồ tổ chức bên trên.

c) Về Chính sách:

- Quyết định kiện toàn/thành lập Ban chỉ đạo CNTT, Hội đồng kiến trúc và quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Hội đồng kiến trúc;

- Các quy định, quy chế áp dụng trong thiết kế, triển khai, vận hành, khai thác, đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam (các văn bản cụ thể sẽ do Sở TTTT chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền ban hành ứng với các hệ thống, ứng dụng cụ thể phù hợp với thực tế triển khai chính quyền điện tử của Hà Nam);

- Hướng dẫn triển khai ứng dụng trên một nền tảng của Tỉnh Hà Nam.

6.4. Các yêu cầu về kỹ thuật và nghiệp vụ đối với các thành phần trong Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam

Mục đích của các yêu cầu về kỹ thuật và nghiệp vụ đối với các thành phần trong Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam là để xác định các ràng buộc về kiến trúc. Các ràng buộc này thường được mô tả bằng lời, được sử dụng làm cơ sở để tổ chức triển khai Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam. Việc đảm bảo tuân thủ các yêu cầu này sẽ đảm bảo việc triển khai các thành phần trong chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam sẽ phù hợp với Kiến trúc chính quyền điện tử được phê duyệt.

Do đó, các yêu cầu này, cùng với các nguyên tắc (các yêu cầu cơ bản được khái quát hóa) được trình bày ở Mục 6.6 sẽ được sử dụng là căn cứ mang tính chất quy định để các đơn vị liên quan thẩm định, thẩm tra, đánh giá, ra quyết định về các dự án về ứng dụng CNTT phục vụ triển khai chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2020.

6.4.1. Các yêu cầu về nghiệp vụ

Các yêu cầu nghiệp vụ là các ràng buộc về nghiệp vụ ở mức cao được xác định thông qua phương pháp tổng hợp, phân tích từ kết quả việc khảo sát, hội thảo trao đổi, phỏng vấn với các đối tượng thụ hưởng cơ bản của hệ thống chính quyền điện tử của Tỉnh Hà Nam. Các ràng buộc có tính chất nghiệp vụ này có quan hệ chặt chẽ với các ràng buộc về kỹ thuật đối với các thành phần trong Kiến trúc chính quyền điện tử của Hà Nam.

Các yêu cầu về nghiệp vụ cơ bản như sau:

Các yêu cầu nghiệp vụ chung:

a) Các hoạt động nghiệp vụ là để thực hiện các chức năng nghiệp vụ của các cơ quan, hướng đến đáp ứng mục tiêu chiến lược của các cơ quan trong Tỉnh;

b) Có giải pháp đảm bảo sự liên tục về nghiệp vụ khi tiến hành triển khai tin học hóa các nghiệp vụ, nâng cấp, chính sửa các ứng dụng đang triển khai;

c) Ứng dụng CNTT gắn kết chặt chẽ với nghiệp vụ, hỗ trợ việc triển khai nghiệp vụ, hướng đến từng bước cải tiến, tiêu chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ trong Chính quyền điện tử của Tỉnh.

Các yêu cầu cụ thể cho các phân nhóm đối tượng chính:

a) Người dân, doanh nghiệp (NSD):

- Có thể nộp hồ sơ giải quyết TTHC tại bất kỳ huyện nào trong Tỉnh mà không cần đến huyện đang đăng ký hộ khẩu thường trú;

- Chỉ cần sử dụng 01 (một) tài khoản, đăng nhập một lần thống nhất trên tất cả các kênh truy cập, để sử dụng cho tất cả các ứng dụng, dịch vụ công trực tuyến của Tỉnh;

- Khai thông tin 1 (một) lần, sử dụng lại nhiều lần;

- Được cung cấp thông tin cập nhật nhất thông qua kênh truy cập đã đăng ký về hiện trạng xử lý hồ sơ...

- Thông tin hướng dẫn sử dụng các ứng dụng, dịch vụ do Tỉnh cung cấp được cung cấp đầy đủ, thuận tiện truy cập, số click đối đa để tìm thấy mục thông tin mong muốn là không quá 3 (ba) click từ mục thông tin ngoài cùng.

- Người sử dụng và các tổ chức có thể tham gia đánh giá công khai chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của các cơ quan chính quyền các cấp.

- Người sử dụng được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về việc sử dụng các ứng dụng, dịch vụ công trực tuyến do Tỉnh cung cấp.

b) Lãnh đạo Tỉnh:

- Số liệu tổng hợp, thống kê báo cáo về tình hình phát triển kinh tế xã hội của toàn Tỉnh được tạo lập kịp thời, các chỉ tiêu tùy biến theo yêu cầu, trên cơ sở tích hợp các hệ thống thông tin của các đơn vị trong tỉnh để ra quyết định;

- Có thông tin thống kê báo cáo về hiện trạng xử lý công việc của các cơ quan trong Tỉnh kịp thời theo yêu cầu;

- Có thông tin về hiện trạng xử lý thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trong toàn tỉnh.

c) Cán bộ nghiệp vụ của các sở ban, quận/huyện, xã/phường...:

- Sử dụng 1 (một) tài khoản cho tất cả các ứng dụng được phép sử dụng trong toàn Tỉnh;

- Ứng dụng nghiệp vụ cho phép kết nối đến các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung, chia sẻ của Tỉnh để thực hiện hoạt động nghiệp vụ của mình trong xử lý thủ tục hành chính (việc thẩm tra, việc thẩm định...);

- Các biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) phục vụ ứng dụng, dịch vụ dễ dàng tùy biến bởi cán bộ nghiệp vụ theo sự thay đổi, quy định về thủ tục hành chính liên quan;

- Các ứng dụng có giao diện rõ ràng, thuận tiện truy cập, sử dụng, có hướng dẫn sử dụng đầy đủ, dễ dàng truy cập trên nhiều phương tiện.

d) Cán bộ quản trị hệ thống:

Có hệ thống quản lý hạ tầng CNTT quy mô cấp tỉnh để thuận tiện, giám sát trạng thái, xử lý kịp thời sự cố và thuận tiện trong việc lập kế hoạch quản lý, nâng cấp, thay thế các thiết bị.

6.4.2. Các yêu cầu về kỹ thuật

Căn cứ các yêu cầu nghiệp vụ, kết hợp với các kỹ thuật phân tích yêu cầu, đơn vị tư vấn đã nhận diện các yêu cầu kỹ thuật (các ràng buộc kỹ thuật ở mức cao của kiến trúc) đối với các thành phần Kiến trúc của chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam. Các yêu cầu kỹ thuật này giúp cho các đơn vị liên quan hiểu thống nhất đối với các thành phần trong kiến trúc, mà kết quả cơ bản là việc triển khai

các chương trình, đề án, dự án về ứng dụng CNTT của tỉnh Hà Nam đảm bảo phù hợp với kiến trúc.

Các yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với các thành phần trong kiến trúc bao gồm:

Bảng 33: Các yêu cầu kỹ thuật cơ bản đối với các thành phần trong kiến trúc

STT	Thành phần	Yêu cầu kỹ thuật
	Kênh truy cập	<ul style="list-style-type: none"> - Các kênh truy cập được tích hợp đảm bảo người sử dụng có thể lựa chọn kênh, đảm bảo sự thống nhất về tài khoản người sử dụng trên tất cả các kênh; - Thiết bị tương tác với chính quyền điện tử: máy tính cá nhân (PC); điện thoại thông minh (smart phone, tablet); máy tính Kiosk; - Môi trường tương tác với chính quyền điện tử: Internet; mạng WAN/LAN; mạng viễn thông, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước; - Yêu cầu khi thiết kế thành phần Kiosk phải có giao diện tương tác với công dân, doanh nghiệp phải hỗ trợ tính năng cảm ứng ngoài tính năng dùng chuột để dễ dàng khi thao tác.
	Dịch vụ cổng thông tin điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng tối thiểu Công văn số 1654/BTTTT-UDCNTT ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật cho các dự án dùng chung theo Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg, phần Cổng thông tin điện tử; - Bảo đảm tiêu chuẩn nội dung, kỹ thuật: Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; - Liên thông và tích hợp được các cổng/trang thông tin điện tử của 3 cấp Tỉnh-Huyện-Xã; - Tích hợp với LGSP của tỉnh phục vụ việc trao đổi chia sẻ dữ liệu giữa cổng thông tin điện tử.

	<p>Dịch vụ công trực tuyến</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên Dịch vụ công được đặt theo tên của nhóm thủ tục hành chính/thủ tục hành chính tương ứng lấy từ cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; - Được phân nhóm theo lĩnh vực, theo cơ quan trên mạng hành chính công của Tỉnh; - Cung cấp đầy đủ thông tin, dễ dàng tìm kiếm và truy cập trên mạng hành chính công của Tỉnh; - Có khả năng triển khai, tích hợp, bổ sung, mở rộng các dịch vụ công có sẵn hoặc xây dựng mới; - Nội dung chi tiết của các dịch vụ công sẽ được tích hợp với các phần mềm xử lý dịch vụ công và thủ tục hành chính.
	<p>Ứng dụng và CSDL</p>	<p><i>a) Ứng dụng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ web (web-based) tối đa có thể, được tích hợp toàn bộ với cổng thông tin điện tử/Cổng dịch vụ công trực tuyến/Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ của Tỉnh; - Tích hợp với hệ thống SSO dùng chung của tỉnh để người sử dụng có thể đăng nhập một lần cho tất cả các ứng dụng; - Cung cấp đầy đủ và dễ dàng truy cập hướng dẫn sử dụng; - Cung cấp đầy đủ thông tin về ứng dụng cho phép tích hợp, liên thông thông qua LGSP của Tỉnh theo yêu cầu; - Giao diện người sử dụng thân thiện, đồng nhất. Sử dụng tiếng Việt Unicode tiêu chuẩn; - Cung cấp cơ chế ghi lưu biên bản hoạt động (log file) phục vụ việc quản lý lưu vết các truy cập vào hệ thống; - Cần xem xét, đánh giá đầy đủ khả năng nâng cấp, chỉnh sửa đối với các ứng đang được sử dụng nhằm tăng cường hiệu quả đầu tư, tiết kiệm chi phí trước khi quyết định thay thế hoàn toàn; - Tuân thủ hướng dẫn kỹ thuật phát triển ứng dụng của Tỉnh; - Cần có giải pháp an toàn thông tin mức ứng dụng và CSDL nhằm đảm bảo an toàn an toàn thông tin theo quy định.

		<p>b) CSDL</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có cơ chế sao lưu dữ liệu một cách an toàn, có thể khôi phục một cách dễ dàng và hạn chế việc mất mát dữ liệu khi sự cố xảy ra; - CSDL của các ứng dụng phải được thiết kế, khai báo, triển khai, vận hành, khai thác đảm bảo sự thống nhất về cấu trúc dữ liệu, về nội dung liệu và trình diễn dữ liệu với các CSDL dùng chung của tỉnh và trong toàn bộ hệ thống chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam; - CSDL dùng chung của Tỉnh cần được thiết kế, triển khai, vận hành, khai thác đảm bảo phù hợp với quy định, hướng dẫn, định hướng triển khai, vận hành, khai thác, tiêu chuẩn, quy chuẩn của CSDL quốc gia tương ứng; - Trong một số trường hợp nhất định, CSDL cũng cho phép ứng dụng khai thác dữ liệu bằng các hình thức khác mà không thông qua Nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu; - Ứng dụng các công nghệ mới nhất trong việc làm sạch dữ liệu, thu thập và phân tích dữ liệu, lưu trữ dữ liệu.
	<p>Các dịch vụ chia sẻ, tích hợp (ngoài LGSP, có thể bảo gồm các dịch vụ khác, nếu có)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng hướng dẫn kỹ thuật chuẩn của Tỉnh để xây dựng, đăng ký với LGSP, công bố, quản lý thay đổi dịch vụ một cách dễ dàng; - Các dịch vụ đã công bố có cung cấp mô tả rõ ràng về dịch vụ để các thành phần ứng dụng thành phần trong kiến trúc CQĐT có thể khai thác, sử dụng dịch vụ. - Sử dụng công nghệ dịch vụ web (Web Service); - Sử dụng các giao thức và chuẩn mở: XML, SOAP, WSDL, UDDI... - Tích hợp công nghệ bảo mật (HTTPs, WS-Security...) - Bảo mật dịch vụ cùng các cơ chế phân quyền triển khai, công bố, khai thác, tích hợp dịch vụ mức hệ thống (WS-Authentication Describes, WS-Policy Describes hay WS-Trust Describes ...)

	<p>Hạ tầng kỹ thuật</p>	<p>Tỉnh: Quản lý tập trung CSDL và các ứng dụng dùng chung của tỉnh; Triển khai các dịch vụ tích hợp, chia sẻ, liên thông dữ liệu toàn tỉnh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm dữ liệu điện tử của Tỉnh được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT của Bộ TTTT quy định về trung tâm dữ liệu triển khai trong cơ quan nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu về vận hành, quản lý, triển khai ứng dụng tập dùng chung của tỉnh; - Cơ quan nhà nước các cấp, Trung tâm hành chính công của Tỉnh được trang bị mạng LAN, trang thiết bị CNTT, máy tính đầy đủ theo quy định phục vụ công việc; - Hạ tầng mạng WAN được xây dựng, hoàn thiện đảm bảo sự kết nối đến tất cả các cơ quan hành chính đến xã và Trung tâm dịch vụ hành chính công phục vụ việc triển khai các ứng dụng của chính quyền điện tử được thông suốt; - Mạng WAN, Trung tâm dữ liệu Tỉnh, mạng LAN được tích hợp với hệ thống quản lý CSHT để đảm bảo việc quản lý, giám sát hạ tầng CNTT trọng yếu của tỉnh được thuận tiện.
--	-------------------------	--

6.5. Các yêu cầu đối với các thành phần kiến trúc ở mức logic của kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam và đề xuất giải pháp triển khai

Căn cứ vào các yêu cầu nghiệp vụ và kỹ thuật cơ bản được xác định bên trên, đơn vị tư vấn đã thực hiện khái quát hóa thành một số yêu cầu chính ở mức logic và đề xuất các giải pháp triển khai mang tính định hướng đối với các thành phần trong kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam.

Các yêu cầu đối với các thành phần kiến trúc ở mức logic và đề xuất giải pháp triển khai cụ thể như sau:

Bảng 34: Các yêu cầu đối với các thành phần kiến trúc ở mức logic và đề xuất giải pháp triển khai

STT	Thành phần	Yêu cầu	Đề xuất giải pháp triển khai
-----	------------	---------	------------------------------

STT	Thành phần	Yêu cầu	Đề xuất giải pháp triển khai
1	Kênh truy cập	Hỗ trợ đa kênh, đa phương tiện truy cập nhưng vẫn đảm bảo thống nhất về tài khoản sử dụng trên tất cả các kênh, phương tiện truy cập	Triển khai thành quản lý kênh truy cập và tích hợp với hệ thống quản tài khoản dùng chung của Tỉnh
2	Dịch vụ công trực tuyến	Cung cấp đầy đủ thông tin về hướng dẫn sử dụng, dễ dàng tìm kiếm theo tiêu chí, truy cập sử dụng tại một địa chỉ duy nhất Tập trung tại một Cổng thông tin điện tử duy nhất	Triển khai tập trung tại một Cổng thông tin điện tử duy nhất của Tỉnh
3	Ứng dụng, CSDL	<p>a) Ứng dụng nội bộ: Được xây dựng, triển khai đảm bảo khả năng chia sẻ thông tin, dữ liệu một cách dễ dàng với các ứng dụng khác khi có yêu cầu, với tối thiểu thời gian, chi phí phải sửa đổi;</p> <p>b) Ứng dụng dùng chung cấp tỉnh: Được xây dựng, triển khai đảm bảo tính mở, mô tả được, liên kết lỏng, đóng gói, định vị dễ dàng, sử dụng lại, khả năng kết nối với LGSP của Hà Nam đảm bảo việc dùng chung trong toàn Tỉnh được hiệu quả, tiết kiệm, an toàn, thống suốt;</p> <p>c) Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ dịch vụ công trực tuyến, thủ tục hành chính liên thông:</p> <p>- Được thiết kế, xây dựng có sự kế thừa, sử dụng lại dữ liệu tác</p>	<p>- Áp dụng kiến trúc hướng dịch vụ (SOA) trong thiết kế, triển khai các ứng dụng, dịch vụ trong kiến trúc chính quyền điện tử của Hà Nam;</p> <p>- Ưu tiên triển khai xây dựng trước nền tảng LGSP, các ứng dụng, dịch vụ, CSDL, danh mục dùng chung của Tỉnh;</p> <p>- Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật phát triển ứng dụng, dịch vụ, CSDL của Tỉnh đảm bảo khả năng kết nối, sử dụng LGSP được hiệu quả, thông suốt, an toàn;</p> <p>- Các ứng dụng nội bộ được triển khai tập trung, do các đơn vị cấp Sở chủ trì, các đơn vị khác trong tỉnh không triển khai, đóng vai trò là đơn vị sử</p>

STT	Thành phần	Yêu cầu	Đề xuất giải pháp triển khai
		<p>ngành, các chức năng tương tự theo phân nhóm ngành vụ, theo cơ quan, có khả năng mở rộng dễ dàng cho các dịch vụ công trực tuyến khác trong tương lai;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được các bước nghiệp vụ trùng nhau trong tất cả các quy trình nghiệp vụ (ví dụ: Tiếp nhận, xử lý, luận chuyển, trả kết quả...) để tin học hóa thành các dịch vụ nghiệp vụ có thể sử dụng lại, không đầu tư xây dựng mới; - Có CSDL riêng phục vụ ứng dụng, cần được thiết kế, xây dựng, triển khai đảm bảo sự thống nhất với CSDL quốc gia, CSDL dùng chung của Tỉnh. <p>d) Ứng dụng cấp quốc gia: Tuân thủ áp dụng thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 quy định về việc triển khai các hệ thống thông tin có quy mô từ Trung ương đến địa phương</p> <p>đ) Ứng dụng tổng hợp báo cáo: Có cơ sở dữ liệu có kích thước lớn, được kết nối với các ứng dụng liên quan đảm bảo có dữ liệu kịp thời, đảm bảo chất lượng của dữ liệu thống kê, yêu cầu xác thực đối với các ứng</p>	<p>dụng cuối của các ứng dụng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ứng dụng cần kết nối với hệ thống CSDL dùng chung của tỉnh phục vụ công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo. Triển khai tích hợp dịch vụ ký số đối với người thực hiện tổng hợp, báo cáo để đảm bảo trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thực hiện báo cáo - Các ứng dụng nghiệp vụ phục vụ dịch vụ công trực tuyến cần kết nối với các CSDL, danh mục dùng chung của tỉnh, hệ thống thông tin quốc gia, CSDL quốc gia thông qua hệ thống NGSP và LGSP và triển khai phương án đảm bảo sự thống nhất dữ liệu trong toàn vòng đời của dữ liệu (tạo lập, xử lý, trao đổi, lưu trữ); - Phần ứng dụng nghiệp vụ tùy biến thêm cần được phân tách thành các mô đun riêng, liên kết lỏng với ứng dụng đóng gói, thương mại để nâng cao khả năng nâng cấp và chuyển sang các phiên bản mới khi cần; - Triển khai xây dựng CSDL dùng chung của tỉnh, CSDL phục vụ các ứng dụng dùng chung của tỉnh một cách tập

STT	Thành phần	Yêu cầu	Đề xuất giải pháp triển khai
		<p>dụng cung cấp dữ liệu.</p> <p>e) CSDL</p> <p>- Dữ liệu chính quyền điện tử của Hà Nam cần phải: Được chia sẻ khi có yêu cầu, thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính quyền điện tử của Hà Nam, có khả năng mở rộng theo yêu cầu thực tế, đáp ứng yêu cầu truy vấn khối lượng lớn dữ liệu, đảm bảo sao lưu, phục hồi kịp thời.</p>	<p>trung đảm bảo sự nhất quán về dữ liệu của các hệ thống trọng yếu trong toàn Tỉnh, đồng thời, đảm bảo sự hiệu quả, hiệu xuất trong quản lý quản lý, vận hành, duy trì các CSDL dùng chung;</p> <p>- Theo dõi thường xuyên theo dõi việc triển khai Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT để nắm tiến độ, định hướng, hướng dẫn triển khai. Trường hợp cần thiết phải triển khai ứng dụng cấp quốc gia tại Tỉnh để kịp thời đáp ứng yêu cầu của thực tế, cần thiết có văn bản để gửi cơ quan liên quan để được hướng dẫn.</p>
4	Hạ tầng kỹ thuật	<p>- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Tỉnh đảm bảo sự kết nối đến tất cả các cơ quan hành chính đến cấp xã và Trung tâm dịch vụ hành chính công phục vụ việc triển khai các ứng dụng của chính quyền điện tử được thông suốt, an toàn;</p> <p>- Việc xác định số lượng thiết bị, cấu hình thiết bị phải dựa trên nhu cầu sử dụng hiện tại và đáp ứng nhu cầu nâng cấp, mở rộng để nâng cao khả năng phục vụ trong tương lai, có dự phòng để đề phòng sự cố, khi</p>	<p>- Triển khai trung tâm dữ liệu tập trung của Tỉnh;</p> <p>- Ứng dụng các công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây để nâng cao khả năng sử dụng, thuận tiện trong quản lý giám sát, nâng cao tính bảo mật, tiết kiệm tài nguyên CNTT và tiết kiệm chi phí.</p>

STT	Thành phần	Yêu cầu	Đề xuất giải pháp triển khai
		nhu cầu tăng cao đột biến đòi hỏi năng lực xử lý cao hơn.	
5	Tổ chức, chỉ đạo, chính sách	<ul style="list-style-type: none"> - Về tổ chức: Tăng cường vai trò của UBND trong tổ chức triển khai chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam theo kiến trúc được duyệt; - Về chính sách: Có hành lang pháp lý đảm bảo việc tuân thủ kiến trúc trong triển khai chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam trên một nền tảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiện toàn, tăng cường vai trò của Ban Chỉ đạo CNTT, với Chủ tịch UBND là Trưởng ban Chỉ đạo; - Xây dựng văn bản, quy định về tính bắt buộc phải tuân thủ kiến trúc của tỉnh Hà Nam và các hướng dẫn triển khai ứng dụng CNTT dựa trên kiến trúc; - Giao Sở TTTT chủ trì triển khai kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.

6.6. Nguyên tắc và minh họa trong việc triển khai các ứng dụng chính quyền điện tử trên nền tảng chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.

6.6.1. Các nguyên tắc cần tuân thủ trong kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam

(1) Tuân thủ kiến trúc trong triển khai ứng dụng CNTT của Tỉnh:

Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam là cơ sở để các cơ quan trong tỉnh lập, trình thẩm định, phê duyệt, triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT, dự án ứng dụng CNTT hàng năm và theo giai đoạn. Các chương trình, đề án, dự án đầu tư các thành phần không thuộc kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam sẽ không được xem xét phê duyệt.

Trong trường hợp các chương trình, đề án, dự án đầu tư nằm ngoài kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh, cơ quan chủ đề xuất cần trình UBND tỉnh Hà Nam xem xét điều chỉnh kiến trúc và cần đạt được sự đồng ý của UBND tỉnh trước khi triển khai các dự án như quy định.

(2) Các vấn đề về an toàn thông tin cần phải được nhận diện và có giải pháp toàn diện

An toàn thông tin là thành phần kiến trúc có tính chất xuyên suốt trong tất cả các thành phần kiến trúc của chính quyền điện tử của Hà Nam. Việc đảm bảo an toàn thông tin được coi là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo sự thành công trong triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam.

Do đó, các vấn đề về An toàn thông tin cần được xác định trong tất cả các đề xuất triển khai ứng dụng CNTT trong chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam và cần có đề xuất giải pháp ở đầy đủ các mức chính sách, kỹ thuật, vật lý.

(3) Các ứng dụng, dịch vụ trong chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam cần hỗ trợ web (web-enabled), theo kiến trúc hướng dịch vụ (SOA), được tài liệu hóa đầy đủ đảm bảo tính liên thông thông qua LGSP của Tỉnh Hà Nam:

Sử dụng Kiến trúc SOA để giải quyết bài toán tích hợp các ứng dụng, dịch vụ đa nền tảng trong chính phủ điện tử nói chung là giải pháp chính hiện đang được áp dụng trong các tổ chức nói chung. Đối với các đề xuất ứng dụng, dịch vụ không tuân thủ kiến trúc SOA, không hỗ trợ web thì cần thuyết minh đầy đủ về nguyên nhân.

(4) Ưu tiên triển khai nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ, hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh Hà Nam:

Việc triển khai trước nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ, hệ thống thông tin, CSDL dùng chung là tiền đề quan trọng để triển khai kiến trúc chính quyền điện tử được thành công, đảm bảo hiệu quả, hiệu xuất. Việc triển khai cần thí điểm trên quy mô nhỏ trước khi triển khai nhân rộng để đảm bảo khả năng thành công cao, hạn chế rủi ro về lựa chọn sai giải pháp công nghệ, đối tác, lãng phí nguồn lực.

(5) Áp dụng cơ chế đăng nhập một lần cho các ứng dụng, dịch vụ trong Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam

Tích hợp tất cả các các ứng dụng, dịch vụ cấp tỉnh cung cấp cho người dân, doanh nghiệp, cán bộ công chức, viên chức... theo cơ chế đăng nhập một lần nhằm tăng cường sự thuận tiện, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ của người sử dụng.

(6) Áp dụng tiêu chuẩn mở trong trao đổi thông tin, dữ liệu

Thông tin và dữ liệu được trao đổi giữa các cơ quan của Tỉnh cần dựa trên tiêu chuẩn mở. Sử dụng các giao diện tiêu chuẩn, không độc quyền, được tài liệu

hóa một cách đầy đủ, không phụ thuộc vào công nghệ, nền tảng, ví dụ như XML, JSON;

(7) Phải tài liệu hóa cấu trúc thông điệp trao đổi:

Việc làm này sẽ tăng cường tính liên thông về thông tin/dữ liệu trong đổi giữa các hệ thống thông tin trong Tỉnh. Tài liệu về cấu trúc thông điệp dữ liệu bao gồm tối thiểu: Trường thông tin bắt buộc và tùy chọn; độ dài và kiểu của bản tin (độ dài cố định hay thay đổi, nếu thay đổi thì ký tự để phân tách các trường); mô tả dữ liệu của các trường thông tin; giải thích và có ví dụ về các trường thông tin;

(8) Nền tảng ứng dụng cần được ảo hóa khi có thể:

Việc ảo hóa nền tảng ứng dụng nhằm tối ưu hóa việc triển khai, quản lý, sử dụng tài nguyên của ứng dụng, dịch vụ trong chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam.

(9) Cần sử dụng các CSDL dùng chung của tỉnh

Các ứng dụng cần sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh Hà Nam để đảm bảo sự thống nhất, tiết kiệm, hiệu quả trong toàn Tỉnh.

(10) Cần thực hiện chuyển đổi dữ liệu trước khi triển khai các ứng dụng:

Nguyên tắc này đảm bảo sự kế thừa và liên tục về dữ liệu phục vụ các ứng dụng đang được triển khai sử dụng và vẫn thuộc Kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam giai đoạn 2016-2020.

(11) Có ứng dụng nghiệp vụ tương ứng với nhóm dịch vụ công trực tuyến/dịch vụ công trực tuyến:

Cần có các ứng dụng nghiệp vụ tương ứng phục vụ tác nghiệp trong thực hiện cung cấp nhóm dịch vụ công trực tuyến/ dịch vụ công trực tuyến. Các ứng dụng nghiệp vụ này được thiết kế, xây dựng đảm bảo việc sử dụng lại các chức năng nghiệp vụ dùng chung khi thực hiện mở rộng thêm các dịch vụ công có tính tương tự thuộc cùng phân nhóm nghiệp vụ.

(12) Các ứng dụng nghiệp vụ phục vụ dịch vụ công trực tuyến tích hợp lên cổng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ tỉnh Hà Nam:

Nguyên tắc này đảm bảo cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hà Nam là điểm truy cập tập trung, hướng đến thống nhất việc cung cấp, quản lý, duy trì các dịch vụ công trực tuyến trong toàn tỉnh Hà Nam, cũng như hướng đến hệ

phù hợp với kiến trúc.

Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ vào các yêu cầu, hướng dẫn của quốc gia và tập các nguyên tắc, yêu cầu của kiến trúc chính quyền điện tử của Hà Nam để thẩm định sự phù hợp với kiến trúc. Sau khi xem xét, Sở TTTT sẽ có văn bản báo cáo UBND về kết quả thẩm định sự phù hợp với kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh Hà Nam.

Ví dụ minh họa:

- Trong năm 2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất triển khai “CSDL đất đai” dùng chung của Tỉnh Hà Nam và 05 dịch vụ công trực tuyến “Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai”, “Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án”, “Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh”, “Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài”, “Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng (cấp tỉnh/cấp huyện)”.

- Tuy nhiên, theo nguyên tắc bên trên, sau khi kiến trúc của Hà Nam được phê duyệt, ưu tiên triển khai nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, triển khai trên quy mô nhỏ trước khi triển khai nhân rộng. Do đó, trong đề xuất triển khai 05 dịch vụ công chỉ lựa chọn 01 (một) dịch vụ công để thí điểm triển khai trước. Bốn (04) dịch vụ công còn lại sẽ được triển khai sau.

2. Lập, trình phê duyệt dự án:

Chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sở TTTT thẩm định sự phù hợp với kiến trúc và thiết kế sơ bộ trong đó cần xác định rõ các dịch vụ cần khai thác, tần suất sử dụng, tính sẵn sàng của các dịch vụ của cơ quan có thể được chia sẻ cho cơ quan khác. Sau đó, gửi tới Sở TTTT để kiểm tra rà soát năng lực hệ thống, nghiệp vụ và kỹ thuật đáp ứng yêu cầu, nếu đảm bảo sẽ tiến hành lập biên bản cam kết giữa 2 bên để kết nối sau khi dự án hoàn thành.

Các nguyên tắc, yêu cầu về kỹ thuật được áp dụng rõ nét nhất ở giai đoạn này, việc đáp ứng các nguyên tắc, yêu cầu kỹ thuật sẽ đảm bảo kiến trúc được tuân thủ trong triển khai.

Ví dụ minh họa:

- Việc triển khai CSDL đất đai cần theo các quy định, hướng dẫn liên quan của Bộ Tài nguyên và Môi trường, như Thông tư số 04/2013/TT-BTNMT ngày 24/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường Quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

- Trong báo cáo nghiên cứu khả thi cần thể hiện rõ về hiện trạng triển khai các hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương theo Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Theo thiết kế Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ dịch vụ công trực tuyến “Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai” là ứng dụng dạng desktop-based, không phải dạng web-based; không trình bày rõ phương án kết nối đến mạng liên thông văn phòng điện tử để luân chuyển hồ sơ;

- Báo cáo nghiên cứu khả thi, không xác định rõ các dịch vụ dùng chung (SSO, dịch vụ luân chuyển hồ sơ...) cần khai thác, tần suất sử dụng;

- Do đó, Sở TTTT có văn bản thẩm định về việc không đáp ứng kiến trúc chính quyền điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Bước triển khai dự án:

Trường hợp, các báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án CSDL đất đai và dịch vụ công trực tuyến “Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai” đã được hoàn chỉnh đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc và yêu cầu của kiến trúc chính quyền điện tử của Hà Nam. Dự án sẽ được phê duyệt và được tổ chức triển khai theo quy định hiện hành.

Ví dụ minh họa:

- Căn cứ trên hướng dẫn kỹ thuật về phát triển ứng dụng, các hệ thống, ứng dụng, dịch vụ được các đơn vị được lựa chọn (nhà thầu) triển khai phát triển thêm các module/dịch vụ cần để kết nối với dịch vụ SSO và dịch vụ luân chuyển văn bản đã được đăng ký trên LGSP để sử dụng chung trong toàn tỉnh Hà Nam (sử dụng SDK LGSP do Sở TTTT cung cấp).

- Ở giai đoạn này, sở TTTT tỉnh Hà Nam sẽ thực hiện vai trò hỗ trợ Sở Tài nguyên và Môi trường, đơn vị triển khai dự án CSDL đất đai và dịch vụ công trực tuyến “Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai”, kết nối được với LGSP sau khi hoàn thành.

4. Bước kết nối thử nghiệm, vận hành thử:

Các hệ thống, ứng dụng, dịch vụ được cài đặt thử nghiệm trên môi trường giả định của LGSP, tiến hành tạo lập các kịch bản và kiểm thử kịch bản trong môi trường giả định.

Ví dụ minh họa:

- Sở Tài nguyên và Môi trường và đơn vị triển khai cung cấp thông tin mô tả về hệ thống CSDL đất đai, dịch vụ công trực tuyến “Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai” và yêu cầu cần thiết về môi trường giả lập, và đề xuất kịch bản kết nối thử nghiệm để thực hiện cài đặt, kết nối thử nghiệm sau khi đã xây dựng xong;

- Sở TTTT tiến hành rà soát lại năng lực, tiến hành giả lập môi trường, hỗ trợ cài đặt, và tiến hành kết nối thử nghiệm về việc sử dụng dịch vụ SSO và dịch vụ luân chuyển hồ sơ trên LGSP;

- Sở TTTT chủ trì việc kết nối thử nghiệm, vận hành thử nghiệm một thời gian, tiến hành đánh giá kết quả trước khi Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành nghiệm thu dự án;

- Trong trường hợp hệ thống CSDL đất đai và dịch vụ công trực tuyến “Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai” chưa đáp ứng yêu cầu thì Sở Tài nguyên và Môi trường cần yêu cầu đơn vị thi công chỉnh sửa lại cho phù hợp, đảm bảo kết nối được với hệ thống LGSP được thông suốt.

5. Bước vận hành:

Các dịch vụ được cài đặt trên LGSP (nếu do các hệ thống, ứng dụng, dịch vụ cung cấp) và được đưa vào môi trường vận hành thật. Các bộ kết nối kết nối của các hệ thống, ứng dụng, dịch vụ với LGSP cũng được đưa vào môi trường vận hành thật.

Như vậy việc khai thác các dịch vụ do LGSP cung cấp sẽ được các cơ quan, đơn vị trong Tỉnh phát triển trên những thông tin, công cụ trên LGSP (Từ việc đăng ký, hạ tầng kỹ thuật, công cụ phát triển, hỗ trợ...)

Đối với các dịch vụ hoặc hệ thống đã có của các cơ quan trong tỉnh Hà Nam cần chia sẻ lên LGSP cũng được thực hiện theo cơ chế này, lúc này LGSP sẽ tạo lập các kết nối đến các HTTT hoặc CSDL của cơ quan qua các công cụ sẵn có. Ví dụ sử dụng công nghệ nền tảng dịch vụ dữ liệu kết nối tới dữ liệu cũ dưới nhiều định dạng khác nhau như Excel, File, CSDL quan hệ... để đưa ra

thành các dịch vụ dữ liệu dùng chung (dạng web service) để các hệ thống khác có thể khai thác lại được.

6.7. Các tiêu chuẩn CNTT áp dụng cho Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam

6.7.1. Tuân thủ các văn bản hướng dẫn về tiêu chuẩn, quy chuẩn

Các thành phần trong Kiến trúc CQĐT của Hà Nam tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được quy định trong các văn bản hướng dẫn, cụ thể như sau:

- Thông tư 10/2016/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc mã định danh và định dạng gói dữ liệu gói tin phục vụ kết nối các hệ thống quản lý văn bản và điều hành”;

- Thông tư 06/2015/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 23/3/2015 Quy định Danh mục tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

- Thông tư số 25/2014/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 30/12/2014. Thông tư này quy định trách nhiệm của các cơ quan trong việc ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của các hệ thống thông tin. Cũng theo Thông tư này, các Bộ chủ trì và Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm công bố danh mục các HTTT có quy mô và phạm vi từ Trung ương đến địa phương;

- Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 23/12/2013 về việc ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước;

- Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 15/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu;

- Thông tư 24/2011/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 20/9/2011 Quy định về việc tạo lập, sử dụng và lưu trữ dữ liệu đặc tả trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- Thông tư 19/2011/TT-BTTTT của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 01/7/2011 Quy định về việc áp dụng tiêu chuẩn định dạng tài liệu mở trong cơ quan nhà nước

- Công văn số 3788/BTTTT-THH của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 26/12/2014 về việc Hướng dẫn liên thông, trao đổi dữ liệu có cấu trúc bằng ngôn ngữ XML giữa các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Công văn 2803/BTTTT-THH của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 01/10/2014 về việc Hướng dẫn kỹ thuật liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong cơ quan nhà nước

- Công văn 269/BTTTT-UDCNTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 06/02/2012 về việc giải thích việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật chính sử dụng cho hệ thống cổng thông tin điện tử và hệ thống thư điện tử;

- Tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC 18384:2016 về Kiến trúc tham chiếu SOA;

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật được khuyến nghị căn cứ vào các tiêu chuẩn Quốc tế được áp dụng phổ biến đối với các hệ thống Chính phủ điện tử của nhiều quốc gia.

LGSP là thành phần trung tâm, kết nối rất nhiều các thành phần khác trong Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, do vậy, cần thiết phải quy định rõ ràng các tiêu chuẩn được áp dụng đối với LGSP. Danh sách các tiêu chuẩn khuyến nghị áp dụng cho LGSP được trình bày trong phần dưới đây.

6.7.2. Các tiêu chuẩn áp dụng trong LGSP

Các tiêu chuẩn bao gồm:

Bảng 35: Danh sách các tiêu chuẩn khuyến nghị áp dụng trong LGSP

STT	Tiêu chuẩn	Phiên bản	Mô tả	Văn bản quy định
1	SOAP	1.2 trở lên	Giao thức truy cập đối tượng đơn giản	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
2	HTTP	1.1 trở lên	Giao thức truyền siêu văn bản	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
3	WSDL	1.1 trở lên	Giao thức ngôn ngữ mô tả dịch vụ Web	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
4	SMTP/MI ME		Giao thức truyền thư đơn giản	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT

5	TCP/IP		Giao thức điều khiển truyền tin	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
6	LDAP	3.0	Giao thức truy cập dịch vụ thư mục đơn giản	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
7	FTP		Giao thức truyền tệp tin	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
8	RSS	2.0 trở lên	Định dạng tệp tin dựa trên Ngôn ngữ đánh dấu mở rộng XML để chia sẻ nội dung dựa trên web	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
9	HTML	4.01	Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
10	XHTML	1.1	Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản mở rộng	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
11	XML	1.0 trở lên	Ngôn ngữ đánh dấu mở rộng	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
12	XML schema	1.0 trở lên	Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu XML	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
13	HTTPS		Giao thức truyền siêu văn bản an toàn	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
14	SSL	3.0 trở lên	Giao thức an toàn tầng giao vận	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
15	FTPS		Giao thức truyền tệp tin an toàn	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
16	XML Encryption Syntax and Processing		Cú pháp và xử lý mã hóa XML	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
17	XML		Cú pháp và xử lý ký số XML	Thông tư số

	Signature Syntax and Processing			22/2013/TT-BTTTT
18	3DES	Giải thuật mã hóa	Thuật toán mã hóa khối 3 lần	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
19	RSA		Giải thuật mã hóa công khai	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
20	WS-Security	1.1	Tiêu chuẩn an toàn dịch vụ Web	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
21	S/MIME	3.2	Tiêu chuẩn an toàn mở rộng thư Internet đa mục đích	Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT
22	SNTP		Giao thức quản lý mạng đơn giản	Chưa được quy định áp dụng trong các văn bản hiện hành
23	X.509	3.0	Tiêu chuẩn quản lý hạ tầng khóa công khai	Chưa được quy định áp dụng trong các văn bản hiện hành
24	ASN.1		Tiêu chuẩn và ký hiệu biểu diễn, mã hóa, truyền và giải mã dữ liệu trong truyền thông và mạng máy tính	Chưa được quy định áp dụng trong các văn bản hiện hành
25	DOM		Mô hình đối tượng tài liệu là giao diện lập trình ứng dụng cho các tài liệu HTML và XML	Chưa được quy định áp dụng trong các văn bản hiện hành
26	ISO SQL	1999 trở lên	Tiêu chuẩn về ngôn ngữ truy vấn CSDL	Chưa được quy định áp dụng trong các văn bản hiện hành

27	XSLT		Ngôn ngữ dựa trên XML dùng để biến đổi các tài liệu XML	Công văn số 3788/BTTTT-THH
28	XLANG flow setting Format		Định dạng thiết lập luồng thông điệp	Chưa được quy định áp dụng trong các văn bản hiện hành
29	DSML	2.0 trở lên	Ngôn ngữ đánh dấu dịch vụ thư mục	Chưa được quy định áp dụng trong các văn bản hiện hành
30	BPEL4WS		Ngôn ngữ thực thi quy trình nghiệp vụ	Chưa được quy định áp dụng trong các văn bản hiện hành
31	Restful webservice		Dịch vụ web kiểu Restful	Chưa được quy định áp dụng trong các văn bản hiện hành

Đối với các tiêu chuẩn chưa được quy định trong bất kỳ văn bản nào, tỉnh Hà Nam có thể xác định và đề xuất áp dụng trong giai đoạn thiết kế, đồng thời đề xuất Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét để ban hành trong thời gian tới nhằm thống nhất, chuẩn hóa việc triển khai các thành phần trong Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh, tạo khả năng dễ dàng liên thông, tích hợp giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh với nhau và giữa các cơ quan/đơn vị trong tỉnh với các cơ quan/đơn vị bên ngoài.

6.8. Lộ trình triển khai kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam

6.8.1. Phân tích khoảng cách khi triển khai Kiến trúc Hà Nam so với hiện tại, đề xuất dự án

6.8.1.1. Khoảng cách so với nghiệp vụ hiện tại

- Như đã phân tích trong phần Hiện trạng, Hà Nam đang cung cấp các DVCTT mức độ 1, 2 (không có tin học hóa quy trình nghiệp vụ) và các DVCTT mức 3, 4 (là các DVCTT có tin học hóa quy trình nghiệp vụ). Theo bản Kiến trúc này, ứng dụng sẽ được triển khai theo hướng dịch vụ. Trong thời gian tới, khi triển khai kiến trúc Hà Nam, dựa trên việc kết nối đến cùng một Nền tảng chia sẻ, tích hợp để khai thác thông tin, dữ liệu cho việc thực hiện thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ của các DVCTT mức 3, 4 đang cung cấp cũng thay đổi (chi tiết xem thêm phần Mô hình liên thông nghiệp vụ, thông tin tỉnh Hà Nam và các Phụ lục kèm theo).

- Việc triển khai kiến trúc Hà Nam dựa trên việc kết nối đến cùng một Nền tảng chia sẻ, tích hợp sẽ có thể làm thay đổi quy trình tin học hóa xử lý các thủ tục hành chính hiện tại của cán bộ, công chức, viên chức tại các bộ phận xử lý thủ tục hành chính trong các cơ quan Hà Nam và tại các trung tâm hành chính công (một số bước hiện tại đang thực hiện thủ công sẽ chuyển sang thực hiện tự động trên ứng dụng, hệ thống).

- Một số ứng dụng sẽ được dần được thay thế, thay vào đó là một số ứng dụng sẽ được nâng cấp hoặc xây mới để phục vụ mục đích dùng chung của tỉnh cũng dẫn tới việc thay đổi về quy trình nghiệp vụ liên quan đến các ứng dụng này.

- Việc triển khai nâng cấp trung tâm dữ liệu tỉnh hiện đại, chuyên nghiệp cũng sẽ sinh ra rất nhiều các quy trình nghiệp vụ mới.

Từ các phân tích nêu trên, cần thực hiện việc cải tiến quy trình nghiệp vụ hiện tại để phù hợp với Kiến trúc. Trong Kiến trúc CQĐT Hà Nam này, chúng tôi đề xuất một nội dung Cải tiến quy trình nghiệp vụ khi thực hiện đầu tư Nền tảng chia sẻ tích hợp cấp tỉnh (LGSP).

Sau đó, căn cứ vào tình hình thực tế, đặc thù của quản lý nhà nước và khả năng bố trí vốn của địa phương, Hà Nam cũng có thể sẽ giao một phần hoặc toàn bộ việc thực hiện xây dựng quy trình cải tiến cho một cơ quan làm đầu mối (Sở Thông tin và Truyền thông), phối hợp với các cơ quan, đơn vị và các bên liên quan và có báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.

6.8.1.2. Khoảng cách so với ứng dụng, dữ liệu hiện tại

Như đã phân tích tại phần Ứng dụng và Cơ sở dữ liệu, khoảng cách cần đạt được giữa hiện tại và tương lai đối với ứng dụng như sau:

(1) Cần nâng cấp cổng thông tin điện tử hiện tại để cung cấp thông tin đa dạng, thuận tiện

(2) Cổng dịch vụ công trực tuyến đòi hỏi phải nâng cấp cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho phép nhập thông tin ở dạng biểu mẫu điện tử tương tác, và thiết kế lại để đáp ứng việc thiết kế ứng dụng theo kiến trúc hướng dịch vụ.

(3) Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ là điểm truy cập duy nhất dành cho cán bộ, công chức truy cập để thực hiện các công việc hàng ngày

(4) Ứng dụng quản lý nghiệp vụ sẽ cung cấp các dịch vụ, thành phần phần mềm để cung cấp toàn bộ các Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4

(5) Ứng dụng quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng sẽ được nâng cấp/xây dựng theo hướng dịch vụ, tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ và phục vụ mục đích dùng chung

(6) Ứng dụng Quản lý kế toán, tài chính và Quản lý tài sản được xây dựng lại để phục vụ mục đích dùng chung cho toàn tỉnh

(7) Ứng dụng Quản lý cán bộ, công chức sẽ được nâng cấp/xây dựng lại theo hướng dịch vụ, tích hợp vào Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ và phục vụ mục đích dùng chung

(8) Ứng dụng một cửa điện tử sẽ được tích hợp sẵn trên Hệ thống xử lý nghiệp vụ

(9) Ứng dụng nhắc việc sẽ được tích hợp sẵn trên Hệ thống xử lý nghiệp vụ

(10) Ứng dụng lưu trữ, chia sẻ file sẽ được nâng cấp để sử dụng chung một số dịch vụ như xác thực, quyền, quản lý tài khoản và để phục vụ mục đích dùng chung toàn tỉnh.

(11) Hệ thống thông tin quản lý kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam

(12) Cần xây dựng CSDL cán bộ công chức

(13) Cần xây dựng CSDL Dân cư

(14) Cần xây dựng CSDL Đất đai

- (15) Cần xây dựng CSDL về Thuế
- (16) Cần xây dựng CSDL về Hộ tịch
- (17) Cần xây dựng CSDL về Dự án

6.8.1.3. Khoảng cách công nghệ

(1) Trung tâm dữ liệu Hà Nam sẽ cần nâng cấp để đạt được các tiêu chuẩn về trung tâm dữ liệu theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, các tiêu chuẩn về an toàn bảo mật, phòng chống thiên tai và quan trọng nhất là để đáp ứng việc triển khai nền tảng chia sẻ tích hợp trong toàn tỉnh.

(2) Với mục tiêu hướng tới cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ, người dân là khách hàng, Hà Nam hiện tại chưa có các trung tâm hỗ trợ “khách hàng” để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp trong việc khai thác, sử dụng hệ thống Chính quyền điện tử, cụ thể là việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến hoặc các thủ tục hành chính tại các trung tâm hành chính và các bộ phận 1 cửa. Vì vậy, cần thiết lập một bộ phận hỗ trợ công dân và doanh nghiệp.

(3) Các cơ quan nhà nước cũng cần được trang bị thêm cơ sở vật chất để có đủ trang thiết bị nhằm cung cấp các dịch vụ của chính quyền một cách tốt nhất cho người dân, doanh nghiệp và cho cán bộ công chức.

(4) Hà Nam sẽ xây dựng một nền tảng chia sẻ và tích hợp LGSP bao gồm các thành phần và chức năng như phân tích tại mục 6.2 và 6.3.

6.8.1.4. Đề xuất danh mục công việc cần thực hiện

Từ các phân tích về khoảng cách giữa hiện tại và cần đạt tới của quy trình nghiệp vụ, ứng dụng và cơ sở dữ liệu, công nghệ, danh mục công việc cần thực hiện để triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam như sau. Các nội dung công việc này có thể coi như một dự án hoặc có thể nhóm hoặc tách ra thành các dự án phù hợp với thực tế triển khai của Tỉnh khi phê duyệt dự án đầu tư:

Bảng 36: Danh mục công việc triển khai kiến trúc

STT	Lĩnh vực	Tên công việc
1	Nghiệp vụ	Xây dựng và cải tiến quy trình tin học hóa nghiệp vụ đáp ứng Kiến trúc CQĐT Hà Nam
2	Ứng dụng và	Nâng cấp cổng thông tin điện tử hiện tại

3	CSDL	Xây dựng Cổng thông tin điện tử DVCTT, Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ và các ứng dụng quản lý nghiệp vụ	
4		Xây dựng các ứng dụng dùng chung: (1) Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng (2) Quản lý kế toán, tài chính (3) Quản lý tài sản (4) Hỗ trợ doanh nghiệp (PCI) (5) Một cửa điện tử (6) Nhắc việc (7) Lưu trữ, chia sẻ file (8) Hệ thống EAMS	
5		Nâng cấp hệ thống email Hà Nam đáp ứng kiến trúc CQĐT Hà Nam	
6		Xây dựng CSDL cán bộ, công chức	
7		Xây dựng CSDL Dân cư	
8		Xây dựng CSDL Đất đai	
9		Xây dựng CSDL về Thuế	
10		Xây dựng CSDL về Hộ tịch	
11		Xây dựng CSDL về Dự án	
12		Xây dựng kho dữ liệu	
13		Hạ tầng công nghệ	Triển khai nền tảng chia sẻ tích hợp cấp tỉnh (LGSP)
14			Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT của cơ quan nhà nước

15		Trang bị cơ sở hạ tầng cho bộ phận hỗ trợ công dân, doanh nghiệp
16		Nâng cấp hệ thống Hội nghị truyền hình
17		Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Hà Nam
18	An toàn thông tin	Xây dựng hệ thống an toàn thông tin toàn tỉnh
19	Quản trị kiến trúc	Tư vấn quản trị kiến trúc Hà Nam
20	trúc	Đào tạo cho cán bộ, CNVC

6.8.1.5. Lộ trình triển khai Kiến trúc Hà Nam

Các thành phần công việc trên nên được triển khai một cách logic, tuần tự. Vì vậy, các nội dung được đề xuất triển khai trong các giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1 (từ năm 2017-2020):

- (1) Nâng cấp công thông tin điện tử hiện tại
- (2) Xây dựng Cổng thông tin điện tử DVCTT, Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ và các ứng dụng quản lý nghiệp vụ.
- (3) Triển khai nền tảng chia sẻ tích hợp cấp tỉnh (LGSP) (bao gồm nội dung Xây dựng và cải tiến quy trình tin học hóa các nghiệp vụ)
- (4) Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Hà Nam
- (5) Xây dựng các ứng dụng dùng chung:
 - Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng
 - Quản lý kế toán - tài chính
 - Quản lý tài sản
 - Hỗ trợ doanh nghiệp (PCI)
 - Một cửa điện tử
 - Nhắc việc
 - Lưu trữ, chia sẻ file (nâng cấp)
 - EAMS

Giai đoạn 2 (từ năm 2021-2023):

- (1). Xây dựng hệ thống an toàn thông tin toàn tỉnh
- (2) Xây dựng CSDL cán bộ, công chức

- (3) Xây dựng CSDL Dân cư
- (4) Xây dựng CSDL Đất đai
- (5) Xây dựng CSDL về Thuế
- (6) Xây dựng CSDL về Hộ tịch
- (7) Xây dựng CSDL về Dự án

Giai đoạn 3 (từ năm 2024-2025):

- (1) Nâng cấp hệ thống email Hà Nam đáp ứng kiến trúc CQĐT Hà Nam
- (2) Xây dựng kho dữ liệu
- (3) Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT của cơ quan nhà nước
- (4) Trang bị cơ sở hạ tầng cho bộ phận hỗ trợ công dân, doanh nghiệp
- (5) Nâng cấp hệ thống Hội nghị truyền hình
- (6) Tư vấn quản trị kiến trúc Hà Nam
- (7) Đào tạo cho cán bộ, CNVC

6.8.1.6. Vai trò của các cơ quan tham gia triển khai Kiến trúc theo từng nội dung công việc

Vai trò của các cơ quan tham gia triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam theo từng nội dung công việc như sau:

Bảng 37: Vai trò của các cơ quan tham gia triển khai Kiến trúc

ST T	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Nâng cấp cổng thông tin điện tử hiện tại	Sở TTTT	Văn phòng UBND tỉnh
2	Xây dựng Cổng thông tin điện tử DVCTT, Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ và các ứng dụng quản lý nghiệp vụ	Sở TTTT	VP UBND tỉnh, các huyện, xã và các đơn vị có thủ tục hành chính
3	Xây dựng các ứng dụng dùng chung: - Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng	Sở Tài chính chủ trì xây dựng ứng dụng Quản lý kế	Các đơn vị có thủ tục hành chính

	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý kế toán, tài chính - Quản lý tài sản - Hỗ trợ doanh nghiệp (PCI) - Một cửa điện tử - Nhắc việc - Lưu trữ, chia sẻ file - EAMS 	toán - tài chính và Quản lý tài sản, Sở TTTT các ứng dụng còn lại	
4	Nâng cấp hệ thống email Hà Nam đáp ứng kiến trúc CQĐT Hà Nam	Sở TTTT	Các đơn vị thụ hưởng
5	Xây dựng CSDL cán bộ, công chức	Sở TTTT	Sở Nội vụ
6	Xây dựng CSDL Dân cư	Sở TTTT	
7	Xây dựng CSDL Đất đai	Sở TTTT	Sở TNMT
8	Xây dựng CSDL về Thuế	Sở TTTT	Sở TC
9	Xây dựng CSDL về Hộ tịch	Sở TTTT	Sở Tư pháp
10	Xây dựng CSDL về Dự án	Sở TTTT	Sở KHĐT
11	Xây dựng kho dữ liệu	Sở TTTT	Các đơn vị liên quan
12	Triển khai nền tảng chia sẻ tích hợp cấp tỉnh (LGSP)	Sở TTTT	Các đơn vị liên quan
13	Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT của cơ quan nhà nước	Các cơ quan được giao vốn	Sở TTTT, Sở TC
14	Trang bị cơ sở hạ tầng cho bộ phận hỗ trợ công dân, doanh nghiệp	Cơ quan được giao nhiệm vụ	Sở TTTT, Sở TC
15	Nâng cấp hệ thống Hội nghị truyền hình	Sở TTTT	Các đơn vị thụ hưởng
16	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Hà	Sở TTTT	Các đơn vị liên

	Nam		quan
17	Xây dựng hệ thống an toàn thông tin toàn tỉnh	Sở TTTT	Các đơn vị liên quan
18	Tư vấn quản trị kiến trúc Hà Nam	Sở TTTT	Các đơn vị liên quan
19	Đào tạo cho cán bộ, CNVC	Sở TTTT	Các đơn vị liên quan

6.8.2. Kinh phí triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam

Bảng 38: Kinh phí triển khai kiến trúc CQĐT Hà Nam

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung công việc	Khái toán	Ghi chú
1	Nâng cấp cổng thông tin điện tử hiện tại	1.000	
2	Xây dựng Cổng thông tin điện tử DVCTT, Hệ thống xử lý nghiệp vụ nội bộ và các ứng dụng quản lý nghiệp vụ	15.000	
3	Xây dựng các ứng dụng dùng chung: - Quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng - Quản lý kế toán, tài chính - Quản lý tài sản - Hỗ trợ doanh nghiệp (PCI) - Một cửa điện tử - Nhắc việc - Lưu trữ, chia sẻ file - EAMS	14.000	
4	Nâng cấp hệ thống email Hà Nam đáp ứng kiến trúc CQĐT Hà Nam	2.000	
5	Xây dựng CSDL cán bộ, công chức	6.000	
6	Xây dựng CSDL Dân cư	6.000	
7	Xây dựng CSDL Đất đai	6.000	
8	Xây dựng CSDL về Thuế	6.000	
9	Xây dựng CSDL về Hộ tịch	6.000	
10	Xây dựng CSDL về Dự án	6.000	
11	Xây dựng kho dữ liệu	6.000	
12	Triển khai nền tảng chia sẻ tích hợp cấp tỉnh	15.000	

	(LGSP)		
13	Nâng cấp cơ sở hạ tầng CNTT của cơ quan nhà nước	15.000	
14	Trang bị cơ sở hạ tầng cho bộ phận hỗ trợ công dân, doanh nghiệp	2.000	
15	Nâng cấp hệ thống Hội nghị truyền hình	6.000	
16	Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh Hà Nam	30.000	
17	Xây dựng hệ thống an toàn thông tin toàn tỉnh	5.000	
18	Tư vấn quản trị kiến trúc Hà Nam	1.000	
19	Đào tạo cho cán bộ, CNVC	2.000	
	Cộng	150.000	
	Kinh phí dự phòng (5%)	7.500	
	Tổng kinh phí triển khai Kiến trúc Hà Nam	157.500	

Bảng chữ: Một trăm năm mươi bảy tỉ năm trăm triệu đồng./.

6.8.3. Sơ bộ hiệu quả việc triển khai chính phủ điện tử dựa trên kiến trúc

CQĐT của Hà Nam là một hệ thống CNTT phức tạp cả về quy mô và phạm vi ứng dụng. Kinh nghiệm thế giới đã cho thấy rằng với hệ thống thông tin phức tạp như vậy thì việc xây dựng một kiến trúc tổng thể và triển khai theo kiến trúc đó sẽ đem lại hiệu quả lâu dài và bền vững.

Kiến trúc CQĐT Hà Nam đã đưa ra một cái nhìn tổng quát về xây dựng CQĐT của Hà Nam trong một giai đoạn dài, đưa ra một bức tranh tổng thể cho tương lai CQĐT và lộ trình đi đến đó. Do bám sát vào yêu cầu nghiệp vụ và phục vụ mục tiêu chiến lược của Tỉnh nên kiến trúc CQĐT là một giải pháp tổng thể đảm bảo năng lực ứng dụng CNTT đáp ứng được yêu cầu của tổ chức. Các đề xuất đều xuất phát từ phương pháp tổng thể nên mọi rào cản trước đây như phát triển manh mún, manh ai nấy làm, không chia sẻ và không thể tích hợp được sẽ được khắc phục.

Trên cơ sở kiến trúc CQĐT, Hà Nam có cơ sở khoa học để xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trên phạm vi toàn tỉnh. Cách làm kế hoạch không chỉ từ cơ sở đi lên, mà Kiến trúc là công cụ cho phép rà soát xây dựng kế hoạch đảm bảo được các vấn đề kỹ thuật như chia sẻ, liên thông, không bị trùng lặp trên phạm vi toàn tỉnh.

Kiến trúc CQĐT xác định được các thành phần dùng chung, hạ tầng dùng chung, CSDL chia sẻ, ứng dụng dùng chung v.v. điều này tiết kiệm nguồn lực đầu tư. Nhưng quan trọng hơn, thông tin được chia sẻ, không bị cát cứ thì thông tin sẽ trở thành tài sản của Tỉnh hỗ trợ cho công tác phục vụ người dân, doanh nghiệp và chỉ đạo điều hành một cách hiệu quả, và thống suốt.

Thông qua việc xây dựng kiến trúc, Lãnh đạo biết được nội dung cần đầu tư và mục tiêu đạt được được. Kiến trúc cũng chỉ rõ vai trò trách nhiệm của các đơn vị liên quan để cho việc triển khai được đồng bộ, trách nhiệm rõ ràng.

Kiến trúc tổng thể là một quá trình liên tục. Bản thiết kế kiến trúc tổng thể là một sự bắt đầu của một quy hoạch chiến lược ứng dụng CNTT trong toàn Tỉnh. Vấn đề quan trọng là sau khi được phê duyệt phải kiên trì tuân thủ kiến trúc và từng giai đoạn phải có đầu tư để đánh giá và tiếp tục hoàn thiện.

VII. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TẠI TỈNH HÀ NAM.

7.1. Danh mục các văn bản do nhà nước ban hành để triển khai kiến trúc chính quyền điện tử cấp Tỉnh.

Đơn vị tư vấn đề xuất 2 văn bản chính phục vụ việc triển khai kiến trúc CQĐT của Tỉnh đạt mục tiêu của mình:

a) Quy chế quản lý đầu tư ứng dụng CNTT dựa trên kiến trúc CQĐT của Tỉnh Hà Nam

- Hình thức văn bản: Quyết định quy phạm của UBND;
- Phạm vi: Các cơ quan, thành phần thuộc phạm vi kiến trúc;
- Nội dung chính:
 - + Thể hiện các yêu cầu, nguyên tắc áp dụng (Nội dung các Mục 6.4, 6.5, 6.6);
 - + Thể hiện vị trí, vai trò của các bên liên quan thuộc quy trình quản lý, đầu tư: Lập kế hoạch, Triển khai dự án, Kết nối thử nghiệm, vận hành thử và Vận hành

b) Quy chế quản lý, vận hành, duy trì, sử dụng, cập nhật hệ thống EAMS của Tỉnh:

- Hình thức văn bản: Quyết định quy phạm của UBND;
- Phạm vi: Các cơ quan thuộc phạm vi kiến trúc;
- Nội dung chính:
 - + Các Yêu cầu đối với các bên liên quan trong quản lý, vận hành, duy trì, sử dụng, cập nhật hệ thống EAMS của Tỉnh;

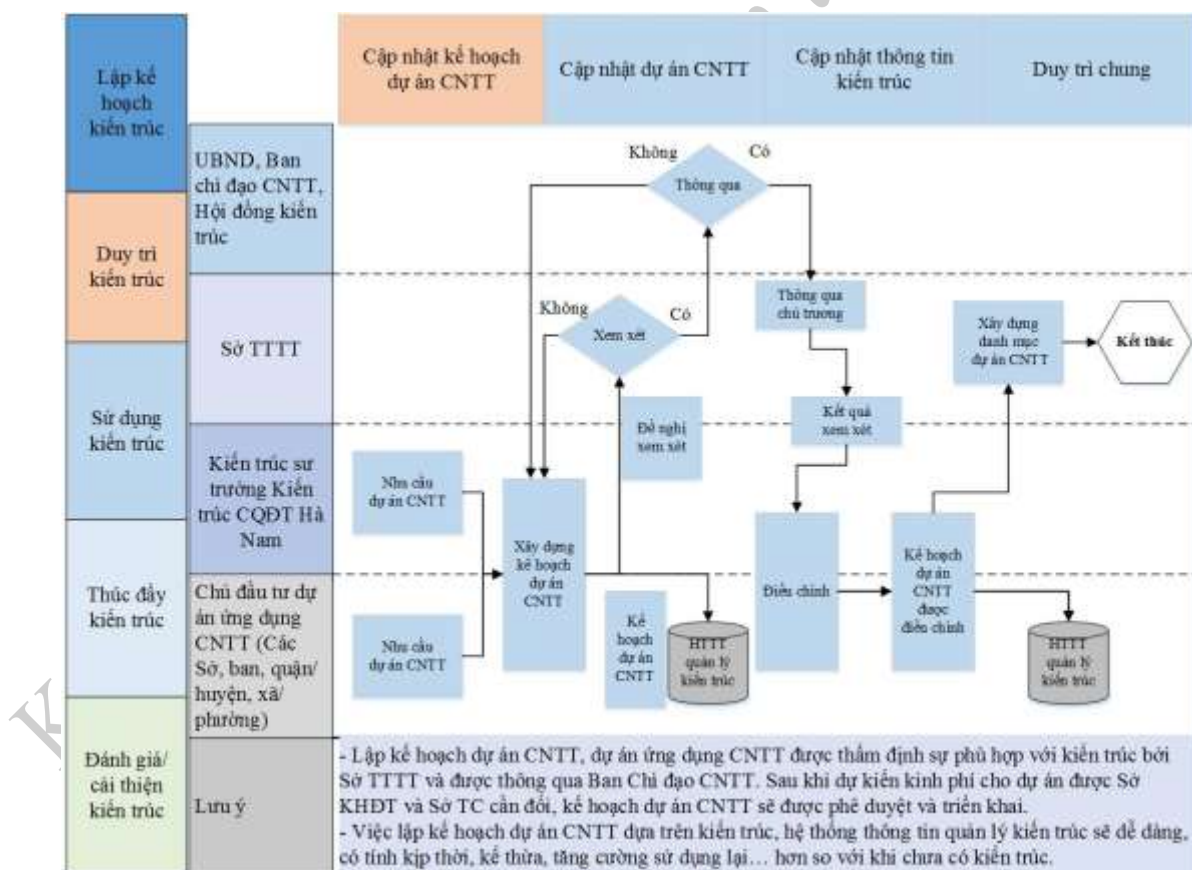
+ Thể hiện vị trí, vai trò của các bên liên quan tại các bước thuộc quy trình tổ chức quản lý, vận hành kiến trúc được trình bày tại Mục 7.2.

Ngoài ra, căn cứ vào thực tế triển khai, Tỉnh có thể sẽ có các quy định, quy chế triển khai phù hợp với yêu cầu thực tế từng giai đoạn.

7.2. Mô tả sơ bộ về tổ chức quản lý vận hành kiến trúc.

Xây dựng và duy trì kiến trúc là một quá trình liên tục. Do đó, sau khi được phê duyệt, cần phải có phương án tổ chức để duy trì và vận hành kiến trúc chính quyền điện tử của Tỉnh Hà Nam. Việc làm này đảm bảo chất lượng của kiến trúc, khi đó, kiến trúc có trở thành công cụ quản lý hiệu quả trong tổ chức triển khai chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.

Hình vẽ sau mô tả một đề xuất mô hình quản lý, điều hành phát triển chính quyền điện tử theo kiến trúc. Để triển khai mô hình bên dưới, cần thiết có sự bổ sung cụ thể chức năng nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị liên quan trong tổ chức quản lý, duy trì kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam.



Hình 34: Quy trình tổ chức quản lý, vận hành kiến trúc Chính quyền điện tử Tỉnh Hà Nam

Mô tả sơ bộ như sau:

(1) UBND Tỉnh phê duyệt kiến trúc CQĐT, có toàn quyền trong việc chỉ đạo tất cả các đơn vị của thành phố triển khai thực hiện kiến trúc chính quyền điện tử của Hà Nam;

(2) Ban chỉ đạo CNTT tỉnh Hà Nam: Thực hiện nhiệm vụ tham vấn, kiểm tra, đánh giá và kịp thời tư vấn cho UBND Tỉnh trong việc xem xét, phê duyệt triển khai các dự án ứng dụng CNTT tuân thủ theo Kiến trúc CQĐT tỉnh Hà Nam, đặc biệt là các dự án dùng chung của Tỉnh. Để hỗ trợ Ban Chỉ đạo là Hội đồng kiến trúc của Tỉnh Hà Nam, có trách nhiệm chính về tham vấn, kiểm tra, đánh giá các đề xuất về kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT phục vụ triển khai kiến trúc Chính quyền điện tử của Tỉnh;

(3) Sở TTTT: Chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức triển khai, quản lý, duy trì kiến trúc Chính quyền điện tử;

(4) Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chịu trách nhiệm cân đối ngân sách, bố trí nguồn vốn để triển khai các dự án ứng dụng CNTT phù hợp với Kiến trúc. Các dự án ứng dụng CNTT cần được Sở Tài Chính và Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn trước khi chủ đầu tư phê duyệt;

(5) Các sở/ban, các thành phố/huyện, phường/xã triển khai thực hiện dự án theo sự phân công, dưới sự giám sát của Sở TTTT để đảm bảo các dự án triển khai tuân thủ Kiến trúc CQĐT Hà Nam.

7.3. Trách nhiệm của Sở thông tin và truyền thông.

Là đơn vị đầu mối phối hợp với các đơn vị khác thuộc tỉnh Hà Nam tổ chức triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam trong việc tổ chức triển khai các hoạt động Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam.

- Chỉ định một đồng chí Lãnh đạo Sở thực hiện vị trí kiến trúc sư trưởng, và thành lập các phân nhóm kiến trúc (Nhóm nghiệp vụ, nhóm ứng dụng, nhóm dữ liệu, nhóm công nghệ, nhóm an toàn thông tin);

- Chủ trì, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết các hoạt động Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam dựa trên Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 1.0.

- Chủ trì, xây dựng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn, các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ thực hiện Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Chủ trì xây dựng nền tảng tích hợp chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam. Chủ trì việc triển khai tích hợp dịch vụ, ứng dụng đối với các hệ thống thông tin trong tỉnh Hà Nam.

- Chủ trì nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm THDL tỉnh Hà Nam. Xây dựng danh mục dùng chung và kho dữ liệu của tỉnh Hà Nam vận hành Chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam.

- Thẩm định sự phù hợp của các kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT phù hợp với kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam;

- Xây dựng hệ thống EAMS của Tỉnh và duy trì kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam, trình UBND tỉnh điều chỉnh kiến trúc nếu cần thiết;

- Đôn đốc việc triển khai các kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT phù hợp với kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Hà Nam;

- Đôn đốc các đơn vị gửi thông tin về việc triển khai kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT phù hợp với kiến trúc để cập nhật vào hệ thống EAMS, đảm bảo thông tin về kiến trúc luôn kịp thời nhất.

7.4. Trách nhiệm của các đơn vị khác trong tỉnh Hà Nam.

7.4.1. Sở Nội vụ.

Chủ trì, phối hợp với các ngành xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn cán bộ để đáp ứng khả năng quản trị, vận hành và sử dụng có hiệu của hệ thống. Đảm bảo hình thành đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở ngành, địa phương hoàn thiện bộ máy nhân sự, xây dựng các quy trình tác nghiệp có liên quan để thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp.

7.4.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Kiến trúc theo đúng tiến độ đề ra. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện các dự án thành phần theo đúng quy định hiện hành.

Đề xuất để tỉnh có cơ chế thích hợp và coi nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử là nhiệm vụ cấp bách của tỉnh và giao thẳng vốn cho Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các nhiệm vụ đã được phê duyệt trong Kiến trúc theo phương án: Quyết định phân bổ vốn trước, Sở Thông tin và Truyền thông căn cứ vào tính cấp thiết của từng nhiệm vụ sẽ đề xuất triển khai các dự án theo số kinh phí đã được phân bổ.

Là đầu mối phối hợp với các ngành và địa phương xây dựng các chính sách huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước; chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin;

Chủ trì thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các dự án thành phần.

7.4.3. Sở Tài Chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối ngân sách và lồng ghép các nguồn vốn đảm bảo đủ kinh phí thực hiện Kiến trúc theo đúng tiến độ đề ra. Hướng dẫn các đơn vị, địa phương các quy định về quản lý tài chính; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động trong thực hiện Kiến trúc.

7.4.4. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện giám sát đảm bảo các nội dung đầu tư trong Kiến trúc đồng bộ, phù hợp với các quy chuẩn công nghệ hiện đại. Đề xuất trích nguồn ngân sách khoa học công nghệ của tỉnh hàng năm để triển khai một số nhiệm vụ trong Kiến trúc.

7.4.5. Sở Xây dựng, Sở Tài Nguyên và Môi trường.

Phối hợp với Văn Phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông và các ngành có liên quan đề xuất địa điểm và phương án xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh (trung tâm mới). Chủ động triển khai các nhiệm vụ của ngành theo chỉ đạo của Trung ương trên cơ sở tích hợp với hệ thống chính quyền điện tử của tỉnh.

7.4.6. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, tỉnh đoàn và các sở, ngành có liên quan thực hiện đưa các nội dung chuyên đề, phổ cập kiến thức chính quyền điện tử vào các trường trung học phổ thông, cao đẳng, dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

7.4.7. Các sở, ban, quận/huyện, xã/phường nói chung trong Tỉnh

- Đề xuất kế hoạch, dự án ứng dụng CNTT phù hợp với kiến trúc được duyệt;
- Tổ chức triển khai dự án đã được duyệt theo quy định;
- Định kỳ báo cáo về việc triển khai dự án về Sở TTTT để cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh Hà Nam.

7.4.8. Các đơn vị khác.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp tích cực tuyên truyền, vận động, tham gia, phối hợp với các sở, ngành, địa phương trong thành phố thực hiện Kiến trúc Chính quyền điện tử./.

Kiến trúc Chính quyền điện tử Tỉnh Hà Nam